



Tưởng niệm

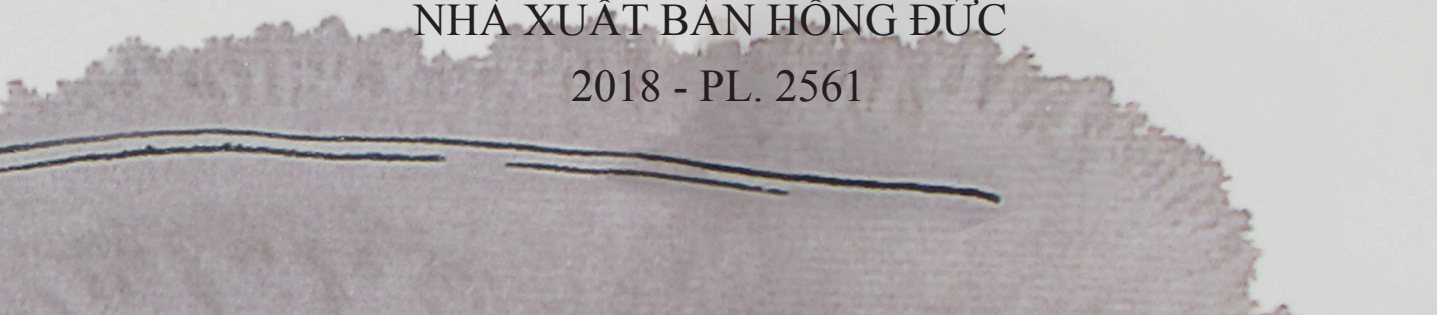
THÁNH TỔ KIỀU ĐÀM DI



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TỈNH ĐỒNG NAI

Tưởng niệm
THÁNH TỔ KIỀU ĐÀM DI

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
2018 - PL. 2561





Lời nói đầu

*L*ễ Tưởng niệm Thánh tổ Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di mỗi năm tổ chức một lần, đó là lòng cung kính chí thành đối với bậc khai sáng Giáo đoàn Ni. Trên thế giới chưa có hệ thống Ni bộ nào thực hiện, riêng Việt Nam sau thời Ni bộ Bắc tông thành lập (1964), Sư trưởng Như Thanh cùng quý Ni trưởng, Ni sư đã họp bàn nhất trí chọn một ngày trong năm có ý nghĩa để tổ chức lễ hướng về nguồn cội. Không thể tra cứu sử liệu rõ ràng về ngày nhập Niết-bàn của Ngài, chỉ biết ở tại thành Tỳ-xá-ly, nghe tin đức Thế Tôn sau ba tháng sẽ nhập Niết-bàn, Di mẫu cùng 500 vị Tỳ-kheo-ni đã chưng quả A-la-hán xin phép Phật nhập Niết-bàn trước. Thái độ tự tại khinh an của Ngài khi nhập Niết-bàn gây chấn động cho cảnh giới loài người và chư thiên. Sự vắng bóng của Ngài là niềm kính tiếc vô hạn của chư ni, không kể thời gian, không gian, hệ phái. Phải có một hành động cụ thể, dâng nén tâm hương cúng dường đức Tổ.

Ni bộ Bắc tông chọn ngày mồng 8 tháng 2, kỷ niệm Phật xuất gia, để làm lễ Tưởng niệm, nơi tổ chức là Tổ đình Từ Nghiêm, trụ sở của Ni giới. Quý Ni trưởng thời ấy phác thảo hình ảnh, tạc tượng Tổ, cung tuyên tiểu sử đức Di mẫu, khuyến tấn động viên các thế hệ ni noi gương hành đạo, tiếp tục để dòng mạch Kiều-đàm-di tuôn chảy khắp nhân gian.

Phân ban Ni giới Trung ương được thành lập năm 2009, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Những hoạt động chấn chỉnh, nối kết, phụng sự Tăng-già được đẩy mạnh. Ni giới phát triển khắp ba miền với số lượng đáng kể, hơn hẳn ngày đầu thành lập



Ni bộ. Để thích ứng với hoạt động lớn mạnh, tạo điều kiện cho chư Ni mỗi tỉnh thành phát triển khả năng, quý Ni trưởng lãnh đạo Phân ban Trung ương đề nghị mỗi năm tổ chức lễ Tưởng niệm Thánh tổ Kiều-đàm tại một tỉnh. Chư Ni khắp nơi vân tập về, cũng là dịp gặp gỡ chia sẻ, cùng hướng tâm thành kính đến Di mẫu mà nhớ bốn phận mình.

Đầu tiên năm 2014, Ni giới tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tổ chức thật là vi diệu và hoan hỷ. Năm 2015, Ni giới tỉnh Bến Tre tổ chức, được chứng kiến không khí miền Đồng Khởi rất nhiệt tình. Năm 2016, Ni giới Thừa Thiên Huế tổ chức thật trang nghiêm long trọng khó quên. Năm 2017, Ni giới tỉnh Bình Dương tổ chức hoành tráng thành tựu viên mãn, phen này không ai dám sánh bì.

Năm 2018, Ni giới Đồng Nai đăng cai tổ chức, chọn hai ngày mùng 5 và mùng 6 tháng 2 năm Mậu Tuất (21-22/03/2018). Thật là bồi hồi và lo lắng trăm phần với những lời chúc nguyện kỳ vọng của quý chư Ni thân hữu. Thiết nghĩ, lễ Tưởng niệm đức tổ Kiều-đàm-di là một cơ hội hân hữu, một nhân duyên khó được của chư Ni tỉnh nhà. Tổ chức lễ Tưởng niệm là ngưỡng vọng về nguồn mạch khai sinh, nêu công hạnh các bậc Ni trưởng tiền bối để từ đó sách tấn khích lệ tâm tư chính mình. Cũng là dịp chư ni trong cả nước gặp gỡ chia sẻ hoạt động Phật sự, nguyện ước xây dựng ngôi nhà Ni thành tựu trong hoạt động chung của Giáo hội. Chỉ cần gặp nhau, chấp tay chào tương kính, lời thân tình động viên cùng bước lên đường giải thoát. Bao nhiêu hình thức nghi lễ là tô điểm phần trang nghiêm, tâm hòa hợp là nội dung tinh thần dâng lên cúng dường.

Dưới sự chỉ đạo của Chư tôn Giáo phẩm Ban Trị sự tỉnh nhà, sự quyết tâm thực hiện của toàn thể Ni chúng Đồng Nai, Ban Tổ chức lễ Tưởng niệm xin được ra mắt tập Kỷ Yếu Đại Lễ Tưởng Niệm Thánh Tổ Đại Ái Đạo Kiều Đàm Di cùng chư Ni trưởng tiền bối Việt Nam. Trong tập này, chúng con xin phép lược bớt phần văn kiện hành chánh, tập trung vào các bài viết tham luận của chư vị thức giả gần xa. Sự đóng góp của quý vị là niềm động viên tinh thần lớn lao cho chúng con, là nguồn khích lệ quý trọng, thể hiện sự tin tưởng thông cảm vào Ban Tổ chức.

Chúng con trân trọng ghi ân.

Ban Thực hiện Kỷ Yếu

DIỄN VĂN KHAI MẠC

LỄ TUỞNG NIỆM THÁNH TỔ KIỀU ĐÀM DI

*Tổ chức từ ngày 5-6 tháng 2 năm Mậu Tuất
(nhằm ngày 21-22/03/2018)*

■ NI TRƯỞNG THÍCH NỮ HUỆ HƯƠNG ¹

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam Mô Đại Ái Đạo Kiều Đàm Di Mẫu tác đại chứng minh

Kính bạch chư Tôn đức Tăng Ni,

Kính thưa quý quan khách và quý đại biểu,

Lời đầu tiên chúng con xin thay mặt toàn thể Ni giới Đồng Nai, thành kính đón mừng chư Tôn đức Trưởng lão HĐCM, HĐTS, chư Tôn đức Thường trực BTS GHPGVN tỉnh Đồng Nai, chư tôn đức, quý Ni trưởng, quý Ni sư lãnh đạo các tỉnh thành bạn, xin kính chúc quý Ngài pháp thể khinh an, chúng sanh dị độ. Chúng tôi nhiệt liệt chào mừng quý vị quan khách lãnh đạo Ban Tôn giáo Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND, UBMTTQVN, Hội Liên hiệp Phụ nữ và toàn thể quý đại biểu lời chúc mừng tốt đẹp nhất. Chúc buổi lễ Tưởng niệm thành công tốt đẹp.

Kính bạch chư Tôn đức,

Kính thưa quý đại biểu,

Đồng Nai là một tỉnh chư Ni đông nhất nhì trong cả nước, với tinh thần đoàn kết hòa hợp, Ni giới toàn tỉnh tích cực hoạt

¹ Ủy viên HĐTS GHPGVN - Phó Thường trực Phân ban Ni giới TW GHPGVN, Chuyên trách Đối ngoại - Phó BTS, Trưởng Phân ban Ni giới GHPGVN tỉnh Đồng Nai - Trụ trì Tổ đình Bửu Phong, Biên Hòa.



động Phật sự ngày càng phát triển để kịp thời đáp ứng được nhu cầu xã hội trong thời hội nhập, tất cả luôn khắc phục mọi khó khăn hoàn thành nhiệm vụ Giáo hội giao phó.

Hòa niềm vui chung của Phật giáo đồ trên cả nước, đã và đang thi đua lập thành tích chào mừng các ngày lễ lớn, nhất là Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VIII thành công tốt đẹp, trong đó có sự đóng góp thành công của Đại hội Đại biểu Phật giáo tỉnh Đồng Nai. Sau Đại hội, Ban Trị sự Tỉnh đã thành tựu một số Phật sự quan trọng, như Ban Trị sự kết hợp tông phong Thiền phái Trúc Lâm tổ chức Đại giới đàn Pháp Loa truyền trao giới pháp cho 2.807 giới tử (giới tử Ni là 1.761, gồm giới tử Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa và Sa-di-ni), 1.743 Phật tử thọ giới Bồ tát và 250 Phật tử thọ giới Thập thiện. Đây là bước vào trang sử mới của Phật giáo tỉnh Đồng Nai, đúng chủ đề Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2017-2022 đề ra là “Trí tuệ - kỷ cương - hội nhập - phát triển”

Cùng niềm vui và sự phát triển trên, Phân ban Ni giới thuộc Ban Tăng sự GHPGVN tỉnh Đồng Nai tổ chức lễ Tưởng niệm Thánh tổ Đại Ái Đạo Kiêu-đàm-di tại vùng đất Trấn Biên - Biên Hòa - Đồng Nai, để tưởng nhớ đến chư vị Tổ sư tiền bối, trên 300 năm qua cùng với ông cha ta làm nên lịch sử hào hùng một thời mở cõi đất phương Nam.

Hôm nay, Ni giới Đồng Nai vinh hạnh được chư Tôn đức HĐCM, ngài Chủ tịch, quý ngài Phó Chủ tịch, chư Tôn đức Ban Thường trực HĐTS GHPGVN và Hòa thượng Trưởng ban Trị sự cùng chư Tôn đức Thường trực BTS Tỉnh, nhất là được Ban Tôn giáo Chính phủ, Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân, Ủy ban Mặt trận, Ban Tôn giáo Tỉnh và các ban ngành có liên quan cho phép và quan tâm tạo nhiều thuận lợi cho Ni giới tổ chức lễ Tưởng niệm Thánh tổ Kiêu-đàm-di được trang nghiêm long trọng. Đây là đánh





dấu bước ngoặt lịch sử về sự đoàn kết, ổn định Ni đoàn Phật giáo Việt Nam nói chung, tỉnh Đồng Nai nói riêng, trên bước đường hội nhập, phát triển vững mạnh.

Kính bạch chư Tôn đức,

Kính thưa quý liệt vị,

Trước bối cảnh lịch sử thời cận đại, Ni giới bắt nguồn được xuất gia từ thời Di mẫu. Đương thời bà Ma-ha Ba-xà-ba-đề (Di mẫu) là đương kim hoàng thái hậu, người mẹ nuôi chăm sóc Thái tử trước khi xuất gia. Đức Phật là một vị giáo chủ toàn năng, toàn giác, trí tuệ tuyệt vời, do vậy Ngài hiểu được tấm lòng tha thiết của Di mẫu nên chấp thuận cho xuất gia.

Từ đó đức Phật không những mở cánh cửa giải thoát cho Ni giới mà còn giải thoát cho hàng phụ nữ đang sống đời thế tục. Điển hình những vị Thánh nữ tại gia thời đức Phật, như bà Mạt-ly phu nhân, bà Viśākhā (Tỳ-xá-khư)... là những nữ đại thí chủ ủng hộ đắc lực cho Tăng đoàn, bằng sự cúng dường với lòng tôn kính của họ... Từ đó, nữ giới khơi dậy mạch sống về tâm linh, tìm lại sự an tĩnh tại tâm, sự tự chủ, vượt tất cả những trở ngại, tìm đến con đường giải thoát, nhiều vị xuất thân từ hoàng tộc, có những vị tu hành đã chứng đắc thánh quả. Di mẫu là tấm gương sáng cho Ni đoàn, đồng thời đức Phật thành lập một Giáo hội cho chư ni đầy đủ giới pháp, người lãnh đạo Ni đoàn chính là Di mẫu Gautamī.

Thật hạnh phúc thay, Ni giới được xuất gia, học đạo, hành đạo như ngày hôm nay, là nương nhờ ân đức rất lớn của đức Phật. Ngài thị hiện trên cõi đời này, đã san bằng mọi bất công của xã hội, đức Phật đã thiết lập một xã hội đầy tính nhân văn, không có sự phân chia giai cấp trong một con người, khi nước mắt cùng mặn máu cùng đỏ. Chỉ vì hạnh nguyện độ sinh của mỗi người, nên thị hiện trên cõi đời này, vị trí và vai trò khác nhau trong hàng đệ tử Phật. Chính vì vậy, trên tinh thần giới luật có phân biệt



Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di, nhưng theo tinh thần giải thoát giác ngộ thì không khác nhau. Điều này đã được chứng minh trong kinh Pháp Hoa, phẩm 13, đức Phật thọ ký cho Di mẫu tương lai sẽ thành Phật hiệu Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Như Lai... Lúc bấy giờ, Ni giới được nâng lên tầm vóc quan trọng, với lòng từ bi của đức Phật như vàng thái dương tỏa sáng cho nhân loại khắp năm châu.

Kính bạch quý Ngài,

Kính thưa quý đại biểu,

Trong lịch sử không sao phai mờ được tấm gương hạnh cao quý của Di mẫu, người phụ nữ xuất thân từ hoàng tộc, dưới quyền một người, nhưng uy quyền trên vạn người. Sống trong cung vàng điện ngọc, nhưng lựa vàng son, nhưng Di mẫu đã cõi bỏ vương vị chỉ với mục đích xuất gia, tu hành tầm đạo giải thoát.

Tuy nhiên, trong quá trình cần cầu xuất gia, Di mẫu cũng đã trải qua vô vàn khó khăn và thử thách, nhưng với sự quyết tâm của Người cùng 500 mệnh phụ phu nhân nên đã được đức Thế Tôn chấp nhận vào Tăng đoàn của Giáo hội.

Sau khi được xuất gia, Di mẫu nghe đức Phật thuyết pháp, luôn chuyên cần tu tập chứng đắc quả vị A-la-hán với trí huệ trực giác và phân tích. Năm trăm Tỳ-kheo-ni nghe Tôn giả A-nan giáo giới đều chứng đắc sáu thắng trí, hoàn toàn tự tại giải thoát. Nhờ tài năng trí tuệ của Di mẫu và sự huấn luyện khéo léo của Người, Ni đoàn phát triển nhanh chóng và thực sự lớn mạnh. Nhiều Tỳ-kheo-ni chứng đắc quả vị A-la-hán, có uy tín trong quần chúng, từ vua quan đến thứ dân đều ca ngợi, ngưỡng mộ. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn xác định Kiều-đàm-di là nữ tôn giả kinh nghiệm đệ nhất, được các vị vua quan khen ngợi và sống thọ hưởng hạnh phúc giải thoát, Niết-bàn.





Noi theo gương hạnh của Di mẫu, Phật giáo Việt Nam có những vị Ni xuất sắc, như đầu thế kỷ thứ I, thời Hai Bà Trưng (năm 43) như: công chúa Phương Dung, Bát Nàn, bà Vĩnh Huy, bà Thiều Hoa... Tiếp nối truyền thống tốt đẹp này, đến thế kỷ XI có Ni sư Diệu Nhân và nữ cư sĩ Nguyên phi Ý Lan...

Với truyền thống tốt đẹp của Ni lưu, vào thế kỷ XIX, XX từ Bắc - Trung - Nam, đã có nhiều Ni trưởng, Ni sư tích cực đóng góp công sức của mình cho đạo pháp - dân tộc. Trong việc chấn chỉnh Ni lưu, có Sư bà Đàm Thu, Sư bà Đàm Soạn, Sư bà Đàm Tín, Sư bà Đàm Hảo, Sư bà Diệu Kim, Sư bà Diệu Tấn, Sư bà Diệu Tịnh, Sư bà Diệu Không, Sư bà Như Thanh, Sư bà Diệu Nga, Sư bà Giác Nhẫn, Sư bà Huyền Học, Sư bà Huyền Huệ, Ni trưởng Huỳnh Liên... Đây là dấu ấn mà Ni giới luôn tôn kính và học tập.

Kính bạch chư Tôn đức,

Được sự cho phép của HĐTS và BTS, vào ngày 01 đến 05 tháng 07 năm 2008, chúng con tham dự hội nghị Sakyadhita lần thứ X, tại Ulaanbaatar - Mông Cổ và nhận cờ đăng cai Hội nghị Phụ nữ Phật giáo Thế giới Sakyadhita lần thứ XI tại Việt Nam. Nhân dịp này, chư tôn đức trưởng lão HĐCM, HĐTS cho phép Ni giới tái thành lập Ni giới Việt Nam vào ngày 01/01/2009. Từ đó đến nay Ni giới Nam - Trung - Bắc đoàn kết một lòng cùng nhau phát huy đạo pháp - dân tộc dần dần phát triển nhiều mặt. Đặc biệt nhận thức được trách nhiệm của mình nhiều hơn, tất cả đều tích cực góp phần nhỏ trong việc xiển dương chánh pháp, thực hiện theo phương châm Giáo hội “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội.”

Y cứ lời dạy đức Phật, với tinh thần cứu khổ ban vui, Ni giới và nữ Phật tử Đồng Nai đã tiết kiệm phần chi phí của mình, phấn đấu tham gia công tác từ thiện xã hội, như tặng nhà tình nghĩa,



nhà tình thương, tặng xe đạp cho học sinh nghèo, xe lăn cho người khuyết tật, bốc thuốc nam cho những bệnh nhân nghèo khó, cứu trợ đồng bào bị thiên tai bão lụt, ốm mắt, ốm tim... trong năm năm qua, tổng số tiền trên năm mươi tỷ đồng Việt Nam. Đây là món quà Ni giới chúng con dâng lên cúng dường Thánh tổ Kiều-đàm-di và chào mừng các ngày lễ lớn trong cả nước, nhất là Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2017 - 2022 thành công tốt đẹp.

Kính bạch chư Tôn đức,

Kính thưa quý liệt vị,

Một trong những niềm tri ân lớn lao của Ni giới chúng con là được chư tôn đức HĐCM, HĐTS GHPGVN, đặc biệt là sự quan tâm của chư Tôn đức Thường trực BTS GHPGVN tỉnh Đồng Nai và quý ban ngành có liên quan đã tạo điều kiện giúp đỡ cho Phân ban Ni giới tỉnh Đồng Nai được tổ chức lễ tưởng niệm Thánh tổ Kiều-đàm-di được trang nghiêm long trọng như hôm nay.

Xin thay mặt Ban tổ chức và Phân ban Ni giới tỉnh Đồng Nai, chúng con thành kính tri ân. Kính chúc quý Ngài đạo thọ miên trường, thiền môn thanh đạt. Kính chúc quý vị khách quý, quý đại biểu được nhiều sức khỏe. Chúc buổi lễ Tưởng niệm thành công tốt đẹp.

Thay mặt Ban Tổ chức và Phân ban Ni giới tỉnh Đồng Nai, xin LONG TRỌNG TUYÊN BỐ KHAI MẠC LỄ TUỞNG NIỆM THÁNH TỔ KIỀU ĐÀM DI NĂM 2018.

Trân trọng tri ân chư Tôn đức và toàn thể quý đại biểu, lời chúc tốt đẹp nhất.

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát.





PHẦN I

Thánh tổ Kiều-đàm



Lược sử ĐỨC TỔ ĐẠI ÁI ĐẠO KIỀU ĐÀM DI



Nam-mô Bổn-sư Thích-ca Mâu-ni Phật

Kính bạch Chư tôn Giáo phẩm, Chư tôn đức Tăng,

Kính bạch quý Ni trưởng, Ni sư, Chư tôn đức Ni,

Kính thưa quý vị khách quý,

Hôm nay, trong niềm hoan hỷ kính lễ tưởng niệm đức Thánh tổ Ni cùng chư vị Ni trưởng tiền bối, chúng con xin phép đại diện quý Ni trưởng Phân ban Ni giới tỉnh Đồng Nai, cung tuyên đôi nét lược sử Đức tổ Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di.

LƯỢC SỬ ĐỨC TỔ ĐẠI ÁI ĐẠO KIỀU ĐÀM DI

Đức tổ Kiều-đàm-di, người khai sanh Ni giới, hướng dẫn và thành tựu Ni đoàn song hành cùng chư vị Tỳ-kheo trên đạo lộ giải thoát. Tên đầy đủ của Ngài là Mahāprajāpatī Gotamī. Ý nghĩa tên Prajāpatī là nữ mô phạm, bậc đạo đức. Vì thế tên Ngài được dịch âm là Ma-ha Ba-xà-ba-đề Gô-ta-mi, dịch nghĩa là Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di. Đức Phật của chúng ta được gọi tên là Sĩ-đạt-ta Cồ-đàm (Siddhārtha Gautama), mang danh hiệu của họ mẹ, vì thuở ấy ảnh hưởng mẫu hệ rất lớn.



Ngài là công chúa út của hoàng tộc Koliya, một hoàng tộc vừa là đồng minh vừa là đối thủ của vương triều Śākya. Cả hai vương triều Koliya và Śākya cùng sử dụng chung nguồn nước sông Rohini, nhiều lần tranh chấp. Đức Phật từng đích thân đến giảng hòa, chuyện còn ghi trong kinh sử.

Vua Tịnh Phạn kết hôn với cả hai vị công chúa dòng Koliya. Người chị là hoàng hậu Maya, em là thứ hậu Prajāpatī. Hoàng hậu Maya đản sanh thái tử Siddhārtha, bảy ngày sau liền mất. Ngài Prajāpatī là người mẹ thứ hai chăm sóc nuôi dưỡng. Một đoạn kệ được truyền tụng, đại ý nói rằng, làm một vị hoàng hậu hay vương phi không có gì đặc biệt, nhưng làm mẹ một vị Phật là điều rất quý hiếm. Một bậc Di mẫu đức hạnh như ngài Prajāpatī là kết tụ của vô lượng nhân duyên lành qua nhiều ngàn đại kiếp.

Khi đức Phật thành đạo về thăm quê hương lần đầu tiên, Di mẫu chứng đắc Sơ quả sau khi nghe bài kinh Mahādharmapāla (Người Đại Hộ Pháp). Mùa An cư thứ năm sau ngày thành đạo, đức Phật về thăm phụ vương, thuyết giảng lời vi diệu. Vua Tịnh Phạn chứng quả A-la-hán, an trú tịnh lạc và mệnh chung. Đức Phật cùng tăng đoàn còn ở lại Vương thành, nhân dịp này, Di mẫu xin đức Phật cho người nữ xuất gia. Chọn con đường thoát ly thế tục, sống đời khát sĩ, tu tập chính thức như vị Tỳ-kheo, đó là hành động rất mới, chưa từng thấy trong xã hội thời bấy giờ. Nhưng trên bình diện giải thoát, đức Phật xác nhận người nữ cũng có khả năng chứng thánh quả.

*Dẫu là người nữ
Dẫu là người nam
Cỗ xe cũng vẫn chờ đợi
Cùng một chiếc xe ấy
Sẽ đưa vào tận Niết-bàn.*

Sự kiện Di mẫu cùng 500 người nữ dòng họ Thích xuất gia ắt hẳn gây cho đức Phật nhiều suy nghĩ trong việc sắp xếp sinh hoạt



chung của hai giới. Bát Kính Pháp là khuôn mẫu pháp tắc mà chư Ni phải thực hành. Di mẫu về sau trở thành bậc Đại Tỳ-kheo-ni thượng túc, cùng với các Trưởng lão Ni danh tiếng trong hàng vương gia, đã có lần bạch với ngài A-nan xin đức Phật cho các tỳ kheo nhỏ tuổi mới học đạo nên chấp tay chào hỏi các Tỳ-kheo-ni già cả thượng túc. Phật một bề từ chối, bảo rằng không nên nói việc như thế. Kinh ghi lại việc này nhưng luật thì không gia giảm, cho thấy có nhiều vấn đề tế nhị xảy ra, không phải Di mẫu không biết.

Trong hàng đệ tử Thanh văn của đức Phật, Di mẫu được ấn chứng là vị có kinh nghiệm đệ nhất, trí tuệ hiểu biết rộng rãi. Trước mặt đại chúng ở Kỳ Viên tịnh xá, đức Phật xác nhận Di mẫu là Thánh ni hàng đầu, có giới hạnh và tinh thần vững chắc. Từ ngữ Pāli gọi là Rattannunam, tạm dịch là “pháp hành thâm đạt”. Giữa hội chúng khi ấy, Phật bảo Di mẫu thực hiện một vài thần thông để đánh tan thành kiến khinh thường sức mạnh của bậc thánh ni A-la-hán. Di mẫu vâng lời, biểu lộ vài huyền lực phi thường, bay lên hư không ba lần chấp tay hầu Phật một lúc, rồi hạ xuống mặt đất đánh lễ Thế Tôn. Lần thứ tư, ngài bỗng nhiên biến mất, lại hiện ra giữa hư không ngồi kiết già...

Năm 120 tuổi, trước khi đức Thế Tôn nhập Niết-bàn ba tháng, Di mẫu cùng 500 Thánh ni A-la-hán xin phép nhập Niết-bàn. Các ngài về giảng đường tịnh xá tại Tỳ-xá-ly, nhập định và Niết-bàn trong tư thế vô cùng uy dũng. Trời người rung động, đức Thế Tôn đích thân dự lễ trà tỳ. Các thiên vương lấy củi chiên đàn mang đến chỗ đồng trống, Thế Tôn lấy gỗ chiên đàn chất lên di thể Đại Ái Đạo, rồi nói kệ:

*Hết thầy hành vô thường
Có sanh thì có diệt
Không sanh thì không chết
Diệt ấy là tối lạc.*





Sau khi hỏa thiêu, Phật dạy thâu lấy xá-lợi dựng tháp cúng dường sẽ được phước vô lượng (Tập A Hàm, phẩm Đại Ái Đạo, Bát Niết Bàn).

Một cuộc đời siêu việt của Di mẫu là kết quả công hạnh thành tựu đại nguyện của vô số kiếp. Hiện thân làm người nữ trong cõi Ta-bà với rất nhiều bốn phận. Đặc biệt là người dẫn đầu Ni giới sống đời phạm hạnh, mở ra chân trời rộng lớn thoát khỏi khung cửa nhi nữ thường tình. Ân đức ấy, gương cao cả ấy, hôm nay chúng con kính ngưỡng về cuộc đời Ngài, nguyện noi gương xưa tiếp bước truyền thừa, cùng thành tựu sứ mệnh là con gái dòng họ Thích.

Nam Mô Đại Ái Đạo Kiều Đàm Di Tôn Giả chứng minh. □



Ngát Mãi Hương Đằm



Chuân Trú

Long thành kính ngưỡng vọng về Di Cửu
Jin đức Người quả cao vời thăm sâu
Ngôn từ sương dầu thề diễn thành lời
Cán thán được những gì con muốn nói.

Chât hy hữu, bậc Cửu nghi thiên hạ!
Đỏ lâu son, châu báu với lụa là
Chí xuất trần tâm chẳng nề gian nguy
Người quyết chọn đời xuất gia cao cả.

Giữa nắng cháy dầu trần, không màng dấn
Dưới mưa dầm lặn lội, vẫn liền lên
Vượt qua bao thành cấp, núi, sông, ghềnh
Long dũng mãnh kiên trì xô bỏ bìn.



Rồi một sớm, đần nữ lưu sang cả
Năm trăm người thuộc đông họ Thích Ca
Lâm bụi đường, tiêu tụy đáng ngà
Thân rướm máu dùng nãi thành Tỳ xá.

Trang sử mới, bắt đầu cho Phật giáo
Tiếp theo bao thế hệ khắp muôn nơi
Từng niềm tin nãi bước đức Kiều Đàm
Cầm về chốn quê xưa hằng mong đợi.

Nếu không có Người hy sinh mở lối
Kiếp phũ sinh con mãi chịu luân hồi
Biết bao giờ mới rời khỏi bốn bề
Sống tỉnh giác để trở về nguồn cội.

Dại gì Đạo Kiều Đàm Di Phật Thánh!
Kỷ hai trăm thế kỷ chuyển qua nhanh
Chữ Đức Phật đã nổi tiếng truyền đăng
Khéo hướng dân Phật đạo thêm vững mạnh.

Con chỉ biết gắng giữ gìn giới hạnh
Luôn tôn Sư Bông Đạo đà chỉ thành
Quyên gắng tu cho được vẹn công phu
Hầu báo đáp bốn ân sâu khó sánh.



Tượng niệm Thánh tổ Ni Kiều Đàm Di Mẫu

■ TKN. HUỆ TÂM

T hắp nén tâm hương lòng những bàng hoàng, đây có phải núi Linh Thứu đầu mà ngài Ca-diếp niêm hoa vi tiểu, thọ nhận tôn ý của đức Phật.

Dẫu cách xa Di mẫu mấy ngàn năm, chúng con mừng tượng hình ảnh Di mẫu đang thuyết pháp giảng kinh. Thánh ni phủ phục lắng nghe, chùng như lời dạy Di mẫu còn vang vọng đầu đây.

Thuở nào xin Phật xuất gia, chân trần Di mẫu rướm máu.

Di mẫu khai mở con đường dù nghịch cảnh thế nào chúng con phải tiếp tục bước đi. Chúng con hờ thẹn có những lúc không tinh chuyên tu tập, nhất là chư ni trẻ chúng con có khi gió bát phong tiền tài danh vọng, học vị lời cuốn, chao đảo tự mãn với chính mình, vô tình làm phiền lòng chư Tôn túc. Đê đầu chúng con thành tâm sám hối, có thể có những trái non rơi rụng bên đường, có thể có cành hoa nở muộn, vườn hoa Ni giới vẫn đậm chồi nảy lộc.

Từ trong sâu thẳm vô minh, âm u của tâm thức, đông mảnh khai mở rừng trí tuệ, đoạn diệt luyện ái thường tình, vươn mình đến bến bờ cao rộng.

Thật cảm khái biết dường nào tuyệt đỉnh cao sang khi sống đời tu sĩ, Ngài trải lòng thương vạn loại. Đức Từ phụ Bồ-sư Thích-ca lãnh đạo Tăng đoàn, giao Di mẫu nhiếp phục Ni đoàn rất nghiêm minh. Ngài hóa độ biết bao nữ nhân, từ hàng bình dân đến bậc quyền quý. Trải bao xuân thu một niềm tinh tấn không ngừng, đến 120 tuổi chuẩn bị Niết-bàn tịch diệt.





Bàng bạc trong hư không một sự giao động đất trời, đức Phật triệu tập chư Đại trưởng lão cùng chư Tăng trên một ngàn vị khởi hành về trú tại Đại Lâm ngoại thành Tỳ-xá-ly tiễn biệt Di mẫu sắp nhập Niết-bàn. Cây đại thọ không còn che bóng mát, không còn dung quang Đại trưởng lão Ni, bao trùm vạn loại. Mấy trăm vị Thánh ni đều muốn đi theo Di mẫu an nghỉ Vô dư Niết-bàn.

Một vầng hào quang sáu màu tỏa sáng, đức Phật từ ái nhìn Di mẫu: Này người mẹ thế gian, này vị Đại Ni trưởng đức hạnh như tấm gương trong. Di mẫu đã lê bước bằng bàn chân trần rướm máu từ cõi hữu hạn sinh diệt, để đi đến cõi vô cùng vô sinh bất tử.

Ví như vầng trăng ra đi lúc rạng đông, Di mẫu và ni chúng hãy ra đi như vậy. Hãy an nhiên tự tại như vậy mà đi vào vắng lặng toàn diện cõi Vô dư Niết Bàn.

Khi ấy trái đất chuyển động, tiếng trống trời vang lên, hoa trời rơi xuống, trời người xao xuyến tiễn đưa.

Đức Phật nói với Ānanda và Nanda, hãy thông báo rộng rãi đến hai hội chúng Tăng Ni trong kinh thành Vaisali và vùng phụ cận về sự Niết-bàn của Mẹ và các công nương Thánh ni.

Thế rồi lễ hỏa táng thi hài Di mẫu Gotamī và hội chúng Ni diễn ra huy hoàng và trân trọng. Những viên xá-lợi đã được thu nhặt và những bảo tháp thờ cúng được dựng lên để ngàn sau chư Thiên và nhân loại chiêm bái, cung kính cúng dường.

Thuở nào giữa chốn hoàng cung ngài là một bậc mẫu nghi thiên hạ, nơi ngưỡng cửa thiên gia là một bậc trưởng thượng Ni mẫu mực.

Rằm tháng hai trăng tròn, đức Từ phụ Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật Buddha Śākya Gotama nhập Niết-bàn. Cũng vào độ tháng hai, đề đầu chúng con làm lễ Tưởng niệm Thánh tổ Ni Kiêu-đàm-di mẫu. Tết đã qua trời vẫn còn ngan ngát hương xuân, hoa thơm phảng phất đâu đây, như hương giới đức của Kiêu-đàm-di mẫu bát ngát.



Thuở xưa 120 năm đi vào cuộc đời, giây phút từ già cõi đời đức Phật và chư đại Trưởng lão và hàng nghìn chư Tăng tiến đức Di mẫu thể nhập Niết-bàn. Giây phút này nghìn nghìn đồ chúng đê đầu thành kính trước tôn dung Di mẫu, vị Thánh ni từng được đức Phật thọ ký thành Phật hiệu Nhưt Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Như Lai.

Người ra đi vào cõi vĩnh hằng. trắng vàng lung linh đầy nước, bâng bạc mây trời Di mẫu hiện thân. Đê đầu chúng con tưởng niệm Di mẫu không phải chỉ thấp nén tâm hương trong ngày đại lễ. Suốt quãng đời còn lại, chư Ni chúng con thệ nguyện đồng mãnh trên đường tu học, chánh niệm tỉnh giác, nghiêm trì giới luật. Vì giới luật chính là chuỗi anh lạc bảo châu tô điểm cho giới thân huệ mạng. Giới luật là thành quách bảo hộ, là thêm thang đưa chúng con đến bến bờ giác ngộ. Dầu bối cảnh nào cũng tạo cho mình hòn đảo vững chắc, hiện tiền an vui tu tập, mai sau lâm mạng chung thời tìm về cảnh giới Niết-bàn như thuở nào Di mẫu sanh thân.

Không gian tĩnh lặng, nhịp sống giao thoa cùng sông núi, sông Đồng Nai gợn gợn sóng đón mừng chư Tôn đức Tăng Ni và khách quý về đây dự lễ.

Gương sáng Di mẫu còn đó, nghìn năm trước hiện tiền, nghìn năm sau vết son còn lưu dấu. Trăng Lãng-già lồng bóng nguyệt, gió thanh lương bát ngát đưa hương. Ni chúng chúng con đê đầu tưởng niệm “người mẹ của thế gian” Kiều-đàm-di mẫu nhân từ, Đại Ai Đạo Tỳ-kheo-ni!

Đạo lộ giải thoát thênh thang rộng mở, suối nguồn Di mẫu tuôn chảy trong mạch sống tâm linh, xin dãi bước đường người đi cho đất trời nở hương thanh giác ngộ, cho vườn đời bát ngát hương hoa.

Ni chúng thành kính đê đầu tưởng niệm





Nhớ Thánh Tổ Kiều Đàm

■ TKN. HẠNH NGUYỄN

Gần đến ngày kỷ niệm Thánh tổ Kiều-đàm-di, trong lòng chư ni hậu học chúng con càng dâng lên niềm cảm phục vô hạn. Kiều-đàm-di của một vương triều, mà nơi ấy, biết bao hoàng tử, công tử đã xuất gia tu hành chứng đắc Thánh quả, cao tột nhất là thái tử Tất-đạt-đa.

Ngày thái tử ngồi dưới cội bồ-đề trải nghiệm về quả chứng của mình, ắt hẳn chư thiên cũng phải nghiêng mình kính lễ Di mẫu Kiều-đàm. Vì bà đã thay hoàng hậu Ma-da chăm sóc, dưỡng nuôi thái tử, từ lúc mới sinh bảy ngày cho đến trưởng thành, đi tu và thành Phật. Chỉ bấy nhiêu đó thôi, đã đáng cho hàng tăng ni họ Thích cung kính đánh lễ thâm ân. Huống là, bà còn theo chân đức Phật, từ bỏ hoàng cung, chân đất đầu trần vượt muôn trùng nắng gió, chỉ vì muốn được xuất gia tu đạo. Quyết tâm ấy, sự từ bỏ dục lạc ấy, bản lĩnh phi thường ấy, mấy ai làm được!

Nhìn Di mẫu chân trần bết máu, phờ phạc bụi đường, đức Phật kính thương Di mẫu vô hạn. Trân trọng sự quyết tâm tìm cầu giải thoát, cùng cảm bội thâm ân của Di mẫu, Phật đã cho phép Di mẫu và nữ giới xuất gia, với tám điều kiện được gọi là Bát kinh pháp. Di mẫu hiểu từ cái cười cái khóc của thái tử Tất-đạt-đa hồi nhỏ, thì bây giờ, ngay giây phút đức Phật ban ra tám điều cần phải vâng giữ, bà càng thấu hiểu hơn. Nơi đức Phật là cả một quyết định, mà trong đó chứa đầy thâm ân và lòng kính thương vô hạn. Không những dám từ bỏ, Di mẫu còn dám chấp nhận. Cung kính cúi đầu lãnh thọ, bà xem pháp Bát kinh là tràng hoa, mà đức Phật



vì lòng bi mẫn đã trao tặng cho ni giới. Không còn thái độ của một Di mẫu trong hoàng cung, bà đón nhận Bát kinh pháp bằng cả tâm thành của một người đệ tử Phật.

Tỳ-kheo-ni Kiều-đàm-di và các Tỳ-kheo-ni thuở ấy, chấp nhận những điều kiện mà hàng phàm phu chúng ta những tưởng Phật xem thường người nữ. Có hay chăng bên trọng bên khinh trong cái nhìn của Phật? Đã là Phật thì tâm phân biệt hẳn nhiên vắng bật rồi, điều này quá rõ. Chính vì tâm vô phân biệt, không nhân ngã, nam nữ, trọng khinh... nên đức Phật mới có thể trái lòng từ rộng khắp. Lòng bi mẫn của Phật đối với chúng sanh vô bờ, niềm tri ân của Phật đối với thâm ân càng thêm sâu nặng. Vậy thì, làm sao mà Phật đối xử phân biệt được chứ! Khi đức Phật từ chối không cho người nữ xuất gia, vì e sự có mặt của người nữ trong Tăng đoàn sẽ khiến cho Phật pháp bị tổn giảm. Phút đắn đo ấy của Phật, ắt hẳn không chỉ riêng vì người nữ.

Với tám điều kiện, xem chừng khắt khe, đâu dè chính là bảo bọc. Phật trân trọng và tạo duyên để Di mẫu đã tu thì nhất định sẽ chứng thánh quả, giải thoát khổ đau. Trong biển sanh tử mênh mang của chúng sanh, tùy theo thói quen mỗi loài mà chiêu cảm nghiệp lực thành thân sai khác. Người nữ thông minh nhạy bén, nên rất dễ kiêu mạn. Hơn nữa, Di mẫu là một bà hoàng được trọng vọng. Với tuổi đời đã gần tám mươi, là Di mẫu của Phật, là mẹ, là bà của bao Tỳ-kheo đang tu và đã chứng thánh quả. Niềm kiêu hãnh này không thể không có. Phật bảo, Tỳ-kheo-ni dù trăm tuổi hạ vẫn phải cung kính Tỳ-kheo mới thọ giới, quả thật không sai.

Chẳng những bảo phải cung kính, đức Phật còn bắt buộc các Tỳ-kheo-ni, không được ở những nơi vắng vẻ xa trú xứ của các Tỳ-kheo, ngay cả khi an cư kiết hạ. Thật chu đáo mà cũng rất tế nhị! Điều này càng thể hiện rõ tâm từ bi và trí tuệ minh liễu của Phật. Đương thời, đời sống phạm hạnh của Tăng đoàn gắn liền với núi





rừng thâm u cô tịch. Bạt ngàn sơn lâm là nơi thích hợp cho việc thiền tọa, thì nơi đây cũng chính là chỗ trú ngụ của các loài thú dữ, những kẻ tà tâm. Vậy một Tỳ-kheo-ni, với thể chất yếu đuối, làm sao có thể bình an khi ở trong rừng tu tập? Phật đã bảo bọc cho Di mẫu và các Tỳ-kheo-ni, bằng cách gửi gắm. Bởi người bảo hộ phải là hàng lương thiện, không nhiễm ô mới được. Điều kiện này, chỉ có chư Tỳ-kheo mới đủ tư cách để Phật gửi gắm những đứa con gái của Như Lai.

Khi nhắm vào vấn đề gì, Phật đều vì lợi ích cho sự tu tập và phát triển của Tăng đoàn, làm sao để giúp cho họ thuận lợi trong việc thành tựu thiền định, đưa đến chứng đắc thánh quả. Cội gốc của sanh tử luân hồi chính là ái dục. Như vậy, muốn giải thoát sanh tử thì một vị Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni, cũng cần phải dứt hẳn tâm nhiễm ái như nhau. Chính vì lẽ đó, đức Phật không chỉ bắt buộc Tỳ-kheo-ni tuân thủ Bát kinh pháp, mà Ngài còn dạy các thầy Tỳ-kheo đối với người nữ phải tránh xa. Nếu cần tiếp xúc thì nên khởi tâm kính thuận, xem người bằng mình như mẹ, như chị; người nhỏ hơn mình như em...

Đây là đức Phật tùy cơ nghi mà hóa độ, nhằm giúp cho tăng ni đồng thành tựu đạo quả giác ngộ bồ-đề, tiến đến giải thoát sanh tử.

Nhờ vâng giữ điều này, tâm kiêu mạn về cái tôi dần chết lặng, ngã hết tâm rỗng. Như hoa sen từ bùn sâu nước đọng, tỏa hương ngào ngạt. Tỳ-kheo-ni Kiều-đàm-di đã mang hương thơm tinh khiết từ tràng hoa của giới, của đức hạnh, của giải thoát... theo gió ngược bay xa. Dưới sự dẫn dắt của Thánh tổ Kiều-đàm, chư thánh Tỳ-kheo-ni đã tự tại trong hành xứ của mình, ung dung nhập Niết-bàn trước Phật. Đây là minh chứng hùng hồn cho lời tuyên bố của đức Thế Tôn, Tỳ-kheo-ni có thể tu hành và chứng đắc quả vị như Tỳ-kheo...

Nhập Niết-bàn trước Phật, vì không cam thấy Thế Tôn diệt độ. Nghe qua, chỉ cảm thấy như là cả nỗi niềm yêu thương của Di



mẫu đối với Phật. Nhưng không ngờ, trong câu nói dường như yếu đuối đó, là cả bản lĩnh phi thường vượt ngoài nam nữ. Thánh tổ Kiều-đàm-di và các Thánh ni đã đền đáp thâm ân, bằng cách đem sự giải thoát sanh tử dâng lên cúng dường đức Phật. Đất trời hòa quyện, vũ trụ rung chuyển, lời bậc thánh ni quyện gió len qua từng cụm cây khóm lá, vút tận mấy tầng không. Thế Tôn đã thương yêu trao cho chúng con pháp Bát kinh, tạo điều kiện để chúng con thành tựu giới định tuệ, giúp chúng con từng bước đi vào cảnh giới vô ngã vị tha. Ngã ái, kiêu mạn, si mê... đã dứt. Chúng con không còn trở lui trên con đường sanh tử mịt mù này nữa. Nay chúng con thị hiện chút thần thông này mà vào Niết-bàn, hầu bày tỏ tấm lòng tri ân đức Từ phụ và biết bao chư thiên hộ pháp, đàn na tín thí... đã ủng hộ chúng con.

Chư Thánh ni thể hiện thần thông, chư thiên trời nhạc... Một màn trình diễn thật tuyệt vời, kể từ đó, Tỳ-kheo-ni Kiều-đàm-di đã trở thành Thánh tổ ni Kiều-đàm-di. Đức Phật đích thân hộ tống kim quan, chư Thánh tăng, trời người cùng nhau cung tiễn. Bước son ngày đó lan tỏa muôn phương. Chư Tôn đức ni tiền bối tiếp tục kế thừa, mang hương thơm giới định ấy đi vào cuộc đời. Từng bàn tay nhỏ bé đã chung nhau tạo nên những cánh hoa đặc thù trong vườn hoa Phật giáo, khẳng định sự có mặt của Ni đoàn không thể thiếu trong hàng Tứ chúng đệ tử Phật. □





Di Mẫu

■ TKN. HẠNH ĐOAN

Hồi nhỏ, lúc tôi mười hai tuổi, thường ghé Tịnh xá Kiêu Đàm, ngôi am thất nhỏ của Sư bà đang cư trú. Trong tịnh thất có treo tấm hình một phụ nữ Ấn rất đẹp, tóc dợn sóng bồng bênh, đôi mắt nhung đen huyền, toàn thể gương mặt toát ra vẻ trang nghiêm hiền dịu và thu hút. Phía dưới bức hình đề bốn chữ “Kiêu Đàm Di Mẫu”.

Lúc đó tôi chưa biết gì về sử Phật, nên hoàn toàn không có ấn tượng gì với tên của Tịnh xá và bức chân dung tuyệt đẹp này. Song tôi ngắm bà rất thường, vì bức tranh nằm ở vị trí cứ... “đập” vào mắt tôi.

Tôi không ngờ được trong tương lai mình thành nữ tu sĩ, còn “phải” sáng tác cổ nhạc và viết bài về vị nữ thánh này.

Hồi nhỏ tôi ưa nghe ngao hát, vào chùa rồi mà còn sáng tác nhạc chế, nhạc hài về đạo (để được hát mà không bị quở). Nhưng đến độ tuổi bốn mươi tôi chẳng còn hứng thú sáng tác nhạc hay hát hò chi. Chỉ vui đầu dịch truyện *Báo Ứng Hiện Đời* để chia sẻ cho thế nhân, mong họ tỉnh giác không tạo tội, xem như hồng pháp bằng văn chương, hầu báo đáp một phần nào đối với đại ân thâm sâu của Phật.

Có lần nghệ sĩ Thanh Ngân gọi điện cho tôi nói:

- Cô ơi, cô vui lòng sáng tác Thập Đại Đệ Tử cho con hát đi cô, đây là mong muốn của rất nhiều Phật tử...



Tôi từ chối, nhưng sau đó nghĩ lại: Thanh Ngân là người đời mà còn quan tâm đến sử Phật và muốn tuyên dương cho mọi người biết, bản thân tôi là tu sĩ nhưng nhiệt tâm lại thua kém em!

Cảm thấy xấu hổ, nên dù không rành âm vận, điệu nhạc chi, tôi vẫn cố gắng viết mười bài *Thập Đại Đệ Tử Phật*. Nhờ chư Thánh tăng hành tung cao khiết, danh chấn muôn phương... ai cũng biết, nên tư liệu tương đối đầy đủ.

Sau khi bài hát tung ra, có người nói:

- Tui vô chùa thấy tượng mấy ông này hoài hà, mà không biết là ai! Bây giờ nghe nhạc rồi tui mới hiểu đó là mười ông đệ tử lớn của Phật!

Cũng có người tâm sự:

- Chèn ơi, cuộc đời Thập Thánh Tăng hay quá, cảm động quá! Đêm nào tôi cũng nghe, thấm thía... rồi tự dưng muốn bắt chước theo hạnh tu của các Ngài!

Sau đó Thanh Ngân lại gọi điện cho tôi, năn nì:

- Cô ơi Thánh tăng có rồi, cô viết tiếp mười vị Thánh ni cho con nha cô?

Tôi nhăn nhó đáp:

- Thánh tăng danh nổi như cồn, tư liệu rõ, còn Ni chúng tư liệu mờ nhạt, ghi bắt nhất... nên khó viết, cô không sáng tác nổi đâu!

- Vậy... cô ráng cho con năm bài thôi cũng được, Tăng có mà Ni không, thấy tội nghiệp Ni quá cô!

- Sau mấy tháng từ chối... giằng co, cuối cùng tôi cũng đáp ứng. Khi tôi mừng rỡ báo tin đã viết xong năm bài Thánh ni, Thanh Ngân liền kỳ kèo:





- Cô ơi, Tăng có đủ mười bài, mà Ni lại thiếu... Con thấy tội và thương Ni quá, thôi cô ráng viết đủ mười vị để cho mọi người đều biết về Ni nha cô, xin cô đó!...

Thực hiện nhạc sử Phật giáo vô cùng tốn kém, vì phải mượn dàn nhạc đàn và ê-kíp quay phim... nhưng Ngân luôn sốt sắng bỏ nhiều công sức lẫn kinh phí để thực hiện việc hát cúng dường này mà không chút nề hà. Ngân nói vì ái mộ tôn kính Phật nên mới tha thiết làm nhạc Phật giáo. Vì vậy, sau một thời gian dài ngẫm nghĩ... dù rất bận và cảm thấy quá khó viết, tôi cũng ráng sáng tác cho xong, cuối cùng thì hoàn tất mười vị Ni. Xem như mỗi lần ra nhạc chúng tôi phải mất khoảng thời gian một năm mới thực hiện đến thành phẩm rất ráo.

Khi cô Trụ trì nghe bài ca về Thánh ni Kiều-đàm, đã thẳng thốt góp ý:

- Hạnh Đoan ơi, nhạc nghe cảm động lắm, nhưng mà Đoan viết sai rồi, ngài Kiều-đàm thống lãnh nữ đoàn 500 người lợi bộ tới chỗ Phật để xin xuất gia (không phải đi chỉ có hai ngày, mà đi tới hai tháng lận!)

Thầy Thông Thiên còn giải rõ thêm:

- Họ phải lợi bộ hai trăm cây số, nên đi hai tháng là chính xác!

Lúc viết tôi có xem tư liệu nhiều, nhưng không thấy điểm này. Do nghĩ nhạc là giải trí cho vui nên tôi e ngại không đưa chư vị tiền bối xem và cũng chẳng dám hỏi ý (vì sợ làm mất thời gian và quấy rầy chư sư huynh, sư tỷ)... Do vậy mà bây giờ tôi phải ôi tiếc nuối! Vì phim *Huyền Sử Thánh Ni* đã quay thành phẩm rồi, nên chỉ có thể chỉnh sửa trong MP₃ mà thôi.

Thực ra câu nói “Phái đoàn ngài Kiều-đàm-di đi bộ suốt hai tháng” đã làm tôi chấn động. Bởi nữ đoàn toàn là thành phần khuê các quý tộc, xưa nay mỗi bước đi đều có xe kiệu đón đưa,



riêng Kiều-đàm-di mẫu, lúc đó đã hơn tám mươi tuổi, vậy mà tất cả cùng để chân trần, lội bộ quãng đường dài hơn hai trăm cây số, phải đi ròng rã suốt hai tháng trời, đến nỗi chân chư vị đều bị sưng phù, phỏng giộp, rướm máu...

Ý chí cầu pháp sẵn sàng vì đạo quên thân của các Ngài quá mãnh liệt, khiến tôi âm thầm xúc động, kính ngưỡng.

Chao ơi đi bộ xa như vậy, chư nữ nhân này ăn, ngủ, tắm giặt ra sao? Y phục đâu để mà thay? Trong khi họ đã thực hiện cuộc hành trình cầu đạo dài đằng đẳng với đầu trần chân trụi, không có mang gì theo?

Sau bao vô vàn khó khăn nữ đoàn mới được thu nhận xuất gia, Kiều-đàm-di được Phật cử làm Trưởng lão thống lãnh Ni giới, sử ca ngợi bà: Dung mạo xinh đẹp, tính nết đoan trang, phẩm hạnh thánh thiện. Từ lúc sống trong cung bà đã được mọi người ngưỡng mộ vì tính tình hiền hậu khả ái, sau khi xuất gia lại khéo léo dìu dắt hướng dẫn chư Ni sống hòa hợp, tu tinh tấn...

Mà người có khả năng hướng dẫn chúng sống hòa hợp, tu an, không phải là dễ tìm, dễ có!

Đức Phật từng tán thán Di-mẫu trước hội chúng:

- Nay chư Tỳ-kheo! Các ông đừng nên xem thường Tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo. Tuy mang thân nữ nhưng bà có đức tính trượng phu, là bậc có đức hạnh cao cả, xứng đáng làm gương cho Tăng đoàn mai sau.

Lời xác nhận của Thế Tôn đủ để chúng ta hình dung về bà, mà không cần phải nói gì thêm nữa.

Điều tôi muốn nói là về chư Ni đời nay! Tôi nhớ có lần khi tôi cười, một người thế tục đã hỏi:

- Ủa, sao cô đi tu mà vui vẻ hoan hỷ quá vậy?





Điều này giống như khi gặp một Trưởng lão ni, người ta hay khởi ngạc nhiên, tự hỏi thăm:

- Sao vị sư tiền bối này tuổi cao chúc lớn, mà không nhăn nhó, tính lại hoan hỷ, bao dung dễ gần như vậy?

Thông thường khi một người nhỏ gặp một Trưởng lão ni, họ sẽ rón rén, khom người, sợ sệt... Nếu các cơ mặt Lão ni mà nhăn... thì họ sẽ cho là chuyện thường, nhưng nếu chứa đầy vẻ từ ái bao dung thì họ sẽ ngạc nhiên, mừng rỡ, kính yêu, ngưỡng mộ.

Trong thời hiện đại này, tuy tuổi tôi xấp xỉ lục tuần, song tôi không thể nào lợi bộ chạng đường dài suốt hai tháng ròng để cầu đạo. Vì vậy đối với nữ đoàn ngày xưa, tôi khâm phục quá đi!

Tôi nghĩ, thể hiện lòng tưởng nhớ Thánh ni Kiều-đàm tốt nhất, chính là noi gương, thực hành theo phẩm hạnh tu cao cả của Ngài.

Tập thể nào cũng cần người lãnh đạo sáng suốt, giàu cảm thông, đại lượng, từ ái... Đạo hạnh tu không nằm ở chỗ danh nổi như cồn, mà nằm ở chỗ người lãnh đạo có khả năng điều chúng giỏi, bao dung, tâm lý, khiến chúng trụ bền, tu an...

Dù hiện thời chư Tăng, Ni không còn trú dưới bóng mát che chở của Phật, song vẫn có thể hưởng hạnh phúc khi ở dưới sự che chở của chư Trưởng lão tăng, ni thanh tịnh, có phẩm hạnh cao khiết, làm rạng danh đệ tử Phật. Bởi phẩm hạnh tốt chính là điều kiện cốt yếu giúp tập thể tu phát triển mạnh, trụ vững.

Lúc mới vào chùa tu, tuổi trẻ ai cũng giống nhau, chưa thấy có gì khác biệt. Nhưng tu chừng vài mươi năm, thì đức độ và phẩm hạnh sẽ hiện rõ. Nên chẳng có gì ngạc nhiên khi thấy người bạn đồng môn hôm nào mình còn choàng vai bá cổ nghịch đùa (hoặc một nhỏ sư muội nào đó tuổi đời quá bé khiến mình xem



thường không để ý đến), hôm nay tất cả đều đã biến thành hàng Lão ni, quần chúng số dzách, khéo duy trì nếp sống tập thể hòa ái, trật tự, danh thơm vang xa, có đông đồ chúng tìm tới cư trú, đồng hưởng pháp lạc...

Nghe kể dưới trướng của Ni trưởng Kiều-đàm-di, chư ni tu rất giỏi nên sống hạnh phúc! Chư Ni bây giờ, nếu có thể sống hòa, tu an dưới sự dìu dắt của một Lão ni nào đó... thì xem như đây chính là sự thể hiện tuyệt vời lòng ái mộ tưởng nhớ đức tổ Kiều-đàm-di của chư hậu sinh, vì: “Kính Ngài phải được bằng Ngài! Báo ân là độ chúng tài như Sư!”...

Sử ghi rằng: Nhờ tài tổ chức, huấn luyện khéo léo của Kiều-đàm-di, mà Ni đoàn phát triển nhanh chóng và thực sự lớn mạnh. Nhiều Tỳ-kheo-ni chúng đắc A-la-hán, có uy tín, được cư sĩ và nhân dân ca ngợi. Thế Tôn xác nhận Kiều-đàm-di là nữ Tôn giả kinh nghiệm đệ nhất, thực sự hưởng hạnh phúc giải thoát.

Kiều-đàm-di luôn kính cẩn thực hành theo lời Phật dạy. Đối với mọi người, bà không hề nghĩ rằng mình từng là hoàng hậu và cũng không ý thế là Di mẫu của Phật. Bà luôn khiêm cung, tinh tấn, nhiệt tình. Sau khi xuất gia, bà được giao trách nhiệm lãnh đạo Ni chúng, nhưng chư Trưởng lão tăng cũng rất kính trọng bà. Bà vừa giáo hóa Ni chúng, vừa làm công tác từ thiện cứu tế người bệnh hoặc các nạn nhân bị thiên tai lũ lụt. Luôn khuyên hàng thanh thiếu niên nên siêng tham dự các buổi học Phật pháp. Bà còn động viên mọi người nên quy y Tam bảo, lưu hành pháp để giúp cuộc sống tốt đẹp hơn. Nhờ sự khuyên dạy của bà mà nhiều gia đình có được hạnh phúc. Tuy lãnh đạo Ni đoàn, bà không hề có tâm kiêu ngạo, khinh mạn, không thân nhận đồ chúng tùy tiện cầu thả, chư Ni không đi đâu một mình, không liên hệ qua lại với cư sĩ hay ở nhà thế tục... Mọi việc chúng đều hành y theo giáo pháp, tuân thủ giới luật Phật chế một cách nghiêm chỉnh.





Chấp nhận cho giới nữ xuất gia, đức Thế Tôn luôn hy vọng Ni giới có thể học theo hạnh của Thánh nữ Kiều-đàm, tiếp tục đi dắt Ni đoàn đi lên, không làm mai một giáo pháp Phật.

Ấn Độ là một nước không mấy chú trọng về lịch sử, những sự tích về cuộc đời đức Thế Tôn và các vị Thánh đệ tử thường được ghi chép thiếu sót, không rõ ràng. Vì vậy mà sử ghi tuổi thọ của bà không đồng nhất, có chỗ ghi chín mươi tuổi, có chỗ ghi một trăm hai mươi tuổi (Cũng giống như ngày Đản sinh Phật, Bắc tông ghi mồng tám, Nam tông ghi ngày rằm vậy). Nhưng dấu có khác biệt thế nào thì phẩm hạnh và đức tu của bà vẫn sáng ngời, lưu danh muôn thuở.

Dù Thánh ni Kiều-đàm đã nhập diệt, nhưng tôi mong rằng phẩm hạnh từ ái, thanh khiết, đại lượng, trí tuệ... của Ngài luôn hiện diện trong mỗi vị Ni giới chúng ta, để ánh đuốc Phật pháp luôn được thắp sáng, truyền đăng mãi. □

(Viết xong 04/12/2017)



■ TKN. HUỆ LÝ cảm tác - Thiền Nguyên Bảo Ấn tự

Sáng mãi một vầng trăng

Muôn thu nhớ mãi ơn người
Kiều Đàm Thánh Mẫu nụ cười từ bi.
Ngàn xưa cũng vì chúng Ni,
Dập đầu lạy đức Mâu Ni Phật Đà.
Mở lòng thương xót vị tha,
Tiếp nhận người nữ xuất gia tu hành.
Ơn Ngài cao vút mây xanh,
Kiều Đàm Thánh Mẫu gương lành sáng trong.
Giờ đây nơi cõi hồng trần,
Tất cả Ni giới giữa vòng thế gian.
Nơi gương Tổ mẫu rõ ràng,
Xiển dương hoằng pháp đạo vàng Như Lai.
Nương theo đạo hạnh của Ngài,
Kiều-đàm-di Mẫu triển khai pháp mẫu.
Tất cả thế giới Á - Âu.
Chư Ni hòa hợp hoàn cầu đồng tu.
Rút gươm vét ngút mây mù,
Nguyện tu trí mở nghìn thu sáng ngời. □





Nội gương Tổ mẫu nay thời,
Nhiều bậc Ni trưởng sáng ngời tuệ đăng.
Đạo hạnh đức độ vô ngần,
Hương từ giới định như trăng rạng ngời.
Đồng Nai nhiều vị tu thời,
Bửu Phong Cổ Tự tuyệt vời chốn đây.
Thượng Huệ hạ Hương nơi này,
Trưởng ban Ni giới đủ đầy hạnh dung.
Ni trưởng Huệ Giác cùng chung,
Từ bi đức độ viên dung trọn niềm.
Nhiều vị dâng trọn trái tim,
Chung lo đạo pháp uy nghiêm hạnh từ.
Các Ngài hành Như Lai sự,
Tác Như Lai Sư Tổ Sư Ni dòng.
Không hổ danh phận má hồng,
Duy tuệ thị nghiệp nguyện mong đạt thành.
Ồi! Bao Ni trưởng nêu danh,
Nội gương Tổ mẫu đạo thành viên dung. □

Thiền



Tràng hoa của Di mẫu Đại Ái Đạo

■ TKN. HẠNH HUỆ

Mỗi lần Đại giới đàn được tổ chức, chư Ni thường được chư Tôn đức tăng giáo giới về Bát kính pháp, và được chỉ dạy tận tình về nguyên do Phật dạy tám điều này. Đây không phải là điều áp đặt chư Ni phải thấp mình, chịu thiệt với chư tăng, không phải chỉ là bốn phận mà còn là quyền lợi. Chư Ni với bản chất yếu đuối, nhiều nghiệp chướng,... chư Tăng phải có trách nhiệm bảo vệ, và chỉ dạy. Chúng ta hãy cùng nhau trở ngược thời gian về quá khứ mù tăm thời Phật tại thế với ít nhiều tưởng tượng, vì ai biết đâu sự thật thế nào!

Di mẫu Đại Ái Đạo, là một người thế nào nhỉ?

Một bà già, đương nhiên lúc xin xuất gia, bà phải xấp xỉ 80 tuổi. Vì ít ra bà cũng phải hơn thái tử Tất-đạt-đa khoảng 40 tuổi. Phật thành đạo phải là 31 tuổi, 49 năm thuyết pháp độ sanh, thì mới nhập diệt vào năm 80 tuổi được. Do đó nếu bảo 'vừa 19 tuổi xuân, lòng từ ái cực thuần, chí xuất trần quá mạnh... thì e không chính xác. Thành đạo rồi, sáu năm sau đức Phật mới về thăm nhà. Rồi sau đó mấy năm vua Tịnh Phạn băng hà, bà mới có thể đi tu.

Như vậy đó! Một bà già lãnh đạo 500 phụ nữ hoàng tộc đi bộ 200 dặm - không biết bao nhiêu ngày - đến Vaisali, chân trần rớm máu, chỉ vì một mục đích duy nhất: Xuất gia. Vậy vì lý do gì mà bà phải quyết liệt đến thế! Khi mà trước mặt chỉ là con đường nhọc nhằn, bấp bênh với ba y bình bát, hoàn toàn khác hẳn cuộc sống vương giả xưa nay?





Chắc chắn rằng hình ảnh thoát trần, tiêu sái của đức Phật khi về hoàng cung, cuộc chuyện trò độ được vua cha chứng Sơ quả trong lần đầu, và độ vua cha chứng quả A-la-hán trước khi băng hà, đều đã tác động mạnh mẽ lên tâm trí của Di mẫu, và cái tên Đại Ái Đạo cũng có thể nói lên sự nóng lòng của bà ngày quyết tâm lên đường. Mạnh mẽ và dứt khoát làm sao!

Ba lần bị từ chối vẫn quyết tâm không bỏ cuộc, khiến ngài A-nan cảm lòng không đậu. Dù chưa phải là thị giả Phật - ngài chỉ làm thị giả khi Phật 55 tuổi - Ngài A-nan vẫn năn nỉ Phật cho quý bà xuất gia sau khi hỏi Phật, người nữ nếu tu có thể chứng Thánh quả được chăng. Phật đã khẳng định rằng được. Thế là Ni đoàn được thành lập.

Dĩ nhiên là có điều kiện. Đó chính là tuân giữ Bát kinh pháp.

Trong một xã hội nặng nề về giai cấp. Bất buộc quý bà thuộc giai cấp quý tộc phải cúi đầu tôn kính những giai cấp thấp hơn, không kể tuổi tác nữa đã là khó rồi, còn hứa hẹn phải giữ sự tôn kính với những người vừa nhập Tăng đoàn dù mình đã trăm tuổi hạ thì thật quá đáng. Chẳng lẽ Thế Tôn ra điều kiện này để làm Di mẫu nản lòng rút lui? Thế mà, không chút đắn đo, Di mẫu chấp nhận vô điều kiện, còn cho rằng Bát kinh pháp là tràng hoa trang điểm quý báu nữa, trời ạ! Hay Di mẫu tiếc công lặn lội dặm trường, không lý tay không trở về!

Không! Tôi chắc rằng lúc ấy Di mẫu đã lặng lẽ mỉm cười y như nụ cười của ngài Ca-diếp khi nhìn cành hoa trên tay Phật.

Vì sao ư? Dù rằng khi mới đản sanh, thái tử Tất-đạt-đa một tay chỉ trời một tay chỉ đất tuyên bố “Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn”, nhưng khi chuyển pháp luân thì giáo lý vô ngã được coi là nòng cốt. Không có cái ngã nào cố định. Trong triền miên sanh tử, có vai trò nào chưa từng đóng qua?



Muốn chỉ cho chúng sanh biết được thể tánh vô sanh, thì trước hết phải gỡ bỏ những kiến chấp sai lầm về những cái ta giả dối. Cho nên giữ Bát kính pháp cũng là một cách tước bỏ cái “ta” tạm bợ của ngũ uẩn này.

Trong nhà Thiền vận dụng lý vô ngã này một cách sống động. Một ni cô hỏi Hòa thượng Long Đàm tu thế nào để kiếp sau làm Hòa thượng. Ngài hỏi lại:

- Người làm sư cô bao lâu rồi?
- Câu hỏi của con là tu làm sao để sau làm Hòa thượng?
- Bây giờ người là gì?
- Con là ni cô, ai chẳng biết!
- Ai biết người?

Và cuộc vấn đáp giữa ni Liễu Nhiên tức Hòa thượng Mạt Sơn và thiền sư Quán Khê Nhàn cũng rất thú vị.

Thiền sư Quán Khê Nhàn hỏi:

- Thế nào là Mạt Sơn?

Đáp:

- Chẳng bày đánh.
- Thế nào là chủ Mạt Sơn?
- Chẳng phải tướng nam nữ.

Thiền sư Nhàn nạt:

- Sao chẳng biến đi?
- Chẳng phải thần, chẳng phải quỷ biến cái gì?

Thiền sư Nhàn kính phục, ở lại làm tri viên ba năm.

Thiền sư Pháp Loa dạy: Trong 12 thời, ngoài dứt các duyên, trong





tâm không loạn. Vì tâm không loạn nên cảnh đến vẫn an nhàn. Mắt không vì sắc trần mà chạy theo... thức không vì cảnh duyên mà phân biệt. Trong ngoài không giao thiệp gọi là ngăn dừng. Tuy gọi ngăn dừng mà chẳng phải ngăn dừng... Có cái ta nào để tự cao tự đại, và cũng có cái ta nào để tự ti mặc cảm? Cho nên giữ mà thật ra chẳng có gì để giữ.

Đúng vậy! “Nhược kiến chư tướng phi tướng tức kiến Như Lai”. Nhìn được tướng không của các pháp, lại biết rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh thì chần chờ gì mà không bắt chước ngài Thường Bất Khinh: “Tôi không dám khinh các ngài vì các ngài đều sẽ thành Phật”. Tất cả chúng sanh đều chẳng khinh, hướng là những vị phát Bồ-đề tâm, chọn theo bước chân của Phật! □





■ TKN. HUỆ TÂM

Một trời thanh lương

*Giỗ Di mẫu Kiều-đàm-di!
Hoa xuân khoe sắc nắng mai đẹp trời
Mấy ngàn năm Phật hiện đời
Vàng son Di mẫu như thời xa xưa.*

*Đường trần bao độ nắng mưa
Hành trì Phật pháp trượng thừa uy linh
Thuở nào Di mẫu giảng kinh
Thánh Ni kể nghiệp thanh hưng Phật Đà*

*Đồng Nai rạng ánh Ca Sa
Giỗ Tổ Di mẫu một tòa thanh lương
Hiện đời Ni giới hoàng dương
Sen vàng rộ nở bước chơn dậm dài*

*Ca Lăng Tần Già đâu đây
Chùng như chim hót trời mây đón mừng
Tình đạo pháp khối tình chung
An cư lạc nghiệp Phật đường xương minh*

*Đạo lộ giải thoát rộng thênh
Phượng hoàng chấp cánh quê hương mạnh giàu
Nghìn xưa cho đến nghìn sau
Kiều-đàm-di mẫu đẹp màu sử xanh! □*





Thơ

■ TKN. NHƯ MINH - chùa Tây Linh, Huế

Xứng danh Ni giới

Hôm nay Ni giới chúng ta
Về dự giỗ Tổ thật là đủ đông
Xa xôi cách trở muôn trùng
Linh Sơn cốt nhục vô cùng quý trân
Đường xa nhưng vẫn thấy gần
Chị em Ni giới thiết thân đạo tình
Mỗi năm giỗ Tổ một lần
Phân ban Ni giới, xích gần bên nhau
Ngàn năm trước, ngàn năm sau
Thế hệ Ni giới trước sau hướng về
Cùng nhau vun gốc bồ đề
Đạo tâm kiên cố, vẹn bề nghĩa nhân
Sớm chiều tu tập chuyên cần
Mong cho ni giới lớn dần mạnh thêm
Đạo chí kiên thạch vững bền
Phẩm hạnh cao khiết, tinh chuyên tu hành
Xứng danh đệ tử Kiều Đàm
Ni lưu Thích tử, vẻ vang muôn đời. □



Những người con gái của Kiều-đàm-di mẫu

■ TKN. LINH VIÊN

*H*àng năm, Ni giới thành kính tổ chức tưởng niệm công ân của đức Kiều-đàm, đây là truyền thống uống nước nhớ nguồn của dân tộc Việt Nam. Những người con gái của đức Di mẫu, luôn cố gắng thực hiện hoài bão của Người, hết lòng phục vụ cho người hữu duyên với Tam bảo, không nề gian lao, chẳng từ khó nhọc, tập theo những công hạnh vĩ đại của Di mẫu đã làm.

Sau khi đã tròn bốn phận đối với gia đình, Di mẫu liền xin đức Phật cho xuất gia để lo phần tâm linh. Có thể nói Đại Ái Đạo chính là điển hình về người phụ nữ gương mẫu cần cù, chịu khó, khoan dung, độ lượng, hy sinh, vị tha và luôn làm tròn trách nhiệm. Cuộc đời Di mẫu là tấm gương sáng cho hàng nữ lưu. Từ địa vị cao sang quyền quý của bậc mẫu nghi thiên hạ, nhưng vì đạo giải thoát, Người từ bỏ danh vọng quyền uy không hề luyến tiếc. Dưới ánh nắng chói chang như thiêu đốt của xứ Ấn Độ, Người thản nhiên từng bước vững chãi, dẫn đầu 500 mệnh phụ phu nhân trong vương triều thiết tha xin đức Phật được xuất gia tu hành. Cả một đoạn đường đầy gian nan trắc trở, sau cùng được Như Lai chấp nhận. Thật là hy hữu vô cùng với một xã hội thời ấy.

Người đón nhận Bát kinh pháp của đức Phật ban hành, như một sự nhắc nhở về hạnh khiêm cung dành cho Ni giới. Từ khi xuất gia, Trưởng lão ni Đại Ái Đạo luôn vâng lời đức Phật, tu tập theo lời Phật dạy, và dạy các Tỳ-kheo-ni tuân thủ hạnh nhu hòa khiêm cung. Người nữ có nhiều đức tánh tốt, giàu lòng nhân ái,





hy sinh vì mọi người. Ni đoàn tu hành tinh tấn theo lời đức Phật dạy, về sau có rất nhiều vị được đức Phật ấn chứng.

Trong kinh Dakkhināvibhaṅgasutta, nhân dịp Gotamī, có tâm trong sạch, đem tấm y mà tự tay mình dệt, dâng đến đức Phật. Ngài không thọ lãnh, mà có tâm thương xót dạy bảo dâng cúng đến Tăng. Bà Gotamī than khóc, đi tìm Đại đức Ānanda. Ānanda vào bạch cầu xin Phật thọ y. Đức Phật dạy rằng: Này Ānanda! Tăng thí có phước nhiều hơn các sự thí... Song các thí chủ có đức tin làm việc Tăng thí, đến thỉnh Tăng từ bốn vị trở lên, chủ tâm hướng đến Thánh tăng, thì cũng gọi là Tăng thí, được nhiều phước báo.

Đây chính là tình thương của bậc đại trí tuệ, muốn hướng Di mẫu đến sự cúng dường thanh cao nhất. Bởi vì Tăng đoàn là một trong ba ngôi trong Tam bảo. Nếu Tăng chúng tu hành chân chánh và đoàn kết sẽ là sức mạnh trên đường phát triển đạo pháp. Vì thế, sự cúng dường vô ngã, chỉ một lòng phụng sự cho tha nhân. Cốt tủy của đạo Phật là tình thương vô ngã, lấy trí tuệ làm sự nghiệp của người Thích tử Như Lai.

Sau khi chứng đắc Thánh quả, Di mẫu trở thành vị lãnh đạo tối cao trong hàng Ni giới, được đức Phật và chư Tăng kính trọng. Trưởng lão ni Đại Ái Đạo sống hơn 90 tuổi mới nhập Niết-bàn.

“Bấy giờ, Thế Tôn dẫn chúng Tỳ-kheo Tăng vây quanh trước sau, đi đến tinh xá của Tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo...

Phật bảo chư thiên:

- Thôi, thôi, Thiên vương! Như Lai tự biết thời. Đây là việc Như Lai cần phải làm, chẳng phải hàng trời, rồng, quỷ thần làm được. Vì sao thế? Cha mẹ sanh con nhiều lợi ích cho con, ân trọng dưỡng nuôi, bú mớm ẵm bồng, cần phải báo ân, không được không báo ân. Chư thiên nên biết! Chư Phật quá khứ, thân mẫu sinh thành đều diệt độ trước, sau đó chư Phật Thế Tôn đều tự trả



tỳ cúng dường xá-lợi. Giả sử chư Phật Thế Tôn ở tương lai, thân mẫu sinh thành cũng diệt độ trước, sau đó chư Phật đều tự cúng dường. Do phương tiện này biết Như Lai nên tự cúng dường, chẳng phải trời, rồng, quỷ thần làm được.

Khi ấy, Thế Tôn đích thân khiêng một chân giường; Nan-đà khiêng một chân, La-vân khiêng một chân, A-nan khiêng một chân, bay lên hư không đến chỗ hỏa thiêu. Bốn bộ chúng trong ấy, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đưa thân thể của năm trăm Tỳ-kheo-ni đến chỗ hỏa thiêu...”

Đức Phật đã tán thán công hạnh của Đại Ái Đạo như sau: “Này chư Tỳ-kheo, các ông đừng nên xem thường Tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo là người nữ. Tuy là thân nữ nhưng lại có đức tính trượng phu, là người có đức hạnh cao cả, xứng đáng làm gương cho Tăng đoàn mai sau”. Đức Phật tán thán đức hạnh của vị Trưởng lão ni trước đại chúng, để hàng nữ giới sau này hãy noi theo tấm gương ấy tu học. Ni chúng bao giờ cũng vâng lời cung kính đức Phật và Đại Ái Đạo, tuân hành Bát kính pháp như là trang nghiêm tự thân, rèn luyện phẩm chất khiêm cung, hòa kính để nâng cao giới đức cho mình, ngõ hầu phụng sự đạo pháp.

Cuộc đời của Di mẫu là tấm gương sáng cho tất cả chúng ta noi theo.

Trải qua nhiều thế kỷ với các nền văn hóa khác nhau trên khắp thế giới, những người con gái của đức Kiều-đàm với tấm chân tình của các bậc Ni lưu luôn vì muôn sinh mà dấn thân hành đạo. Việt Nam có Ni sư Diệu Nhân (1042-1113), là một công chúa nhà Lý; sau khi xuất gia, bà là người đứng đầu thế hệ thứ 17 của thiền phái Tỳ-ni-đa-lưu-chi thời nhà Lý trong lịch sử Việt Nam.

Cuộc đời của Ni sư Diệu Nhân, đã được sách Đại Việt Sử Ký Toàn Thư lược ghi, nay xin tóm tắt đôi dòng như sau:





Công chúa họ Lý, tên Ngọc Kiều là trưởng nữ của Phụng Càn vương, được vua Lý Thánh Tông nuôi dưỡng trong cung, nên được phong làm công chúa. Lớn lên làm phu nhân của Châu mục họ Lê của châu Chân Đăng. Khi Châu mục họ Lê mất, phu nhân xuất gia làm sư nữ. Đến mùa hạ tháng sáu năm Quý Tỵ niên hiệu Hội Tường Đại Khánh năm thứ 4 (1113) thì Sư mất, thọ 72 tuổi. Vua Lý Thần Tông tôn làm Ni sư.

Thời hiện đại, rất nhiều bậc Ni trưởng Việt Nam kế tiếp, trong đó cố Ni trưởng Trí Hải (1938-2003) là ngôi sao sáng trên bầu trời văn học Phật giáo Việt Nam. Người là một bậc thông tuệ tài hoa mà phẩm cách lại thanh cao như một đóa sen tinh khiết và thông thái như một nhà “hiền triết”.

Chiếc nôi đào tạo chư Ni của miền Nam là Ni trưởng Dược Sư, Ni trưởng Từ Nghiêm nổi tiếng đã đào tạo giáo dục chư Ni anh tài thạc đức cho đạo pháp và dân tộc. Vì sự nghiệp Phật pháp, các bậc long tượng trong hàng Ni chúng không hề mệt mỏi, luôn phấn đấu lấy giới - định - tuệ làm nền tảng hướng dẫn Ni chúng, chuyển hóa tham sân si, đem sáu pháp hòa kính ứng dụng vào cuộc sống để xứng đáng là con gái đức Thánh tổ Kiều-đàm.

Nơi tỉnh nhà Đồng Nai có ngôi Bửu Phong Cổ Tự uy linh đã trải qua 17 đời trụ trì. Cho đến nay là Ni trưởng Huệ Hương trụ trì. Ni trưởng đã tham gia nhiều hoạt động từ thiện như: Xây nhà tình thương, nhà tình nghĩa, thăm và tặng quà cho người khiếm thị, trẻ em khuyết tật, trẻ mồ côi, cứu trợ nhân dân vùng thiên tai lũ lụt... Ni trưởng cũng tham dự nhiều diễn đàn quốc tế... Với tinh thần tận tụy hy sinh phục vụ, Ni trưởng đã được Giáo hội và các ban ngành đoàn thể trao tặng nhiều bằng khen và giấy khen... Như thế, thật vinh hạnh và xứng đáng cho hàng Ni lưu. Chúng ta hãy tiếp tục duy trì phát triển đạo pháp và dân tộc mãi tồn vinh rằng, sẽ không bao giờ vắng bóng chư Ni.



Chúng ta tổ chức lễ Tưởng niệm đức Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di để tri ân Người đã mở ra con đường mà nhờ đó người nữ được xuất gia làm Sa-môn, được tu tập trong đạo giác ngộ giải thoát. Do đó, chúng ta nên cố gắng thực hành và phát triển đạo hạnh cho đời sống tâm linh thăng hoa, đồng thời sách tấn huynh đệ tỷ muội, hỗ trợ đời sống tu hành của tất cả chư Ni đều được an lạc. Đồng thời khuyến khích các thế hệ Ni trẻ tiếp nối sự nghiệp tu hành, hoằng dương chánh pháp như đức Kiều-đàm. □





PHẦN II

TƯỞNG NIỆM CHƯ NI TIỀN BỐ



BẢO THẮNG

Chiếc nôi của ni giới Quảng Đà

■ NHƯ TỊNH

Trong lịch sử hoàng truyền và phát triển Phật giáo tại Việt Nam, Ni giới là một bộ phận đóng góp không nhỏ cho sự nghiệp xây dựng ngôi nhà chánh pháp. Tuy nhiên, từ những năm đầu công nguyên cho đến thế kỷ XIX, hình ảnh Ni giới vẫn còn mờ nhạt, thi thoảng chúng ta mới thấy hình bóng Ni sư Diệu Nhân thời Lý, hoặc một vài chư ni hữu danh sau này, và gần như giáo đoàn Ni, những người con gái của đức Thế Tôn hoàn toàn không có.

Sang đầu thế kỷ XX, xã hội Việt Nam dần dần thay đổi để phù hợp với sự tiến bộ của nhân loại. Cùng thời điểm ấy, Phật giáo cũng chuyển mình với phong trào chấn hưng. Những vị thiền sư cùng các cư sĩ nhiệt tâm hộ pháp đã làm thay đổi diện mạo và là tiền đề cho sự phát triển của Phật giáo về sau này. Bên cạnh đó, Ni giới cũng được hình thành với tính cách tập thể quy mô, tổ chức có hệ thống và những người con gái của đức Thế Tôn đã tiếp bước kế thừa giá phong của Tổ mẫu Kiều-đàm-di.

Tại Quảng Nam, từ khi Phật giáo du nhập cho đến đầu thế kỷ XX thì gần như hoàn toàn không có bóng dáng người nữ xuất gia. Nếu có, họ cũng chỉ là những bà vải lo việc ăn uống cho chư Tăng tại các tổ đình, chứ chưa đảm nhận vai trò hoàng pháp như hiện nay.

Mãi đến những năm 1945-1946, tại Hội An mới có hình bóng các Sư nữ từ Huế vào hành đạo. Đó là các Sư cô Đàm Minh,





Như Huỳnh, Đạt Hương... Trong những tháng ngày tản cư giặc Pháp, hình ảnh các Sư cô với chiếc áo lam chân chất, hòa cùng nỗi khổ của nhân dân đã ăn sâu vào tâm khảm mỗi người nơi đây. Và những đêm hôm khuya sớm, tiếng chuông âm vang cùng giọng tụng kinh trong trẻo theo nhịp mõ đều đều làm lay động lòng người, khuyến tấn họ hướng tâm về đạo Phật.

Những người con gái đầu tiên của Hội An xuất gia là Sư trưởng Thích Nữ Diệu Lý, hiện là viện chủ chùa Quang Minh, thành phố Đà Nẵng và cố Sư trưởng Thích Nữ Diệu Hạnh, Trụ trì chùa Bảo Thắng, Hội An. Cả hai Sư trưởng đều xuất gia tu tập tại Tổ đình Phước Lâm, Hội An vào những năm 1946. Sau đó, cả hai vị đều được ra Huế tham học tại Ni viện Diệu Đức.

Trong thời gian ấy, quý Ni sư Đàm Minh, Từ Hạnh, Như Huỳnh, Đạt Hương thỉnh thoảng từ Huế vào Hội An hành đạo, đem lại tinh thần học Phật cho nữ giới Hội An nói riêng và Quảng Nam nói chung. Lần đầu tiên, vào năm Nhâm Thìn (1952) quý Ni sư, Sư cô an cư tại chùa Tỉnh Hội của Hội An Nam Phật Học tỉnh Quảng Nam (nay là chùa Pháp Bảo, Hội An). Lần kết giới an cư này do Hòa thượng Tăng cang Thích Thiện Quả, trụ trì Tổ đình Chúc Thánh chứng minh. Quý Ni sư ở tạm tại ngôi nhà sau lưng chùa Tỉnh Hội trong ba tháng an cư kiết hạ.

Năm Giáp Ngọ (1954), thể theo nguyện vọng của đại đa số tín đồ, Giáo hội Tăng già Quảng Nam - Đà Nẵng đã ưu tiên dành ngôi chùa Bảo Thắng làm trú xứ để chư Ni tu học. Theo sự chỉ định của Giáo hội Trung Phần, Ni sư Thích Nữ Đàm Minh và Sư cô Thích Nữ Như Huỳnh được cử làm Chánh phó trụ trì chùa Bảo Thắng. Trong giai đoạn này Sư cô Thích Nữ Đạt Hương đã sinh hoạt một thời gian, sau đó được Ni bộ cử vào Nha Trang hành đạo cho đến ngày nay.

Như lời người xưa nói “An cư lạc nghiệp” quả thật là không sai. Từ khi chùa Bảo Thắng được chư Ni tiếp nhận và trở thành

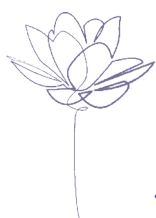


ngôi chùa Ni đầu tiên tại Quảng Nam - Đà Nẵng thì sự tu học của Ni chúng đi vào nề nếp ổn định. Hằng năm, mỗi mùa an cư kiết hạ, Ni sư Đàm Minh đều cung thỉnh quý Sư trưởng từ Huế vào an cư như Sư trưởng Diệu Không, Sư trưởng Thể Quán... từ đó tạo thành nếp thiền môn quy củ cho đến bây giờ.

Năm 1962, Ni sư Đàm Minh ra khai kiến chùa Bảo Quang tại thị xã Đà Nẵng thì Giáo hội suy cử Sư cô Thích Nữ Như Hương và Sư cô Thích Nữ Diệu Hạnh đảm nhiệm Chánh phó trụ trì chùa Bảo Thắng. Từ đây, nhị vị Sư cô đã gắn bó cuộc đời mình với ngôi Tam bảo này cùng với những thăng trầm của Phật giáo Quảng Nam.

Trong thời kỳ pháp nạn 1963-1966, tại Quảng Nam, Phật giáo đồ bị đàn áp khốc liệt. Hai Sư bà đã cùng chư Tăng tranh đấu cho sự trường tồn của Đạo pháp. Đến khi Pháp nạn qua đi, hai Sư bà tiếp tục đảm nhận xây dựng Kỳ nhi viện Diệu Nhân để nuôi dưỡng những mảnh đời bất hạnh do chiến tranh gây nên. Bên cạnh đó quý Sư bà còn đảm nhận công tác từ thiện xã hội trải qua các thời kỳ của Giáo hội. Bằng sự nhiệt tâm hành đạo, uy tín và đức độ của mình, hai Sư bà đã đưa chùa Bảo Thắng đi vào lòng Phật giáo Quảng Nam Đà Nẵng.

Từ nơi đây, các thế hệ đệ tử của quý Sư trưởng đã thừa đương Phật sự khắp các tỉnh thành trong cả nước và hải ngoại, đặc biệt là tại các tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng và Quảng Ngãi. Thế hệ đệ tử đầu tiên của Sư trưởng Thích Nữ Đàm Minh xuất gia tại chùa Bảo Thắng hiện còn như: Ni trưởng Thích Nữ Diệu Tâm, trụ trì chùa Bảo Quang tại Đức; Ni trưởng Thích Nữ Diệu Nhơn, trụ trì chùa Phổ Tịnh, Quảng Ngãi; Ni trưởng Thích Nữ Diệu Cảnh, trụ trì chùa Bảo Quang, Đà Nẵng. Tiếp đến là các đệ tử của nhị vị Sư trưởng Thích Nữ Như Hương và Thích Nữ Diệu Hạnh như: Ni trưởng Thích Nữ Hạnh Chơn, trụ trì chùa Bảo Thắng, Hội An;





Ni trưởng Thích Nữ Hạnh Hòa, trụ trì chùa Phổ Thiện, Quảng Ngãi; Ni trưởng Thích Nữ Hạnh Thuận, trụ trì chùa Nam Lộ, Quảng Ngãi. Quý Ni sư Thích Nữ Chơn Tịnh, Thích Nữ Giải Thiện, Thích Nữ Hạnh Ngọc, Thích Nữ Hạnh Phước, Thích Nữ Hạnh Nguyên, Thích Nữ Hạnh Nguyên... hiện đang đảm nhận nhiều trách vụ của Giáo hội khắp các tỉnh thành. Quý Sư cô chùa Bảo Thắng cũng đã ra đảm nhận trụ trì các tự viện tại tỉnh nhà để hướng dẫn đạo hữu Phật tử tu học.

Như thế, kể từ khi chùa Bảo Thắng chính thức trở thành ngôi chùa Ni đầu tiên trong lịch sử Phật giáo Quảng Nam - Đà Nẵng tính đến nay cũng đã tròn 60 năm và trải qua ba đời Sư trưởng trụ trì dày công giáo hóa. Quý Sư trưởng ngay từ đầu đã đặt nền móng vững chắc cho Ni giới, đó là tinh thần “Lục hòa cộng trụ”. Tuy rằng ngày nay, Quảng Nam và Đà Nẵng được chia tách theo đơn vị hành chính, nhưng quý Ni trưởng kế thừa vẫn gắn bó mật thiết trong các hoạt động Phật sự của Ni giới nơi đây.

Hiện tại, Quảng Nam và Đà Nẵng, chư Ni trụ trì các tự viện cũng không ít và tập trung an cư, Bố tát tại 5 địa điểm chính: chùa Bảo Thắng, Hội An, trụ xứ của cố Sư trưởng Thích Nữ Như Hương và cố Sư trưởng Thích Nữ Diệu Hạnh; chùa Châu Phong, Điện Bàn, trụ xứ của cố Sư trưởng Thích Nữ Từ Hạnh; chùa Diệu Quang, Tam Kỳ, trụ xứ của cố Sư trưởng Thích Nữ Diệu Trí; chùa Bảo Quang, Đà Nẵng, trụ xứ của cố Sư trưởng Thích Nữ Đàm Minh; chùa Quang Minh, Đà Nẵng, trụ xứ của Sư trưởng Thích Nữ Diệu Lý.

Tuy nhiên, chùa Bảo Thắng vẫn là nguồn cội phát triển của Ni giới Quảng Nam - Đà Nẵng. Bởi lẽ nơi đây, Ni bộ tỉnh nhà được hình thành và đặt nền tảng cho sự phát triển của Ni giới về sau. Do đó, chùa Sư nữ Bảo Thắng có thể xem như Tổ đình đầu tiên của Ni giới Quảng Nam- Đà Nẵng. □



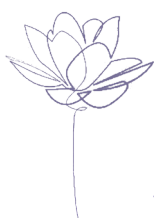
Cúng dường cao thượng

■ TKN. XUÂN LIÊN - Tịnh xá Ngọc Tuệ, Long Thành

Ni giới Phật giáo Đồng Nai rất vinh dự và vui mừng được Phân ban Ni giới Trung ương Chư Tôn Giáo phẩm BTS Tỉnh chứng minh và hoan hỷ cho đăng cai tổ chức Đại lễ Tưởng niệm Đại Ái Đạo Kiền-đàm-di mẫu (Mahāprajāpati Gautamī) vào ngày 06/02 năm Mậu Tuất (22/03/2018) tại tỉnh nhà.

Thánh tổ Kiền-đàm-di mẫu là vị Trưởng lão Ni đầu tiên lãnh đạo ni đoàn thời Phật còn tại thế, dưới sự lãnh đạo sáng suốt, tài ba của Thánh tổ Kiền-đàm-di, ni đoàn trong thời ấy phát triển nhanh chóng, nhiều ni chúng nỗ lực tu tập không ngừng tinh tấn đã chứng đắc các quả Thánh.

Kế thừa sự nghiệp trí tuệ ấy, cố Ni trưởng Huỳnh Liên, bậc lãnh đạo thượng thủ Ni giới hệ phái Khất sĩ đã thường nhắc nhở ni chúng Khất sĩ rằng: “Mỗi người học chữ phải trau dồi đạo đức, lấy sự tu chứng làm cứu cánh, sự học chỉ là phương tiện mà thôi, vì học là điều kiện cần, tu mới là điều kiện đủ, có tu chứng mới chấm dứt phiền não, khổ đau, có chứng đắc mới đạt được trạng thái an lạc tịch tịnh, có trạng thái tịch tịnh mới có tính sáng tạo và thích nghi với mọi hoàn cảnh, dẫn thân trên con đường hoàng pháp lợi sanh sẽ vững chãi bằng chính năng lực của mình”. Đây là cơ hội và sự thách thức lớn, để ni giới Khất sĩ trang nghiêm GHPGVN đồng hành cùng dân tộc, ổn định và phát triển đồng thời cũng là sự cúng dường cao thượng nhất, đền ân, báo ân đức Thánh tổ Kiền-đàm-di, chư Ni tiền bối Phật giáo Việt Nam hữu công mà chúng con muốn chia sẻ trong bài viết này.





Trải qua bao thăng trầm của kiếp người, những được mất hơn thua, khổ vui, vinh nhục, con người sẽ dần nhận ra được chân lý bất diệt của đức Phật về khổ và pháp hành chấm dứt khổ đau. Đau khổ là sự thật hiển nhiên và dễ nhận thấy trong đời sống mỗi người. Con đường chấm dứt khổ đau mà đức Phật dạy không đâu khác ngoài việc tự chuyển hóa nội tâm bằng việc thiền tập hằng ngày.

Thật vậy, trong cuộc sống mà con người luôn phải đối mặt với bao nỗi lo âu sợ hãi và bế tắc, thì thiền tập được xem như một giải pháp khả dĩ đáp ứng những bức xúc nhằm tháo gỡ những bế tắc trong cuộc đời. Thiền định đã trở thành một phong cách sống tỉnh thức có thể áp dụng cho nhiều đối tượng, căn cơ khác nhau, không phân biệt truyền thống văn hóa tôn giáo, được phổ biến trên các phương tiện truyền thông và ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực.

Một tác phẩm Thiền học đặc sắc mà chúng con muốn giới thiệu chư Ni Khất sĩ, đó là bài thơ “Chào Bình Minh” của Cố Ni trưởng Huỳnh Liên. Không chỉ đơn thuần là một bài thơ ngũ ngôn bình thường, mà tác phẩm còn là một kim chỉ nam quý báu đáng ghi nhớ nằm lòng đối với các hành giả NGKS đã và đang thực tập Thiền.

Tinh thần thiền “chánh niệm tỉnh giác” đã trở thành nếp văn hóa và phổ cập trong mọi tầng lớp dân chúng Việt Nam, đó là tinh thần “cư trần lạc đạo” đã thể hiện trọn vẹn tinh túy Thiền “ở đây và bây giờ” không truy cầu quá khứ, không ước vọng tương lai, một nếp sống lành mạnh thực tế.

*Hãy chăm chú hôm nay,
Vì nó là đời sống.
Tuy ngắn chẳng bao dai,
Nhưng vẫn đề quan trọng.
Sung sướng lúc vượt lên,*



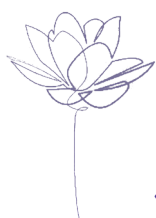
Vẽ vang khi hành động.
Rực rỡ của thành công,
Sự sống trong đời sống.
Hôm nay một giấc mơ,
Ngày mai là ảo vọng.
Nếu hôm nay sống vui,
Thấy hôm qua đẹp mộng.
Thấy ngày mai xinh tươi,
Vậy hôm nay vui sống!

Ngay câu đầu tiên của bài thơ, chúng ta đã nhận thấy tư tưởng thiền tập tuyệt vời, nhấn mạnh sự tỉnh thức chứ không chối bỏ hiện thực của cuộc sống mà Cố Ni trưởng muốn nhấn gởi: “Hiện tại lạc trú”.

Hãy chăm chú hôm nay,
Vì nó là đời sống.

Hôm nay tức là không phải hôm qua hay ngày mai. Hôm nay tức là ngay trong phút giây hiện tại. Bậc trí giả không bao giờ hoài niệm quá khứ, than thở, buồn phiền hay trách móc những lầm lỗi lỡ tạo, hay tiếc nuối, nhớ nhung về thời vàng son đã qua. Bậc trí giả cũng không bao giờ mơ mộng, suy tưởng hay ước vọng về tương lai hảo huyền chưa đến. Trong hai câu đầu tiên này, Cố Ni trưởng muốn khuyên hành giả nên an trú tâm trong hiện tại, đừng để tâm rong ruổi đi hoang trong hai miền quá khứ và tương lai, tức là đừng vọng tưởng, cần phải chánh niệm tỉnh giác (vì có vọng tưởng thì tâm không an định sáng suốt, phiền não sẽ phát sinh, tâm si mê điên đảo).

Đây cũng chính là bước đầu căn bản của thiền: Tâm hành giả như con trâu chưa chịu đứng yên, nó cứ đi rong, phá hại lúa mạ. Người chăn phải nắm dây mũi giữ nó ở yên một chỗ. Như thế gọi là “chế tâm nhất xứ” theo lời kinh Di Giáo, tức là định. Trong





kinh Niệm Xứ, bài kinh số 10 thuộc Trung Bộ kinh, đức Phật dạy về pháp thiền Tứ niệm xứ như sau: “Tỳ-kheo sống quán thân trên thân, quán thọ trên các thọ, quán tâm trên tâm, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời”. Trong kinh Thân Hành Niệm, đức Phật cũng dạy các thầy Tỳ kheo niệm hơi thở vô, hơi thở ra trên thân, quán các oai nghi của thân đi, đứng, nằm, ngồi đều có chánh niệm tỉnh giác, quán các cử chỉ của thân, nhất cử nhất động đều ý thức rõ ràng, trọn vẹn. Bởi vì đời sống của chúng ta:

*Tuy ngăn chằng bao dai,
Nhưng vẫn để quan trọng.
Sung sướng lúc vượt lên,
Vẽ vang khi hành động.
Rực rỡ của thành công,
Sự sống trong đời sống.*

Đây chính là tinh thần thực tiễn, thực tại của pháp tu này giúp chúng ta ý thức trọn vẹn về sự sống, những gì đang diễn ra trong hiện tại, giúp tâm an ổn không xao động (buồn, thương, oán, giận...), không rơi vào những trạng thái tâm lý tiêu cực như: lo lắng, sầu não, nuối tiếc, hoài nghi, bất mãn, tham luyến... Nhờ đó mà cuộc sống có an lạc hạnh phúc, sung sướng khi vượt qua tất cả những phiền não ai oán trong kiếp nhân sinh, vẽ vang khi tạo tác các hành động thiện lành mang đến lợi ích cho tự thân và tha nhân, khi ấy thành công rực rỡ tức là hạt giống thiện lành đã gieo trồng và chăm bón đến thời kỳ đơm hoa trở quả.

*Hôm nay một giấc mơ,
Ngày mai là ảo vọng.*

Sống và kinh nghiệm bao nhiêu năm trên cuộc đời, mọi người trong chúng ta đều ý thức rõ ràng về sự vô thường giả tạo của kiếp

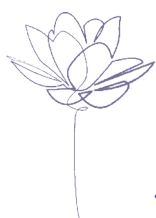


sống tạm bợ này. Tại sao Cổ Ni trưởng lại bảo rằng, hôm nay một giấc mơ còn ngày mai là ảo vọng. Như vậy thì ý nghĩa của đời sống rốt cuộc là gì? Ở đây cần phải hiểu rằng, giấc mơ là huyền hoặc, mông lung, ảo vọng là không thật, giả dối. Chánh niệm tỉnh giác ngay phút giây hiện tại tức là không dính mắc, tham đắm vào những dục lạc trong hiện tại hay mơ mộng ảo tưởng về các dục lạc muốn có trong tương lai. Chánh niệm là quan trọng, là cái cần theo hành giả suốt lộ trình tu tập. Tham ái vào ngũ dục làm cho tâm não động và hỗn loạn. Khi biết xả bỏ tâm sẽ nhẹ nhàng không còn rối loạn.

Hạnh phúc cao nhất là hạnh phúc của sự quán chiếu nội tâm, thấy rõ diễn biến của sự vật. Người nào, với tâm đơn sơ mộc mạc, biết thưởng thức rằng mỗi một phút giây đều tươi mát, đều mới mẻ thì sẽ hưởng hạnh phúc lớn lao. Niềm hỷ lạc lớn lao trong hiện tại sẽ đến từ một cái tâm đơn giản, mộc mạc, không điều kiện; nhận biết trực tiếp không xuyên qua sự suy nghĩ. Do đó, chúng ta nên hiểu rằng

*Nếu hôm nay sống vui,
Thấy hôm qua đẹp mộng.
Thấy ngày mai xinh tươi,
Vậy hôm nay vui sống!*

Vui sống tức là sống trong chánh niệm tỉnh giác, trong an vui hỷ lạc chứ không phải niềm vui tình trần giả tạo của thế gian. Nếu tất cả chúng ta biết hành theo lời dạy của Cổ Ni trưởng qua bài kệ này, chúng ta sẽ tăng cường năng lực mạnh mẽ trong nội tâm, đủ sức vượt qua mọi phong ba bão táp cuộc đời. Leo núi cần có sức mạnh thể chất. Nếu không đủ sức mạnh, thì ngay từ lúc đầu chúng ta sẽ cảm thấy mệt mỏi và không thoải mái. Nhưng khi cơ thể bắt đầu mạnh hơn; việc leo núi sẽ dễ dàng hơn. Việc tu tập tâm ý cũng vậy. Khi sự tập trung chuyên chú ngày càng mạnh thì việc





an trụ tâm sẽ bớt khó khăn hơn. Hiểu biết giáo pháp và thực hành là một điều rất hiếm hoi và quý giá. Là môn đệ, là hàng hậu học, mỗi người trong chúng ta phải tự ý thức việc tu tập tự thân là ưu tiên số một trong tất cả công việc hằng ngày. Vượt lên chính mình, vượt lên những phiền não âm thầm hay dữ dội đang hành hạ, chế ngự bản thân hằng ngày là chiến thắng vinh quang, rạng rỡ nhất mà mình cần phải vươn tới.

Từ bài thơ “CHÀO BÌNH MINH” trên, mong rằng cá nhân mỗi hành giả Ni giới Khất sĩ có thể suy gẫm, quán chiếu tự thân để trải nghiệm được những phút giây hiện tại lạc trú trong đời sống, tuy rằng trú xứ mỗi vị mỗi nơi, hành đạo mỗi người mỗi hạnh nhưng mục tiêu chính là quả vị tu chứng. Đó là điều kiện cần và đủ mà Ni giới Khất sĩ Đồng Nai đồng hành cùng dân tộc, ổn định và phát triển dâng lên cúng dường cao thượng nhất đức Thánh tổ Kiêu-đàm-di, Cố Ni trưởng Huỳnh Liên, chư ni Tiền bối Phật giáo Việt Nam hữu công.

Bài viết của chúng con còn nông cạn, sự hiểu biết còn hạn chế. Kính mong chư tôn Thiên đức Ni trong Phân ban Ni giới Trung ương, Phân ban Ni giới các tỉnh thành hoan hỷ chỉ dạy thêm cho, chúng con xin y giáo phụng hành. Kính chúc buổi tọa đàm thành công tốt đẹp. □



Tịnh xá Ngọc Tuệ

Hướng dẫn khóa tu đạo hạnh cho
chư ni trẻ và Phật tử





Tặng quà khuyến học hằng năm cho các em học sinh nghèo



Cứu trợ đồng bào lũ lụt miền Trung



Công hạnh và đạo nghiệp NI TRƯỞNG SIÊU LIÊN (1937-2008)

Ni trưởng Siêu Liên xuất gia với Đệ nhất Ni trưởng Huỳnh Liên năm 25 tuổi, nhân dịp Ngài hướng dẫn đoàn du tăng khát sĩ về hành đạo thuyết giảng tại làng Phổ Lại - Quảng Trị, quê hương của Ni trưởng.

Sau ngày xuất gia tu học, khép mình trong giới luật của chốn Thiền môn, soi sáng tự thân, nuôi dưỡng các hạnh lành của bậc Ni lưu Thích tử, cho nên đã được Đệ nhất Ni trưởng phân bổ về hành đạo tại nhiều nơi như ở Cà Mau, Long Xuyên, Bến Tre, Đà Lạt...

Năm 1968 Ni trưởng học Trung đẳng Phật học tại Phật học viện Diệu Đức - Huế. Năm 1972 đến năm 1975 vào thành phố ở Nhà Mới - Phú Nhuận để tiếp tục con đường học vấn tại Ni Viện Hoa Quang. Trong thời gian này Ni trưởng theo Cố Ni trưởng Đệ nhất tham gia các phong trào đấu tranh đòi quyền sống, đòi độc lập hòa bình cho đất nước dân tộc noi theo bốn nguyện của Cố Ni trưởng :

*Nguyện xin hiến trọn đời mình,
Cho nguồn Đạo pháp cho tình quê hương.*

Sau ngày đất nước hòa bình thống nhất, theo sự chỉ dạy của Cố Ni trưởng, Ni trưởng về làm rẫy tại vùng đất Gia Liêu, Long Khánh.

Đến năm 1979, Cố Ni trưởng Đệ nhất dạy Ni trưởng về trụ trì Tịnh xá Ngọc Long, hành đạo tại mảnh đất quê nghèo xã Xuân Hoà, Rừng Lá căn cứ 4. Nơi này đã được Đệ nhất Ni trưởng phác họa một bài thơ.

*Căn cứ Bốn, Xuân Hòa rừng lá,
Bồng nổi lên Tịnh xá Ngọc Long.*





*Cây xanh bát ngát cánh đồng,
Núi xanh hùng vĩ bao vòng chở che.*

Với sứ mạng “Trụ pháp vương gia, trì Như Lai tạng”, vào năm 1990 Ni trưởng cùng Ni trưởng Hiếu Liên trùng tu Tịnh xá Ngọc Long và phát triển đạo tràng thật trang nghiêm, rạng rỡ, tế độ rất nhiều Tăng Ni xuất gia cũng như nam nữ đệ tử tại gia.

Năm 1990 Phật tử Tỉnh Ngọc phát tâm hỷ cúng cho Ni giới Hệ phái Khất sĩ căn nhà đơn sơ tại ấp Phú Bình, Gia Liêu. Được Đề nghị Ni trưởng Bạch Liên chứng minh tiếp nhận và đặt bảng hiệu là Tịnh xá Ngọc Phú.

Năm 2003 Ni trưởng cùng Ni trưởng Hiếu Liên bắt đầu trùng tu ngôi đạo tràng Tịnh xá Ngọc Phú. Giờ đây ngôi đạo tràng Tịnh xá Ngọc Phú đã khang trang, chưa kịp khánh thành thì Ni trưởng đã vội ra đi.

Hàng đệ tử hơn 50 người từ trong cơm thiền sữa pháp của Ân sư nuôi dưỡng giới thân huệ mạng, nay đã trưởng thành, có người thành đạt tốt nghiệp tiến sĩ, thạc sĩ, hiện đang giảng dạy tại Học viện Phật giáo Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh; 8 vị đang du học tại Trung Quốc, Ấn Độ; hơn 20 vị đã tốt nghiệp và đang học Cử nhân Phật học, Giảng sư; và các lớp Cao đẳng, Trung đẳng tại các tỉnh, thành... Ngoài ra còn có các chú tiểu được Ni trưởng nuôi dưỡng từ ấu thơ đang học từ lớp mẫu giáo đến lớp 12. Trong số các đệ tử của Ni trưởng có một số vị hiện đang trụ trì hành đạo ở các tịnh xá, tịnh thất, chùa như: tịnh thất Ngọc Viên - Đắc Nông; tịnh thất Ngọc Xuân - Cẩm Mỹ, Đồng Nai; tịnh thất Ngọc Thọ - Đồng Nai; tịnh thất Ngọc Hoà - Bình Long, chùa Thuận Phước - Long An, tịnh xá Ngọc Hạnh - Bình Thuận, tịnh thất Ngọc Tâm - Ninh Thuận, tịnh thất Ngọc Tân - Đồng Nai.

Vào năm 2007, Ni trưởng cảm thấy sức khỏe ngày một yếu dần, thân tứ đại cũng dần hư hoại, nhưng chí nguyện độ sanh và hạnh nguyện hoàng dương chánh pháp không bao giờ thối chuyển.



Một cuộc đời đạo hạnh, tinh tấn tu hành và chí nguyện lợi sanh, Ni trưởng là tấm gương sáng cho hàng môn đồ cùng chúng sanh noi gương tu học.

*Sống tinh tấn hoằng dương Phật Pháp
Tịch an nhiên nhẹ gót liền đài.*

Ni trưởng viên tịch vào ngày 27/01/2008 nhằm 20/12/ Đinh Hợi, trụ thế 72 tuổi, hạ lạp 47 năm. Như một đóa Ưu đàm ngát hương, dù thuận thế vô thường, vẫn lưu lại cho pháp lý và môn đồ pháp quyến bao nỗi ngậm ngùi kính tiếc.

NI CHÚNG TỊNH XÁ NGỌC LONG
Xuân Hòa, Xuân Lộc, Đồng Nai





Tướng niệm cố Ni trưởng Long Nhiều

■ TKN. HẠNH CHIẾU

Sư Viên Chiếu gọi điện: “Chiếu ơi, viết đôi nét về Ni trưởng Long Nhiều đi”. Con “ạ” một tiếng và giật mình nhớ đến Người. Thế là Long Nhiều với hình ảnh Ni trưởng cứ cuộn cuộn tuôn ra, lộn xộn chen lẫn nhau xô đẩy con về quá khứ.

... Bà ngoại chửi con hết nổi vì cái tật hay khóc nhè, ai dỗ cũng không nín. Vậy mà lần đó về quê, thấy con giẫy giụa trên tay bà, Ni trưởng ẵm xót ngang, tức thì con nín khóc. Thế là duyên trời đã định, Ni trưởng ẵm thẳng về Long Nhiều lúc con 10 tháng tuổi. Về chùa không ai thềm ẵm, không ai thềm dỗ, con tự ẵm tự dỗ, tự bò khắp chùa tìm Ni trưởng mỗi khi đói bụng. Thiền môn làm gì có sữa cho em bé bú, thế là con bú nước cơm. Chỉ phải tội ai dứt con cũng không uống, chỉ Ni trưởng và mẹ dứt con mới chịu uống. Mẹ con bận đi làm cả ngày, còn Ni trưởng đâu có rảnh dứt nước cơm cho con, vì vậy bữa có bữa không, con ốm nhom xanh lè, tới bây giờ cũng còn ốm!

Người sớm truyền trao tam quy ngũ giới cho con từ thuở còn nằm nôi. Định duyên đã như vậy, cho nên lớn lên con chỉ có nước đi tu thôi, chớ chẳng làm ăn gì được cả. Ngày bập bẹ “bà bà”, Ni trưởng mua từng cái bánh chữ dạy con tập ăn tập nói. Lần đó con mê chơi không chịu ngủ trưa, mẹ bắt đi ngủ, con chạy tìm Ni trưởng cầu cứu. Thấy con nhõng nhẽo với Người, mẹ lại càng giận hơn, tìm cây roi mây định tội. Thấy roi con khóc thét, Ni trưởng vội ẵm chạy đi. Mẹ muốn trị cái tội dựa hơi Ni trưởng, nên nhường



theo quát vào mông con một cái, không ngờ Ni trưởng xoay người qua đỡ làn roi ấy. Mẹ thất kinh quỵ xuống sấm hối. Con bỗng nhiên nín khóc, nhìn mẹ rồi nhìn Người. Kể từ đó con không còn nhõng nhẽo nữa. Và cũng kể từ đó, Ni trưởng trở thành bất diệt trong trái tim nhỏ bé của con.

Con lớn lên từ lòng bi mẫn của Người. Một bậc chân tu, khiêm tốn, bình dị, yêu trẻ, thương già, âm thầm cần lao phục dịch đại chúng, chẳng chút than vãn nhọc nhằn. Tới bây giờ vị trí của người trong lòng con, trong cuộc đời tu tập của con, khó có ai thay thế được. Khi lớn lên, con lại xuất gia theo Hòa thượng Trúc Lâm tu thiền. Ni trưởng tùy hỷ, chẳng chút phiền lòng trách cứ, mặc dù cũng có lúc Người mong con trở về.

Ngày Long Nhiếu mở lớp Sơ cấp Phật học phân viện Ni của huyện Thủ Đức, Ni trưởng đích thân ra Thường Chiếu, đánh lễ Hòa thượng xin cho con về dạy học. Hòa thượng bảo: “Nó xuất thân từ Long Nhiếu, bây giờ về phụ Ni trưởng là chuyện đương nhiên thôi”. Ni trưởng vui mừng sụp lạy, không nói được lời nào, ánh mắt nụ cười chân thật dâng lên Hòa thượng, thay cho niềm cảm kích tri ân. Ni trưởng lại một lần nữa làm cho con nhói đau về tấm lòng độ lượng bao dung của một bậc thầy, luôn tha thứ thông cảm cho sự ra đi chưa có ngày trở về của đứa đệ tử, đứa con trong nhà. Bây giờ con có nói thật nhiều, cũng chẳng nói được bao nhiêu về người - Ni trưởng Long Nhiếu, vị thầy đầu tiên của con - một bậc trưởng lão Ni tròn đầy hạnh phúc và lòng bi mẫn vị tha.

Ni trưởng nói ít làm nhiều, cần mẫn mà thanh thản nhẹ nhàng. Không thông minh lịch lãm uyên thâm, chỉ thâm lặng siêng năng, kiên tâm bền chí như tầm nhả tơ. Dùng thân giáo thay cho khẩu giáo, lấy nhẫn nhục mà thắng sự vinh nhục ở đời, xem chiếc thân tứ đại như tấm giẻ rách, tinh tấn bất thối chuyển, hiến dâng cả cuộc đời cho đạo pháp, dần bước trên lộ trình Bồ tát đạo,





vì nhiều ích hữu tình, lợi lạc quần sanh.

Với uy tín và đức độ cao dày, Ni trưởng được thỉnh vào hàng Chứng minh Phân ban Ni giới Trung ương, Cố vấn Phân ban Ni giới quận Thủ Đức. Càng về già, tuổi tác càng cao, Ni trưởng lại càng không biết mệt mỏi với các Phật sự. Nơi nào cần Ni trưởng đến, Phật pháp gọi Ni trưởng đi, luôn luôn có mặt và là cột trụ tinh thần cho đoàn thể Ni giới quận nhà. Trong bất cứ cương vị nào, Ni trưởng vẫn luôn là Ni trưởng, mộc mạc khiêm cung, ăn sao cũng ngon, ngủ đâu cũng được, không thích người hầu kẻ hạ, sống thật đơn giản, dễ gần dễ mến. Về đức hạnh này, chúng đệ tử không ai bì kịp!

Với những nét sáng ấy Ni trưởng là bậc thầy mẫu mực của hàng Ni lưu, là nhân duyên cho Phật tử gieo trồng phước lành, là thiện hữu tri thức cho hàng pháp lữ đồng tu. Ni trưởng là vị Trưởng lão Ni trong Giáo hội, một tảng lâm thạch trụ, gương hạnh sáng lành trong lòng Phật giáo và dân tộc. Ni trưởng mãi mãi là bậc thầy tôn quý của chúng con đời này và cả những đời sau.

Tướng niệm về Ni trưởng, con thành tâm đê đầu đánh lễ cảm trọng thâm ân. Nguyên noi theo dấu chân Thầy, nỗ lực tinh tấn tu học, thừa hành các Phật sự, lòng không xao lãng mệt mỏi. Cúi mong Thầy thương xót chứng tri và tha thứ cho con cái tội lưu lãng phong trần, tới bây giờ vẫn chưa quay về chốn cũ. Nguyên Ni trưởng phù trì cho Ni giới Việt Nam vui sống an hòa trong nếp thiền môn, siêng học siêng tu, lợi mình lợi người, xứng đáng là con gái Như Lai.

Đêm nay, đất Long Thành Đồng Nai, một làn khói nhẹ phưởng phất bay về Long Nhiếu... nhớ lắm mái chùa xưa. □





PHẦN III

Ni giới Đồng Nai



Đồng Nai và Ni Giới

■ TKN. NHƯ ĐỨC

I. Xuất xứ tên gọi

Đồng Nai nghĩa là đồng có nhiều nai, địa danh gọi nhớ miền đất phía Nam rất xa, từ Bình Thuận chạy mãi miết về phía Biên Hòa - Gia Định, là vùng mở cõi từ hơn 300 năm trước. Sách *Gia Định Thành Thông Chí*, cụ Trịnh Hoài Đức đã cho biết, “Đồng Nai là tên riêng của trấn Biên Hòa, chữ Hán là Lộc Dã còn gọi là Lộc Động... Ban đầu mới mở đất Gia Định thì bắt đầu từ Đồng Nai...”. Từ đó, chúng ta có ý thức rằng tên tỉnh Đồng Nai của mình đã bao gồm một thời hào hùng của những người đặt bước chân Nam tiến.

Ký ức về sự hưng thịnh, Phật pháp truyền bá rộng rãi, cũng được Trịnh Hoài Đức ghi lại trong bài thơ tặng thiền sư Viên Quang - Tổ Tông:

Ức tích thái bình thì
Lộc Động phương thịnh mỹ
Thích Ca giáo hưng sùng
Lâm ngoại tổ phú quý...

*Nhớ xưa thuở thái bình
Đất Đồng Nai thịnh mỹ
Đạo Phật được hưng sùng
Nhà ngoại thêm phú quý...*

Thời thái bình là thời gian vua Gia Long ổn định cơ nghiệp,





các thiền sư hoàng pháp ở vùng Đồng Nai - Gia Định rất nổi tiếng. Tổ sư Nguyên Thiều có một thời chấn tích, các thiền sư đồng thời trụ trì các ngôi cổ tự ở Đồng Nai như chùa Đại Giác, chùa Long Thiền, chùa núi Châu Thới, chùa Bửu Phong, chùa Kim Cang... Hiện tại các tổ đình, nơi nhà Tổ còn hình ảnh uy nghiêm. Phật pháp hưng thịnh, người người được giáo hóa, một bộ phận nữ giới nhân đây thấm nhuần mưa pháp. Có thể kể lại đôi nét về công hạnh các ngài.

II. Người hướng dẫn mở cõi

Người có công lớn đầu tiên với đất Đồng Nai là công nương Ngọc Vạn, con của chúa Sãi Nguyễn Phước Nguyên - trị vì Đàng Trong từ 1613 đến 1635. Năm 1620, chúa Sãi gả công nương Ngọc Vạn cho vua Chân Lạp Chey Chetta II, được vua phong tặng danh hiệu hoàng hậu.

Công nương Ngọc Vạn là cầu nối giao hảo giữa hai nước Chân Lạp - Việt Nam, như công nương Ngọc Khoa em của Ngọc Vạn cũng được chúa Nguyễn Phước Nguyên gả cho vua Chiêm Thành, làm cầu nối mở mang đất Khánh Hòa. Công nương Ngọc Vạn xin vua Chey Chetta II cho người Việt được khai khẩn làm ăn ở vùng đất lưu vực sông Đồng Nai. Vùng thượng nguồn sông Đồng Nai có thể từ Đơn Dương - Lâm Đồng. Đơn Dương xưa còn tên gọi là Đồng Nai thượng - từ đó ôm quanh rừng núi mà chảy xuôi về đồng bằng. Nhìn trên phi cơ, con sông như sợi chỉ bạc, len lỏi khuất khúc giữa thượng ngàn, phố xá dân cư hiện tại chỉ là những mảng rời đây đó. Đủ biết núi rộng sông dài bao la của Đồng Nai vô kể. Dẫn đông dài về địa lý một chút để biết thời xưa, người mình về đây như bị nuốt chửng giữa thiên nhiên.

Hiện tại, nơi chùa Quốc Ân Kim Cang - huyện Vĩnh Cửu Đồng Nai, có ngôi tháp mộ hướng vọng kỷ niệm hai công nương và bài thơ vịnh công lao hai vị nữ tiền nhân hướng dẫn Nam tiến.



Cảm vịnh công lao hai công nương Ngọc Vạn - Ngọc Khoa

Hồng Lạc ta đâu hiếm nữ tài
Nghìn xưa Trưng Triệu đã từng oai
Nơi gương Khoa, Vạn, hai công chúa
Một sớm ra đi mở đất đai.
Mối tình hữu nghị Việt Chiêm Miên
Thần xi mong sao được vững bền
Chúa Sãi bao năm nhờ diệu kế
Giữ miền Nam Á đặng bình yên.
Đời vốn quen dùng sức lửa binh
Gây nhiều thảm họa khổ sinh linh
Riêng đây ngọc lụa thay gươm giáo
Trăm họ âu ca hưởng thái bình.

III. Am tĩnh tu

Vào thời các chúa Nguyễn (1558-1802) có một số ít ni cô nổi danh được sách sử địa xưa kể đến, riêng Đồng Nai có Ni sư Lượng tu trì ở núi Châu Thới.

Sách Đại Nam Nhất Thống Chí trong mục Sơn xuyên tỉnh Biên Hòa ghi lại: Núi Châu Thới ở phía Nam huyện Phước Chánh 31 dặm, đồi núi kéo dài đến giáp giới Thủ Đức. Khoảng giữa núi Châu Thới thuộc thôn Long Sơn, huyện Long Thành ở trên gò bằng cao ráo có am Vân Tĩnh là nơi ni sư Lượng tĩnh tu, di chỉ nay vẫn còn.

Để được ghi vài dòng trong sách, phải biết công hạnh thời danh của người được truyền tụng như thế nào, nét đẹp u nhã của chùa ni được giới văn nhân lưu tâm không ít. Sách *Nhất Thống Địa Dư Chí* của Lê Quang Định có ghi: Xưa có ni cô tên là Lượng, lập am Vân Tĩnh, tuy đã hủy phước mà phong cảnh vẫn còn khả quan. Thuở trước có khách đến vịnh thơ rằng:





*Chùa đổ nát, rừng hoang sơ
Bụi đầy rêu phong nét cảnh mờ.
Tháp cũ chân trâu còn qua lại
Ao sen vết ngựa uống đục lờ.
Hoa ngậm nỗi buồn riêng muôn thuở
Cỏ phủ, xuân tàn chẳng riêng mơ.*

Đôi dòng dịch thơ gương gạo, cũng còn mừng là được đọc thấy di tích một bậc Ni sư tu nơi rừng vắng.

IV. Vương gia với cửa chùa

Chùa Đại Giác, Cù Lao Phố, có thể được xây dựng rất xa xưa, hậu bán thế kỷ XVII, chưa biết được Tổ sư khai sơn. Cho đến thế kỷ XVIII thiền sư Thành Đăng - Minh Lượng chấn tích hoàng hóa xây dựng thành một ngôi Tổ đình khang trang. Các thiền sư xuất thân từ đây đã về Gia Định khai sơn các ngôi cổ tự phương Nam như Từ Ân, Khải Tường, Giác Lâm, từng được triều đình nhà Nguyễn phong chức Tăng cang, giảng pháp trong nội cung.



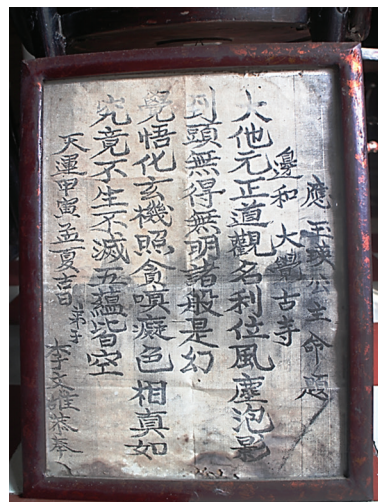
Thời gian thiền sư Tổ Ấn - Mật Hoàng trụ trì chùa Đại Giác, Nguyễn vương Phúc Ánh cùng hoàng gia từng tạm ngụ tại chùa. Công chúa thứ ba là Ngọc Anh đã xuất gia thọ giới với ngài Mật Hoàng, tu tại đây khoảng năm năm. Năm 1802, Gia Long lên ngôi, ban chiếu chỉ trùng tu chùa. Năm 1820, Minh Mạng nguyên niên, công chúa dâng cúng tám biển đề tên “Đại Giác tự”, hiện vẫn còn.



Công chúa cũng lưu lại một câu đối do tự mình chích máu ngón tay, viết trên lụa, ý tứ thâm trầm.

*Đại tha nguyên chính đạo, quán
danh lợi vị phong trần bào ảnh, đảo đầu
vô đặc vô minh, chư ban thị huyền.*

*Giác ngộ hóa huyền cơ, chiếu tham
sân si sắc tướng chân như, cứu cánh bất
sinh bất diệt, ngũ uẩn giai không.*



Nếu không thấu hiểu ý kinh lời Tổ, không chiêm nghiệm toàn bộ đổi thay của nhân sinh, làm sao có một nhận thức sâu xa, siêu thoát như thế.

Một vị cư sĩ đã đề thơ tặng:

*Đại Giác, Đồng Nai tiếng đã giương
Danh lam thắng cảnh tỉnh noi gương.
Gia Long ngự ẩn cơn điên đảo
Công chúa biến dâng lúc thái bường (bình).*

*Tiên tổ khai cơ công đã trọng
Hậu nơn kế thế, khó xem thường.
Mỗi đời đều có phần công nghiệp
Miên viễn lưu truyền nổi lửa hương.*





V. Ngôi tháp đặc biệt

Trong khu vực tháp Tổ đình Long Thiền, có ngôi tháp trang nghiêm, chân dung ngài Yết-ma Thiện Niệm, khi đọc tên người Marguerite Benz, không thể tưởng đây là một vị Sư bà. Lăn theo dấu vết, rất có nhiều khám phá.



Tấm bia ghi rõ chức danh và hành trạng. Ngài là Yết-ma Long Thiền tự, nguyên trụ trì chùa Hiển Lâm, Trưởng Hoàng pháp Giáo hội Lục Hòa Tăng, Hội trưởng Hội Lục Hòa Phật tử miền Đông. Vị trí trang trọng trong nhà Tổ của Long Thiền, bức hình uy nghiêm tăng bào, mũ hiệp chương, đường bệ ngôi Sứ giả Như Lai. Hai bên có câu:

*Bạc tiền nhân dày công vun đắp
Chúng hậu lai ghi tạc ơn sâu*



Từ tổ đình Long Thiền đi về xã Hóa An, quanh co theo đường đá ong khuất khúc, sẽ đến chùa Hiên Lâm (còn gọi là chùa Hóc Ông Che), nơi phát tích của Sư bà. Trước chùa có bức tượng Sư bà bằng đá xanh, tạc tư thế ngồi lần chuỗi, mắt và mũi nét Tây phương.

Thiền sư Huệ Lâm khai sơn ngôi chùa này, là thầy xuất gia thế độ Sư bà Thiện Niệm. Sư bà gia đình gốc Pháp, nhân duyên đặc biệt đến tu tại đây, căn cơ thông minh, xuất gia rồi hình thức như tăng, giỏi tiếng Pháp, giao thiệp lanh lẹ nên bao phen che chở chùa và nhân dân chung quanh thoát nạn bố ráp.





Khi thiền sư Huệ Lâm tịch, phó chúc Sư bà tiếp tục trụ trì chùa Hiến Lâm - thời chiến tranh, nơi đây mất an ninh, Sư bà tạm tản cư về tá túc chùa Long Thiền, giúp đỡ hoạt động cách mạng cho Hòa thượng Long Thiền. Giáo hội Lục Hòa Tăng tấn phong Sư bà làm Trưởng ban Hoằng pháp, danh xưng quan trọng tiếp xúc ngoại giao với chánh quyền, ân đức của Sư bà rất lớn.

Trên trang mạng viết: Đây là trường hợp hiếm hoi trong lịch sử Phật giáo Đồng Nai nói riêng, và Phật Giáo Việt Nam nói chung, vì là người phụ nữ Phương Tây tu và thành đạo đầu tiên duy nhất ở Việt Nam.





VI - Hy sinh thầm lặng

Chùa Cồ Đàm, Long Thành - Đồng Nai, trên trục quốc lộ 51, được giới tài xế quen gọi là chùa Phật vàng. Ẩn cư trong vườn chùa bóng mát, bên dòng nước nhỏ đầm mùi sầu riêng, Ni trưởng Như Đức - được gọi thân quen là Sư bà Năm, viện chủ chùa Cồ Đàm. Hình bóng gầy gò kham nhẫn, ít khi tiếp xúc, vẫn âm thầm với từng thời thiền định, tụng kinh, lễ Phật. Đến khi viên tịch, đọc tiểu sử mới hay bên trong dáng vẻ khiêm cung ấy là một tinh thần bất khuất.



Ghi chép của người hoạt động đồng thời với Ni trưởng: ...Ni trưởng Như Đức còn gọi là Ni sư Năm, là một thành viên trong Hội Liên hiệp Phụ nữ cứu quốc. Với các hoạt động trong căn cứ nội đô, Ni trưởng được Trung ương Cục mời vào mật khu, lên đài phát thanh kêu gọi Phật giáo đồ ủng hộ công cuộc thống nhất... Các đồng chí Võ Văn Kiệt, Huỳnh Tấn Phát đề cử Ni sư Năm đại diện Ni bộ và Phật giáo đồ miền Nam dự

hội nghị Phật giáo thế giới tại Bắc Kinh năm 1970, nhưng bị trễ chuyến phi cơ Nam Vang - Bắc Kinh, hội nghị chỉ đọc phát biểu của Ni trưởng, do một Thượng tọa người Bắc nói thay.

Suốt tròn 80 năm, tiếng nói và sự đóng góp tài lực vật lực của Ni trưởng làm rạng rỡ Phật pháp, cứu độ chúng sanh. Ni trưởng là một trong những gương mặt nữ giới đóng góp, hy sinh cho đại cuộc nước nhà. Chúng ta nêu lên tấm gương người như một hình ảnh chung đáng trân quý.





VII. Đồng hành và phát triển

Một trong bốn ân lớn mà giới tu sĩ cảm trọng là ân đất nước, sinh sống hoạt động, trên vùng miền là nhận từ đó những chất liệu ơn ích cho mình. Được kế thừa những gương sáng tiền nhân, hiện tại ni chúng bộ ở Đồng Nai hết sức tỏ ra xứng đáng với những gì mình nhận được, phát huy khả năng để làm rạng rỡ thêm.

Thành phố Biên Hòa, vùng đất trung tâm địa linh nhân kiệt, quý Ni trưởng là ngọn cờ đầu của Ni chúng toàn tỉnh. Ni trưởng Huệ Hương, Ni trưởng Huệ Giác, hai bậc tôn túc ni đồng hành với tất cả hoạt động xã hội và hoạt động Ni giới. Giới ni trẻ kế thừa tiếp bước, Ni sư Kim Sơn, Ni sư Như Nhân, Ni sư Như Định, Ni sư Như Dung, Ni sư Huệ Tâm, Sư cô Diệu Trí, Sư cô Tịnh Đạt... mỗi người một phần việc, có mặt xuyên suốt trong các hoạt động hành chánh, từ thiện xã hội, giáo dục, hoằng pháp,... Những khi hội họp ở trụ sở Tỉnh hội, được gặp mặt nhau dù không nói chuyện gì nhiều, nhưng cũng thấy vui vì người đồng hành với mình, đồng hành với chư Ni cả tỉnh để bước theo dấu chân Di mẫu.

Huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Thống Nhất, Vĩnh Cửu rất gần thành phố, tuy vậy cũng mất thời gian đi xe vì đường công nghiệp thường bị kẹt. Long Thành có số lượng ni đông, thêm trường Trung đẳng Phật học Phân hiệu Ni góp mặt, ni sinh trẻ được chăm sóc nội trú dưới tay Ni sư Thuần Ân, không dám rời nửa bước. Các thiền viện ni hội tụ Linh Chiếu, Viên Chiếu, Trí Đức Ni,... chư ni chung quanh Tổ đình Thường Chiếu sẵn sàng tạm ứng nếu thiếu người đi đứng cho đông. Ni trưởng Linh Chiếu bậc giáo hạnh Ni của tỉnh, luôn giữ gìn nề nếp tông phong sinh hoạt thường xuyên với Ni giới tỉnh từ những thập niên 70 thế kỷ trước. Ni trưởng Như Hạnh, chùa Long Hoa, Giám luật Ni của tỉnh, trần trở vì tính cách hiện đại... hại điện gần đèn đầu của một số ni ngoài vòng, thường xuyên bức xúc vì chữ Luật quá khó.



Guơng mặt trẻ tiêu biểu có Ni sư Thánh Hiếu chùa Vân Long, Ni sư Liên Khai chùa Thanh Trì, Sư cô Chơn Không chùa Tuấn Chính, Sư cô Linh Tuệ, Sư cô Linh Toàn... luôn hoạt động năng nổ, nêu cao tinh thần tu học, phát triển theo nhịp sống đất nước.

Ni trưởng Quang Mỹ, Trưởng ban Ni giới huyện Nhơn Trạch, chăm lo ni chúng tại huyện an cư chu đáo ấm lòng. Tuy già thân gầy nhưng xương cứng, có mặt trên từng cây số từ thiện Lai Châu, Điện Biên, miền Tây Bắc biên giới,... đi không sợ khổ vì có máy bay hỗ trợ, thêm vài viên thuốc bổ. Huyện Nhơn Trạch vắng bóng Ni sư Thắm Liên, cũng già đầy bệnh nhưng nếu Giáo hội kêu gọi ủng hộ ẩm thực liền ra tay không sợ nhọc. Kế thừa tinh thần phụng sự, Sư cô Phương Liên tiếp tục trong công tác ẩm thực.

Các huyện ở xa, Tân Phú, Định Quán gần giáp Lâm Đồng, chư ni gần gũi người dân tộc, thấp thoáng trong núi rừng những bàn tay cần mẫn vườn rẫy, chăm sóc trẻ em, người già neo đơn, người mù bệnh tật. Lớp học tình thương huyện Định Quán của Ni trưởng Như Thiền là mô hình gương mẫu. Bên sông La Ngà vẫn chảy xuôi dòng, mang tấm lòng tu sĩ về với biển. Trị An đơn sơ đôi bóng chùa ni, chung tay với xã hội trong phương tiện ít oi của mình. Cửa cho không bằng cách cho, nét hoan hỷ từ bi của chư ni trẻ tuổi dần thân là điệu gió mát cho mọi người.

Huyện Long Khánh - Xuân Lộc đất màu mỡ sâu riêng chôm chôm, chư Ni mở rộng hạnh nguyện theo từng mùa cây trái. Ni trưởng Diệu Chánh, Trưởng ban Ni giới huyện Long Khánh, luôn có mặt đồng hành với chư Ni toàn tỉnh trong mọi Phật sự cần thiết. Ni trưởng Chơn An, trụ trì Trúc Viên Lan Nhã, trưởng ban Nghi lễ của chư Ni tỉnh hội, phong thái ảnh hưởng nề nếp thiền gia, chuẩn mực trong từng hoạt động. Tiếng xướng lễ và dẫn thỉnh âm vang trong từng giới đàn, hạnh nghi nhu hòa, huấn luyện đệ tử kế thừa theo khuôn mẫu. Quý Ni trưởng, Ni sư ở Xuân Lộc miền đồi núi,





thích tĩnh tu ẩn cư, vẫn về góp mặt mỗi phiên họp, kể chuyện lá cây và suối rừng được nghe kinh. Huyện Xuân Lộc, trong vùng dân tộc Châu Ro xa vắng, hiện diện mái ấm Linh Quang của sư cô Phong Điều nuôi dưỡng trẻ lang thang, người già neo đơn, chia phần cơm yêu thương cho bệnh nhân nghèo ở bệnh viện Cẩm Mỹ, bệnh viện Y Dược Đồng Nai. Việc làm của một Sư cô trẻ, trú xứ thị thành mà về nơi quê vắng, là hoạt động thường được chư Ni chú ý học tập,



đem khả năng ủng hộ xã hội thoát khổ. Đây là một hình ảnh biểu trưng cho vô số hình ảnh hoạt động xã hội của chư Ni.

Huyện Trảng Bom, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, quý Ni sư Trưởng ban Ni giới huyện, có mặt trong từng phiên họp, không nói nhiều chỉ có sự hiện diện làm hoan hỷ nhiều người.

Một bộ phận rất lớn chư ni hệ phái Khất sĩ góp mặt trong đoàn Ni giới tỉnh nhà. Hình ảnh áo vàng khoan thai, tiếng tụng kinh âm Việt Nam thuần túy, những bước chân ngày xưa đi trên đất, đầu trần không khăn nón, là hình ảnh thân thiện gần gũi không gây khoảng cách với người tiếp xúc. Những hình ảnh gợi nhớ đức Phật và Tăng đoàn, Di mẫu và chư vị Tỳ-kheo-ni trong màu y áo vàng như buổi sáng tinh sương.

Ngày xưa Phật không mặc áo tràng đà, nâu, hay lam... không chạy xe tay ga và xài laptop. Lẽ dĩ nhiên mỗi thời đại, quốc độ có một nét riêng, mình không





cần cố chấp quá. Thời đại này không thể đi chân trần vì rất nguy hiểm. Nhưng bước chân và màu y khất sĩ là biểu trưng của một đời sống chậm rãi khoan thai.

Ở huyện Long Thành, gần nhất và thường gặp có cố Ni trưởng Nguyên Liên giữ chức Thủ quỹ Ban Đại diện của huyện. Ni trưởng Nguyên Liên tịnh xá Ngọc Thành và Ni trưởng Tấn Liên tịnh xá Ngọc Phước cùng với chúng tôi dự đại hội Phật giáo đầu tiên của tỉnh, ở chung một phòng, ăn cơm chung bàn, chia sẻ niềm vui còn rất trẻ. Bên cạnh Thường Chiếu là một bộ phận chư Ni ở tịnh xá các nơi về, đông đảo vất vả trong ngày đầu cư trú xây dựng, vẫn rất hiền hòa khi gặp huynh đệ thăm hỏi, tự xưng tiếng “trò” thật chân tình.

Thành phố Biên Hòa có Tịnh xá Ngọc Uyển, Ngọc Bửu cung cấp chỗ ở cho chư Ni mỗi khi Đại giới đàn. Đó là những tịnh xá quan trọng trong hệ phái chư ni Khất sĩ, đào tạo nhiều vị Ni trưởng Ni sư hoạt động nhiệt tình. Long Khánh có Ni trưởng Chiêu Liên, Hiếu Liên, Cố Ni trưởng Siêu Liên là bậc tôn túc chứng dự các Đại giới đàn của tỉnh.

Chủ trương của chư Ni hệ phái Khất sĩ ngày trước là tìm về những nơi xa xôi vắng vẻ, người dân chất phác mộc mạc, ở giữa cuộc đời mà đem đạo gần gũi. Vì thế những tịnh xá ẩn khuất trong nhân gian không làm sao biết hết. Chỉ thấy hình ảnh đi trên đường, khát thực, hoặc về tịnh xá ngồi độ ngọc trên nền gạch, từ đó mọi người tìm đến học hỏi, quy y, học cúng dường sát bát. Đạo Phật đi vào cuộc đời qua tính cách giản dị hồn nhiên.

Hệ phái Khất sĩ phát triển sâu rộng, theo nhịp tiến hóa chung, đại chúng theo





học các trường lớp, ra nước ngoài, vân du hoặc tu học tại các trường thiền, vẫn giữ nét truyền thống của mình.

Chư ni Khất sĩ trong tỉnh Đồng Nai lần lượt ra trường tốt nghiệp, làm việc trong văn phòng và các ban của giáo hội, phẩm chất vẹn toàn. Hiện tại có mười vị đã tốt nghiệp tiến sĩ, có các vị đang giảng dạy tại Học viện PGVN, năm vị đang theo học chương trình tiến sĩ. Có các vị đang học thạc sĩ ở Trung Quốc, Myanmar... Sở dĩ nêu lên điều này để thấy sức hoạt động bền bỉ, năng nổ của chư Ni áo vàng.

Chư Ni hệ phái Bắc tông vẫn là người đi đầu trong việc tu học, hành hóa, nhưng có được thêm nhiều bàn tay đóng góp là điều cần yếu để tiến tới thành tựu viên mãn.

VIII- Kết luận

*Một cây làm chẳng nên non
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.*

Ni giới tỉnh Đồng Nai là một phần nhỏ trong hệ thống chư Ni các tỉnh trên cả nước. Đồng Nai địa bàn rất rộng, chư Ni sống rải rác từ vùng xa rừng núi, đến thành phố rộn ràng. Cũng còn rất nhiều khuyết điểm vì gặp gỡ không thường, không đồng bộ. Tiếng nói của Phân ban Ni giới Đồng Nai vẫn là tiếng nói chung của chư huynh đệ. Đồng một lòng lo tu học, giữ chí nguyện giải thoát và cố gắng phụng sự xã hội theo khả năng của mình. Dưới sự lãnh đạo của Chư tôn Giáo phẩm Tăng già, sự khích lệ truyền thông của chư Tôn đức Ni Trung ương, sự hộ trì của các Phật tử, mỗi mỗi ni chúng sẽ là giọt nước hòa chung trên dòng chảy xuôi về biển lớn, cùng có mặt đóng góp theo sự điều hành chỉ đạo của chư Tôn đức tăng già để trang nghiêm đời và đạo. □





Giới thiệu sơ lược **CÁC NGÔI CHÙA Ở ĐỒNG NAI**

Đồng Nai là một tỉnh đông tăng ni và tự viện nhất nhì trong cả nước, riêng Ni giới khoảng 2.800 vị và 212 tự viện. Từ thành phố Biên Hòa đến các huyện vùng xa, nơi nào cũng có hình ảnh chư Ni tích cực đem hết khả năng của mình xây dựng ngôi nhà chung đạo pháp.



1. Thành phố Biên Hòa:

*CHÙA BỬU PHONG



Bửu Phong cổ tự là danh thắng riêng một vùng. Mười bảy đời Tổ sư truyền thừa, Bửu Phong đạo mạch vững vàng. Trải qua bao thế kỷ, phong cảnh uy nghiêm ngày xưa vẫn còn phảng phất trên các ngôi cổ tháp, bên những gộp đá tro gan cùng tuế nguyệt. Khi trang sử Phật giáo từng bước chuyển sang một trang mới, Phật sự vẫn nối tiếp không ngừng. Hiện nay, Trụ trì tổ đình Bửu Phong là Ni trưởng Thích Nữ Huệ Hương, Ủy viên Hội đồng Trị sự GHPGVN, Phó ban Trị sự kiêm Trưởng Phân ban Ni giới tỉnh Đồng Nai, Chuyên trách Đối ngoại - Phó BTS, Trưởng Phân ban Ni giới GHPGVN tỉnh Đồng Nai Hơn 40 năm phụng sự cho Giáo hội và Ni giới Đồng Nai, Ni trưởng đã có nhiều đóng góp lớn lao cho Ni giới tỉnh nhà. Người luôn khuyến tấn hàng hậu học Ni lưu cố gắng hơn, nỗ lực hơn trong công phu tu tập và thừa hành các Phật sự trước thời đại mới.





* CHÙA ĐẠI GIÁC



Đại Giác cổ tự uy nghi trầm mặc, với những ngôi tháp rêu phong lảng động mấy độ xuân thu. Tương truyền vào cuối thế kỷ XVIII, công chúa Nguyễn Thị Ngọc Anh, con gái thứ ba của Nguyễn Ánh trên đường trốn chạy quân Tây Sơn đã đến trú tại chùa một thời gian. Khi Nguyễn Ánh lên ngôi, vì nhớ ơn nên ban chiếu chỉ trùng tu ngôi chùa. Công chúa Ngọc Anh cũng gửi cúng một bức hoành phi lớn, khắc ba chữ “Đại Giác Tự” thiếp vàng, bên mặt có khắc “Tiền Triều Hoàng nữ đệ tam công chúa Nguyễn Thị Ngọc Anh”. Trải qua nhiều lần trùng tu, kiến trúc chùa Đại Giác ngày càng tôn nghiêm, nhưng vẫn giữ được những đường nét cổ xưa. Trụ trì hiện nay là Sư cô Thích Nữ Diệu Trí. Đại Giác tự đã gắn liền với cuộc sống người dân Cù lao Phố, vun bồi đời sống tâm linh cho những người con Phật nơi đây.



* QUAN ÂM TU VIỆN



Quan Âm tu viện có nguồn gốc xuất phát từ Tổ đình Linh Sơn, núi Dinh, Bà Rịa-Vũng Tàu. Năm 1965, Tổ đình Linh Sơn bị bom đạn thiêu hủy. Đứng trước ngôi già-lam trên 200 năm gây dựng bỗng chốc hóa thành hư không, Hòa thượng thượng Thiện hạ Phước và Ni trưởng Huệ Giác đã hướng dẫn trên 600 tăng ni Phật tử và 200 em cô nhi không nơi nương tựa về Biên Hòa tìm đất xây dựng lại chùa. Tu viện được tiến hành thi công vào năm 1966, khánh thành năm 1969. Tuy tọa lạc giữa phố thị đông đúc nhưng tu viện vẫn giữ được sự tĩnh lặng và thanh tịnh. Nét uy nghiêm cổ kính từ ngôi chánh điện, bảo tháp, tăng ni đường... như một nhân chứng lịch sử cho sự phát triển của Phật giáo Đồng Nai nói chung và Liên tông Tịnh độ Non Bồng nói riêng. Hiện Quan Âm tu viện là cơ sở tu học, đào tạo Tăng Ni và có nhiều đóng góp trong phong trào trồng cây gây rừng và công tác từ thiện xã hội.





* TỊNH XÁ NGỌC UYỂN

Tịnh xá Ngọc Uyển tọa lạc trên quốc lộ 1K, Nguyễn Tri Phương, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, do Ni trưởng Huỳnh Liên sáng lập vào năm 1968. Tổng diện tích đất là tám mẫu, trong đó năm mẫu chư ni dùng trồng lúa. Với tám lòng đại bi khi đất nước còn chiến tranh, nhiều mảnh đời cơ nhỡ, Ni trưởng đã kêu gọi những tấm lòng vàng cùng chung tay xây dựng ba cơ sở: Trung tâm nuôi dạy trẻ mồ côi, Cô nhi viện Nhất Chi Mai; Tịnh xá cho chư ni vừa tu học vừa nuôi dạy trẻ, Tịnh xá Ngọc Uyển; và xây thêm một dãy nhà dưỡng lão chăm nuôi các Ni bà trong Ni giới HPKS neo đơn. Sư bà Tín Liên (Thốt Nốt - An Giang) được cử về quản lý, trông coi đầu tiên dưới sự trực tiếp lãnh đạo của Ni trưởng. Năm 1976, cô nhi viện được Sở lao động - TBXH tỉnh Đồng Nai tiếp nhận. Nay trở thành Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật tỉnh Đồng Nai. Qua thời gian nhiều biến đổi, tịnh xá Ngọc Uyển còn khoảng 2,4 mẫu. Chánh điện và cổng tam quan được trùng tu trang nghiêm. Cảnh quang rộng thoáng với tứ động tâm, cây cao bóng mát, nơi dừng chân tĩnh tâm, tham quan của Phật tử gần xa, và là nơi tu học đào tạo ni chúng. Tịnh xá đã trải qua hai đời Trụ trì: Ni sư Đệ Liên (1986 - 1991) và Ni sư Kha Liên kế nhiệm trụ trì từ 1992 đến nay. Bên cạnh việc mở các lớp giáo lý cho Phật tử tu học hằng tháng, Ngọc Uyển đã tổ chức khóa tu truyền thống cho hệ phái. Tịnh xá còn mở phòng Chẩn trị y học dân tộc, mỗi tuần ba ngày, có y bác sĩ khám và cấp thuốc miễn phí cho hàng trăm lượt người.





* CHÙA LONG VÂN



Chùa Long Vân tọa lạc tại ấp Long Đức I, xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa. Phía trái chánh điện là đài Quan Âm lộ thiên cao 3m, bên phải là vườn Lâm-tỳ-ni, nơi đức Phật đản sanh. Đương vi trụ trì là Ni sư Thích Nữ Như Dung, Ủy viên Phân ban Ni giới tỉnh Đồng Nai. Từ năm 2008, Ni sư đã tổ chức các khóa tu Phật thất, cứ hai tháng thì có một tuần Phật thất, để chư Ni có điều kiện thúc liễm thân tâm, chuyên tâm tu trì, trưởng dưỡng giới thân huệ mạng. Long Vân tự cũng là điểm an cư kiết hạ tập trung của chư Ni trong tỉnh, với số lượng hành giả an cư từ 200 đến 300 vị. Đặc biệt hàng năm, cuối hạ có lễ Nhớ về nguồn cội - Sốt bát cổ truyền để tưởng niệm Thánh tổ Kiều-đàm-di, ôn lại truyền thống tốt đẹp thời đức Phật còn tại thế, cũng là gieo trồng những hạt giống lành cho hàng Phật tử tại gia. Ngoài ra, Ni sư cũng chú trọng đến các công tác từ thiện xã hội trong và ngoài tỉnh.





Từ năm 2005 đến 2008, tổ chức được hai khóa lớp Sơ cấp Phật học (Do ban Đại diện huyện Long Thành tổ chức). Năm 2005 đến 2009, thành lập bếp cơm Từ Thiện cho bệnh nhân tại bệnh viện Long Thành mỗi ngày 300 phần cơm.

2. Thị xã Long Khánh:

* TỊNH XÁ NGỌC KHÁNH



Tịnh xá Ngọc Khánh là một trong những ngôi tịnh xá trực thuộc Ni giới Hệ phái Khất sĩ Việt Nam, tọa lạc tại số 93 đường Nguyễn Tri Phương, khu 4, phường Xuân An, thị xã Long Khánh, được thành lập vào năm 1964. Trụ trì hiện nay là Ni trưởng Thích Nữ Chiêu Liên, Cố vấn Phân ban Ni giới tỉnh Đồng Nai. Trải qua hai lần trùng tu, khung cảnh tịnh xá ngày càng trang nghiêm với các Thánh tích như vườn Lâm-tỳ-ni, nơi đức Phật chuyển pháp luân đầu tiên, đài Quan Âm lộ thiên và các dãy Ni xá, khách đường... Tịnh xá Ngọc Khánh nằm trong khu dân cư đông đúc, nên hàng



ngày đều có Phật tử đến lễ bái tụng kinh. Đặc biệt hàng năm, vào ngày 14 tháng 7 âm lịch, đều tổ chức lễ cúng dường Pháp y đến chư tôn đức Tăng Ni và đại lễ Vu Lan báo hiếu rất long trọng.

* CHÙA LONG THỜI



Chùa Long Thới vốn là am tranh nhỏ do người dân lập nên từ năm 1959, tại một khu vực vắng vẻ, xa khu dân cư. Năm 1990, chùa được di dời đến ấp Hàng Gòn, xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh. Năm 1994, Ni sư Thích Nữ Như Dung về trụ trì, trùng tu lại chùa. Năm 1995, xây dựng chánh điện. Năm 2000, xây thêm Ni đường, các công trình phụ và nhà chòi. Hiện nay, khung cảnh chùa đã trang nghiêm với cổng tam quan, những bức chạm trở hình long phụng trên ngôi chánh điện. Bên cạnh tổ chức tu học cho Phật tử, chùa còn thường xuyên tham gia các công tác từ thiện xã hội trong và ngoài tỉnh.





3. Huyện Long Thành:

* THIỀN VIỆN LINH CHIẾU



Thiền viện Linh Chiếu được thành lập vào tháng 4 năm 1980. Dương vi Trụ trì là Ni trưởng Thích Nữ Như Tịnh. Ngôi chùa đầu tiên chỉ là ngôi nhà lá ba căn, vách đất. Gian giữa thờ Phật, tụng kinh và tọa thiền, hai bên là Ni đường. Dần dần, đất hoang thành vườn xanh, mái lá được thay bằng mái ngói. Linh Chiếu ngày nay đã tôn nghiêm quy củ, với một cơ sở Tuệ Tĩnh Đường khám bệnh, cấp phát thuốc miễn phí cho dân nghèo.



4. Huyện Nhơn Trạch:

* CHÙA QUANG MỸ



Chùa Quang Mỹ tọa lạc tại ấp 1, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch. Với diện tích 3000m², Quang Mỹ tự là nơi đông đảo Phật tử địa phương đến lễ bái tụng niệm. Đây là một trong những ngôi chùa lâu đời còn giữ lại nét kiến trúc cổ kính tại Đồng Nai.

Từ ngày Trụ trì năm 1989 đến nay, Ni trưởng luôn tích cực trong nhiệm vụ của mình, Ni trưởng sẵn sàng hỗ trợ và hy sinh vật lực tài lực khi Giáo Hội và Ni giới có nhu cầu. Ni trưởng cũng là tấm gương cho chư ni trẻ trong việc tu học, hành đạo ở tương lai.





5. Huyện Vĩnh Cửu:

* CHÙA BỬU PHƯỚC



Trụ trì: Ni sư Thích Nữ Như Định

Theo lời kể lại của các kỳ lão trong làng, chùa Bửu Phước đã tồn tại cách đây vài trăm năm, di vật còn lại là những mảnh vỡ gạch ngói cùng ngôi tháp Tổ được xây dựng bằng chất liệu ô dước, đồng niên đại với tháp tổ Nguyên Thiều Siêu Bạch. Năm 1945, chùa bị tiêu hủy. Sau này, chùa được dựng lại tại ấp 5 cùng xã. Đến năm 1998, chùa được di dời về vị trí cũ và xây mới hoàn toàn. Đường vào chùa là cổng tam quan uy nghi bằng đá xanh, mái ngói ống lưu ly, trên nóc là tượng rồng mây châu Bát chánh đạo, như tăng thêm vẻ uy nghi cổ kính của ngôi chùa. Trong quá trình hình thành và phát triển, chư ni bốn tự đã có nhiều đóng góp về công tác từ thiện trong và ngoài tỉnh.



* CHÙA LÂM BỬU



Chùa Lâm Bửu tọa lạc tại ấp 2, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu. Đương vi Trụ trì là Ni sư Thích Nữ Như Nhật, Trưởng Phân ban Ni giới huyện Vĩnh Cửu. Ni chúng tại bốn tự tuy không đông đảo, nhưng mỗi năm đến các ngày lễ trọng đại của Phật giáo, chùa vẫn tổ chức lễ hội hoa đăng, phát quà cho các học sinh nghèo hiếu học, nhằm cổ vũ động viên các em. Đây là việc làm vô cùng ý nghĩa, giúp xã hội đào tạo lớp kế thừa hữu ích ở ngày mai.



* CHÙA VĨNH HƯNG



Chùa Vĩnh Hưng tọa lạc tại ấp Vĩnh Hiệp, xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu. Ni trưởng Thích Nữ Như Hương đã trụ tại nơi này 40 năm. Những ngày đầu mới về Trụ trì, chùa còn nghèo, cơ sở vật chất thiếu thốn, Ni trưởng đã nỗ lực trùng tu ngôi chùa khang trang hơn xưa. Giờ đây, tuy tuổi đã cao nhưng Ni trưởng vẫn không ngừng làm từ thiện xã hội, chăm lo cho các gia đình nghèo trong và ngoài xã. Cuộc sống giản dị, bữa cơm thanh bần, chiếc áo cũ đã sờn vai nhưng Ni trưởng vẫn luôn nở nụ cười thân thiện, lạc quan. Lốp lốp đệ tử đi học xa không quay về, chùa được giao lại cho Giáo hội, chuyển chùa Ni thành chùa Tăng. Song, nơi này vẫn giữ mãi hình ảnh một bậc chân tu một đời vì đạo, phụng sự không nghĩ đến bản thân mình, là tấm gương sáng ngời cho người sau noi theo tu tập.



6. Huyện Trảng Bom:

* TỊNH XÁ NGỌC TÂM



Tịnh xá Ngọc Tâm được thành lập năm 1990, trên một mảnh đất hoang sơ nhiều bom đạn của thời chiến tranh. Ban đầu, Ni sư Thích Nữ Dũng Liên cất một ngôi chánh điện tạm bằng cây lá để thờ Phật, và canh tác làm rẫy tự túc. Trải qua thời gian, ngôi chánh điện tạm được tu sửa nhiều lần để có chỗ tạm ổn cho sinh hoạt tu học của chư Ni và Phật tử. Đến nay, chánh điện vẫn đang được trùng tu. Nhận thấy Phật tử chung quanh đời sống còn nhiều khó khăn, bệnh tật không có điều kiện chữa trị, Ni sư trụ trì đã thành lập phòng thuốc từ thiện Tịnh xá Ngọc Tâm. Mỗi sáng thứ bảy hàng tuần, người dân được khám sức khỏe và bốc thuốc miễn phí.





7. Huyện Thống Nhất:

* CHÙA LINH SƠN



Chùa Linh Sơn tọa lạc tại ấp Xuân Thiện, xã Xuân Thiện, huyện Thống Nhất. Trụ trì hiện nay là Ni sư Thích Nữ Như Hiền, Trưởng Phân ban Ni giới huyện Thống Nhất. Ngoài việc tổ chức các khóa tu cho Phật tử tại địa phương, Ni sư đặc biệt chú trọng đến công tác từ thiện xã hội như xây dựng nhà tình thương, tặng quà cho trẻ em, người khuyết tật, người già không nơi nương tựa trong và ngoài tỉnh.



8. Huyện Cẩm Mỹ:

* CHÙA QUẢNG VÂN



Chùa Quảng Vân tọa lạc tại ấp 2, xã Xuân Tây, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Trụ trì hiện nay là Ni sư Thích Nữ Diệu Liên, Trưởng Phân ban Ni giới huyện Cẩm Mỹ.





9. Huyện Xuân Lộc:

* CHÙA BẢO QUANG



Chùa Bảo Quang tọa lạc trên quốc lộ 1A, thuộc địa phận xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Nhân duyên hình thành ngôi chùa bắt đầu từ một chuyến xe bị nổ lốp, một tượng Phật Bốn sư bị sút mẻ trong đám lau sậy um tùm. Xúc cảm trước cảnh già-lam đã từng một thời là chỗ dựa tâm linh cho những người con Phật, nay trở nên hoang phế tiêu điều, Ni trưởng Minh Ấn đã dừng lại nơi đây với hai bàn tay trắng, đêm không có chỗ nghỉ, đói thì ăn lá chuối non. Hai năm sau (1978), Ni trưởng dựng tạm ngôi nhà nhỏ để có chỗ thờ Phật và Phật tử đến tụng kinh lễ bái. Năm 1994, chùa được đại trùng tu hoàn chỉnh, trở thành ngôi nhà tâm linh cho người dân nơi đây. Từ năm 2005 đến nay, chùa được chọn làm điểm an cư kiết hạ cho chư ni trong huyện. Bên cạnh đó, chùa cũng tham gia nhiều công tác từ thiện xã hội, đóng góp một phần không nhỏ vào sự phát triển Phân ban Ni giới tỉnh nhà.



10. Huyện Định Quán:

* THIỀN VIỆN TRÚC LÂM CHÂN PHÁP



Thiền viện Trúc Lâm Chân Pháp xã Phú Vinh, huyện Định Quán được xây dựng từ năm 2010, khánh thành năm 2013. Trong những năm qua, chư Ni tại thiền viện đã tích cực truyền bá chánh pháp, tham gia các hoạt động từ thiện xã hội, xứng đáng với hai chữ Chân Pháp mà Hòa thượng thượng Thanh hạ Từ -Tông chủ thiền phái Trúc Lâm đã ban cho. Lấy tâm chân thật làm nền tảng thắp lên ánh sáng tuệ giác, lấy chánh pháp làm con đường tiến đạo nghiêm thân để đi đến giác ngộ giải thoát, trưởng dưỡng hạnh nguyện dẫn thân vào đời, làm lợi ích cho tất cả chúng sanh như chư Phật đã chỉ dạy.





* HOA NGHIÊM THIỀN TỰ



Hoa Nghiêm thiền tự tọa lạc tại con hẻm nhỏ, ấp Hòa Thuận, xã Ngọc Định, huyện Định Quán. Đương vi Trụ trì là Ni sư Thích Nữ Như Dung, Trưởng phân ban Ni giới huyện Định Quán. Đằng sau cổng Tam quan lớn là ngôi chánh điện nằm giữa vườn cây trái quanh năm trĩu quả. Chùa một thầy một trò, Phật tử ít tới lui, thâm lặng nỗ lực tu trì. Nhờ vậy, đời sống nội tâm càng thâm trầm vững chãi, bình lặng hơn theo năm tháng sống đạo. Từ đó, niềm tin đối với Phật pháp ngày càng bất thối chuyển và niềm vui có được từ sự tu tập là phần thưởng vô giá không gì có thể sánh nổi.

* CHÙA PHÁP HOA

Lớp học tình thương chùa Pháp Hoa, huyện Định Quán là một nơi tiêu biểu cho chí nguyện phụng sự chúng sanh, trang nghiêm cuộc đời trong con dâu bể. Ni trưởng Thích Nữ Như Thiền, Trụ trì chùa Pháp Hoa, xây dựng lớp học nơi đây từ năm 1989, với mái



tranh, vách ván, bàn ghế đơn sơ, giúp các gia đình nghèo an tâm gởi con để đi làm. Chư Ni nơi đây dạy trẻ từng câu niệm Phật, từng câu chữ i tờ, cho các em được no ấm trong khoảng đời trẻ thơ, tiếp sức thêm niềm tin cho các em bước vào cuộc đời. Nơi này

đã nói lên tất cả tấm lòng son sắt với cuộc đời, nói lên sự hiện diện của một bậc xuất gia Ni giới, ở đâu cũng đều đem lại nguồn suối thanh lương.

11. Huyện Tân Phú:

* CHÙA BỬU TÂN

Chùa Bửu Tân tọa lạc tại ấp 7, xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, thuộc hệ phái Bắc tông, được thành lập vào năm 1991. Năm 2004, ban Trị sự suy cử Sư cô Thích Nữ Như Phương về trụ trì, để tiếp quản công tác Phật sự. Sư cô Thích Nữ Như Phương hiện là Trưởng Phân ban Đặc trách Ni giới huyện Tân Phú. Sau nhiều năm hoạt động, nhận thấy chùa đang dần xuống cấp nên Sư cô đã cho trùng tu lại toàn bộ ngôi chùa với tổng diện tích 1.739m². Chùa Bửu Tân có rất nhiều đóng góp về mặt





công tác từ thiện xã hội, mang lại cuộc sống ấm no cho nhiều gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Hiện chùa là nơi đông đảo Phật tử địa phương đến tu học và lễ bái vào các dịp lễ lớn trong năm.

Điểm qua một lượt các ngôi chùa trong tỉnh Đồng Nai, có những đại già-lam nguy nga tráng lệ, cũng có những hẻm sâu, rầy vắng, chùa nhỏ ẩn mình. Có những tu viện, chùa chiền xây dựng kiên cố, cũng có những nét đơn sơ mộc mạc, chẳng điểm tô bóng bẩy bên ngoài. Sau thời khóa công phu tụng kinh tọa thiền, tự thân trau dồi giới hạnh, góp một phần nhỏ trong giáo dục, thâm lặng trong công tác từ thiện xã hội, trải một chút tình người trong cuộc sống. Dù ẩn non sâu chuyên tu, hay dấn thân vào đời hóa độ nhân sinh, các bậc Ni trưởng, Ni sư vẫn luôn là tấm gương sáng ngời, gieo những hạt giống tinh khôi vào mảnh đất tâm của bao thế hệ. Góp phần làm thơm trang sử Phật, tạo phôi nhiều cho cánh đồng đạo pháp mãi mãi xanh tươi. □



Ni giới - Sự gắn liền với cơ sở ni trường TCPH Đồng Nai xưa và nay

■ TKN. TRUNG MÃN – Trường TCPH Đồng Nai - Khóa VI



Dòng thời gian cứ mãi bất tận, mấy nghìn năm đã qua đi, nhưng trên bầu trời kia vẫn mãi nguyên vẹn nhất như một vầng trăng tỏa rạng chiếu soi.

“Ở đây, Thế Tôn ở Vesālī, tại Đại Lâm, ở ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Mahāpajāpati Gotamī, với tóc cạo sạch, đắp áo cà sa, cùng với nhiều nữ nhân Śākya ra đi đến Vesālī, tiếp tục bộ hành và đến Vesālī, tại Đại Lâm, ở ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Mahāpajāpati Gotamī, với chân bị sưng, với tay chân lấm bụi, khổ đau, sầu muộn, nước mắt đầy mặt, khóc than, đứng ngoài cửa chính.”





Người vốn xuất thân từ dòng dõi trâm anh khuê nữ của hoàng tộc, là người trực tiếp dưỡng nuôi đức Phật khi còn chưa xuất gia đạt thành đạo quả. Trải qua xa hoa của chốn hoàng cung, cũng không khiến Người tìm được niềm an vui miên viễn. Để rồi từ chính những lời giảng dạy của đức Thế Tôn về chân lý của vạn vật, về sự thật của Tứ đế, đã xóa tan áng mây mù phủ giăng bấy lâu ngự trị, khiến Người dấy khởi hùng tâm muốn vượt ngoài những thường tình nhi nữ, sống trọn vẹn với đời xuất gia tu đạo. Ba lần thừa thỉnh khi đức Phật vẫn còn tại quê nhà, cho đến khi tự hủy đi hình tướng khuê nữ khoác trên mình tấm thô y vượt chặng đường dài, chỉ một niệm xin được xuất gia. Hùng tâm và sự tha thiết thỉnh cầu như thế! Đức Thế Tôn không chút dao động, vẫn cương quyết không cho xuất gia.

Cho đến lời trình bạch tha thiết của tôn giả A-nan: “Bạch Thế Tôn, có Mahāpajāpati Gotamī, với chân bị sưng, với tay chân lấm bụi, đau khổ, sầu muộn, nước mắt đầy mặt, khóc than đứng ở ngoài cửa nói rằng: “Thế Tôn không chấp nhận cho nữ nhân xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong pháp và luật do Như Lai thuyết giảng”. Lành thay! Bạch Thế Tôn, nếu nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong pháp và luật do Như Lai thuyết giảng”. Đức Phật vẫn kiên định như lúc ban đầu.

Kinh đã ghi lại, tôn giả A-nan vẫn cố gắng tiếp tục đưa ra một câu hỏi đồng thời gợi nhắc lại công ơn dưỡng dục của ngài Kiều-đàm-di: “Bạch Thế Tôn, sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong pháp và luật do Như Lai thuyết giảng, nữ nhân có thể chứng được Dự lưu quả, Nhất lai quả, Bất lai quả, hay A-la-hán quả chăng? Lại nữa, bạch Thế Tôn, Mahāpajāpati đã giúp đỡ Thế Tôn rất nhiều trong vai người dì, người vú, người kế mẫu, khi mẹ của Thế Tôn mệnh chung, cho Thế Tôn bú sữa. Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong pháp và luật do Như Lai thuyết giảng”.



Và rồi đức Phật xác nhận rằng: “Này Ānanda, sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong pháp và luật do Như Lai thuyết giảng, nữ nhân có thể chứng được Dự lưu quả, Nhất lai quả, Bất lai quả hay A-la-hán quả”. Một lời chứng nhận hàng nữ nhân có thể ngang cùng hàng Tăng chúng trên phương diện chứng đắc quả vị.

Sự thay mặt khẩn xin của tôn giả A-nan cũng chính là sự đại diện cho quần chúng chấp nhận người nữ xuất gia. Xã hội đã chấp nhận, Tăng đoàn cũng chấp nhận. Nguyên nhân vì sao đức Phật không chấp nhận, Ngài đã dạy tôn giả A-nan: “Này Ānanda, nếu nữ nhân không được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong pháp và luật do Như Lai thuyết giảng, thời này Ānanda, phạm hạnh được an trú lâu dài, và diệu pháp được tồn tại đến một ngàn năm”.

Con số một ngàn năm ở đây có phải là con số biểu trưng cho sự suy giảm của giáo pháp? Vì sao suy giảm? Không phải vì người nữ xuất gia thì chánh pháp tự nhiên suy giảm. Sẽ thiết thực hơn nếu hiểu đó căn cứ trên nếp sống sinh hoạt của Tăng đoàn. Trước nhất, trong Tăng đoàn không phải ai cũng là Thánh nhân. Thứ nữa người nữ nếu đã được phép xuất gia thì điều đầu tiên đức Phật phải nghĩ đến là không thể để Ni đoàn sinh hoạt giống Tăng đoàn với mỗi đêm ngủ dưới gốc cây, đồng thời không được trú ngụ quá lâu tại một chỗ, cho nên cần có chỗ ở cố định cho Ni, lại chỗ ở đó không được quá xa chỗ của chúng Tăng vì cần sự bảo hộ v.v và v.v. Chính những yếu tố đó sẽ khiến cho chúng Tăng những vị tâm còn sơ cơ khó có được sự thanh tịnh.

Nhìn lại tiêu chí chọn người qua giáo giới bên Ni của đức Phật, sẽ cho chúng ta thấy được sự lo lắng của Ngài: “Này Ānanda, Tỳ-kheo có giới đức, sống được chế ngự với sự chế ngự của Giới bốn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ





nhất, chấp nhận và học tập trong các pháp. Vị ấy nghe nhiều, thọ trì điều đã được nghe; những pháp ấy, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa lý văn cú cụ túc, đề cao đời sống phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh; những pháp ấy, vị ấy đã được nghe nhiều, đã nắm giữ, đã ghi nhớ tụng đọc nhiều lần, chuyên ý quan sát, khéo thể nhập chánh kiến. Đối với vị ấy, hai giới bốn Pàtimokkha được khéo trao truyền lại một cách rộng rãi, khéo phân tích, khéo thông hiểu, khéo quyết định thành sutta (ngôn ngữ) và thành âm vận. Vị ấy có một giọng nói dễ nghe, phát âm tốt, lời nói tao nhã, phát ngôn không bập bẹ, giải thích nghĩa lý minh xác. Vị ấy có khả năng thuyết giảng pháp thoại cho chúng Tỳ-kheo-ni, khích lệ, phấn khởi, làm cho hoan hỷ, được phần lớn các Tỳ-kheo-ni ái mộ, thích ý. Trước khi y chỉ Thế Tôn, xuất gia, đắp áo cà sa, vị ấy không có phạm trọng tội nào, được hai mươi tuổi an cư hay hơn hai mươi tuổi an cư. Thành tựu tám pháp này, này Ānanda, vị Tỳ-kheo được chấp nhận là vị giáo giới cho các Tỳ-kheo-ni”.

Đó cũng chính là lý do vì sao đức Phật thuận cho người nữ xuất gia kèm điều kiện: “Nếu Mahāpajāpati Gotamī chấp nhận Tám kính pháp này, thời Gotamī sẽ được thọ Cụ túc giới: “Dầu cho thọ đại giới một trăm năm, một Tỳ-kheo-ni... không có sự giáo giới phê bình giữa các Tỳ-kheo-ni về các Tỳ-kheo. Pháp này sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua”. Nếu Gotamī chấp nhận Tám trọng pháp này, thời Gotamī sẽ được thọ Cụ túc giới”. Đây không phải là sự nghi ngại của đức Phật, mà là một sự thận trọng giữ gìn để tốt cho cả chư Tăng và chư Ni.

Sau khi được sự chấp nhận của đức Phật, Người cùng năm trăm vị công nương xuất gia, tinh tấn tu tập. Qua lời tán thán của đức Phật: “Một ngày kia, khi bậc Đạo sư ngồi giữa Thánh chúng tại tinh xá Jetavana (Kỳ Viên), Ngài xác nhận Mahāprajāpatī là vị có kinh nghiệm đệ nhất, sống hưởng thọ hạnh phúc giải thoát,



Niết-bàn”, thêm xác quyết tinh thần rốt ráo tu tập đạt được Thánh quả, tự tại giữa sống và chết: “Con nghe Thế Tôn không bao lâu sẽ diệt độ, không quá ba tháng sau, tại xứ Câu-thi-na-kiệt, khoảng rừng Sa-la song thọ. Nay con không kham thấy Thế Tôn và A-nan diệt độ. Cúi xin Thế Tôn cho phép con diệt độ trước”.

Sự viên tịch của Người cùng năm trăm vị Tỳ-kheo-ni không những chỉ cõi người buồn cảm, mà trời đất cùng những sự chấn động: “Khi ấy, trời đất chấn động, bên Đông nổi, bên Tây chìm, bên Tây nổi, bên Đông chìm, bốn bên nổi, chính giữa chìm, lại bốn bề gió mát trời lên, chư Thiên ở trên không trung đánh nhạc, chư Thiên cõi Dục buồn khóc rơi lệ, cũng như vào tháng mùa Xuân trời mưa cam lồ cõi trời thần diệu tung rải hoa ưu-bát, lại rải bột chiên-đàn trên thân bà”.

Đọc lại lời kinh, nhận rõ ràng một điều các Ngài không hề cô phụ, trước là với chí nguyện của mình và sau là sự chấp thuận của Đức Phật. Tất cả đều rốt ráo đạt được quả vị. Sau khi Người và 500 vị đều cùng lúc nhập diệt thì người đứng ra lo hậu sự từ việc chuẩn bị cho đến làm lễ trà-tỳ, cũng như chỉ đạo việc xây dựng tháp cúng dường xá-lợi các vị, đều tự thân chính đức Phật. Ngay khi vừa mới hay tin, Ngài đã dạy tôn giả A-nan: Thầy đến chỗ đại tướng Da-du-đề bảo rằng: Hãy mau sắm 500 giường, 500 tọa cụ, 500 bình tô lặc, 500 bình dầu, 500 xe hoa, 500 xe hương, 500 xe củi. Bà Đại Ái Đạo đã diệt độ, và 500 Tỳ-kheo-ni nhập Niết-bàn, ta muốn cúng dường xá-lợi”. Khi mọi thứ đã chuẩn bị xong, đích thân Ngài: “ Khi ấy, Thế Tôn đích thân khiêng một chân giường; Nan-đà khiêng một chân, La-vân khiêng một chân, A-nan khiêng một chân, bay lên hư không đến chỗ hỏa thiêu. Bốn bộ chúng trong ấy, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, đưa thân thể của 500 Tỳ-kheo-ni đến chỗ hỏa thiêu”.

Cho nên, không thể nói Bát kinh pháp là sự thiệt thòi cho Ni giới, mà chính là sự trợ duyên để người nữ vốn rất dễ khởi tâm





kiêu mạn có thể diệt trừ và tu tập tốt. Đồng thời gián tiếp khiến chúng Tăng không dễ duôi buông tâm khi đối trước đạo hạnh trang nghiêm của Ni giới. Đó là trên sự lý, còn trên sự tướng thì rõ ràng qua những lời đức Phật ca ngợi về Người, cũng như hành động sau cùng của đức Thế Tôn thì có chăng sự phân biệt đối xử hay trên tinh thần tương thân trợ giúp? Cho nên Bát kính pháp chính là giềng mối nền tảng để Nhị bộ Tăng và Ni có thể tương quan trợ giúp nhưng vẫn giữ được sự thanh tịnh tâm ý; mà tâm ý thanh tịnh thì Tăng đoàn thanh tịnh. Đức Phật đưa Bát kính pháp để Ni giới biết được bốn phận của mình và đồng thời chúng Tăng cũng tự biết trách nhiệm của mình. Được Ni giới cung kính nhưng bản thân chúng Tăng phải như thế nào để xứng đáng với sự cung kính đó.

Và quả thật trên tinh thần này con đã cảm nhận sâu sắc trong thời gian còn là học ni của trường Trung cấp Phật học Đồng Nai.

Khi nhắc đến trường Trung cấp Phật học Đồng Nai là nhắc đến một chặng đường dài với bao ưu tư trăn trở của trên quý Ngài trong ban Giám hiệu bắt đầu từ năm 1990. Trải qua gần 27 năm với bảy khóa học. Hiện tại đang là khóa VIII nhưng các Tăng - Ni sinh mới học một năm. Đối với khóa I, vì Đồng Nai và Bà Rịa chưa tách tỉnh nên Trường nằm tại Đại Tòng Lâm. Sau khi tách tỉnh thì Trường thuộc tỉnh Bà Rịa, vì thế quý Ngài trong ban Giám hiệu với tâm huyết đã gây dựng lại từ đầu tại Đồng Nai.

Trong lúc quý Ngài trong ban Giám hiệu còn chưa tìm được chốn nơi thì cố Đại lão Hòa thượng thượng Thiện hạ Thắng viện chủ chùa Pháp Hoa đã giang tay cứu mang đón nhận nuôi Tăng - Ni sinh. Trường bước đầu được đặt tại chùa Pháp Hoa tính từ khóa II, chính Hòa thượng viện chủ là trưởng ban đời sống trực tiếp lo về vật thực cho Tăng - Ni sinh, quý Ngài trong ban Giám hiệu hàng tuần đều xuống sách tấn động viên lo về mặt tinh thần. Riêng



bên Ni trong những ngày đầu ấy, ngoài được sự quan tâm của trên ban Giám hiệu và cố Viện chủ chùa Pháp Hoa, còn được sự quan tâm trực tiếp từ ban Quản chúng Ni do cố Ni trưởng Như Đạo trụ trì Thiền viện Liễu Đức, NS. Đồng Kính; NS. Tịnh Chuyên... điều hành. Ngoài ban Quản chúng thì không thể không nhắc đến vai trò trọng yếu của chư vị giáo thọ Ni từ những buổi đầu của bốn trường. NT. Như Đức - trụ trì Thiền viện Viên Chiếu, cố NT. Như Đạo; NS. Hạnh Huệ; NS. Như Nhàn; NS. Giải Thiện... Nói sao cho hết những điều các Ngài đã truyền trao. Khi đến lớp, quý Ni trưởng, Ni sư không những chỉ truyền trao kiến thức căn bản, mà chính yếu là đưa kiến thức ứng dụng vào sự tu tập. Tuy con thuộc thế hệ Ni sinh sau vì là khóa VI, nhưng chúng con vẫn may mắn đầy đủ phước duyên còn được sự dạy dỗ của NT. Như Đức, NS. Hạnh Huệ và NS. Như Nhàn dạy dỗ. Chính nhờ phước duyên đó, nên chúng con cảm nhận được tâm huyết trồng người từ chính sự truyền trao kiến thức của các vị: “Các con hãy làm sao gắng là những hạt giống chắc, là cây tùng cây bách sừng sững chứ đừng là hạt giống lép hay những sợi dây leo sống bám gởi thì uống một kiếp người, cô phụ sở tâm bản hoài của chính mình”.

Qua đến khóa IV, Trường lại có một sự chuyển dời mới. Chư Tăng được sự phát tâm của Ni trưởng viện chủ Quan Âm Tu Viện (Biên Hòa) hiến cúng đất tại xã Long Phước để quý Ngài trong Ban Giám hiệu bắt đầu dựng xây cơ sở Trường độc lập, từ đây bắt đầu có sự ổn định riêng đối với Ni thì tách chia hai nơi. Những Ni sinh đã tốt nghiệp phổ thông trung học thì ở tại Bửu Hoa Ni Viện do NS. Lan Nhã làm trụ trì, đồng thời NS. Hạnh Chơn được trên BGH giao phó giữ chức vụ Quản chúng. Những vị chưa tốt nghiệp phổ thông trung học thì ở tại chùa Giác Minh (Biên Hòa) do Đại lão Hòa thượng thượng Minh hạ Chánh (nguyên Trưởng BTS tỉnh Đồng Nai) trụ trì. Giữ chức vụ Quản chúng tại cơ sở Giác Minh là NS. Như Nhàn.





Đến khóa V, Ni sinh được tập trung về tại chùa Giác Minh cho đến khóa VI. Như vậy tại chùa Giác Minh, tuy không trọn vẹn nhưng được ba khóa học do Đại lão HT. Giác Minh (hay gọi theo danh xưng gần gũi mà chúng con thường gọi là Sư ông) giảng rộng vòng tay cứu mang dạy dỗ. Tuy Người bận Phật sự đa đoan, nhưng chính Sư ông là người trực tiếp dạy dỗ Ni sinh từ giờ ăn cơm quả đường cho đến lớp học. Dù không có lịch dạy trong thời khóa biểu, nhưng mỗi khi Sư ông vừa về đến chùa mà thấy chúng con không có giờ học là Ngài dạy chúng con lên lớp học. Dường như dạy chúng con là niềm vui của Ngài. Nếu trên lớp, Ngài truyền dạy cho chúng con ý thức về việc học cũng như ý thức về nữ tánh yếu mềm, cần phải có nghị lực vươn lên, thì ở hai thời quá đường sáng và trưa, Ngài lại ân cần nhắc nhở chúng con về oai nghi, hỏi thăm chúng con có đau bệnh không, sao mấy ông ăn ít vậy, sao mấy ông ăn nhanh vậy, mấy ông ở nhà ráng học ngoan, Sư ông đi làm việc...

Đến khóa V và VI thì bên Ni chính thức có ban Điều hành, NT. Như Thiền làm Trưởng ban, Ni Sư Như Nhàn là Phó BDH. NT. Như Thiền thỉnh thoảng có ra thăm và dạy dỗ chúng con, NS. Như Nhàn trực tiếp dạy dỗ chúng con phụ giúp cùng với Sư ông. Một nửa gánh nặng của BGH đã được trên Sư ông và Ni Sư gánh nâng phụ giúp, cho nên khoảng thời gian đó BGH lo hoàn chỉnh cơ sở Tăng làm cơ sở chính của trường. Khi cơ sở chính của Tăng đã tạm ổn định thì các Ngài lại tiếp tục nghĩ đến sự lâu dài cho Ni sinh chúng con, suy nghĩ đó của BGH được trên Sư ông Giác Minh hết sức quan tâm và kêu gọi Phật tử phát tâm cúng đất.

Một cơ sở mới tiếp tục được hình thành, quý Ngài trong BGH lại không được những ngày ngồi bình yên, nhất là cố HT. Hiệu phó Học vụ thượng Quang hạ Đạo. Đối ngoại vận động tâm thư kêu gọi sự phát tâm cúng dường, đối nội từ bản vẽ đến thợ thầy, vật liệu... Ngài theo sát công trình chỉ với chiếc dù che nắng, đến



buổi thường ăn vội gói mì ăn liền và đến giờ nghỉ thì tạm ngả lưng trên chiếc võng bên hiên. Cơ sở II bước đầu căn bản hình thành được bốn dây nhà. “Bốn dây nhà” nghe như nhẹ thoảng, nhưng đó là cả bao sự khó nhọc từ trên BGH mới có được. Con nhớ lại lời ôn Hiệu phó Học vụ một lần trong lễ truyền thống Ngài đã kể về cuộc nói chuyện với ôn Hiệu trưởng rằng: “Bước đầu thì căn bản cần phải có bốn dây, một là chánh điện, hai là lớp học, ba là trai đường và bốn là dây nhà chúng với tổng hợp nhà trù, nhà vệ sinh... Bản thân tôi cũng dường một dây, cũng có thừa với HT. Trưởng BTS và Ngài cũng hứa khả một dây, vậy ôn Hiệu trưởng cũng một dây nha!” Ôn Hiệu trưởng đã nhìn Ôn cười, gật đầu. Chỉ “thế thôi”, chỉ những cái gật đầu nhẹ nhàng mà các dây nhà lần lượt mọc lên sừng sững giữa đồi cao với lồng lộng gió hướng mây ngàn. Để rồi vút cao hơn như một bài pháp vô ngôn, trầm hùng mang đầy ý nghĩa của tinh thần vô ngã - vị tha. Một tinh thần hòa hợp từ trên BTS cho đến BGH của bốn trường.

Đáng lý ra, cơ sở hai tại xã Phước Tân là cơ sở dành cho Ni, nhưng trường chưa có tường thành, xung quanh lại cây cối nhiều và cũng không có người dân sinh sống đông. Khi ôn Hiệu trưởng cùng ôn Hiệu phó Học vụ lên thăm trường vào một buổi chiều, ôn Hiệu trưởng đã đôi lời bàn định lại với ôn Hiệu phó Học vụ rằng, cơ sở này nên để cho Tăng ở chứ Ni thì e sẽ nhiều bất tiện. Thế là quý Ngài lại cùng nhìn nhau cười và gật đầu... Cũng chỉ nụ cười và cái gật đầu ấy mà một cuộc chuyển dời tổng thể của cả Ni sinh lẫn Tăng sinh khóa VI.

Thế là Ni sinh khóa chúng con đã thừa hưởng được cơ ngơi mà không chịu nhiều vất vả tại xã Long Phước. Buổi đầu dời về cũng có ban Quản chúng mới trực tiếp cùng với sự theo sát của NS. Thuần Ân vốn là giáo thọ phụ trách môn Luật, kiêm Giám Luật phụ trong ban Quản chúng từ khóa IV và NS. Tánh Tuệ là Phó thư ký của bốn trường từ khóa V. Do vì nhiều Phật sự nên chỉ





trong thời gian ngắn ban Quản chúng mới xin phép BGH không đảm nhận chức vụ, thế nên trách nhiệm và trọng trách được quý Ngài trong BGH ủy thác giao phó lại cho NS. Thuần Ẩn (chúng con thường gọi bằng hai tiếng Sư Luật gần gũi) và NS. Tánh Tuệ coi sóc.

Bắt đầu từ đó, Phật giáo Đồng Nai nổi danh khắp các tỉnh thành trên cả nước vì Trường có hai cơ sở độc lập. Một nụ cười mãn nguyện trên quý Ngài trong ban Giám hiệu. Trải suốt hơn hai mươi năm dài trăm trở, bước đầu dựng xây cơ sở Tăng độc lập, ngày nay Ni sinh cũng có cơ sở riêng.

Giờ đây mỗi lần bước chân về trường, bao đổi thay biến đổi. Nền tảng quý Ngài đã tạo dựng, trách nhiệm người giữ gìn phải làm sao nối thừa được chí nguyện của quý Ngài ngõ hầu không cô phụ sự tin tưởng của trên quý Ngài giao phó. Sự phát triển từng ngày tại cơ sở Ni chính là một minh chứng rõ ràng nhất, tất cả đều một tay BGH gây dựng với bao tâm huyết.

Dù cơ sở Tăng hay Ni thì quý Ngài đều quan tâm. Ngay cả đến việc giáo giới cũng như thế. Cứ mỗi nửa tháng theo thông lệ sau khi quý Ngài giáo giới bên cơ sở Tăng thì chiều lại trở về bên cơ sở Ni. Thường về nhất chính là cố HT. Hiệu phó Học vụ, những lời dạy dỗ của Ngài không nhiều nhưng luôn sâu sắc và thấm đẫm. Sau khi giáo giới xong, Ôn thường cùng sư Quán viện và chúng con đi dạo quanh một vòng khuôn viên trường. Con còn nhớ có lần cũng trong lúc đi dạo như vậy, Ôn đã dạy: “Các con muốn hoa màu tốt tươi thì phải thường xuyên nhổ cỏ bắt sâu, cũng vậy vườn tâm địa của các con muốn được thanh tịnh giải thoát thì các con phải siêng năng gội rửa tâm mình bằng cách tinh tấn tu học, đừng bỏ thời khóa, chăm chỉ học kinh học pháp... phải đề phòng đừng cho những bất thiện khởi lên trong lòng, giống như không cho cỏ mọc, cũng như không cho sâu đục phá trong vườn hoa màu vậy”.



Những lời Ôn dạy mãi thấm đượm trong lòng chúng con. Khóa con may mắn, khóa VII cũng còn phước nhưng khóa VIII thì bệnh Ôn đã trở nặng ngay những ngày đầu. Lần cuối cùng, chúng con đi thỉnh cầu giáo giới trên Ôn theo sự chỉ dạy của sư Quán viện. Ôn đã dạy: “Con về chuyển lời của Ôn với đại chúng, cố gắng học nhưng cũng phải cố gắng tu. Làm gì thì làm cũng phải tu, cố gắng lay Phật nhiều. Cuộc đời Ôn bao nhiêu năm kinh nghiệm, phương pháp lay Phật rất hay, Ôn mong đại chúng cố gắng. Nhất là vào giờ khuya, tâm tánh người nữ thường không tốt, cho nên phải gắng lay Phật sám hối cho nghiệp chướng tiêu trừ”. Cứ như thế, không dư không thừa cũng không thiếu, rất thấm đẫm và chỉ bấy nhiêu lời ngắn gọn nhưng thấy được cả tấm lòng Ôn dành cho chúng con.

Đến rồi lần cuối cùng Ôn về trường nhân ngày giải hạ sau ba tháng an cư của năm Đinh Dậu, hình ảnh Ôn ngồi trên chiếc xe lăn với tay cầm gậy cùng sắc thái quắc thước, dấu rằng chỉ cách ngày Ôn viên tịch không bao xa. Thần thái ấy, hình dáng ấy có lẽ sẽ khó phai mờ đối với từ trên sư Quán viện cho đến toàn chúng học Ni. Ôn nói không được nhiều, ánh mắt Ôn chỉ nhìn ôn Hiệu trưởng rồi lại nhìn sư Quán viện, không nói nhưng ngay chính chúng con cũng hiểu được ánh mắt ấy muốn nói điều gì. Đến khi tiễn Ôn lên xe, Ôn cứ tìm đôi tay của ôn Hiệu trưởng nắm chặt và nắm chặt... Nay và xưa đều đâu sai khác, đó chính là lý do tại sao con luôn có một cái nhìn tích cực về Bát kính pháp, vì con thấy được sự hành xử từ trên BGH đến BDH đều hài hòa tương kính lẫn nhau. Ngay đến với chúng con, quý Ngài cũng như người cha cư mang dạy dỗ chỉ khuyên. Hay nói bình dị như lời ôn Hiệu trưởng nhân kỷ niệm 12 năm thành lập trường: “Ban Giám hiệu giống như con mèo mẹ ngậm tha con đi hết chỗ này đến chỗ khác để tìm chỗ ở”. Quý Ngài có thể không trực tiếp dạy chúng con nhiều, nhưng chính thân giáo của quý Ngài đã cho chúng con





được những cảm nhận để lấy đó làm phương cách sống trọn vẹn cho bản thân mình.

Một chặng đường dài tâm huyết, Ôn đã nằm xuống nơi nghỉ... Và một chặng đường dài góp công sức của quý Ni trưởng, quý Ni sư cùng chung tay với BGH để từng bước một có được ngày hôm nay của một cơ sở Ni khởi sắc. Có vị cũng đã nằm xuống nhưng sự tiếp nối kế thừa vẫn theo mạch nguồn trôi chảy. Tất cả Ni sinh chúng con như được thấm nhuần tinh thần, sự học rất cần thiết nhưng sự tu cũng không thể tách rời, theo đúng phương châm của ôn Hiệu phó Học vụ: “Đồng Nai tu hai học một”. Ni giới Đồng Nai nói chung và Ni giới đối riêng với trường TCPPH Đồng Nai, với những gì đã tham gia đóng góp về tu lẫn hạnh nguyện Phật sự xin nguyện xứng đáng là những đệ tử nối thừa chí nguyện lẫn hạnh nguyện của đức tổ Kiều-đàm-di. Không gì thiết thực hơn khi một lần nữa ngày kỷ niệm Người lại trở về, với những gì đã làm, chính là sự thành kính dâng lên Người, như một lẵng hoa tươi thắm nhất dâng cúng.

Ni sinh trường TCPPH Đồng Nai nói riêng và Ni giới Phật giáo Đồng Nai nói chung xin được thành kính đánh lễ Người...



Gương sáng ni giới Đồng Nai

■ TKN. HẰNG LIÊN

I. Ni giới hình thành trong ngôi nhà Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Trải qua lịch sử 2000 năm hình thành và phát triển như một nhu cầu tinh thần tất yếu cho người con đất Việt, Phật giáo Việt Nam tồn tại một cách gần gũi mà vô cùng quan trọng, tựa như hơi thở, nguồn nước đã ấp ủ, nuôi lớn hồn dân tộc. Suốt chiều dài lịch sử vào thời kỳ vàng son qua các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần... cho đến thời kỳ chống quân xâm lược, đạo Phật - dù là tông phái nào cũng tùy duyên phương tiện mà hòa nhập độ đời, giúp người không phân biệt giai cấp, sang hèn. Khi đất nước thống nhất, Phật giáo đồng hành cùng dân tộc cũng theo đó mà quy về một mối; đánh dấu bước ngoặt trọng đại này là sự hợp nhất của chín tổ chức hệ phái thành một tổ chức “Giáo hội Phật giáo Việt Nam” vào năm 1981.

Trong ngôi nhà chung Phật giáo, Ni giới Việt Nam như một bộ phận không thể tách rời và đã góp phần không nhỏ vào sự nghiệp hoằng pháp lợi tha. Ngay từ thời Hai Bà Trưng đã xuất hiện những bậc Ni xuất chúng như công chúa Bát Nàn, Phương Dung, Lê Chân... Sau này có Ni sư Diệu Nhân, Ni sư Tuệ Thông... và thời cận đại có NT. Đàm Thu, Sư bà Diệu Không, Sư trưởng Như Thanh, NT. Huỳnh Liên, NT. Trí Hải... Các thế hệ chư tôn Đức ni đã kế tiếp truyền thống của chư liệt vị Tổ sư tiền bối, trọn đời dấn thân cho đạo pháp như NT. Huỳnh Liên đã từng thể hiện:

*Nguyện xin hiến trọn đời mình
Cho nguồn đạo Pháp cho tình quê hương.*





II. gương hành đạo của chư vị Ni trưởng tỏa sáng đến Ni giới Đồng Nai ngày nay

Đồng Nai, một tỉnh thành có mật độ dân số đông thứ nhì của vùng đất Nam Bộ với nhiều tôn giáo và những nét văn hóa đa dạng, phong phú. Nơi đây, ngoài các truyền thống lâu đời và các tông phái phát triển theo thời đại; Phật giáo tỉnh Đồng Nai hiện nay có ba truyền thừa Ni giới nổi bật nhất là Bắc tông, thiền Nam tông và Khất sĩ. Riêng tu nữ Nguyên thủy là những vị chuyên tu tám giới theo truyền thống Nam tông. Mỗi tông phái đều có những vị Trưởng ni ưu tú hoằng pháp, dẫn dắt chúng Ni và Phật tử tu tập, dẫn thân trong mọi lãnh vực của Giáo hội. Vận hành theo bánh xe pháp, Ni giới Đồng Nai cũng thế, các bậc Trưởng ni tích cực tham gia xây dựng nền Phật giáo tỉnh nhà được hưng thịnh trường tồn giúp Ni đoàn lớn mạnh theo từng thời kỳ. Những tấm gương tiêu biểu, những cội tùng vững chãi ấy hiện hữu thật gần gũi dưới bóng già lam của những ngôi cổ tự danh tiếng. Điển hình như NT. Huệ Hương, NT. Huệ Giác, NT. Như Đức, NT. Chiêu Liên...

1. Về Ni giới Bắc tông

Ni trưởng Thích Nữ Huệ Hương

Ni trưởng thượng Huệ hạ Hương là vị truyền thừa và kế nghiệp Đại lão Hòa thượng hiệu Hồng Tín, tự Huệ Thành, đời thứ 40 dòng Lâm Tế (vị tổ thứ 17) của Bửu Phong Cổ Tự. Đại lão Hòa thượng được suy tôn ngôi vị Phó pháp chủ Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam tại Đại hội Đại biểu Thống nhất Phật giáo toàn quốc năm 1981.

Năm 1972, Hòa thượng đã giao phó cho Ni trưởng làm quản lý Tổ đình Bửu Phong cho đến năm 1988 thì Ni trưởng chính thức được bổ nhiệm trụ trì. Đến nay, qua 45 năm gắn bó với ngôi Tam bảo, Ni trưởng luôn luôn giữ vững đạo tâm, duy trì mạng mạch của chư vị Thầy tổ, để ngôi chùa 400 Giám tự tuổi này giữ được nét đẹp cổ kính, uy linh. Ngày nay, Bửu Phong Cổ Tự được xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia. Sự kiện này có ý nghĩa lớn



lao, tôn vinh giá trị lịch sử và nghệ thuật kiến trúc, đem lại niềm tự hào cho nền văn hóa Phật giáo Việt Nam.

Với cương vị là Phó ban Ni giới Trung ương, Phó ban Trị sự kiêm Trưởng phân ban Ni giới Phật giáo tỉnh Đồng Nai, Ni trưởng đã dành nhiều tâm huyết cho công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế. Ni trưởng đã tham dự các hội thảo Phật giáo tại các nước như Cộng hòa Liên bang Đức, Thái Lan, Nhật Bản... các kỳ chiêm bái Thánh tích, giao lưu văn hóa Phật giáo các nước. Đặc biệt là tại Hội nghị Phụ nữ Phật giáo thế giới (Sakyadhita) lần thứ X, Ni trưởng đại diện cho Ni giới Việt Nam nhận cờ luân lưu đăng cai tổ chức hội nghị Phụ nữ Phật giáo thế giới lần thứ XI, tại thành phố Hồ Chí Minh (2009-2010) đã thành công tốt đẹp. Đây là một trong những thành tựu có ý nghĩa lịch sử của Ni giới Việt Nam, đã có tiếng nói tích cực không chỉ bằng việc truyền tải những thông tin mà còn thông qua những hoạt động cụ thể cho bạn bè trên thế giới hiểu biết rõ hơn về Phật giáo Việt Nam, góp phần không nhỏ trong việc thay đổi cách nhìn nhận của thế giới về Ni giới Phật giáo Việt Nam.

Đặc biệt, ngoài những Phật sự bận rộn trong việc hành đạo đối nội và đối ngoại, Ni trưởng vẫn dành nhiều sự nhiệt tâm cho công tác từ thiện xã hội. Một hình ảnh Bồ tát tự lợi - lợi tha, lan tỏa tình yêu thương đến những người còn đang đau khổ.

Ni trưởng Thích Nữ Huệ Giác

Ni trưởng thượng Huệ hạ Giác - Viện chủ Quan Âm Tu Viện, là trưởng tử thừa kế đạo nghiệp của đức Tôn sư Hòa thượng thượng Thiện hạ Phước. Qua nhiều năm giữ cương vị Phó ban Trị sự kiêm Trưởng ban Từ thiện xã hội Giáo hội Phật giáo Việt Nam và các chức vụ khác trong ban Trị sự Phật giáo tỉnh Đồng Nai, dù ở lĩnh vực nào thì công tác an sinh xã hội vẫn là trọng tâm đồng hành với sự nghiệp phụng sự đạo pháp và xuyên suốt cuộc đời hành đạo của Ni trưởng.





Ni trưởng đã đề ra chủ trương lấy lao động sản xuất tự túc hợp pháp để duy trì thiền môn và xây dựng nếp sống đạo chân chính. Ni trưởng là người đầu tiên của Phật giáo Đồng Nai tham gia chương trình “trồng cây gây rừng” từ những năm của thập niên 80. Hiện nay, diện tích rừng thuộc hệ thống Tông môn quản lý do Ni trưởng trực tiếp chỉ đạo điều hành là trên 500ha, với nhiều loại cây có giá trị kinh tế cao. Việc làm này có ý nghĩa tích cực bảo vệ môi trường sống, cảnh quan thiên nhiên, góp phần vào sự nghiệp phát triển của địa phương.

Thực hiện tâm nguyện Bồ tát lợi tha, lấy “Phương tiện môn” nhập thế độ sanh trợ duyên cho hàng Thích tử bước vào đạo giới, tinh tấn đạo nghiệp. Ni trưởng Huệ Giác trọn đời thanh tịnh tu hành phạm hạnh, xả thân cống hiến cho đạo pháp.

2. Về Ni giới Thiên tông

Trong ngôi nhà chung chánh pháp, Ni chúng Thiên tông cũng đã rất tích cực đóng góp vào thành quả của Phật giáo ngay từ ngày thành lập cho đến nay. Thiền viện Ni đầu tiên của dòng thiền phái Trúc Lâm Việt Nam là thiền viện Viên Chiếu tại Phước Bình, Long Thành, được khởi lập vào năm 1975. Nếp sống nông thiền và chuyên tu của Ni chúng Thiên tông thoát nhìn tương đối khép kín, nên có đôi chút khác so với Ni chúng Bắc tông hay Khất sĩ. Thiên tông do HT thượng Thanh hạ Từ lãnh đạo không theo các dòng thiền công án, thoại đầu của dòng Lâm Tế, cũng không theo Ngũ Vị Quân Thần của tông Tào Động, mà nương theo kinh sách của Phật cũng như lời dạy rõ ràng minh bạch của chư Tổ, nhất là từ Lục Tổ về trước, theo lối “Thiền giáo đồng hành” (Theo lời NS. Hạnh Huệ). Có thể nói, trau dồi giới đức, làm sáng tỏ bản tâm chính là con đường giáo ngoại biệt truyền của Thiên tông. Chính vì thế, chư ni Thiên tông luôn luôn tinh tấn trong sám hối lục căn và hành trì lục độ để chuyên tu.

Đồng Nai, huyện Long Thành là nơi chốn tích quang lâm của Hòa thượng Tông chủ thiền phái Trúc Lâm. Do đó nơi đây



có nhiều thiền viện ni do Hòa thượng sáng lập và chỉ đạo sinh hoạt. Các thiền viện ni Viên Chiếu, Linh Chiếu, Liễu Đức, Tuệ Thông, An Lạc, Hương Hải, Trí Đức ni... có nhiều vị Ni trưởng, Ni sư làm quản chúng, Giáo thọ trường cơ bản Phật học sau này là Trung đẳng Chuyên khoa Phân hiệu Ni. Các vị nỗ lực đem tinh thần thiền, kiến thức giáo lý truyền trao từ Hòa thượng, chia sẻ hướng dẫn chư Ni, chỉ dạy un đức tinh thần Phật tử theo nguồn thiền nước Việt.

Thời gian năm tháng bồi dưỡng thêm công phu tu tập và kinh nghiệm hoằng hóa, các vị soạn dịch nhiều tác phẩm, đóng góp thức ăn tinh thần làm hiển lộ tinh túy của những người con gái đức Phật. Về mặt công tác từ thiện xã hội, luôn đồng hành với chính quyền địa phương và giáo hội tỉnh nhà, trao học bổng, ủng hộ quà người nghèo, cứu trợ nạn nhân thiên tai, mở phòng thuốc Nam châm cứu hốt thuốc miễn phí cho bà con... Điển hình là Tuệ Tĩnh Đường Linh Chiếu do Ni trưởng Như Tịnh, thuộc hàng đệ tử lớn của Hòa thượng Tông chủ trông coi.

Ni trưởng cũng là bậc thầy của chư Ni toàn tỉnh với cương vị Yết-ma Giáo thọ ni mỗi Đại giới đàn. Ngôn hạnh uy nghi mẫu mực, tinh thần tiếp chúng không mỏi mệt, là Ủy viên Phân ban Ni giới Trung ương nhiệm kỳ 2012-2017, Phó ban Ni giới tỉnh Đồng Nai, nguyên Trưởng ban Ni giới huyện Long Thành, bậc giáo hạnh được chư Tôn đức Tăng tín nhiệm, là cội đại thọ tỏa bóng từ bi cho hàng Ni lưu hiện nay.

Một vài hình ảnh nêu lên chứng minh sự hiện hữu, tinh thần phục vụ của chư ni Thiền tông tỉnh nhà, ngõ hầu góp sức làm hưng thịnh đoàn Ni chúng.

3. Về Ni giới Khất sĩ

Ni trưởng Thích Nữ Chiêu Liên là bậc Trưởng lão ni ưu tú, Giáo phẩm của hệ phái Ni giới Khất sĩ Đồng Nai. Tiếp nối con đường Tổ thầy và Ni trưởng Huỳnh Liên, Ni trưởng hành đạo





theo đoàn du tăng Khất sĩ, hoằng hóa khắp miền Tây sông nước rồi đến miền đất đỏ - Đông Nam Bộ. “Tam y nhất bát” là vật tùy thân, trì bình khất thực là phương tiện sống. Không dùng thức ăn ngoài bình bát, đêm đêm ngủ ngồi dưới gốc cây, không ngả lưng xuống gối giường. Ni trưởng là người được Thầy tổ ủy thác đứng ra vận động thành lập các Tịnh xá Ngọc Hiệp, Ngọc Hòa, Ngọc Cầu. Suốt thời gian hành đạo miền Trung, từ Bình Thuận, Phan Thiết đến Quảng Nam Đà Nẵng, trên bước đường hành hóa Ni trưởng luôn nêu cao gương hạnh giải thoát thanh bản.

Thập niên 60 của thế kỷ trước, chiến tranh bước vào giai đoạn khốc liệt, sự du phương hoằng hóa của Ni đoàn Khất sĩ gặp khó khăn. Ni trưởng về vùng binh lửa đạn bom Long Khánh, Đồng Nai lập Cô ký Nhi viện Ngọc Khánh mong ước bảo bọc trẻ mồ côi và nạn nhân chiến tranh. Với bi tâm quảng đại, không quản gian lao, không từ mệt nhọc; Ni trưởng phục vụ nhân sinh tận lực, dẫn dắt Cô ký Nhi viện Ngọc Khánh hoạt động thật đắc lực, xoa dịu phần nào nỗi đau sinh ly tử biệt.

Khi các cơ sở từ thiện nuôi trẻ mồ côi trong phạm vi tôn giáo không còn là nhu cầu cấp thiết cho xã hội nữa, Ni trưởng quay về con đường chuyên tu, phục hồi truyền thống Giới - Định - Tuệ của hệ phái, thành lập hội quán Gia đình Phật tử Khánh Đăng. Dốc tâm đào tạo tăng tài, đưa Ni chúng vào học các trường Trung cấp, Cao cấp Phật học cũng như văn hóa của thế học.

Những khóa tu Giới - Định - Tuệ truyền thống của hệ phái, Ni trưởng hưởng ứng rất tích cực, tổ chức trên phạm vi địa phương cũng như toàn quốc. Ni trưởng luôn có mặt trong thiền đường suốt khóa tu để nêu gương tinh tấn và động viên tinh thần tu tập của thiền sinh thực tập chánh niệm trong tứ oai nghi. Hình ảnh sống động và cao thượng nhất về Ni trưởng không bao giờ phai nhòa trong lòng Ni chúng, đó là bóng dáng vị Trưởng lão ni tuổi ngoài 90 trong chiếc huỳnh y giải thoát, không quản ngại tuổi cao



sức yếu đã tận tay trao quà cho các bệnh nhân, người nghèo bệnh và nạn nhân thiên tai, lũ lụt - trên gương mặt phúc hậu, rạng ngời cùng với nụ cười chan chứa tình yêu thương, chia sẻ và thấu hiểu.

Ngược dòng thời gian, vào thời đức Phật tại thế, sự ra đời và chứng đắc của chư vị Tỳ-kheo-ni trong Tăng đoàn Phật giáo là tiếng chuông thức tỉnh cho nhân loại và minh chứng rằng Phật giáo rất bình đẳng, vượt thoát mọi định kiến để công nhận vai trò và khả năng của các bậc nữ lưu trong xã hội. Phật giáo dù trải qua bao thời đại, chư Ni vẫn là một bộ phận trong Tăng đoàn và là thành phần nhất định trong bốn chúng đệ tử Phật. Tiếp nối hạnh nguyện của chư vị Thánh ni, nữ giới ngày nay vẫn luôn luôn nêu cao phạm hạnh với tuệ giác, năng lực và các năng khiếu đồng hành cùng nam giới.

Ni giới Phật giáo Việt Nam cũng thế, luôn noi gương các bậc Trưởng bối ni trong quá khứ cho đến hiện tại, đưa đạo vào đời bằng trái tim yêu thương của một người mẹ hiền, sự ân cần của một người thầy để san sẻ cho cuộc đời vui bớt những nỗi đau hằng hữu, qua các hoạt động xã hội. Đưa từ tâm của đức Phật lan tỏa khắp nơi góp phần chứng minh cho sự bình đẳng trong giáo lý đạo Phật và xương minh Phật pháp, làm ngọn đuốc tiên phong dẫn bước cho Ni đoàn hậu thế. Quý Ngài đã dùng trọn cuộc đời với bao sức lực, tâm huyết và trí tuệ của bậc sứ giả Như Lai để kiên cường giữ vững màu áo giải thoát của Ni lưu qua các thời kỳ, rồi không ngừng xây dựng hệ thống Ni giới thêm phần kỷ cương, phép tắc. Chư vị Trưởng ni cùng Ni giới Đồng Nai hiện nay đã tiếp bước Thánh tổ ni Kiêu-đàm-di và phát huy những cái mới, cái hay, cái đẹp của thời đại để thành tựu và phát triển hơn nữa, xứng đáng là bậc nữ lưu hàng Thích tử. □





Đôi nét về Linh Chiếu

■ CỤU NI CHÚNG LINH CHIẾU

Linh Chiếu mới 38 tuổi, vẫn còn rất trẻ so với các ngôi đại tùng lâm lâu đời, nhưng nơi đây là chiếc nôi của một số thiền sinh ni đã theo Hòa thượng Trúc Lâm tu thiền từ những thập niên 80.

Vào ngày mùng 8 tháng 4 năm Canh Thân 1980, Hòa thượng chánh thức thành lập thiền viện Linh Chiếu. Ngài cử các vị đại đệ tử bên Ni chịu trách nhiệm lãnh đạo ni chúng tại đây. Ni trưởng Như Hạnh giữ chức vụ Cố vấn, Ni trưởng Như Tịnh giữ chức vụ Trụ trì, Ni trưởng Như Thành giữ chức vụ Tri sự, Ni trưởng Như Tâm giữ chức vụ Giáo thọ. Kể từ đó đến nay, thiền viện Linh Chiếu từng bước trưởng thành và phát triển ngày càng tốt đẹp.

Quý Ni trưởng là đệ tử Ni lớn của Hòa thượng, rất mực hiếu hạnh đối với Ân sư, hết lòng kính ngưỡng và nhất nhất vâng theo sự chỉ giáo của Hòa thượng, trôi tròn mọi Phật sự do Thầy tổ giao phó. Thiền viện thuở ban đầu đơn sơ mộc mạc, nhà tranh vách đất, đời sống thiếu thốn cơ cực. Chỉ có chín chị em mà sống với nhau vui vẻ chân tình. Quý Ni trưởng thương chúng có tiếng, chăm chút từng miếng ăn giấc ngủ, động viên an ủi mỗi khi chị em bệnh tật hay bẽ trễ. Ni chúng lớn lên từng ngày dưới sự giáo dưỡng của Hòa thượng Ân sư và tấm lòng thương yêu bảo bọc, thông cảm, bao dung của quý Ni trưởng.

Ni trưởng Như Tịnh tuy là Trụ trì, nhưng hết sức gần gũi và luôn chia sẻ mọi lao tác nhọc nhằn với đại chúng bằng tất cả tình thương yêu đùm bọc của một người mẹ, người chị. Hình ảnh này vẫn còn được giữ lại trong bài viết “Xưa... nay” của Ni trưởng, xin được dẫn trích một đoạn làm quà tặng bạn đọc:



...Nhớ có dạo tôi theo các đệ đi đẩy phân gần khoảng đường vô Viên Chiếu, lúc về ngang qua hai đoạn dốc cao, chúng tôi phải đi thật nhanh cho có trốn mới không nặng. Qua khỏi dốc, tôi nghe thấm mệt. Tôi nghĩ nên buông xe ra đi từ từ cho bớt mệt rồi đẩy tiếp. Nào ngờ khoảng cách giữa tôi và xe càng lúc càng xa, tôi liền đi vội đi vàng mà cũng không kịp. Nên những lần sau đi đẩy phân, tôi không hề dám rời chiếc xe. Tuy về đến nơi mệt đừ, nhưng tôi và huynh đệ cùng về đến chùa một lúc, tôi không còn lực đực về sau một mình nữa. Chuyện đẩy phân bò chỉ có thế, nhưng không hiểu sao tôi lại liên tưởng đến câu: “Tăng ly chúng tăng tàn, hổ ly sơn hổ bại”...

Cách dạy chúng của quý Ni trưởng tế nhị, thâm trầm và sâu lắng. Lãnh đạo một thiền viện quy củ với số chúng hiện nay là 150 vị, quý Ni trưởng quả là bậc mô phạm, giới hạnh kiêm ưu của Ni giới thiền phái Trúc Lâm và Ni giới Long Thành Đồng Nai. Ngoài ra Ni trưởng Như Tịnh còn có mặt và đóng góp tích cực với Giáo hội trong tất cả các công tác như: Giáo hạnh ni giới, từ thiện xã hội, Yết-ma Giáo thọ sư trong các giới đàn ni do BTS tỉnh tổ chức... Ni trưởng từng giữ chức vụ Ủy viên Ban Trị sự tỉnh Đồng Nai, Ủy viên Phân ban Ni giới Trung ương, Phó Phân ban Ni giới tỉnh Đồng Nai, Trưởng Phân ban Ni giới huyện Long Thành... Ở vị trí nào Ni trưởng cũng hòa hợp và hoàn thành tốt đẹp theo sự chỉ đạo của Giáo hội cũng như Hòa thượng Tôn sư. Trọn việc chùa, vẹn việc giáo hội là những nét sáng của Ni trưởng.

Đôi dòng về Linh Chiếu không đủ để nói lên thiền viện và con người nơi đây, tuy nhiên cũng điểm xuyết đôi nét về một thiền viện từng là chốn trở về của những người con Phật. Chúng tôi luôn trân quý những đường nét hôm nay của Linh Chiếu như trân quý sự hiện diện của một cội tùng xanh bên rừng tùng trầm trượng, âm thầm lặng lẽ nhưng hiển hiện tròn đầy với vẻ đẹp kín đáo khiêm cung.

Xin cúi đầu cảm trọng thâm ân. □





Văn thơ và người nữ tu sĩ

■ PHAN GIA

Ngoài Phật sự cùng những công tác từ thiện xã hội, người nữ tu sĩ dành cho mình những giây phút tịnh lạc nơi cửa thiền. Ni sư nhập thất tham thiền, quán chiếu tự tâm, nghiên cứu giáo điển nhà Phật. Tâm hồn người thể nhập vào vũ trụ, vũ trụ và con người hòa vào ý thơ, lời thức tỉnh cho những ai chưa tỉnh ngộ.

TỈNH NGỘ

Ta nào đáng ghét của nhân sinh
Mê muội tham sân cứ mãi tranh
Lục độ cần chuyên hàng tăng lữ
Ngộ bày chân ngã sáng tinh anh.
Trải biết bao những giọng biếm châm
Từng chất lại những lời đanh thép
Bồi rỗng tiên giống lông giống cánh
Phải nhớ câu thánh tử hiền tôn.
Hỡi Lạc Hồng dây má dây mơ
Phải nhớ chữ kim chi ngọc điệp
Học làm sao cho rạng vẻ tu mi
Giữ làm sao cho tỏ gương tu sĩ.
Phải chong chóng hồi đầu lại
Kẻo mà mắc phải tai ương
Liệu mau mau mà tỉnh ngộ đi
Kẻo lại sa vào vòng oan nghiệt.
Dẫu bậc sĩ nông công cổ
Có luân thường rồi mới chọn quy mô
Dẫu rằng Nam Bắc Đông Tây



*Theo thiện giáo mới mong tròn đạo quả.
Thừa nhân gắng họa vần thơ
Gẫm suy nhân thế lắm điều trở trêu.
Ghét thương, thương ghét mà chi,
Ta thường xét lại giữ gìn lấy ta.
Xả tấm thân thấy Phật sinh
Xa mười muôn dặm gần hình gang tay.*

Thích Nữ Huệ Hương
(Tịnh thất, 2/5 Canh Ngọ 1990)

Phàm con người trong cuộc sống, không lý do gì con người lại ghét con người. Do tam độc tham, sân, si sanh ra mọi tỵ hiềm tranh chấp. Chuyên cần Lục độ (bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ) mới rạng danh hàng Tăng lữ, tỏ ngộ cái thể sáng suốt tinh anh của mình.

Những thử thách đã qua, lòng càng bền gang thép, là con Lạc cháu Hồng, giòng giống rồng tiên phải có con hiền cháu thánh, tất cả xem như anh em bè bạn thiết thân, công hạnh rạng vẻ tu mi nam tử, tỏ tấm gương người nữ tu sĩ.

Quay đầu lại, đến bờ giải thoát an vui, xa lánh tai ương. Một phen tỉnh ngộ, bến giác gần kề, đoạn rời oan nghiệt. Dầu rằng thứ bậc nào trong xã hội, học trò, bán buôn, làm ruộng, công nghệ hay người có chức phận, luân thường là nền tảng đạo đức con người, quy mô cuộc sống. Từ phương nào trên trái đất, kẻ Bắc người Nam, Đông, Tây khác xứ, hành thiện giáo mới đạt đến đạo quả tốt đẹp.

Từ bi, bác ái là hiện thân đức Phật, chẳng khác nào đã thấy Phật. Dầu đức Phật có nhập diệt trên 2.534 năm đi chăng nữa, Phật vẫn gần ta trong gang tấc, vì tâm ta tức tâm Phật vậy. Đức Phật thương chúng sanh như mẹ thương con, Ni sư cũng đem tình thương của mình đến với mọi người trong niềm thâm lặng.





VUI ÁNH ĐẠO VÀNG

Ngẩng lên trong ánh đạo vàng,
Bầu Phong rạng chiếu người đang hướng về.

Tiếng thơ theo gió thời gian đến,
Trầm thấp hương lan, nển vũng soi.

Ẩn trong sương lạnh đêm dày,
Vui trong ánh đạo, an lành phổ thông.

Du dương nhẹ buông đồng âm điệu,
Đan tơ lòng vọng chiếu từ quang.

Xuyên trong mạch sống đất vàng,
Vươn lên ý tưởng cho tan nỗi niềm.

Ta viết nhỏ trong tim thức tỉnh,
Chữ tình thương chung điểm nhưn sinh.

Bầu Phong thoai thoải nổi liền,
Khai sơn con cháu Rồng Tiên nổi truyền.

Không giẫm phải kiêu sa mở lối,
Là nẻo về chẳng lỗi thiên gia.

Ngẩng lên trong ánh đạo vàng,
Bầu Phong rạng chiếu, người đang hướng về.

Thanh bình đến sao Khuê rạng tỏ,
Vạn nẻo đường đây đó đặng khoa,

Muôn phương ca khúc thái hòa,
Khánh chuông Bát-nhã, Di-đà tịnh yên.

Thiên niên thiết thọ khai hoa dị,
Nhất thất nhân thân vạn kiếp nan.

Thích Nữ Huệ Hương

(Tuần thất thứ ba, 10/5 Canh Ngọ 1990)

Đã từ lâu rồi chẳng biết, tiếng thơ theo tiếng gió thời gian đến với Người, hương lan bảng lảng đầu đây, ngọn nến chập chờn trong đêm vắng. Ẩn trong sương lạnh đêm dày, ấm áp niềm vui



đạo pháp, lan tỏa khắp thân tâm, tiếng tơ lòng vọng chiếu ánh từ quang Bửu Phong.

Vui trong ánh đạo vàng, Người tự nhủ lòng:

*Ta viết nhỏ trong tim thức tỉnh,
Chữ tình thương chung điểm nhân sinh.*

Tình thương đã tô điểm cuộc sống thêm đẹp. Tình thương là dòng suối mát dập tắt mọi phiền hận si mê của chúng sanh. Trong trái tim người lúc nào cũng chan chứa tình thương nhân loại, trong ánh đạo vàng nhà Phật, bao nhiêu người đang hướng về Bửu Phong rực rỡ ánh từ quang.

Qua rồi thời chiến tranh khói lửa, dân tình không còn điều linh thống khổ, giọt nước mắt tang thương không còn tuôn chảy giữa lòng đất mẹ. Giờ đây, đất nước Việt Nam vui hưởng cảnh thái hòa, ánh sao Khuê lấp lánh trên bầu trời tự do, vạn nẻo đường đây đó nở hoa.

Khúc ca thái hòa rộn rã muôn phương, khánh chuông Bát-nhã ngân lên hương về cảnh Phật Di Đà an lạc tịnh yên.

Ngàn năm cây khô nào dễ khai hoa. Một kiếp được thân người vạn kiếp khó. Cây Bồ-đề thuở đức Phật nhập định, 49 ngày viên thành đạo quả vẫn còn lưu dấu ở xứ sở Ấn Độ, trải mấy ngàn năm cây Bồ-đề được gieo trồng trên nhiều nước.

Cây Bồ-đề chùa Bửu Phong sum suê tàn lá, tỏa bóng mát cả một góc chùa. Cội cây Bồ-đề đang rộ nở những đóa hoa Bồ-đề là những vị tăng ni, Phật tử đang nương mình hướng về ngưỡng cửa Phật gia.

Bao kiếp khó được thân người, bao kiếp sanh thân lại được phước duyên gần gũi đạo pháp, Ni sư trọn niềm tu học để không uổng phí một kiếp sanh thân.





Tịnh lạc cuộc sống hôm nay, càng nhớ ơn đức Từ phụ Thích-ca Mâu-ni Phật khai mở cho mọi người ngộ nhập tri kiến Phật. Đức Phật thị hiện giữa cõi đời, Ngài như vàng trắng sáng chiếu soi bầu trời tăm tối. Rằm tháng Tư vũ trụ chuyển mình hân hoan chào đón đức Phật đản sinh. Có phải vì là môn đệ Phật gia, Ni sư sanh thân cũng vào một đêm Rằm tháng Mười sáng trắng. Ngày mở mắt chào đời, đã đi vào ký ức Người một niềm an lạc vô biên. Ánh sáng đêm Rằm của đức Phật, vượt không gian thời gian chiếu soi vào tâm thức Người, theo bước chân đức Từ phụ đã đi.

Năm mươi năm trôi qua, vàng trắng vẫn rực sáng như thuở đêm Rằm, dội vào tâm thức Người một ấn tượng sâu xa. □





Ni giới Đồng Nai tiếp nối và phát triển

■ TKN. NHƯ DUNG

Trụ trì chùa Long Vân, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

*H*ướng về Đại lễ tưởng niệm Thánh tổ Ni Đại Ái Đạo, bài viết sẽ trình bày hai phần chính: Thứ nhất nói về một phần công hạnh của Thánh tổ Ni và phần thứ hai tôi sẽ nói về Ni giới Đồng Nai đã đang và sẽ tiếp nối phát triển công hạnh Tổ sư Ni đã để lại.

Dẫn nhập

Xã hội Ấn Độ cách nay hơn 2500 năm đã chìm trong màn đêm của sự phân chia giai cấp và phân biệt giới tính. Sự bất bình đẳng đã đè nặng lên thân phận người nữ khiến cho họ không có cơ hội hòa nhập với xã hội và không thể hiện được năng lực của chính mình. Họ bị xem như những công cụ đặt dưới sự điều khiển của nam giới... Bóng đêm đó mãi đè nặng lên đôi vai họ tưởng chừng như không có ngày thoát khỏi nếu như không có sự xuất hiện của ánh sáng từ bi và trí tuệ, đó chính là sự giác ngộ của Đức Phật. Ngài đã xóa tan bóng tối vô minh để đem lại tự do bình đẳng. Và không lâu sau đó, Di mẫu Mahāprajāpatī Gautamī (Kiều-đàm-di) được sự chấp thuận của đức Phật xuất gia tu học trong Tăng đoàn. Sự kiện này quả thật được xem là cuộc cách mạng vĩ đại đưa thân phận người nữ lên một tầm cao mới, và từ đó Ni đoàn được hình thành đầu tiên ở Ấn Độ. Đến hôm nay, tiếp nối theo công hạnh mà Tổ sư Ni đã làm, Ni đoàn trên khắp thế giới nói chung và Việt nam nói riêng, trong đó Ni đoàn Đồng Nai đã và đang ngày càng lớn mạnh. Đem năng lực của mình góp phần xây dựng cuộc sống





an vui hạnh phúc làm tốt đời đẹp đạo. Thực hiện phương châm “Đạo pháp - Dân tộc”.

1. Công hạnh của Tổ sư Ni Kiều-đàm-di

Trong một xã hội mang nặng tư tưởng phân chia giai cấp và phân biệt giới tính, thân phận người nữ bị xem nhẹ. Họ được xem như là những công cụ để phục vụ chứ không phải là con người đúng nghĩa. Trong lịch sử ghi lại rằng: *“Sự hiện hữu của phụ nữ là xoay quanh quyền lực của nam giới, để trang điểm phục vụ cho nam giới, để sanh con đẻ cái không được quyền chống đối... một phụ nữ lý tưởng là một phụ nữ trung thành, thậm chí bị tước quyền sống khi chồng qua đời”*¹. Chính lúc này thì Kiều-đàm-di xuất hiện như một vì sao sáng, Người đi ngược lại truyền thống trên để làm nên một sự thay đổi vĩ đại, mang lại công bằng cho thân phận nữ giới. Có lẽ hạt giống trượng phu đã

¹ *Ấn Độ Phật Giáo Sử Luận*, Thích Viên Trí, Nxb. Phương Đông - 2010.





nằm sẵn trong tâm hồn Di mẫu. Nên dù là người nữ nhưng Người đã vượt lên trên một nữ nhi thường tình, vượt qua được những ích kỷ cá nhân vốn có của một người mẹ kế. Dem lòng từ bao la để nuôi dưỡng thái tử Siddhārtha nên người và trở thành bậc giác ngộ vĩ đại, đem ánh sáng giác ngộ xóa tan màn đêm vô minh ở xã hội Ấn Độ lúc bấy giờ.

Không chỉ dừng lại ở tình yêu thương Thái tử, bên cạnh đó Di mẫu còn trang trải tình thương đến tất cả những người xung quanh. Tấm lòng từ bi của Bà bao la như đại dương. Bà đóng vai trò là mẫu nghi thiên hạ với đầy đủ tính năng động, chứ không thụ động như bao phụ nữ Ấn Độ đương thời: *“Bà là phụ nữ năng động nhập thế, cứu giúp cuộc đời. Bà không chôn vùi cuộc sống nhàn hạ trong chốn hoàng cung mà tiếp xúc với xã hội bên ngoài rất nhiều. Chính bà đã tham gia chính trị thỉnh Phật giảng hòa hai nước chiến tranh, hoạt động cứu tế cô nhi quả phụ...”*². Nhờ những đức tính cao cả ấy đã đưa Di mẫu đi đến một quyết định bất ngờ, làm thay đổi trật tự xã hội Ấn Độ đương thời, đó là sự xuất gia học đạo. Đây là việc mà lúc bấy giờ chưa một phụ nữ nào dám làm và chưa có tôn giáo nào chấp nhận. Di mẫu đã vượt thoát ra khỏi vỏ ốc tù túng của chế độ phân biệt giới tính, để giải thoát cho hàng nữ giới bước lên địa vị bình đẳng về giác ngộ.

Từ khi xuất gia học đạo, lãnh thọ giới pháp, Di mẫu chuyên cần tu tập Giới-Định-Tuệ, phá bỏ ngã chấp, loại trừ cái “Ta” đã từ lâu ăn sâu trong tâm hồn người nữ để đạt đến địa vị Thánh Ni, đắc quả A-la-hán sánh ngang tầm với nam giới. Nếu như bên Tăng có Thập đại đệ tử tăng thì bên Ni cũng có Thập đại đệ tử ni. Cho nên đức Phật nói: *“Trong các vị nữ đệ tử Tỳ-kheo-ni lâu ngày của ta, tối thắng là Mahāprajāpati, Đại trí huệ tối thắng là Khema, Thần thông tối*



² Suối Nguồn Diệu Giác 2, Thích Thanh Quang, Nxb. tổng hợp TPHCM - 2009.



thắng là Uppalavannā ...”.³ Từ sự xác nhận của đức Phật cho ta thấy được quá trình công phu tu tập và thực chứng của Kiều-đàm-di mẫu. Với sự thực chứng này, Di mẫu đã dẫn dắt Ni đoàn đi đến đỉnh cao của sự giải thoát an lạc. Thật không hổ thẹn là đáng nữ nhi anh hùng - con dòng họ Thích. Di mẫu đã khẳng định được rằng: *“Bỉ ký trượng phu ngã diệc dĩ, bất ứng tự khinh nhi thoái khuất”*.⁴ (Người là đáng trượng phu. Ta đây cũng vậy, chẳng nên khinh mình mà lui sụt)

Như vậy, Kiều-đàm-di mẫu đã đặt nền tảng cho Ni đoàn được thành lập. Một Ni đoàn đang ngày càng lớn mạnh, và những thế hệ sau đang từng bước tiếp nối theo công hạnh của Tổ sư, trong đó có Ni giới Đồng Nai.

2. Ni giới Đồng Nai tiếp nối và phát triển công hạnh Tổ sư

2.1. Sự ra đời của Phân ban Ni giới Đồng Nai

Phân ban Ni giới trực thuộc ban Tăng sự GHPG Đồng Nai đã được BTS GHPG Đồng Nai trao quyền quyết định công nhận thành phần nhân sự vào buổi Lễ ra mắt Phân ban Ni giới nhiệm kỳ 2007-2012, ngày 11/5/2010 (Nhằm 28/03/Canh Dần), do NT. Thích Nữ Huệ Hương làm Trưởng Phân ban. Trong đó có 20 thành viên chính thức và 16 thành viên dự khuyết. Đây là một bước ngoặt lớn để Ni giới Đồng Nai kết hợp với Ni giới Trung ương. Phát huy năng lực của Ni đoàn, nhằm tiếp nối hạnh nguyện mà bậc Tổ sư đã làm. Như lời NT. Thích Nữ Huệ Hương nhấn mạnh: *“Sự ra đời của Phân ban Ni giới thuộc ban Tăng sự GHPG Đồng Nai sẽ giúp cho Ni giới vững niềm tin, thực hiện tốt việc chấn chỉnh Ni lưu nhằm phát huy tiềm năng sẵn có của Ni giới Đồng Nai và đóng góp nhiều*

³ *Tăng Chi Bộ Kinh I*, ĐTKVN, Phẩm Người Tối Thắng, Nữ Đề Từ Tỳ Kheo Ni, Thích Minh Châu (dịch). 2005.

⁴ *Quy Sơn Cảnh Sách Văn*, Thích Hành Trụ, Nxb. Thuận Hóa - Huế -1994.



*Phật sự hơn nữa vào sự nghiệp chung của Đạo pháp-Dân tộc*⁵. Thật vậy, sự ra đời của Phân ban Ni giới khẳng định rằng Ni giới không còn là cái bóng của chư Tăng nữa mà là con đường song hành cùng chư Tăng hoằng dương chánh pháp.

2.2. Tu tập Giới hạnh

Nếu như Di mẫu lấy nền tảng Bát kính pháp tu tập thì Ni giới Việt Nam nói chung và Ni giới Đồng Nai nói riêng cũng lấy giới luật làm căn bản để tu tập. Bởi giới luật là gốc giúp chúng ta hoàn thiện các công hạnh và là chất liệu đưa đến giải thoát giác ngộ. Cho nên, Giáo hội Đồng Nai đặc biệt chú trọng vào giới luật. Điều này chúng ta có thể thấy Đồng Nai là tỉnh tiên phong trong việc tổ chức tụng Luật nhằm khuyến khích Tăng Ni học - hiểu và hành trì giới luật.

Đặc biệt hơn nữa là trong năm 2017 vừa qua, Đồng Nai đã tổ chức Đại giới đàn Pháp Loa trong thành công rực rỡ. Giới đàn mang đức hiệu cao quý của bậc cao tăng Nhị tổ Thiền phái Trúc Lâm tại Việt Nam. Sự trang nghiêm thanh tịnh tại đây giúp Tăng Ni hậu học được lãnh thọ giới pháp, để có cơ bản tu tập trở thành bậc chân tu thực đức, tiếp nối mạng mạch Phật pháp. Sự thành công này đóng góp một phần không nhỏ của chư ni Đồng Nai, nhất là chư ni tại các Thiền viện như Trúc Lâm Trí Đức, Linh Chiếu, Viên Chiếu...

Bên cạnh đó, các trường Hạ ni tại Đồng Nai có số lượng Ni an cư rất đông và tu học thật nghiêm túc. Các bậc Ni trưởng và Ni sư với đạo hạnh thanh cao, luôn trau dồi giới - định - huệ, tôn trọng Bát kính pháp. Các Ngài đều đặn đến triển khai giới luật hầu giúp các hành giả an cư hiểu sâu về giới luật để hành trì. Bởi giới luật là chất liệu quý báu trang nghiêm Pháp thân, là nền tảng

⁵ <http://www.daitangkinhvietsnam.org/node/5290>. Truy cập ngày 27/11/2017.





đưa đến sự an tịnh giải thoát. Cho nên, khi xưa được đức Thế Tôn truyền trao Bát kinh pháp, Di Mẫu đã thốt lên rằng: “Đức Thế Tôn dùng những trân báu hảo hạng, kết làm tràng ngọc đem cho người nữ chúng con, như vậy há chẳng thích thú đánh thọ hay sao? Ngày nay được đức Thế Tôn trao truyền Bát kinh pháp, con rất lấy làm hoan hỷ, xin nguyện đánh thọ hành trì...”⁶. Noi gương theo bước chân Tổ sư, Ni giới Đồng Nai đã và đang lấy Giới luật trang nghiêm Pháp thân để gìn giữ mạng mạch Phật pháp.

2.3. Giáo dục

Giáo dục là yếu tố quan trọng không thể thiếu trong cuộc sống. Cho nên, chư ni Đồng Nai nỗ lực tiến tu đạo nghiệp, giải thoát và đặc biệt là nâng cao trình độ học vấn để đóng góp vào sự nghiệp hoàng pháp lợi sanh, đưa giáo dục Phật giáo vào đời sống dân tộc. Rất nhiều Ni sư, Sư cô đã có học vị cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ Phật học đa số xuất thân từ Đồng Nai. Hiện đã và đang góp phần vào sự nghiệp phát triển của đất nước. Bên cạnh đó, chư Tôn đức Ni luôn nhắc nhở các vị trụ trì phải quan tâm dưỡng dục ngay từ trong nội viện, từ đó các Ni trẻ có nền tảng cơ bản để vững bước vào các trường Phật học. Hiện nay Đồng Nai có đủ ba cấp học: Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp Phật học với số lượng Tăng Ni có thể coi là nhất nhì trong nước. Đặc biệt cơ sở nội trú Ni tại trường Trung cấp Phật học Đồng Nai có số lượng ni trẻ rất đông và tu học nghiêm túc. Tại đây, đội ngũ giáo thọ đa số là chư Ni xuất thân từ các tự viện và thiền viện ở Đồng Nai. Với kiến thức cộng thêm nội tâm tu tập, giúp chư Ni thành công trong việc truyền trao kiến thức đến đàn hậu học cả về nội điển lẫn ngoại điển. Từ đó ni sinh mở rộng kiến thức để bắt kịp với đà phát triển của xã hội. Không dừng lại ở đó, các vị giáo thọ tại các thiền viện nhờ sự hướng dẫn của Đại lão HT. thượng Thanh hạ Từ trong công phu thiền

⁶ <http://www.daitangkinhvietnam.org/node/5290>. Truy cập ngày 27/11/2017.



định, nên chư Ni có nội tâm tu tập vững chắc đã phụ trách giảng dạy rất nhiều nơi như Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Bình Dương, Cà Mau... Đây là thành công của Ni giới đáng được ghi nhận. Song song đó, Ni giới còn quan tâm giáo dục đến các tầng lớp nhân dân như: tổ chức lớp học giáo lý, ủng hộ quỹ học bổng cho các học sinh nghèo vượt khó... Từ đó, đưa đạo Phật vào đời để giúp người dân có nền tảng đạo đức, trau dồi trí tuệ, đáp ứng nhu cầu tâm linh và duy trì nếp sống văn hóa dân tộc.

2.4. Từ thiện

Thể hiện tinh thần từ bi cứu khổ của đạo Phật đến những mảnh đời bất hạnh, nên kể từ khi Ni bộ thành lập, Ni giới Đồng Nai luôn đồng hành cùng GHPGVN thực hiện các chính sách an sinh xã hội như: xóa đói giảm nghèo, xây dựng nhà tình thương, tặng học bổng cho học sinh nghèo, nuôi người già neo đơn, cứu trợ thiên tai lũ lụt trong và ngoài tỉnh... Trong chương trình làm từ thiện đó chúng ta không thể không nhắc đến các tự viện và thiện viện nổi bật như: Quan Âm Tu Viện (TP. Biên Hòa) thành lập viện nuôi dưỡng người già neo đơn; chùa Hoàng Ân (TP. Biên Hòa) thành lập cơ sở bảo trợ Hoa Sen Trắng; chùa Diệu Pháp (Long Thành- Đồng Nai) nuôi dạy trẻ mồ côi; Tuệ Tĩnh Đường thiện viện Linh Chiếu (Long Thành- Đồng Nai), khám bệnh, cấp phát thuốc miễn phí...

Với hạnh nguyện Bồ Tát thực hành Lục độ Ba-la-mật để dẫn thân phụng sự đạo pháp, với phương châm 'phục vụ chúng sanh là cúng dường chư Phật'. Trong những năm qua, Ni giới Đồng Nai đã tổ chức các chương trình từ thiện một cách thiết thực, ý nghĩa, không phân biệt Tôn giáo... Từ đó góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển chung của tỉnh để làm tốt đời đẹp đạo.

Nhìn chung, qua những công hạnh của Thánh tổ Ni và những hoạt động của chư Ni đang tiếp nối và phát triển là những





thành quả đáng ghi nhận. Những thành quả đó là nội tâm tu tập dựa trên nền tảng Giới-Định-Tuệ. Với nền tảng này Ni giới Đồng Nai nói riêng và Ni giới cả nước nói chung đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện để đưa đạo Phật hội nhập thế giới, đồng thời làm rạng danh tên người, Thánh tổ Ni Kiều Đàm Di.

3. Kết luận

Nói tóm lại, để có một Ni đoàn lớn mạnh về mọi mặt như ngày nay là cả một quá trình hy sinh của các bậc tiền bối, đặc biệt là nội công tu tập của Tổ sư Ni Kiều Đàm Di - người đã dày công xây dựng thành lập nên một Ni đoàn Phật giáo. Chúng ta có thể xem Ngài như một vị anh hùng làm nên cuộc cách mạng tâm linh vĩ đại cho nữ giới Ấn Độ nói riêng và thế giới nói chung. Và hôm nay, tiếp nối Tổ sư, Ni giới Đồng Nai đã và đang thực hiện theo những công hạnh của Người, hầu mong tốt đời đẹp đạo. Tuy nhiên, bên cạnh những thành công trên vẫn có những điều hạn chế mà chư Ni cần phải khắc phục để hoàn thiện hơn, và cần phải đóng góp nhiều hơn nữa trong các công tác Phật sự để cùng với chư Tăng góp phần làm trang nghiêm Giáo hội, thực hiện phương châm “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”. □



Chùa Long Vân

*Ni trưởng Karma Lekshe Tsomo
thăm trường hạ Long Vân*



Ni giới Đồng Nai

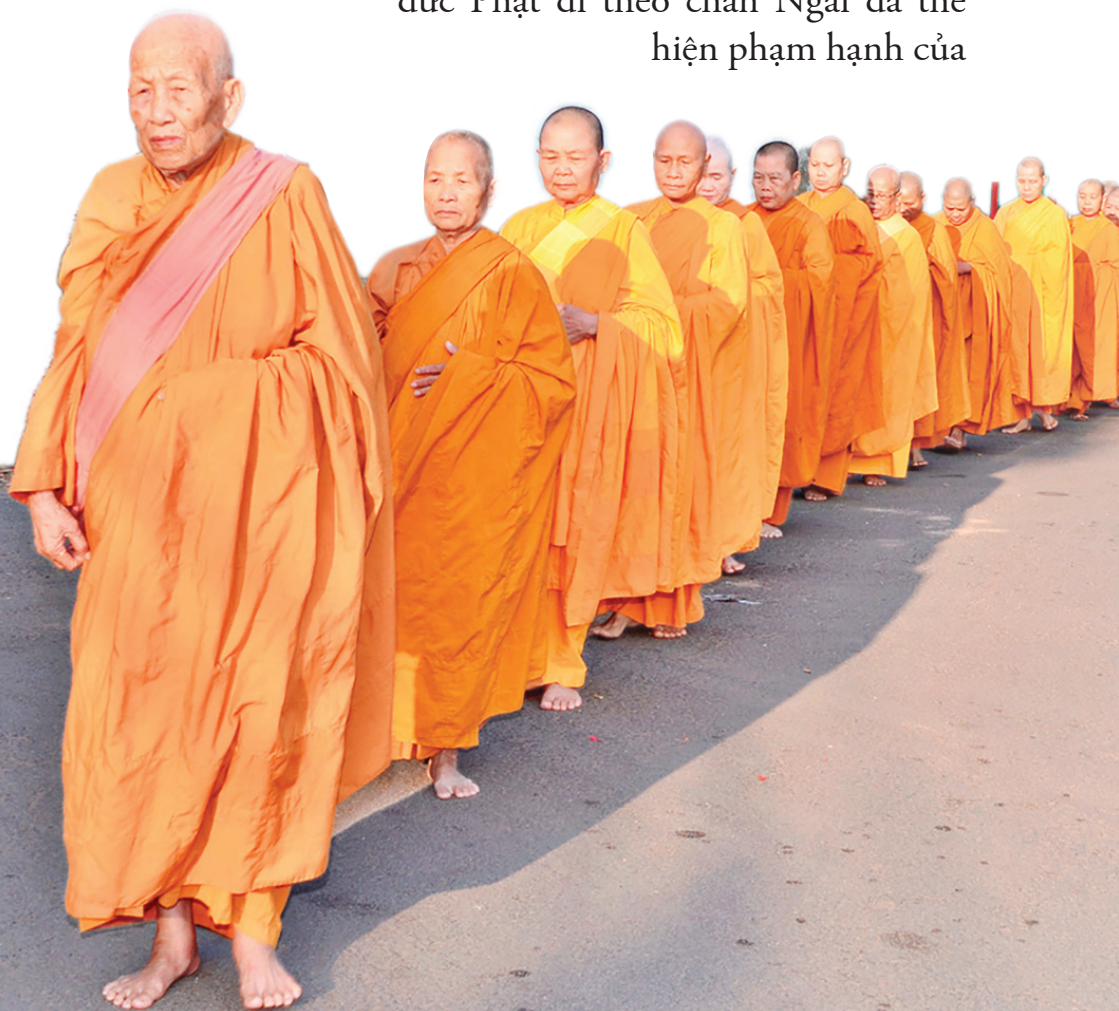




Gương sáng hoàng y

■ TKN. NHU LIÊN

Phật giáo cho rằng đạo đức là nền móng vững chắc nhất để xây dựng tôn giáo của mình. Đức Phật là một trong những người đầu tiên trong lịch sử khởi xướng về bình đẳng nam nữ trong xã hội. Thánh tổ ni Đại Ái Đạo mở ra chân trời giải thoát cho Ni giới, để từ đó bao thế hệ Ni lưu đã tiếp bước kế thừa và phát huy ngày một xán lạn hơn. Những người con gái của đức Phật đi theo chân Ngài đã thể hiện phạm hạnh của





mình, đem nét thuần khiết đó dẫn thân vào cuộc đời, với trách nhiệm “lợi sanh vi gia vụ”. Như vậy, chúng ta có thể dễ nhận thấy rằng việc phát huy vai trò của Ni giới ngày nay là một trong những vấn đề cần thiết bởi điều đó không chỉ phù hợp với giáo lý đạo Phật mà còn là sự kế tục truyền thống quý báu của Ni giới Việt Nam. Nếu nhìn lại trong lịch sử Phật giáo thì nhiều thế hệ Ni đoàn Phật giáo đã có nhiều đóng góp quan trọng trong việc “xương minh Phật pháp” và góp phần phát triển xã hội. Chư Tôn đức Giáo phẩm ni tiền bối đã nguyện noi theo gương sáng của quý Ngài thời thời tùy duyên thừa đương Phật sự, khắc khắc phát huy Thánh chủng Kiều-đàm-di, không để bất cứ điều khó gì làm nhụt chí hàng Ni lưu Thích tử. Trong suốt chiều dài lịch sử của đất nước, với tấm lòng từ bi cao cả, Ni giới Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã luôn đồng hành cùng dân tộc, có mặt trong hầu hết mọi lĩnh vực của đời sống, nhất là trong các hoạt động từ thiện nhân đạo, an sinh xã hội.



Riêng tại tỉnh
Đồng Nai, bằng tinh
thần từ bi cứu khổ của đạo
Phật “phụng sự chúng sinh là cúng
dường chư Phật”, với tấm lòng bao la và bằng
chính việc trực tiếp tham gia của những bậc đại thụ
của Ni giới Đồng Nai, đã đóng góp rất lớn vào công tác an
sinh xã hội trên địa bàn tỉnh, góp phần làm tốt đời đẹp đạo, được
chính quyền, nhân dân tỉnh ghi nhận và tán thán.

Trong xu thế vận hành của dân tộc và kế tục tinh thần xiển
dương chánh pháp, phát triển Phật giáo tỉnh, Ni giới tỉnh Đồng
Nai không thể không kể đến một bậc đại thụ của Đồng Nai nói
chung và Ni giới hệ phái Khất sĩ nói riêng.



*Một đời hành đạo tài đức nhiếp khắp Ni lưu,
Muôn thuở lợi sanh công hạnh soi chung nữ giới.*

Ni trưởng THÍCH NỮ CHIÊU LIÊN, thế danh là Từ Thị Y, sinh năm Đinh Mão (1927) tại tỉnh Trà Vinh. Nguyên Ủy viên ban Trị sự Phật giáo tỉnh Đồng Nai chứng minh phân ban Đặc trách Ni giới GHPGVN thị xã Long Khánh. Chứng minh Ni giới hệ phái Khất sĩ Việt Nam viện chủ Tịnh xá Ngọc Khánh - Long Khánh. Ni trưởng là một bậc Trưởng lão danh ni luôn nhận thức trọng trách với sứ mạng “tiếp bước Tổ thầy, hoàng dương Phật pháp, tiếp dẫn hậu lai, báo Phật ân đức”. Người luôn suy tư về sự hưng vong của tiền đồ Phật pháp. Muốn Ni chúng hưng thịnh trước hết tự thân nghiêm trì giới luật, thúc liễm thân tâm, hàm dưỡng nội tại công phu, tu tập miên mật, thật tu thật chứng thì mới giữ vững ni lưu trong giềng mối Bát kính. Vì vậy mà thuở mới vào đạo Ni trưởng trau rèn giới đức, tâm đức và tuệ đức, noi gương Tổ thầy hành đạo, làm cho ánh đạo vàng Khất sĩ lưu chuyển khắp nhân gian.

Một đời Ni trưởng dẫn thân hành đạo vì thế hệ mai sau của hàng Ni giới. Người đã để lại công hạnh cho hàng Ni chúng qua cuộc đời tu tập và hành đạo của Người.

*Dẫu thế sự có thăng trầm dâu bể,
Suối đầu nguồn giọt nước vẫn trinh nguyên.
Tình tiên tổ vẫn là tình bất diệt,
Mãi trong xanh, xanh ngát một niềm tin.*

Vào năm 1952, Ni trưởng phát tâm xuất gia, được Tổ sư Minh Đăng Quang thọ nhận chứng minh, ban pháp danh là Chiêu Liên. Thế là, từ trong cảnh đau thương trần lụy, gia đình nhỏ bé, Ni trưởng “phát túc siêu phương”, hân hoan bước chân vào thế giới xuất gia giải thoát rộng mở thênh thang, được sự hướng dẫn trực tiếp của Đệ nhất Ni trưởng Huỳnh Liên, Ni trưởng đã chuyên





tâm công phu chấp tác, kinh luật tinh cần, nên rất được thầy yêu mến.

Từ đó, Ni trưởng theo hạnh nguyện của Tổ thầy hoàng pháp độ sinh với tinh thần “Tứ hải vi gia - Cửu châu lập nghiệp”, lấy vũ trụ làm nhà, nhơn sanh làm quyến thuộc; phụng thờ Chánh pháp từ bi bình đẳng. Thuở sơ khai, bước đường hành đạo có nhiều gian nan thử thách, nhưng Ni trưởng đã thể hiện sự bền gan vững chí trong hạnh nguyện tự giác giác tha.

Suốt quá trình hành đạo độ sanh, Ni trưởng luôn thể hiện trọn vẹn tinh thần hy sinh tận tụy, cống hiến hết sức mình cho đạo pháp. Ni trưởng là một trong những vị đệ tử Ni vâng mệnh Tổ thầy mở mang Phật pháp, hoằng hóa nhiều nơi. Nơi nào ni trưởng cũng để lại tấm gương từ bi vô ngã, những hạnh nguyện xả kỷ lợi tha, khiến cho mọi người kính thương trân trọng. Những nơi mà Ni trưởng có duyên giáo hóa, dù đó là làng mạc thôn quê, hay tỉnh thành hoa lệ, Ni trưởng vẫn một mực cháo rau đạm bạc, đội trời đạp đất, nắng sớm mưa chiều, cố gắng học theo hạnh đầu đà thanh bần của chư Thánh tăng xưa.

Với hạnh tu như vậy, Ni trưởng nối chí Tổ thầy dựng xây ngôi nhà đạo pháp, thiết lập đạo tràng tịnh xá, dắt dìu Ni chúng, tiếp độ cư gia, trải lòng từ ái đến vạn loài sanh linh. Trong mọi trường hợp, Ni trưởng đều thể hiện tinh thần tận tâm với đạo pháp, tận trung với Tổ thầy, tận nghĩa với pháp hữu và tận tình với môn đệ.

Năm 1969, với bản tánh không ngại gian nguy nên Ni trưởng được Giáo hội phân công đến Long Khánh, Đồng Nai để xây dựng phát triển đạo tràng tịnh xá. Tịnh xá Ngọc Khánh lúc bấy giờ, vốn chỉ là một bãi đất trống, nằm giữa khu vắng vẻ. Am tranh che mưa nắng, khoai củ đỡ đói lòng, thật là gian nan khó khổ. Nhưng nhờ công đức của Ni trưởng miệt mài tôn tạo, cùng với một số đệ tử xuất gia và tại gia đồng cam cộng khổ, chung lòng góp sức, ra công



gầy dựng, lập vườn trồng rẫy tự túc suốt 10 năm. Công tác trùng tu tôn tạo lớn nhất là vào năm 1998, Ni trưởng trùng tu hoàn thành Tịnh xá Ngọc Khánh cũng là nơi dừng trụ, hóa đạo và an dưỡng cho đến ngày nay.

Năm 1970, Ni trưởng xin phép thành lập Nhà nuôi dạy trẻ ký nhi trong khuôn viên Tịnh xá. Nhờ sự bảo bọc của chùa, của Ni trưởng mà các em đã được nuôi dưỡng, trưởng thành và bước vào đời để phục vụ cho xã hội một cách tốt đẹp. Những việc làm ấy đều xuất phát từ tấm lòng của một vị sứ giả Như Lai suốt đời tận tụy với hạnh nguyện cứu khổ, ban vui không từ lao nhọc.

Từ 1997 đến 2007, Ni trưởng liên tục đảm nhận chức vụ Ủy viên ban Đại diện Phật giáo thị xã Long Khánh, và được mời làm Hội trưởng hội Chữ thập đỏ của phường.





Ni trưởng được Giáo hội tấn phong Giáo phẩm Ni sư vào năm 2000 và Giáo phẩm Ni trưởng vào năm 2007.

Suốt cuộc đời tu học và hành đạo, Ni trưởng đã luôn luôn giữ gìn giếng mối kỷ cương của giới luật, và nương theo hạnh nguyện của Tổ thầy để lập hạnh cho mình, chăm lo hàng hậu học một cách chu đáo. Ni trưởng đã độ cho nữ giới xuất gia trên 50 vị, cùng với hàng nghìn Phật tử hữu duyên đã được Ni trưởng truyền giới, quy y. Vì sự nghiệp kế vãng khai lai, truyền trì mạng mạch Phật pháp, Ni trưởng đã cho Ni chúng theo học tại các trường Phật học, thế học trong nước và cả nước ngoài, nhằm đào tạo nhân sự tài đức cho Phật pháp mai sau. Năm 1980, Ni trưởng xây dựng đạo tràng Phật tử tu học Bát quan trai tại Tịnh xá Ngọc Khánh duy trì đến ngày nay và năm 2012 thành lập Gia đình Phật tử Khánh Đăng. Ni trưởng tổ chức các khóa tu, như khóa tu mùa hè cho các thanh thiếu niên, vào những ngày sóc ngày vọng, tổ chức sinh hoạt đạo tràng, thuyết giảng Phật pháp, tạo môi trường tốt cho các Phật tử tiếp cận, thực hành lời Phật dạy, làm ổn định nhân tâm, xây dựng đời sống hiền hòa.

Đó là một đại hạnh mà Ni trưởng để lại cho đời, cho hậu thế làm gương. Cuộc đời của Ni trưởng học và hành song đôi, nói và làm không bao giờ sai lệch; thường thường nói ít, làm nhiều. Đối với các bậc Tôn đức và Chư tăng, Ni trưởng luôn luôn khiêm hạ, giữ đúng Bát kính pháp theo hạnh của Bốn sư, nên rất được mọi người kính quý.

Hằng năm, cứ vào mỗi mùa an cư, vì cảm mến công đức tu hành của chư Tăng Ni, nên Ni trưởng hướng dẫn các Phật tử phát tâm về cúng dường trường hạ các nơi trong và ngoài tỉnh.

Ngoài ra, nhờ uy tín về giới hạnh sáng ngời, nên Ni trưởng được mời tham dự trong ban Kiến đàn, hoặc Tôn chứng tại các giới đàn của tỉnh Đồng Nai tổ chức. Nhưng với bản chất hiền hậu



khiêm cung luôn muốn được an tịnh tu, nên Ni trưởng chỉ thể hiện giới hạn.

Đặc biệt về công tác từ thiện xã hội, Ni trưởng phát động công tác từ thiện của tỉnh nhà như:

- Xây nhà tình nghĩa.
- Phát quà từ thiện.
- Tặng quần áo, sách vở, học bổng cho học sinh khó khăn.
- Tặng quà trung thu cho trẻ em cơ nhỡ.
- Quà tết cho các cụ già, nuôi dạy tốt các em nhỏ có hoàn cảnh bất hạnh.
- Ủng hộ bếp ăn tình thương tại bệnh viện thị xã Long Khánh.

Suốt cuộc đời tận tụy cống hiến cho đạo pháp, Ni trưởng đã lưu lại những dấu tích thân thương của một Tỳ-kheo-ni miệt mài với hạnh nguyện xuất trần hóa đạo.

Bằng khả năng và phương tiện có được, Ni trưởng đều tự thân đi đến để lo lắng và giúp đỡ với tâm trong sáng vô tư của một hành giả giải thoát xả ly. Hạnh nguyện nổi bật của Ni trưởng là không phân biệt nhân ngã thân sơ, sang hèn trí ngu gì cả. Người bất hạnh khổ đau đến là Ni trưởng sẵn sàng bảo bọc, giúp vượt qua cơn khổ nạn theo lời Phật dạy: “Thương yêu chúng sanh như cha mẹ thương con”. Ni trưởng còn là tấm gương đối nhân xử thế đạo nghĩa chu toàn trọn vẹn.

Người xuất gia hạnh nguyện cao nhất là hoằng pháp. Vì nếu không như thế thì giáo pháp cao quý của đức Phật sẽ mai một và Tam bảo không còn đủ ba ngôi. Mà xét cho cùng giáo pháp mới là ngọn đuốc dẫn đường cho con người biết sống an lạc và hạnh phúc. Thế nên, hạnh nguyện của Ni trưởng là “hoằng pháp lợi sanh” dẫn thân vào đời, bước vào nẻo chông gai cát bụi, không sợ





gian nan, không sợ nguy khó, đem tình thương sáng soi cùng khắp chúng sanh. Cuộc đời Ni trưởng như một bài thuyết pháp không lời... Tuy vậy:

*Trí dũng vô biên trọn giới tu,
Hoảng dương chánh pháp sáng thuyền từ.
Chướng ma ngăn lối tâm vô chuyển.
Kiên định một đường tới chơn như. □*



Một
đời
hành
đạo
tài
đức
nhiếp
khấp
Ni
lưu



Ni giới Đồng Nai



Muôn
thuở
lợi
vạn
công
hạnh
vời
chung
nữ
giới



Nữ giới tiên phong bảo vệ môi trường câu chuyện trồng cây gây rừng

NI TRƯỞNG THÍCH NỮ HUỆ GIÁC

■ TKN. NHƯ NGUYỆT

1. Dẫn nhập

Trong kinh Tăng Chi Bộ, đức Phật dạy rằng: “Trồng cây cho ta bóng mát, ngoài việc thanh lọc không khí, còn bảo tồn trái đất, đó là điều lợi lạc cho tất cả mọi người và cho cả bản thân ta”.

Hoặc Vinaya-matrka-sastra dạy rằng: “Một Tỳ-kheo trồng ba loại cây: Cây ăn trái, cây cho hoa và cây cho lá để cúng dường Tam bảo sẽ ân hưởng sự gia trì và không phạm tội” và “Có năm loại cây không được chặt, đó là cây bồ đề, cây thuốc, những cây lớn mọc bên đường, cây trong rừng xứ lạnh và cây đa”.

Kinh A Hàm nhắc đến: “Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở. Vị ấy nghĩ rằng: Ta nương vào khu rừng để ở, chưa có chánh niệm sẽ được chánh niệm; tâm chưa định sẽ được định; nếu chưa giải thoát sẽ được giải thoát, các lậu hoặc chưa diệt tận sẽ được diệt tận; chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng sẽ chứng đắc Niết-bàn... Nay các Tỳ-kheo phải bảo vệ môi trường tự nhiên trong sạch”.

Đức Phật luôn tán thán và xem núi rừng là nơi ẩn trú lý tưởng cho những vị xuất gia hành đạo. Ngài cũng lưu tâm đến việc thích nghi và bảo vệ sự sống của tự nhiên. Một trong những biểu hiện cụ thể là đức Phật đã định chế việc tổ chức an cư cho Tăng Ni vào ba tháng mùa mưa từ tháng 6 đến tháng 9 ở Ấn Độ vì “Mùa mưa



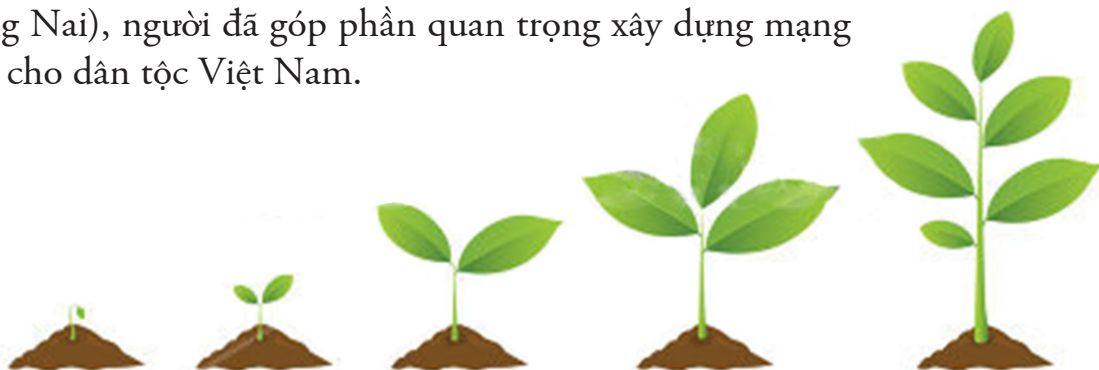


là mùa nảy mầm của chồi non, mùa sinh sản của côn trùng. Côn trùng nảy nở nhiều trên mặt đất và có những mầm non, những loại côn trùng rất nhỏ, mắt thường khó mà dễ dàng phát hiện được. Để giữ lòng từ bi, chư Tăng cần an cư. E rằng nếu tiếp tục vân du hoành pháp sẽ vô tình giẫm đạp, gián tiếp hại tiến trình sinh sản và sinh trưởng của côn trùng, chồi non”.

Có thể nói, xuất phát từ tinh thần trân trọng, giữ gìn môi trường tự nhiên của đạo Phật, nên Phật giáo Việt Nam đã và đang tích cực thực hiện nhiệm vụ của mình trong việc giảm thiểu đến mức thấp nhất sự nóng lên toàn cầu và bảo vệ môi trường sống. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, cùng với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường cùng lãnh đạo 14 tổ chức tôn giáo trong nước đã cam kết thực hiện chương trình phối hợp hành động về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2015-2020. Đây là một biểu hiện sinh động, đầy ý nghĩa, cho thấy tinh thần hộ quốc an dân cũng như tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam trước nay, một hồi ứng tích cực và hữu hiệu của Phật giáo trước vấn đề mang tính toàn cầu.

Trong bối cảnh đó, việc tổ chức tọa đàm với chủ đề “Nữ giới Phật giáo trong mạch sống của dân tộc” nhân dịp lễ Giỗ tổ Kiều-đàm-di lần thứ 6 tại tỉnh Đồng Nai. Quý tụ chư Tôn đức ni toàn quốc về tham dự rất là đúng lúc và có ý nghĩa quan trọng. Ngoài ra, đây còn là một sự kiện mang tính khoa học, góp phần tôn vinh những đóng góp của nữ giới Phật giáo đối với đạo pháp và dân tộc.

Bài viết sau đây nhằm giới thiệu tám gương đi đầu trong việc trồng và bảo vệ rừng của Ni trưởng Huệ Giác, đương kim Tổng trưởng Liên tông Tịnh độ Non Bồng, Viện chủ Quan Âm Tu Viện (Đồng Nai), người đã góp phần quan trọng xây dựng mạng mạch sống cho dân tộc Việt Nam.





2. Câu chuyện trồng rừng của Ni trưởng Thích Nữ Huệ Giác

Bắt đầu từ những năm 1983-1984, Ni trưởng Huệ Giác triển khai việc trồng cây gây rừng, phủ xanh đất trống đồi trọc trước tiên ở tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu và sau đó dần mở rộng ra nhiều tỉnh như Bình Phước, Lâm Đồng, Bình Thuận. Dưới sự lãnh đạo và quyết tâm của Ni trưởng, hàng trăm hec-ta rừng tràm, quế và các loại cây công nghiệp được chừa tăng, chừa ni Liên tông Tịnh độ Non Bồng ngày đêm khai hoang, chăm sóc để đem lại những cánh rừng xanh thắm, góp phần cân bằng môi trường sinh thái, đồng thời là nguồn kinh tế cho các tự viện trực thuộc tông phong trong thời điểm cả nước còn khó khăn.

Đặc biệt không thể không nhắc đến sự kiện năm 1984, nhân ngày sinh nhật Bác Hồ, Ni trưởng Huệ Giác đã lần đầu tiên phát động phong trào trồng cây gây rừng, trước sự có mặt của đại biểu các cơ quan chính quyền, trong đó có ông Phạm Văn Hy - Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai, ông Lê Văn Nà - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, ông Lê Hữu Sanh - Giám đốc Sở Lâm nghiệp thời bấy giờ. Vào dịp này, Quan Âm Tu Viện đã nhận đất và trồng rừng trên một phạm vi rộng, bao gồm khu rừng thuộc ấp 5 xã Long Phước, huyện Long Thành, trải dài đến núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Như vậy, Quan Âm Tu Viện đã quản lý một khu rừng rộng lớn thuộc địa bàn hai tỉnh Đồng Nai và Bà Rịa - Vũng Tàu với diện tích khoảng 350 hecta. Những khu rừng này đã được duy trì và liên tục mở rộng cho đến ngày nay. Hiện nay, Quan Âm Tu Viện đã mở rộng diện tích trồng rừng phủ xanh đất hoang đồi trọc lên đến khoảng hơn 1.000 hecta ở các tỉnh Lâm Đồng, Bình Phước, Bình Thuận.

Những năm sau đó, Ni trưởng tiếp tục tổ chức nhiều lễ phát động chương trình trồng cây gây rừng. Năm 2006, Ni trưởng đã phát động chương trình truyền thống “Trồng cây nhớ ơn Bác Hồ”,





kỷ niệm 116 năm ngày sinh Bác Hồ đồng thời chào mừng sự thành công của Đại hội Đảng Cộng Sản Việt Nam lần thứ X. Đây là một sự kiện đáng nhớ vì vào dịp này, rất đông Phật tử của Quan Âm Tu Viện từ khắp nơi đã vượt hàng trăm cây số để tham gia chương trình. Khoảng 30.000 cây trăm bông vàng và 4.200 cây dó bầu (trầm hương) đã được trồng vào đợt phát động này.

Nhiều ngôi chùa tiêu biểu trong việc trồng cây bảo vệ rừng hiện nay của Liên tông Tịnh độ Non Bồng như: Tổ đình Linh Sơn (Bà Rịa - Vũng Tàu) quản lý 256 hecta, Chùa Tân Lợi (Hàm Thuận Nam - Bình Thuận) giữ 261 hecta, Tịnh thất Công Đức Hoa (Lâm Đồng) trồng 110 hecta, Chùa Long Phước Thọ (Huyện Long Thành - Đồng Nai) có 40 hecta, Bửu Hoa Ni Viện (Long Thành - Đồng Nai) trồng 40 hecta... Nhiều Ni sư, Sư cô là đệ tử của Ni trưởng đi khai khẩn và trồng rừng từ hơn 30 năm trước, hiện vẫn đang tiếp tục công việc cho đến nay. Được biết đến như Ni sư Diệu Hòa (Tổ đình Linh Sơn 1 - Bà Rịa Vũng Tàu), Ni sư Diệu Tín (Huỳnh Mai Tịnh Viện - Bà Rịa Vũng Tàu), Ni sư Diệu Thọ (Bồ Đề Phật Điện - Bà Rịa Vũng Tàu), Ni Sư Diệu Thành (Bửu Hoa Ni Viện - Đồng Nai), Ni sư Lan Nhã (Tam Thiên Tự - Đồng Nai), Sư cô Ngọc Tịnh (chùa Hương Lâm Lộc Thịnh - Bình Phước), Sư cô Diệu Nhẫn (chùa Công Đức Hoa - Lâm Đồng), Sư cô Ngọc Lạc (chùa Long Phước Điền - Đồng Nai), Sư cô Liễu Trục (chùa Vân Sơn - Đồng Nai)...

Những việc làm và sự đóng góp của Ni trưởng Huệ Giác đã được nhà nước, chính quyền và xã hội công nhận. Ni trưởng cho biết, khu rừng thuộc địa bàn tỉnh Đồng Nai của Quan Âm Tu Viện đã được chính quyền tỉnh công nhận là khu rừng điểm. Nhiều đoàn khách nước ngoài từ Thụy Điển, Úc châu, Nhật Bản đã đến những cánh rừng điểm của Liên tông để trao đổi kinh nghiệm và học hỏi thêm về phương thức trồng và bảo vệ rừng. Họ đánh giá rất cao việc làm của Ni Trưởng cũng như Tăng Ni trong tông phong.





Trong quá trình tổ chức và triển khai việc trồng rừng không phải không có những khó khăn, trở ngại. Nhưng với quyết tâm và tinh thần vượt khó, tăng ni Liên tông Tịnh độ Non Bồng đã dũng cảm vượt núi, xuống bưng để cải tạo đất hoang, gieo những mầm xanh trên mảnh đất vừa cày vừa xới mà chẳng quản ngại mưa nắng, bệnh tật và muỗi mòng, rắn rít. Cụ thể, Ni sư Lan Nhã nhớ lại việc trồng rừng ở Bửu Hoa Ni Viện: Năm 1984, việc trồng cây ở đây gặp khó khăn lớn do vùng đất này vốn bị ngập nước sâu và sinh lầy nên khó khai hoang. Sau này, nhờ được hướng dẫn cách khai thông nguồn nước từ một người dân quê ở Đồng bằng sông Cửu Long gần đó, nên nước rút nhanh. Sau đó với nhiều gò mối là hang ổ của nhiều loại rắn rít trú ngụ nên Ni trưởng tổ chức cầu nguyện bảy ngày mới tiến hành cày xới đất, gieo trồng những cây trầm đầu tiên trên mảnh đất hoang gần 40 hecta thuộc Bửu Hoa Ni Viện quản lý. Nhờ vậy, ngày nay những tán rừng xanh thắm của ngôi chùa là nơi sinh sống của chim muông... Một không gian yên tĩnh và tràn đầy năng lượng để tu tập, góp phần giữ gìn bầu không khí trong lành cho dân địa phương. Thời gian khai phá phải đối mặt với bao khó khăn, nhưng Ni trưởng Huệ Giác đã không hề nao núng, vẫn vững tâm, động viên chư Ni đi khẩn hoang bằng bài thơ với tất cả tâm nguyện mạnh mẽ, tinh thần lạc quan.

*Rừng là tài sản của quốc gia
Rừng là tài nguyên giàu mạnh của nước nhà
Rừng là hệ cây xanh bóng mát
Làm đẹp Tông lâm thắng cảnh văn hóa sử nước nhà
Ni giới Bửu Hòa - Phước Thái tự nguyện gây dựng vườn rừng
Phủ đồi trọc xanh màu cây rừng hoa trái
Ruộng rẫy xanh màu khoai bắp lúa đậu...*

Nhìn chung, nhờ sự nỗ lực không mệt mỏi của Ni trưởng Huệ Giác và đệ tử, Phật tử Quan Âm Tu Viện và các tự viện thuộc Liên tông Tịnh độ Non Bồng, nhiều khu rừng trù phú đã được





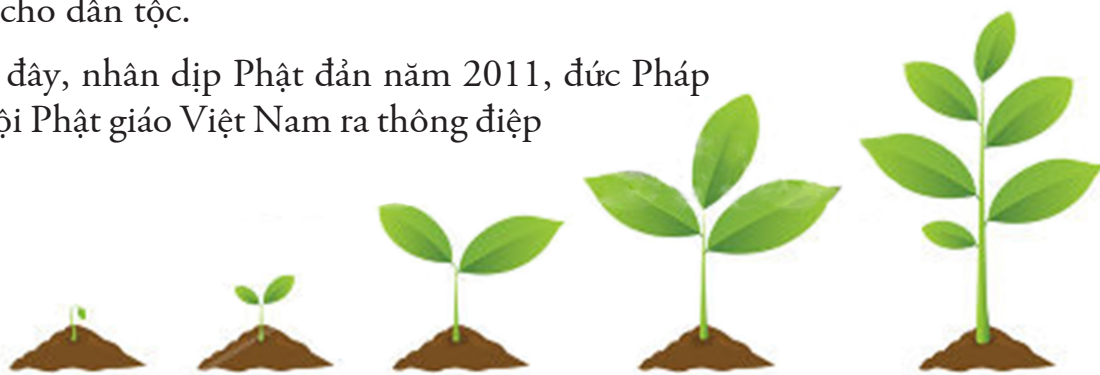
tạo nên, mang đến hơi thở và sức sống cho những vùng đất khô cằn sỏi đá. Càng về sau, nhờ canh tác tái tạo rừng mà chùa đã gây được quỹ để làm rất nhiều Phật sự quan trọng như: lo kinh phí tu học cho Tăng Ni, làm từ thiện nhân đạo, tạo việc làm cho người dân địa phương... Ngoài ra, việc trồng rừng còn có những giá trị phi vật thể như giáo dục cho toàn thể Tăng Ni và Phật tử ý thức bảo vệ và nuôi dưỡng môi trường. Những đóng góp của Ni trưởng Huệ Giác và đệ tử, Phật tử cũng đã giúp giảm bớt phần nào gánh nặng cho cơ quan nhà nước và chính quyền địa phương trong công tác bảo vệ môi trường.

3. Đánh giá và kết luận

Qua những biến động thảm họa thiên nhiên do sự thay đổi khí hậu, do nạn chặt phá rừng ở nhiều nơi trên thế giới, chúng ta càng cảm phục và trân trọng trước việc phát động trồng cây gây rừng của Ni trưởng hơn 30 năm qua. Điều này cho thấy Ni trưởng với tư cách là vị Tông trưởng Liên tông Tịnh độ Non Bồng, Ngài “ngôn hạnh tương ưng, mật hạnh uy nghiêm”. Quả thực, tầm nhìn của Ni trưởng trong việc trồng cây gây rừng chính là tầm nhìn của một bậc đại bi, đại trí, đại dũng. Thật không quá khi nói rằng, Ni trưởng Huệ Giác đã giúp tạo nên một mạng mạch sống cho dân tộc Việt Nam.

Chúng tôi thiết nghĩ, những đóng góp của Ni trưởng Huệ Giác trong việc trồng rừng cần được tôn vinh. Mô hình trồng rừng của Liên tông Tịnh độ Non Bồng mà Ni trưởng đã khởi xướng cần được nhân rộng không chỉ ở Việt Nam mà còn trên thế giới. Trồng cây gây rừng là một hành động thiết thực mà Ni giới Phật giáo Việt Nam có thể làm để góp phần xây dựng và bảo tồn mạng mạch sống cho dân tộc.

Trước đây, nhân dịp Phật đản năm 2011, đức Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam ra thông điệp





kêu gọi Tăng Ni, Phật tử cả nước chung tay bảo vệ môi trường: “Thế giới nói chung và đất nước ta nói riêng đang đứng trước nhiều khó khăn tác hại do ảnh hưởng của sự biến đổi khí hậu, môi trường, nguồn tài nguyên ngày một cạn kiệt, nhiệt độ trái đất gia tăng, hạn hán, lũ lụt, dịch bệnh, sóng thần, động đất, nước biển dâng... đang là những thảm họa đe dọa đến sự an nguy của sự sống con người. Hơn lúc nào hết, tôi kêu gọi mỗi Tăng Ni, Phật tử chúng ta cần phải hiểu rõ bản chất của giáo lý Phật-đà về luật vô thường, về tôn trọng sự sống và mối liên hệ hữu cơ giữa con người và thiên nhiên, để chung tay với cộng đồng xã hội bảo vệ môi trường xã hội và sự an nguy của trái đất, đó là việc làm thiết thực để kính dâng ngày đản sinh đức Từ Phụ của chúng ta”.

Mặt khác, trong 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc đến năm 2030 được thông qua vào tháng 9/2015 thì bảo vệ môi trường là một mục tiêu ưu tiên của Liên Hiệp Quốc trong vòng 15 năm tới nhằm bảo vệ sự sống của hành tinh chúng ta. Qua đây cho thấy việc tiên phong trồng rừng của Ni trưởng Huệ Giác có giá trị và ý nghĩa xã hội rất lớn, là một minh chứng sống động về tiềm năng, vai trò to lớn của Phật giáo Việt Nam trong việc tiên phong bảo vệ môi trường thiên nhiên trên thế giới hiện nay.

Câu chuyện trồng rừng của Ni trưởng Huệ Giác thể hiện tinh thần Bi (coi trọng sự sống của muôn loài), Trí (tầm nhìn quảng đại, chính đáng), Dũng (vượt qua khó khăn, không ngại gian khổ). Thông qua hoạt động này, Ni trưởng đã thể hiện tinh thần nhập thế, xả thân, lời nói đi đôi với việc làm, không màng tiếng tăm, thương yêu mọi loài. Những việc làm của Ni trưởng từ những năm 80 của thế kỷ trước đã được nhà nước, đánh giá cao và tôn phong ngưỡng mộ.

“Di sản trồng rừng” của Ni trưởng đã và đang được tôn phong giữ gìn, phát triển. Nhiều cánh rừng xanh thắm ngày ngày





được chăm sóc và bảo vệ cẩn thận bởi các thế hệ tăng, ni Liên tông Tịnh độ Non Bồng. Ni sư Lan Nhã đã bày tỏ lòng ngưỡng mộ sâu sắc đối với vị Thầy khả kính của mình - Ni trưởng Huệ Giác như sau: “ Những cánh rừng do Ông Già (P/S: Ni trưởng Huệ Giác) cho trồng là cả một tâm huyết, bao công sức và mồ hôi của Người và chư huynh đệ. Vì vậy, trách nhiệm của chúng tôi là giữ gìn toàn bộ những khu rừng này để không phụ lòng Ông Già. Thật vậy, Ngài lúc nào cũng rất yêu rừng, quý rừng và thương yêu vạn vật! Vì vậy, bảo vệ rừng chính là trân trọng và là cách thể hiện lòng quý kính, hiếu đạo đối với Người”.

Việc trồng rừng cũng như những thành quả đáng tự hào của Ni trưởng Huệ Giác xứng đáng là một tấm gương sáng của Ni giới Việt Nam hiện nay học tập và noi theo.

Theo ThS. Dương Hoàng Lộc (Trường Đại học KHXH&NV-ĐHQG TP. HCM) đánh giá: “Tôi rất cảm phục NT. Huệ Giác. Với tôi, NT là vị nữ tu sĩ Phật giáo giản dị, đạo hạnh thanh cao và rất khiêm tốn. Đặc biệt, NT. Huệ Giác luôn nêu cao tinh thần dẫn thân vì lý tưởng từ bi cứu khổ độ sanh. Ni trưởng luôn quan tâm đến công tác từ thiện xã hội và trồng rừng để bảo vệ môi trường mà không hề quản ngại khó khăn, gian khổ. Đã hàng chục năm nay, âm thầm vận động Tăng Ni trong Liên tông Tịnh độ Non Bồng trồng hàng trăm hec-ta rừng để phủ xanh đồi trọc, tạo môi trường sống cho muôn loài. Có thể nói, Ni trưởng là một vị tu sĩ Phật giáo tiên phong và đã gặt hái nhiều thành quả to lớn, một tấm gương tiêu biểu của Phật giáo Việt Nam và thế giới trong việc bảo vệ môi trường mà thế giới đang quan tâm, cổ xúy hiện nay. Thật tự hào về một tấm gương lớn với tinh thần nhập thế và nỗ lực đóng góp hết mình cho tinh thần hộ quốc an dân của Phật giáo Việt Nam hơn hai ngàn năm trong lòng dân tộc! Càng tự hào hơn nữa vì hành động ý nghĩa, thiết thực được khởi xướng từ một người nữ tu sĩ Phật giáo luôn bình dị trong màu áo lam thanh thoát”.





TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn Tp. HCM, (2015), *Phật giáo vùng Mê-kông ý thức môi trường và toàn cầu hóa*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
2. Thích Đồng Bổn (chủ biên), *Phật học Từ Quang số 22*, Nxb .Phương Đông, Thành phố Hồ Chí Minh
3. Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Trường KHXH&NV (2016), *Giáo hội Phật giáo Việt Nam 35 năm hình thành và phát triển*, Tp. Hồ Chí Minh, Nxb. Hồng Đức
4. Nhiều tác giả (2016), *Nữ giới Phật giáo Việt Nam: Truyền thống và hiện đại*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
5. Karma Lekshe Tsomo (chủ biên) (2015), *Từ bi và công bằng xã hội*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh
6. Karma Lekshe Tsomo (chủ biên) (2015), *Tiến tới giải thoát*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh
7. Karma Lekshe Tsomo (chủ biên) (2015), *Phật giáo giữa đời thường*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh





Tuệ Tĩnh Đường LINH CHIẾU



Tuệ Tĩnh Đường Linh Chiếu là một trong những Tuệ Tĩnh Đường ở tỉnh Đồng Nai, tọa lạc khoảng giữa hai thiền viện Thường Chiếu và Linh Chiếu, do Thầy chúng tôi Hòa thượng thượng Thanh hạ Từ thành lập.

Đầu năm 1986, Hòa thượng rời TV. Chơn Không về Thường Chiếu, Ngài thăm nguyện thành lập một phòng thuốc Nam miễn phí, để giúp dân nghèo quanh vùng có điều kiện bảo đảm sức khỏe và chữa lành bệnh tật. Mặc dù chưa thực hiện được Hòa thượng vẫn bảo chúng tôi trồng những cây thuốc để chuẩn bị cho phòng thuốc tương lai.

Khi Hòa thượng đi dự Đại hội Phật giáo kỳ II ở Hà Nội, trong nội dung hướng tới mà Đại hội đề ra nhằm thực hiện có chủ trương tổ chức hệ thống Tuệ Tĩnh Đường, là phòng thuốc Nam từ thiện ở các chùa, nhằm kế thừa sự nghiệp y đạo của Thiền sư Tuệ Tĩnh, Ngài vốn là một danh y nước Việt, lấy thuốc Nam chữa trị cho người nước Nam. Chủ trương của Đại hội thật là phù hợp với tâm nguyện của Hòa thượng. Thế nên, Tuệ Tĩnh Đường Linh Chiếu được khởi công và lễ khánh thành vào ngày rằm tháng hai năm 1988.



Ngay những ngày đầu mới thành lập, các thiền sinh có năng lực về y tế được Hòa thượng chỉ định phục vụ cho bệnh nhân. Cơ sở khám chữa bệnh ban đầu được kết hợp giữa Tăng Ni của hai thiền viện Thường Chiếu và Linh Chiếu, dưới sự dìu dắt của Thượng tọa Thích Thông Giáo, vốn là một y sĩ nhiều năm làm việc tại bệnh viện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Các thiền sinh Tăng ngoài việc chăm cứu cho bệnh nhân nam, còn gánh vác công việc sưu tầm thuốc.

Năm 1995, Hòa Thượng cho quý thầy Tăng đi chuyên tu, nên phòng chăm cứu nam giải thể, chỉ còn lại phòng chăm cứu nữ. chư Ni quản lý toàn bộ kể cả việc lên rừng tìm thuốc.

Lúc mới thành lập, cơ sở chỉ là một tổ chẩn trị Y học Dân tộc với số y sĩ ít ỏi làm việc trong căn nhà lá đơn sơ. Hàng ngày chỉ có khoảng mười, mười lăm bệnh nhân đến khám. Tuy nhân





lực ít nhưng bù lại bằng năng lực chuyên môn và tâm từ của chư Tăng Ni đã tận tâm tận lực với bệnh nhân. Trên tinh thần ấy được lan tỏa, nên mọi người biết đến Tuệ Tĩnh Đường nhiều hơn. Sau ba tháng hoạt động, số bệnh nhân từ mười, hai mươi tăng lên sáu mươi, bảy mươi người trong ngày. Sau vài năm hoạt động, số bệnh nhân lên đến trăm người.

Với số bệnh nhân đó, một căn nhà lá ba gian không đủ để phục vụ, Hòa thượng cho phát triển thêm cơ sở. Năm 1991, căn nhà lá buổi đầu được sửa, xây tường lợp ngói. Đến nay, Tuệ Tĩnh Đường, ngoài cổng nhìn vào dọc hai bên là hàng sứ hoa trắng, chung quanh là vườn thuốc, nhìn thẳng vào là ngôi nhà ba gian mái ngói với dòng chữ Tuệ Tĩnh Đường màu nâu khiêm nhả. Giữa phòng chia làm hai ngăn: Bên trái là nơi khám bệnh, bốc thuốc Nam, bên phải là chỗ khám bệnh kê toa theo thuốc Thành phẩm. Bên ngoài, phía bên phải có nhà châm cứu nữ, bên trái là nhà ghi phiếu, nhà chứa thuốc, bãi giữ xe và sân phơi thuốc, nằm rải rác dưới hàng cau, hòa lẫn với thiên nhiên, quện vào nhau trong sinh hoạt tạo thành một hệ thống tổ chức có nề nếp quy củ.

Về cơ sở, tương đối hoàn tất. Về tay nghề, chư Ni làm việc ở Tuệ Tĩnh Đường không ngừng học hỏi, nghiên cứu nâng cao. Cơ sở cử người theo học các trường Y Học Cổ Truyền tại thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai. Nhờ sự phát triển đó, nên vào tháng 11 năm 1994, ngành Y tế tỉnh Đồng Nai nâng cấp Tuệ Tĩnh Đường Linh Chiếu thành Phòng Chẩn Trị Y Học Dân Tộc Cổ Truyền.

Hiện nay, tổng số chư Ni công tác tại Tuệ Tĩnh Đường là 25 vị. Gồm bảy y sĩ Đông y, hai dược sĩ, một dược trung, bốn dược tá. Tất cả đều có giấy chứng nhận chuyên môn của ngành y. Số người còn lại đảm trách bào thuốc, phơi thuốc và trồng thảo dược.



Trung bình mỗi tháng số bệnh nhân xem mạch, bốc thuốc khoảng 3.000 người, châm cứu khoảng 1.500 người, hoàn toàn miễn phí. Riêng thuốc thành phẩm thì được chia lại cho bệnh nhân với giá vốn, nhưng đối với bệnh nhân khó khăn thì được cấp miễn phí.

Từ khi thành lập đến nay, cơ sở được vinh hạnh đón tiếp nhiều đoàn Y học trong và ngoài tỉnh đến tham quan, trao đổi kinh nghiệm. Vào năm 2000, Bác sĩ Trương Thìn Giám đốc Viện Y học Dân tộc thành phố Hồ Chí Minh đến thăm và nhận định: “Tuệ Tĩnh Đường Linh Chiếu là một mô hình tốt về thừa kế và phát triển nền Y học Dân tộc, điển hình trong việc phối hợp linh hoạt giữa chẩn trị và trồng thuốc”. Đặc biệt là vào năm 2015, cơ sở được đón tiếp đoàn Y tế Á Châu đến nghiên cứu về thuốc Nam do đại diện Y học Cổ truyền Hà Nội là bác sĩ Đoàn Thị Tuyết Mai và bác sĩ Nguyễn Văn Nghị- Sở Y tế Đồng Nai hướng dẫn đến thăm.

Trên tinh thần trí tuệ và tình thương của đạo Phật, dưới sự chỉ đạo của Hòa Thượng, chư Ni tại Viện làm việc cho Tuệ Tĩnh Đường đã tận lực hy sinh, đem niềm vui đến cho bệnh nhân từ thể chất cũng như tinh thần, vừa trị bệnh vừa an ủi khuyên nhủ khiến họ vui vẻ lạc quan và khéo quân bình trong cuộc sống để ổn định sức khỏe. Qua những phiên họp, Hòa thượng thường dạy: Người dân bệnh hoạn chịu nhiều khổ sở. Các con trị bệnh cho người, cần phải dịu dàng, tế nhị, phải vui tươi cởi mở và đem hết tâm lực phục vụ bệnh nhân. Họ hết bệnh, bớt khổ được vui thì mình cũng vui theo. Đức Phật dạy: “Trong các thứ lợi, vô bệnh đệ nhất lợi. Trong các thứ phước, khán bệnh đệ nhất phước”.

Tuy nhiên, không vì công việc xã hội mà Hòa thượng để chúng tôi xao lãng công việc tu tập của mình. Vì vậy Tuệ Tĩnh Đường Linh Chiếu chỉ làm việc một buổi trong ngày, buổi còn lại là giờ học, giờ tu. Có như vậy mới kiện toàn cả hai mặt trí tuệ và từ bi, là yếu tố song hành của người tu sĩ.





Tuệ Tĩnh Đường Linh Chiếu phục vụ cho bệnh nhân được hoàn thiện cho đến ngày nay, là nhờ sự quan tâm đặc biệt của Hòa thượng Tôn sư và Hòa thượng thượng Nhật hạ Quang cùng với sự nỗ lực của các thành viên trong cơ sở và sự phát tâm ủng hộ của các Phật tử xa gần.

Chư ni Tuệ Tĩnh Đường Linh Chiếu sẽ luôn phấn đấu không ngừng, nêu cao tinh thần từ - bi - hỷ - xả của đức Thế Tôn. Chúng tôi hy vọng với tất cả thiện chí và tâm lực của mình, cộng với sự cố gắng vươn lên của bệnh nhân, Tuệ Tĩnh Đường Linh Chiếu sẽ là nơi phục vụ cho mọi người đúng với tinh thần đạo pháp - dân tộc. □



Tuệ Tĩnh Đường



*Hai Ni trưởng và
ban Y sĩ*

*Bắt mạch
hốt thuốc*



Linh Chiếu



NHÀ CHỜ KHÁM BỆNH- TUỆ TĨNH ĐƯỜNG LINH CHIẾU





Tỏa ngát hương sen

■ TKN. KIM SƠN

*Trong đầm gì đẹp bằng sen,
Lá xanh, bông trắng, lại chen nhụy vàng.
Nhụy vàng, bông trắng, lá xanh,
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.*

Không biết tại sao khi nói đến Thầy tôi, chúng tôi đều nói đến hoa sen. Trong bài hát *Mừng sinh nhật Thầy*: “Đây đóa sen trắng thơm, đây đóa hoa vi diệu, hương khiết tác lòng thành chúng con kính dâng lên Thầy...”, hay những bài văn xuôi *Hoa sen trong ánh mắt Thầy*, *Đóa sen thắm trong lòng tôi*, và kỷ yếu của lễ Tưởng niệm đức Thánh tổ ni Kiều-đàm-di 2018 tại Đồng Nai lại viết *Tỏa ngát hương sen* để nói về Thầy.

Thầy chúng tôi, Ni Trưởng thượng Huệ hạ Giác, viện chủ Quan Âm Tu Viện. Thầy xuất gia năm 19 tuổi, một đời hiến mình cho đạo pháp, đến nay tuy đã ngoài 80 mà vẫn còn tận tụy trong việc giáo dưỡng các đệ tử và các Phật sự. Năm 1986, Sư ông thượng Thiện hạ Phước chúng tôi viên tịch. Thầy bấy giờ gần 50 tuổi đã nhận sự thừa kế của Sư ông, lãnh đạo Tông môn 173 cơ sở tự viện với 1.152 Tăng Ni và rất nhiều Phật tử.

Phải nói, nguồn gốc tông môn chúng tôi là Tổ đình Linh Sơn ở núi Dinh thuộc Bà Rịa - Vũng Tàu, do trước ngày giải phóng bị bom đạn hư sập hoàn toàn, tất cả chư Tăng Ni và các em cô nhi phải tản cư về nơi miếng đất trống được cúng dường tại phường





Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa để thành lập Quan Âm Tu Viện ngày nay. Hiện tại Tổ đình Linh Sơn được Thầy xây dựng lại khang trang, đường lên núi giờ đây được xây thành bậc thang, sự đi lại được dễ dàng hơn. Ngoài việc xây dựng lại Tổ đình Linh Sơn, Thầy còn trùng tu chùa Nhất Nguyên Bửu Tự, nơi hàng năm mở khóa niệm Phật “Bá Nhứt Trì Danh” hiệu đức Phật A-di-đà, chùa Thành An Tự ở núi Sập - Long Xuyên, nơi đức Sư tổ thượng Bửu hạ Đức khi còn tại thế trụ nơi đây, khai sơn Bửu Hoa Ni Viện và đại trùng tu chùa Tam Thiện xã Phước Thái, huyện Long Thành; chùa Chiên Đàn Hương ở Di Linh và một số chùa khác đã xây cất rồi hoặc đang liên tục công trình trong Tông môn chúng tôi. Thầy đã không ngại gian nan khó khổ, chẳng những giữ vững mà còn mở mang tốt đẹp thêm sự nghiệp của Sư ông thượng Thiện hạ Phước chúng tôi để lại. Thầy là tấm gương sáng “tôn sư trọng đạo”, “uống nước nhớ nguồn” để soi bước cho chúng tôi.

Hơn 300 em cô nhi vì bom đạn theo Thầy và chư Tăng Ni về Quan Âm Tu Viện. Lúc bấy giờ là Cô nhi viện Phước Lộc Thọ do Thầy làm giám đốc, được đặt tại đây. Chiến tranh vẫn tiếp diễn, thật gian khổ vô cùng về cái ăn cái mặc với số quá đông người, nhưng Thầy luôn nhắc nhở, khuyến khích chúng tôi chăm sóc, thương yêu các em cho đến năm 1978 Cô nhi viện giải thể.

Thế là chúng tôi được Thầy dẫn dắt trồng rừng, làm rẫy để có kinh tế tự túc. Hằng năm, đến ngày 19 tháng 5 là ngày sinh nhật của Bác Hồ, Thầy phát động chương trình “trồng cây nhớ ơn Bác” làm đẹp tông lâm thắng cảnh, cho môi trường thêm xanh, không khí được trong lành đem lại sức sống nguồn vui cho vạn vật. Đến nay đã có trên 500 mẫu rừng tràm, bạch đàn, sao, dầu... được trồng nhiều nơi trong tỉnh (xã Long Phước, xã Phước Thái, huyện Long Thành) cũng như ngoài tỉnh: Bình Phước, Lâm Đồng... và rừng cây trên non nơi có Tổ đình cũng xanh màu lá.



Song song với việc trồng cây gây rừng, Thầy còn có một sự nghiệp từ thiện rất lớn. Qua hai nhiệm kỳ làm Trưởng ban Từ thiện tỉnh Đồng Nai, Thầy đã hợp tác với Hội Chữ Thập đỏ Nhà Nước như Hội Chữ Thập đỏ tỉnh Đồng Nai, Hội Chữ Thập đỏ tỉnh Bến Tre, huyện U Minh Thượng tỉnh Kiên Giang, cất trên 200 căn nhà tình thương, xây cầu... Tuy hai chân Thầy hơi yếu, vẫn thường đi làm từ thiện ở những tỉnh xa miền duyên hải và Tây nguyên khi có lũ lụt. Thầy dạy chúng tôi: khi cho quà quan trọng là cách cho. Nhiều khi thấy Thầy bê gạo trao cho nhiều người quá, sợ Thầy lớn tuổi bị mệt, chúng tôi xin đỡ nhọc, Thầy không chịu, chỉ đến khi mệt quá Thầy mới để chúng tôi tiếp tay. Thầy muốn làm gương cho chị em chúng tôi làm việc gì cũng không nên có tánh “quan liêu” và nhất là “bệnh lười”.

Thường thì nhiều người biết đến Thầy với sự nghiệp xây dựng các chùa trong Tông môn, trồng cây gây rừng, nuôi cô nhi, làm từ thiện, nuôi người già... nhưng ít ai biết đến sự nghiệp thi ca của Thầy. Trong Thầy chúng tôi là cả một đất trời thi ca, Thầy xuất khẩu thành thi, ngày còn học ở Gia Long, Thầy biết đàn mandolin nữa đấy! Bây giờ những bài thơ nào mà Thầy muốn phổ thành nhạc, Thầy mời Phật tử Minh Chơn đến tu viện. Thầy ngồi một bên lắng nghe phổ nhạc từng câu, khi nào ưng ý, Phật tử Minh Chơn mới viết thành nốt. Bây giờ đã có tới bốn tập nhạc rồi.

Thật ra, Thầy cũng yêu rừng, yêu cây mà trồng rừng chứ không phải vì kinh tế thương mại. Trong những bài thơ ca, Thầy hay nhắc đến cái đẹp hết sức dễ thương của thiên nhiên qua rừng cây hoa lá, chim chóc đùa vui hót líu lo, suối chảy róc rách ca ngâm, tâm người hòa với đất trời đem lại niềm vui thanh thoát đối với người tu sĩ. Nhà thơ Thân Thị Ngọc Quế trong tập thơ *Đường lên đỉnh biếc* khi cùng thầy về núi, bà đã làm thơ nói lên sự thông dong tự tại của bậc chân tu:





*Áo nâu dà siêu thoát
Gậy thiền đùa mây trôi.*

Thầy cũng thương và nuôi dưỡng những người già neo đơn muốn đời mình bớt khổ, nhưng nếu vào chùa phải chịu ăn chay, niệm Phật mới được ở chùa. Tại Quan Âm Tu Viện có Viện Tịnh Độ để nuôi trên 40 người già, không phải làm gì cả, chỉ ngày đêm 6 thời niệm Phật, trì chú Vãng Sanh để rèn luyện tâm luôn nhớ Phật, buông bỏ mọi chuyện lăng xăng của thế gian, quay về với Phật, lìa khổ được vui.

Bà Thân Thị Ngọc Quế cũng đã viết tặng Thầy một bài thơ Về bên núi:

*Người về bên núi hồn như núi
Thanh thoát trưa vàng ngân tiếng ve
Sớm biết kim cương cảnh trúc lắng
Ngày vang bát nhã bóng chiều nghe
Yêu sao mây sáng vùng cây ngát
Nhớ mãi xuân tàn lối mộng che
Dù biết bỏ đi cơn gió thoảng
Vẫn thương nhánh cỏ giọt sương hè.*

Thầy đã hai nhiệm kỳ làm Trưởng ban Từ thiện Xã hội GHPGVN tỉnh Đồng Nai. Bây giờ Thầy về hưu, nay rừng này, mai rẫy nọ, nhắc nhở các đệ tử dù nhiều công tác Phật sự cũng đừng quên “công phu niệm Phật, dẹp giận bỏ hờn, kéo đờn từ bi”. Chúng tôi thích lắng nghe và hát những bài hát của Thầy vì đây cũng là những lời giáo huấn được nói lên qua lời ca tiếng hát, dễ thâm nhập, hoan hỷ, an lạc trong khi làm các công tác Phật sự.

Thật sự tri ân, báo ân Thầy, đâu phải là những lời nói suông mà phải vượt ra ba cõi, thoát ly sanh tử mới thật sự là tri ân, báo ân.



Nếu không, vì nhân duyên, Thầy phải nhọc nhằn theo độ chúng ta mãi.

Tháng Hai là tháng của mùa Xuân, tưởng nhớ đức Thánh tổ Ni ngày 05-06 tháng 02 âm lịch mỗi năm đều ở ngay trong mùa xuân của tứ thời Xuân Hạ Thu Đông. Đối với người tu sĩ, không phải chỉ có mùa Xuân của tứ thời mà trong tâm mùa Xuân luôn bất tận, miên viễn, đẹp như hoa buổi sáng:

*Sáng tinh sương,
Hoa Thủy Tiên nở trắng hai bên đường
Mặc cho thế sự bao phiền lụy,
Hoa vẫn tươi màu, vẫn ngát hương.*

Nhân lễ Tưởng niệm đức Thánh tổ ni Kiều-đàm-di và chư Ni tiền bối Việt Nam hữu công, tôi nghĩ Thầy chúng tôi - Ni Trưởng thượng Huệ hạ Giác, viện chủ Quan Âm Tu Viện chính là bậc ni lưu hữu công ở thế kỷ XXI đối với đạo pháp, dân tộc, và tôi viết bài thơ

*Mai vàng rộn nở đón Xuân sang
Kính chúc Thầy sức khỏe khang an
Bốn mùa đời, đạo luôn tươi thắm
Hoằng pháp lợi sanh chứng Niết Bàn*

để kính dâng lên Thầy.

Đồng Nai, ngày 30 tháng 12 năm 2017
Ni Sư Thích Nữ KIM SƠN





Chọn đất khẩn hoang, trồng rừng phủ đồi trọc, Tổ đình Linh Sơn - Núi Dinh



*Tặng quà ủy lạo người mù
thị xã Long Khánh*



*Tặng quà ủy lạo đồng bào dân tộc K'ho
huyện Đạ Huoai - Lâm Đồng*







PHẦN IV

Tham luận

Phật giáo trong dòng chảy dân tộc

■ TS. BÙI HỮU DUYỆC - Vụ trưởng Vụ Phật giáo

Từ khi du nhập vào nước ta, Phật giáo đã đóng vai trò quan trọng góp phần không nhỏ vào lịch sử dựng nước, giữ nước và phát triển đất nước. Từ khởi nghĩa Hai Bà Trưng, do hai chị em Trưng Trắc và Trưng Nhị lãnh đạo chống Bắc thuộc vào năm 40 đến 43 sau Công nguyên. Lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, một cuộc khởi nghĩa do nữ tướng lãnh đạo đã đánh đuổi được quân Đông Hán xâm lược ra khỏi đất Giao Chỉ (nước Việt Nam thời đó). Trong số tám vị tướng dưới trướng của Hai Bà có năm vị là Ni sư. Ngày nay Ni sư Phương Dung, một trong năm vị nữ tướng của Hai Bà, còn được thờ ở chùa Yên Phú, Thanh Trì, Hà Nội ^[1].

Dưới triều đại nhà Đinh (từ năm 968 đến năm 980), Đinh Tiên Hoàng (924-979), người có công dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất giang sơn, lập nên triều đại nhà Đinh, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, mở đầu cho thời đại độc lập, tự chủ tập quyền ở Việt Nam. Ông là vị hoàng đế đầu tiên của Việt Nam sau thời Bắc thuộc, thời kỳ phục quốc của người Việt từ Khúc Thừa Dụ (trị vì từ năm 905 đến năm 907) chỉ xưng là Tiết độ sứ, tới Ngô Quyền xưng là Vương (triều đại nhà Ngô kéo dài từ năm 939 đến năm 965), tới Đinh Tiên Hoàng xưng là Hoàng đế. Sau khi lên ngôi, Đinh Tiên Hoàng đã mời nhà sư Ngô Chân Lưu (933-1011), hậu duệ nhà Ngô đời thứ 4, tu Phật giáo theo dòng Vô Ngôn Thông, người đạo cao đức trọng trong Phật giáo lúc bấy giờ ra giúp vua, giúp nước làm Khuông Việt đại sư. Ngô Chân Lưu là vị sư được phong Tăng





thống đầu tiên trong lịch sử Phật giáo Việt Nam vào năm 971 ^[2]. Đây là sự khẳng định vai trò quan trọng của Phật giáo trong đời sống xã hội lúc bấy giờ. Vua muốn qua trí tuệ Phật giáo để khơi dậy đạo đức, đoàn kết nhân tâm, sáng suốt trong chính trị, uyển chuyển trong ngoại giao...

Khi nhà Tiền Lê thay thế nhà Đinh (từ năm 980 đến năm 1009), vua Lê Đại Hành (941-1005) được báo có sứ thần nhà Tống sang, vua đã nhờ hai nhà sư là Pháp Thuận và Khuông Việt đứng ra đón tiếp sứ nhà Tống là Lý Giác. Sư Pháp Thuận đón Lý Giác từ chùa Sông Sách (nay thuộc tỉnh Hải Dương) đưa về kinh đô Hoa Lư; ở Hoa Lư, sư Khuông Việt đứng ra tiếp sứ thần. Trước khi đoàn sứ bộ ra về, vua Lê Đại Hành đã cho Khuông Việt viết bản nhạc Ngọc Lang Quy, để tiễn đưa sứ thần và đoàn sứ bộ ^[3]. Điều này cho thấy văn chương nghệ thuật bấy giờ khá phát triển, nhà sư đã khéo vận dụng để đưa vào phục vụ sự nghiệp chính trị, ngoại giao của đất nước.

Triều Đại nhà Lý (từ năm 1010 đến năm 1225), Lý Thái Tổ (Lý Công Uẩn 974-1028), vị vua sáng lập triều Lý, sau khi lên ngôi đã chuyển kinh đô từ Hoa Lư (Ninh Bình ngày nay) ra Thăng Long (Hà Nội ngày nay), với tầm nhìn của bậc minh quân, kinh đô phải ở “vùng đất thắng địa” để “tính kế muôn đời cho con cháu mai sau”. Trong những năm đầu ra Thăng Long, vua không cho xây tông miếu mà sắc chỉ cho dân tu sửa và xây dựng mới nhiều ngôi chùa để thờ Phật. Có người trong hoàng tộc hỏi vua: Sao đức vua không cho xây tông miếu? Vua trả lời: “Nước nhỏ, dân còn nghèo, ngoài thì giặc phương Bắc luôn nhòm ngó, trong thì nội trị chưa yên, nếu xây tông miếu chỉ làm khổ dân và chắc gì xây xong đã giữ được. Dựng chùa thờ Phật, để dân biết Phật pháp, khởi tâm từ bi, nâng cao trí giác ngộ Phật giáo, mọi người cùng tin nhân quả, đua nhau làm việc tốt, tránh việc xấu, khi dân đã giàu, nước đã mạnh lo gì tông miếu không được xây dựng”. Vua còn dạy: “Lo cho dân



thì dân lập đền thờ, không biết lo cho dân chỉ biết hưởng lạc trên công sức và xương máu của dân thì khi chết dân đái ngạp mồ thối xương”^[4]. Đúng như lời của Lý Thái Tổ, dưới triều đại nhà Lý, Phật giáo rực rỡ cùng với sự phát triển mọi mặt của đời sống xã hội. Người hiền tài được trọng dụng, vẫn có Văn miếu Quốc tử giám, Võ có Giảng Võ đường để đào tạo và tuyển lựa nhân tài thực học phục vụ quốc gia. Nhờ đó mà bên ngoài giặc nghe tiếng đã kinh hồn, nên yên bờ cõi, bên trong thì trên dưới đoàn kết thuận hòa, nhà nhà no đủ, khắp nơi rộn tiếng hát ca. Công đức của triều Lý muôn đời sáng mãi, trải hơn ngàn năm giờ đây tông miếu triều Lý vẫn ngày ngày nhân dân tưởng nhớ, khắp nơi hương về dâng vật phẩm hương hoa thành kính. Thành Thăng Long - Hà Nội mở rộng gấp nhiều lần xưa.

Triều đại nhà Trần (từ năm 1225 đến năm 1400), tiếp nối dòng chảy Phật giáo thời Trần còn phát triển rực rỡ hơn các triều đại trước đó. Trong triều từ vua tới quan đều biết Phật pháp, thời Trần có câu “Tiến vi quân, thoái vi sư” (trở tiến thân làm vua, làm quan thanh liêm giúp nước, già về làm sư tu theo Phật giáo, lấy gương đạo đức của Phật mà dạy dân làm người tốt cùng nhau xây dựng xã hội an lành). Đặc biệt đến vị vua thứ ba của triều Trần là Trần Nhân Tông (1279-1293), năm 20 tuổi làm vua, trên ngai vàng hai lần lãnh đạo quân dân đánh thắng hai cuộc xâm lược của quân Nguyên Mông, đế quốc phương Bắc mạnh nhất thế giới lúc bấy giờ. Thắng giặc, năm 35 tuổi Trần Nhân Tông nhường ngôi cho con, lên làm Thái thượng hoàng để giúp con vững chãi trên ngai vàng trị quốc. Năm 41 tuổi xuất gia tu theo Phật giáo lấy hiệu Trúc Lâm Đầu Đà để tìm hướng đi cho cả dân tộc. Trong pháp tu, Ngài chất lọc những tinh túy của các dòng thiền hiện có lúc bấy giờ (thiền Thảo Đường, thiền Tỳ-ni-đa-lưu-chi, thiền Vô Ngôn Thông) lập nên dòng thiền Trúc Lâm phù hợp với điều kiện sống và căn cơ người Việt, để từ vua quan trong triều tới người nông





phu trên đồng ruộng hay người lính nơi thao trường đều học được Phật pháp. Tu “Phật tại tâm”, “hòa quang đồng trần” (mỗi người là một ngọn đuốc thắp lên ngọn lửa từ bi, trí tuệ, nguồn sáng từ chính tâm mình, người hiểu nhiều làm việc tốt nhiều là ngọn đèn lớn, người hiểu ít và chưa có điều kiện làm nhiều việc tốt là ngọn đèn nhỏ, mỗi người cùng thắp sáng ngọn đèn tuệ giác để soi sáng con đường đi tới an lạc, cố kết nhân tâm vun bồi trí đức mà cùng nhau xây dựng đất nước vững bền, để dân cường nước thịnh. Trần Nhân Tông, ngoài đời là người nhân từ thương dân nhưng rất nghiêm khắc trước sai trái của bất kể vua quan, trong đạo là người đắc đạo, hết mực tri túc, trong vai trò là nhà sư, Ngài chống gậy trúc đi khắp nơi khuyên dân dẹp bỏ mê tín, dị đoan. Ngài còn đi tới tận Chiêm Thành để thực hiện đoàn kết với lân bang cùng nhau chống giặc phương Bắc. Với công hạnh ấy, Ngài đã được nhân dân tôn vinh là Phật Hoàng (vua đời - vua đạo). Ngài dạy cho mọi người trên dưới phải biết sống trong đạo đức và nhân quả, vua phải minh biết trọng dụng hiền tài, quan phải liêm biết tiết dục và chăm lo cho dân để dân chăm chỉ chuyên cần tròn bổn phận, có thế đất nước mới vững bền thái hòa, dân tình mới no ấm, lời dạy ấy đã mấy trăm năm còn nguyên giá trị tới ngày nay:

*Đạo đức ngự cung điện
Nhân quả sống trong dân
Binh đao không dùng tới
An lạc khắp xa gần ^[5].*

Triều hậu Lê (từ năm 1427 đến năm 1789), vào thời vua Lê Hy Tông (1662-1716), vị vua thứ 21 của nhà Hậu Lê và là vị vua thứ 10 thời Lê Trung Hưng. Ông được đánh giá là vị vua anh minh, dưới triều vua, đất nước ổn định thái bình. Vua Lê Hy Tông còn để lại giai thoại qua câu chuyện và bức tượng vua công Phật ở chùa Hòe Nhai (Hồng Phúc Tự, Hà Nội): Vào thời Lê Trung Hưng, Phật giáo trong nước biểu hiện suy vi, không còn đứng ở vị



trí độc tôn, lúc này Nho giáo phát triển nên nhiều người xem nhẹ Phật giáo. Đến thời vua Lê Hy Tông, có quan dâng sớ tâu vua về những sai phạm, phá giới của một số tăng sĩ. Nghe lời tấu, vua đã ra sắc chỉ đuổi hết các sư về vùng thôn quê hoặc lên rừng núi, ai không đi sẽ nghiêm trị. Từ đó các ngôi chùa trong kinh thành vắng sư đã tạo cơ hội cho tín ngưỡng mê tín vào chùa. Trước cảnh tăng chúng phải chịu sắc chỉ rời chùa về nơi thôn dã, Hòa thượng Tông Diễn một vị sư có đạo hạnh và trí tuệ lúc bấy giờ đã tìm cách làm cho vua hồi tỉnh. Biết không thể mang danh nhà sư để gặp được vua, Hòa thượng Tông Diễn phải nhờ vị quan tâu với vua, có một người được ngọc quý muốn dâng vua, tuy nhiên để ngọc quý linh nghiệm vua phải trai giới và cho một vị quan văn uy tín mở hộp đựng ngọc.

Đúng hẹn, người mang ngọc tới dâng vua, nhưng khi mở hộp ra không thấy ngọc mà chỉ có tờ biểu. Vua truyền trị tội kẻ xấc xược, song quan mở hộp tâu, xin vua xem biểu tấu gì rồi trị tội cũng chưa muộn. Vua đồng ý, quan đưa tờ biểu lên đọc: “Phật giáo tuy không phải ngọc nhưng từ xưa đã được nghe, Phật giáo lấy trí, đức làm đầu không gì sánh bằng nên có câu: Trí cao trời người trọng, đức lớn quỷ thần kinh. Nước ta, từ đời Lý, Trần các vua hết sức coi trọng Phật giáo vì thế mà người theo đạo Phật dốc lòng phò vua giúp nước nên quốc gia thịnh trị. Đạo Phật với lối sống lục hòa, chánh tín và nhân quả khiến người người biết thương yêu kính trọng nhau, bỏ điều xấu, làm việc tốt. Xem ra đạo Phật nếu biết dùng thì có lợi cho Quốc gia còn hơn cả ngọc quý, vậy tại sao nay đạo Phật lại bị cho rằng không mang lại lợi ích gì cho xã tắc...” Nghe xong biểu tấu, vua Lê Hy Tông chuyển ý, ngộ ra sự vi diệu của Phật pháp. Vua cho mời Hòa thượng Tông Diễn vào và tuyên bố hủy sắc chỉ cũ. Tuy nhiên, chỉ chọn những sư đủ trí tuệ và nghiêm giữ giới luật được vào trụ trì các ngôi chùa trong thành. Sau đó vua cho sai thợ khéo làm pho tượng vua công Phật trên





lưng. Sắc chỉ của vua Lê Hy Tông đuổi sư ra khỏi kinh thành lúc bấy giờ tuy không thuận được đa số, song cũng thể hiện mặt tích cực: Qua đó mà điều chỉnh Phật giáo phải luôn trang nghiêm, lấy giới luật làm gốc. Vì việc đuổi sư ra khỏi kinh thành về thôn quê, rừng núi mà sư dốc lòng dạy Phật pháp, người nông phu thôn quê hay anh lính được sư dạy chữ để đọc kinh, từ đó mà thêm nhiều người biết chữ. Pho tượng vua công Phật ngày nay còn không ít tranh luận về ý nghĩa tư tưởng, nguồn gốc nhưng đây là tác phẩm điêu khắc độc đáo, pho tượng duy nhất chỉ có ở Việt Nam. Triết lý của pho tượng không chỉ tôn vinh Phật giáo (vua công Phật trên lưng) mà còn thể hiện sự thẳng thắn, trung thực sám hối, dám làm dám nhận, biết nghe lời nói phải, sai dám sửa. Có lẽ vì thế mà thời Lê Hy Tông, người tài cũng nhiều việc tốt cũng lắm, nhân dân ca ngợi ông là vị vua anh minh, dân an nước thái.

Thời Nguyễn (từ năm 1600 đến năm 1945), chúa Nguyễn Hoàng hay Nguyễn Thái Tổ, chúa Tiên (1525-1613), là vị chúa Nguyễn đầu tiên, đặt nền móng cho Vương triều Nguyễn lập kinh đô ở Huế ngày nay. Ông quê ở làng Gia Miêu, huyện Tống Sơn, phủ Hàng Tung, xứ Thanh Hoa, nay là thôn Gia Miêu, xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Tại chùa Thiên Mụ (Huế), hiện có tám bia ghi những điều chúa Nguyễn Hoàng dạy con cháu, hậu duệ, trong bia có ghi: “Sống phải cư Nho, mộ Thích” có nghĩa là sống phải cư xử theo đạo Nho: Có trên dưới tôn ti trật tự, có nguyên tắc xã hội, gia đình, cha con, vợ chồng... để việc gì cũng minh bạch, rõ ràng. Mộ Thích là mên mộ triết lý của Phật Thích-ca: Đức hiền lành, tâm từ bi, trí sáng suốt, sống trong lục hòa, chánh tín, nhân quả thì việc gì cũng an vui tốt đẹp ^[6].

Thời đại Hồ Chí Minh (từ năm 1945 đến nay). Vào năm 1963, trong bối cảnh Phật giáo miền Nam lúc bấy giờ bị chính quyền đối xử hà khắc, Hòa thượng Thích Quảng Đức (1897-1963) một vị sư Phật giáo đã tẩm xăng tự thiêu tại Sài Gòn vào



ngày 11 tháng 6 năm 1963 để phản đối sự đàn áp Phật giáo của chính quyền Việt Nam cộng hòa. Tấm ảnh chụp Hòa thượng tự thiêu đã được truyền đi khắp thế giới và gây nên sự chú ý đặc biệt tới chính sách của chế độ Ngô Đình Diệm. Phóng viên Malcolm Browne đã giành giải thưởng Ảnh báo chí thế giới năm 1963 nhờ bức hình chụp cảnh Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu. Sau khi chết, nhục thân của Hòa thượng đã được hỏa táng lại, nhưng trái tim của Ngài thì vẫn còn nguyên. Đây được coi là biểu tượng của tinh thần vô úy xả thân vì Phật pháp, Phật tử suy tôn Hòa thượng Thích Quảng Đức là Bồ tát, sự tôn vinh ấy càng làm tăng sức ảnh hưởng của vụ tự thiêu trước dư luận. Hành động của ông đã làm tăng sức ép của quốc tế đối với chính quyền Ngô Đình Diệm, dẫn tới việc tổng thống Diệm phải tuyên bố đưa ra một số cải cách nhằm xoa dịu giới Phật tử. Tuy nhiên, những cải cách như đã hứa đó không được thực hiện, khiến tình hình trở nên xấu hơn. Khi phong trào phản kháng vẫn tiếp tục dâng cao, lực lượng trung thành với tổng thống, đã tiến hành nhiều cuộc tấn công bố ráp chùa chiền. Cuối cùng, cuộc đảo chính quân sự vào tháng 11 cùng năm đã lật đổ chính quyền và giết chết anh em Ngô Đình Diệm. Hành động tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức được coi như một bước ngoặt trong cuộc đấu tranh của Phật giáo Việt Nam, góp phần dẫn tới việc xóa bỏ nền Đệ Nhất Cộng Hòa tại miền Nam, Việt Nam vào năm 1963^[7].

Hay tin về hành động vô úy của Hòa thượng Thích Quảng Đức, từ Hà Nội thủ đô của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890-1969) đã làm đôi câu đối:

*Vị pháp thiêu thân, vạn cổ hùng huy thiên nhật nguyệt
Lưu danh thiên cổ, bách niên chính khí rạng sơn hà*^[8].

Đôi câu đối của Chủ tịch Hồ Chí Minh dành cho tấm gương vô úy của một nhà sư vì chính nghĩa đã nói lên sự cảm mến sâu





sắc. “Vì bảo vệ Phật pháp mà thiêu thân, vạn cổ cho tới nay hiếm có, việc làm huy hoàng, anh hùng đó sáng như mặt trăng, mặt trời. Việc làm vô úy ấy sẽ được sử sách lưu danh hàng ngàn năm không quên, trăm năm sau hào khí của việc làm ấy còn rạng rỡ cho sông núi Việt Nam”. Đôi câu đối ý nghĩa đó càng làm nức lòng nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới trên con đường đấu tranh cho hòa bình và độc lập dân tộc. Thế cho hay, Phật giáo Việt Nam thời đại nào cũng gắn liền với lịch sử dân tộc, thời nào Phật giáo cũng xuất hiện điển hình đáng trân trọng, thật đúng với nhận định “Phật giáo Việt Nam luôn là tấm gương giúp đời, hộ quốc an dân”^[9].

Trích dẫn:

1. HT. Thích Trí Quảng, *Ni giới Việt Nam trong lịch sử dân tộc*, Báo Giác ngộ, 2012
2. *Bách khoa toàn thư mở Wikipedia*
3. *Bách khoa toàn thư mở Wikipedia*
4. *Lý Vạn Hạnh và làng Cổ Pháp*, Hội văn nghệ Bắc Ninh, 2016
5. *Hội thảo Trần Nhân Tông*, BTS Phật giáo Quảng Ninh, 2014
6. HT. Thích Trí Tụ, trụ trì chùa Thiên Mụ
7. *Bách khoa toàn thư mở Wikipedia*
8. Nguyễn Chính, Phật giáo Việt Nam, TCCTTG, 2007
9. Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng, ĐH Phật giáo toàn quốc 1981.



Ni giới Bạc Liêu ổn định, phát triển và đồng hành cùng dân tộc qua các thời kỳ Giáo hội

■ TKN. DIỆU NGHĨA - Trưởng Phân ban Ni giới tỉnh Bạc Liêu

Kể từ ngày Kiều-đàm-di mẫu tức hoàng hậu Mahāprajāpatī Gautamī xin phép cho nữ giới xuất gia, được đức Phật chấp thuận và ban hành Tám trọng pháp. Đó là ngày đánh dấu một sự kiện trọng đại cho nữ giới tức là Ni giới hiện hữu.

Tại Việt Nam, Ni giới xuất hiện từ thời đại Trung nữ vương, truyền thừa phát triển từ Bắc chí Nam, giữ vững giềng mối giới luật tu hành, hoạt động theo truyền thống Phật giáo, cùng chịu thăng trầm, thịnh suy theo dân tộc. Tuy vậy, dù trải qua bao biến thiên thời cuộc, Phật giáo vẫn tùy duyên bất biến. Trong công tác đồng sự đồng hành, Ni giới cũng vận dụng giáo, cơ, thời, quốc, kế lý, kế cơ của đức Phật áp dụng vào đời sống tu hành để phụng sự đạo pháp - dân tộc.

Cuối thế kỷ thứ XIX đầu thế kỷ XX, đất nước ta lại bị lệ thuộc, xã hội nhiễu nhương, Phật giáo Việt Nam cũng lâm vào tình trạng suy thoái về mặt tổ chức. Đứng trước nguy cơ này, chư Tôn đức ba miền một lòng đoàn kết, hòa hợp xây dựng và phát động phong trào chấn hưng Phật giáo nước nhà. Phong trào lan tỏa đến tận Nam bộ, miền đất phóng khoáng đi dần về miền Tây càng rộng rãi. Các tỉnh miền Tây đều có bộ phận Ni giới tham dự học hỏi giáo lý theo sự đề xướng của chư Tôn đức. Trong suốt





chiều dài lịch sử phát triển Phật giáo Bạc Liêu, dưới sự lãnh đạo của chư Tôn giáo phẩm, tất cả Phật sự của Giáo hội Phật giáo Bạc Liêu được thành tựu tốt đẹp, trong đó có sự đóng góp của bộ phận Ni giới Bạc Liêu.

Hôm nay trong khung cảnh trang nghiêm thấm đượm tình người, tình đạo, chúng ta cùng nhau suy niệm về công đức sâu dày của các bậc tiền nhân đã tận tụy hy sinh cho quê hương đất nước được trường tồn, đồng thời cũng tưởng nhớ đến công lao chư Tôn đức ni đã vì đạo pháp - dân tộc mà hy sinh phụng sự. Đức Phật có dạy “Quá khứ không truy tìm, tương lai không ước hẹn”, nhưng Ngài cũng dạy “Thi ân không cầu báo, thọ ân không được quên”.

Kính thưa quý liệt vị!

Đầu thế kỷ XX, tỉnh Bạc Liêu xuất hiện một số chư Ni ngày nay trở thành Danh ni trong lịch sử Phật giáo tỉnh Bạc Liêu.

*** Thời kỳ Cổ Sơn Môn (1900-1930)**

1. *Ni sư Thích Nữ Hồng Nga - Diệu Ngọc*, thế danh Huỳnh Thoại Nga, sinh năm 1885, xuất gia năm 1923, sáng lập chùa Giác Hoa năm 1927, viên tịch năm 1952. Ngoài việc khai mở trường Phật học Ni tại chùa Giác Hoa, chùa Giác Hoa còn là cơ sở từ thiện xã hội, cứu đói hàng vạn người trong thời kỳ Pháp thuộc và hàng năm ủng hộ cả chục tấn gạo để nuôi quân cách mạng. Ni sư là người xả thân hành đạo, chỉ lo phục vụ đạo pháp, lo cho dân tộc từ khi xuất gia đến ngày viên tịch.

*** Thời kỳ Giáo hội Lục hòa Tăng-già cho đến Tổng hội Phật giáo Việt Nam (1930-1950)**

2. *Ni sư Thích Nữ Diệu Kính*, thế danh Lê Thị Nhãn, sinh năm 1901, xuất gia năm 1918, sáng lập chùa Liên Hoa năm 1931, viên tịch năm 1984.

Tại chùa Liên Hoa (ở Khúc Tréo) trước và sau năm 1954, Ni sư đã nuôi chứa, bảo hộ, che chở nhiều cán bộ cách mạng ưu tú,



gồm các vị Đảng viên có huy hiệu 50 tuổi Đảng và Ni sư còn đích thân mang tài vật ủng hộ cho cách mạng.

Năm 1963, Phật giáo bị Pháp nạn, không thể nhìn Tăng, Ni bị đàn áp một cách dã man, Ni sư dẫn một đoàn Phật tử lên tỉnh Sóc Trăng tham gia phong trào đấu tranh chống chế độ độc tài của Tổng thống Ngô Đình Diệm. Ngoài việc phụng sự quê hương đất nước, Ni sư còn nuôi dạy cháu thơ nên người, trở thành Tăng sĩ rường cột cho đạo pháp, phục vụ Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Cà Mau.

* Thời kỳ Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất (1964-1975)

3. *Ni sư Thích Nữ Diệu Hữu*, thế danh Dương Viện Hữu, sinh năm 1915, xuất gia năm 1931, sáng lập chùa Bạch Liên năm 1958, viên tịch năm 1986.

Ngôi chùa xây dựng đơn sơ, được Sư cụ Hòa thượng thượng Thiện hạ Hoa ban cho pháp tự là Bạch Liên và Ni sư trụ trì cho đến ngày viên tịch. Nơi mái thảo am khiêm tốn ngoài việc nuôi dạy chư Ni tu hành, Ni sư còn đào tạo Ni chúng làm cô giáo dạy học. Tại chùa có mở lớp học xóa nạn mù chữ và Sư cô Hải Hòa là Ni chúng chùa Bạch Liên, làm Hiệu trưởng trường Mẫu giáo Bồ Đề, tại chùa Vĩnh Hòa. Trong công tác giáo dục mầm non của Phật giáo tỉnh Bạc Liêu, Ni sư là người thực hiện đầu tiên. Quý sư cô thì làm y tá Hội Hồng Thập Tự hoạt động từ thiện xã hội cùng với bà bác sĩ Nguyễn Tú Dinh thực hiện công tác tốt đời đẹp đạo. Quý Sư cô cũng biết sử dụng thuốc tây nên Ni sư mở phòng thuốc tây từ thiện tại chùa, chích thuốc theo toa bác sĩ và điều trị những bệnh nhân nhẹ, có khi quý Sư cô đến tận nhà chích thuốc và phát thuốc cho những người già bệnh đi không được. Nhận được sự tài trợ của bộ Xã hội ở Sài Gòn, hằng tháng Ni sư phát 65 phần quà cho 65 hộ nghèo. Với tâm từ bình đẳng Ni sư vận động “Quỹ Cơm Từ”, đích thân nấu cơm chay đem cho Trung Tâm Cải





Huấn, kèm theo quà vật vào mỗi chiều thứ bảy giữa và cuối tháng, quý Sư cô cùng với bác sĩ Nguyễn Bội Hoàn khám và phát thuốc cho các can phạm. Những ngày lễ hội lớn như Phật Đản, Vu Lan, tết Nguyên đán, chư Ni chùa Bạch Liên cùng bác sĩ đi khám và phát thuốc, phát quà cho đồng bào nghèo ở vùng sâu vùng xa nơi thiếu thốn thuốc men.

Môn đồ của Ni sư, đa số ngày nay đã làm nên đạo nghiệp, là những Ni trưởng, Ni sư hành đạo chân chánh thuộc hàng Giáo phẩm Phân ban Ni giới Trung ương và lãnh đạo Ni giới tại địa phương.

Năm 1964, thành lập ban Đại diện Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất tỉnh Bạc Liêu, Ni sư được cử làm Trưởng ban Ni bộ Bắc tông tỉnh Bạc Liêu. Với chí nguyện và nhiệm vụ, Ni sư càng tích cực, phấn đấu, phát triển công tác Phật sự để hoàn thành nhiệm vụ đã được Giáo hội giao phó.

Năm 1968 (năm Mậu Thân), chùa Bạch Liên bị cháy vì chiến tranh, Phật tử ủng hộ cúng dường cất lại ngôi chùa mới, vách tường mái lợp tôle, xây dựng đơn sơ. Ni sư vẫn duy trì công tác từ thiện xã hội và còn đẩy mạnh công tác tiếp độ Ni chúng, đào tạo Ni tài.

Năm 1972-1974, được sự chỉ đạo và tổ chức của ban Đại diện Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất tỉnh Bạc Liêu, Ni sư mở liên tiếp 3 khóa an cư kiết hạ, hướng dẫn Ni chúng tu tập gần 100 vị, ngộ hầu trở thành trụ cột Ni giới, hữu dụng cho hậu thế, phục vụ đạo pháp - dân tộc. Đặc biệt có điều đáng ghi nhận là khóa an cư năm 1972, chỉ có 10 vị tập chúng an cư, mà cả 10 vị này đều làm nên đạo nghiệp.

Ngoài việc lo tu tập bản thân, đào tạo Ni chúng, Ni sư còn dẫn dắt Phật tử thực tập phát triển tâm linh để sống được an lạc, đồng thời Ni sư cũng ủng hộ cách mạng vật chất lẫn tinh thần cho



đến ngày giải phóng. Mặc dù ở vào thời kỳ đất nước Việt Nam đang hồi chiến tranh ác liệt mà Ni sư vẫn nuôi dạy đại chúng, đào tạo Ni tài, và còn thực hiện nhiều chương trình từ thiện xã hội. Hoạt động Phật sự của Ni sư xuyên suốt từ năm 1964 đến năm 1975, là nghĩa cử cao quý, gây ấn tượng sâu đậm trong lòng Tăng Ni, đồng bào Phật tử Bạc Liêu - Sự nghiệp tu hành của Ni sư là thiết thực, phục vụ và đền đáp tứ trọng ân của đạo Phật.

Nhìn lại và suy nghĩ về đạo hạnh của Ni sư Thích Nữ Diệu Hữu - Người sống thiếu dục tri túc, thúc liễm thân tâm, trau dồi giới đức nghiêm trì giới luật nhất là Bát Kính Pháp mà đức Phật phương tiện chế ra để dành cho Ni giới trang nghiêm thân tâm, tấn tu đạo hạnh, đạo phong, thật xứng đáng là một danh Ni tiêu biểu trong lịch sử quá khứ của lịch sử Phật giáo tỉnh Bạc Liêu.

* Thời kỳ Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981...)

4. *Ni trưởng Thích Nữ Diệu Pháp*, thế danh Nguyễn Diệu Pháp, sinh năm 1916, xuất gia năm 1934, viên tịch năm 2017.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, quyết định số 0041 của Viện hóa đạo giải tán ban Đại diện Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất tỉnh Bạc Liêu, lúc đó Ni bộ Bạc Liêu cũng trong phương hướng đồng sự đồng hành nên cũng giải tán theo tinh thần của đức Phật dạy: “Này các Tỳ-kheo, ngày nào các vị còn hội họp trong tinh thần đoàn kết, làm việc trong tinh thần đoàn kết, giải tán trong tinh thần đoàn kết, thì nhất định giáo pháp không thể suy tàn, mà trái lại còn hưng thịnh hơn trước”. Kể từ đó Ni giới Bạc Liêu khép mình tu học và hành đạo theo quy luật thiền gia, cho đến ngày 02 tháng 4 năm 2009, tại hội trường chùa Long Phước P5 - TX. Bạc Liêu, đánh dấu một sự kiện quan trọng trong lịch sử phát triển Phật giáo Bạc Liêu nói chung, lịch sử phát triển về Ni giới tỉnh Bạc Liêu nói riêng. Lễ Ra mắt Phân ban Đặc trách Ni giới tỉnh Bạc Liêu được khai diễn để nối kết hệ thống





quản lý điều hành Ni giới toàn quốc của Phân ban Đặc trách Ni giới Trung ương và cùng để chia sẻ gánh vác công tác Phật sự với chư Tôn đức Đại tăng lãnh đạo, đồng thời cũng khẳng định vị trí Ni giới trong Tăng đoàn Phật giáo và cũng để phát huy khả năng tu học của Ni giới, bằng tinh thần hòa hợp, đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động, thống nhất lãnh đạo và tổ chức. Ni trưởng Thích nữ Diệu Pháp được đề cử nhiệm vụ là Trưởng phân ban Đặc trách Ni giới tỉnh Bạc Liêu.

Trong thời gian hành đạo lúc còn niên thiếu, Ni trưởng đã hướng dẫn nhiều gia đình cách mạng truyền thống quy y Tam bảo, có nhiều Phật tử đã hy sinh xương máu để bảo vệ quê hương tổ quốc, giành lại hòa bình, độc lập. Điển hình là các thành viên trong ban Hộ tự thành lập năm 1958.

Vào những năm chính sách Bình Định của chế độ cũ, lấn sâu vào vùng giải phóng thì lúc bấy giờ chùa Long Phước là điểm hẹn gặp gỡ, nói đúng hơn là nơi liên lạc của những gia đình Phật tử đã theo cách mạng, có con em thân nhân hoạt động bí mật hoặc công khai cho cách mạng, thậm chí có nhiều gia đình Phật tử đưa con em gởi vô chùa quy y nương nấu nơi cửa Phật và được Ni trưởng bảo dưỡng đưa đến trường Trung học Cây Giang học hành đang hoàng. Đến khi hòa bình được lập lại, đất nước hoàn toàn giải phóng mới biết ra có những chú tiểu ở chùa Long Phước trước đây, được sự giáo dưỡng của Ni trưởng, bây giờ là cán bộ công tác tại địa phương. Ni trưởng luôn quan tâm chăm lo cho Ni chúng trong tỉnh về vấn đề tu học. Từ năm 1988 - 2008, Ni trưởng đã nhiều lần làm Đường đầu Hòa thượng Ni để truyền giới cho gần 1.000 giới tử. Tại chùa Long Phước - Cây Giang, nơi trú xứ của Ni trưởng cũng là cơ sở hoạt động từ thiện xã hội, hàng năm vào những ngày lễ lớn như Phật Đản, Vu Lan, tết Nguyên Đán và những ngày có đủ điều kiện, Ni trưởng thường xuyên phát gạo và quà cho đồng bào nghèo từ 250.000.000 đến 350.000.000 mỗi năm.



Xét thấy Ni trưởng là một hành giả tu hành ở vùng giải phóng, vì chiến tranh, khói lửa nên nhiều lần tản cư, giặc đốt phá chùa chiền, thậm chí giết chết Ni chúng trong chùa, sống rày đây, mai đó, đói khát không đủ ấm no, có lúc cạo tóc bằng lưỡi hái, nhưng với chí nguyện xuất trần kiên định, nên Ni trưởng vững vàng tiến bước trên lộ trình giác ngộ và còn thực hiện một số công tác Phật sự phụng đạo ích đời, thật xứng đáng là một danh Ni trong lịch sử Phật giáo tỉnh Bạc Liêu thời kì hiện đại.

Vai trò của Ni giới Bạc Liêu ngày nay đã thể hiện đầy đủ khả năng của mình dựa trên nền tảng cấp Giáo hội tỉnh, hiện đang ổn định và phát triển, số lượng chư Ni hiện nay là 164 vị, được đào tạo qua trường lớp, có bằng cấp, có học vị. Vấn đề ở đây không phải là số lượng chư Ni nhiều hay ít, học vị cao hay thấp mà vấn đề then chốt chính là tùy năng lực và nỗ lực cá nhân, Ni giới Bạc Liêu đóng vai trò như thế nào trong sự nghiệp tu hành và hoằng pháp lợi sinh. Vấn đề này thì chư Tôn đức Đại tăng dựa vào năng lực và giới đức cá nhân của chư ni, tỉnh hội có thể mời hay công cử vị Ni ấy đảm nhiệm các chức vụ trong ban ngành của Tỉnh hội, Thành hội, Huyện hội Phật giáo hoặc bổ nhiệm vị ấy làm trụ trì tại các tự viện vốn là đơn vị cơ sở quan trọng của Giáo hội.

Ni giới Bạc Liêu luôn dẫn thân ở mọi lĩnh vực, từ việc xây dựng trùng tu tự viện cho đến các hoạt động hoằng pháp, giáo dục, từ thiện xã hội hay công tác xóa đói giảm nghèo do nhà nước chủ trương... Kết quả đã thật sự xoa dịu phần nào nỗi khổ, niềm đau và đem lại lợi ích thiết thực cho mọi người. Hằng năm số tiền cứu trợ đồng bào nghèo hơn năm tỷ đồng.

Kính thưa quý liệt vị!

Qua sự trình bày về vai trò của Ni giới góp phần vào sự nghiệp Phật giáo Bạc Liêu trong các thời kỳ Giáo hội, nhận thấy các Ni trưởng, Ni sư khéo vận dụng giáo lý tùy duyên bất biến, ứng dụng vào sự tổ chức cho phù hợp với thời đại, căn cơ và quốc độ để đáp ứng nhu cầu tâm linh cho các thế hệ Phật tử hiện tại và tương lai.





Các Ni trưởng, Ni sư luôn luôn thể hiện tinh thần đoàn kết, gắn bó với Tăng đoàn, lấy Bát kinh pháp làm chuẩn mực tu hành và giới-định-tuệ trau sửa thân tâm, từ-bi-hỷ-xả hóa độ chúng sanh. Đồng thời bằng chí nguyện xuất trần thượng sĩ nên không thối chuyển trước mọi hoàn cảnh khó khăn mà vững vàng tiếp bước cho đến mục tiêu Niết-bàn giải thoát.

Ni giới Bạc Liêu ngày nay có được môi trường tu học tốt, có được sự đào tạo chu đáo, có năng lực tham gia công tác Phật sự ở nhiều lĩnh vực là nhờ bàn tay của các vị Ni trưởng, Ni sư tiền bối trong quá khứ đã đem hết tâm huyết và tận tụy hy sinh, vun bồi cho tiền đồ đạo pháp, cho dân tộc. Công hạnh của các ngài rất xứng đáng được tán dương như lời kinh Pháp Cú, đức Phật dạy:

*Hương các loài hoa thơm
Không ngược bay chiều gió
Nhưng hương người đức hạnh
Ngược gió khắp tung bay.*

Trước khi dứt lời, kính chúc sức khỏe đoàn Chủ tịch và toàn thể quý liệt vị! □





Sự đóng góp của ni giới Phật giáo Việt Nam trong mạch sống dân tộc

■ TKN. PHÁP NHƯ - Trưởng Phân ban Ni giới tỉnh Bình Dương

Khi trời đang còn trong tiết xuân trong lành và mát mẻ, trở về quá khứ trên cổ xe thời gian cách đây gần 2600 năm, một hình ảnh đã đi sâu vào dòng lịch sử của nhân loại. Đó chính là sự tầm cầu chân lý vượt lên trên cuộc sống thường tình của hàng nhi nữ, một bước ngoặt cho xã hội đương thời của đất nước Ấn Độ, với tấm lòng tha thiết khẩn cầu của Di mẫu Ma-ha Ba-xà-ba-đề và 500 vị nữ trong hoàng tộc dòng họ Thích, đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã đáp lời thỉnh cầu của ngài A-nan cho phép người nữ xuất gia, hội chúng Tỳ-kheo-ni ra đời từ đây. Hệ thống Tăng đoàn có đầy đủ tứ chúng từ đây.

Từ đó đến nay, trên chặng đường tiến tu đạo nghiệp, dù có trải qua bao cuộc thịnh suy nhưng dòng chảy Ni lưu vẫn luân chuyển truyền thừa qua bao thế hệ. Hơn 2500 năm lịch sử đã đi qua, dấu chân của Kiều Đàm Di Mẫu vẫn thắm lặng len lỏi từ thôn quê đến thành thị, qua bao quốc độ, gieo mầm từ bi và trí tuệ cho đời, để rồi xuôi về biển tâm khai sinh ra những bậc Trưởng lão Ni trên khắp thế giới nói chung và Việt Nam chúng ta nói riêng.

Với tinh thần:

Ni đoàn nối nghiệp tổ Kiều-đàm

Giới hạnh nêu gương dòng Thích tử.

Trong suốt chiều dài lịch sử Việt Nam, Phật giáo luôn đồng hành cùng dân tộc, với đặc tính từ bi hỷ xả, luôn tôn trọng sự sống





muôn loài, do vậy khi du nhập vào một đất nước mà người dân sở tại vốn yêu chuộng hòa bình, khát khao tự do độc lập, nhất là đối với người nữ bản chất hiền lành thuần hậu, thích làm việc thiện lành, thì đạo Phật lại càng được nữ giới nước Việt yêu chuộng, kính tin và nhanh chóng tiếp nhận. Đồng hành với những trang sử ngời sáng từ thời Bà Trưng, Bà Triệu. Có thể khẳng định Ni giới Việt nam đã có nhiều đóng góp tích cực vào sự nghiệp giữ nước, như công chúa Bát Nàn, bà Thiều Hoa, bà Vĩnh Huy, Công chúa Phương Dung, Nguyệt Thai, Nguyệt Độ... Đặc biệt vào thời Lý Thánh Tông có Ni sư Diệu Nhân (1041-1113) là một thiền sư, tinh nghiêm giới luật, hành thiền đạt định. Thời Trần, khoảng giữa thế kỷ XIV, có Ni sư Từ Quán - người mà đương thời xa gần ai cũng biết đến và kính mộ. Danh tiếng Ni sư lừng lẫy tên tuổi sánh ngang bằng với các bậc cao Tăng được vua Trần Nghệ Tông (1370-1372) phong cho bản hiệu “Tuệ Thông Đại Sư”, Ngài tu trên núi Thanh Lương, hành khổ hạnh, trì giới chuyên cần, tuệ giải thông suốt. Thời vua Lê chúa Trịnh, thế kỷ XVII, có Ni sư Diệu Đăng, Ni sư Diệu Tín xuất thân danh gia quý tộc, các ngài giác ngộ lẽ vô thường nên từ bỏ phú quý, tìm về Yên Tử xuất gia tu tập.... Quý Ngài sống thong dong như những đám mây trời, phiêu du từ phương này sang phương khác để tùy duyên hóa độ chúng sanh. Thời chống Pháp, chống Mỹ các Ngài đã tham gia hoạt động chống lại ách thống trị của giặc ngoại xâm giành độc lập cho tổ quốc, như Ni trưởng Đàm Thu, Ni trưởng Đàm Soạn, Ni trưởng Đàm Hữu, Ni trưởng Đàm Tín, Ni trưởng Đàm Xương... Ở miền Nam, như Ni sư Diệu Ngọc (1885-1952), Ni sư Diệu Tịnh (1910-1942), Ni trưởng Như Thanh (1911-1999), hay Ni trưởng Giác Nhẫn (1919-2003), trong công tác giáo dục nổi bật là Ni trưởng Trí Hải (1938-2003). Trong hệ phái Khất sĩ có những vị Ni xuất chúng trong công tác hoằng pháp độ sinh cũng như trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất tổ quốc như Ni trưởng Huỳnh Liên (1923-1954), Ni trưởng Bạch Liên (1924-1996)...

Khi có chiến tranh thì họ là những vị nữ tướng anh hùng,



khi đất nước hòa bình thống nhất, họ liền xuất gia đầu Phật và trở thành những bậc chân tu phạm hạnh, hoằng dương chánh pháp độ đệ tử xuất gia và tại gia, tu sửa trang nghiêm tự viện. Các Ngài không ngừng mở các đạo tràng truyền giới, dạy luật, khai mở khóa tu, giảng dạy Phật pháp, kiến tạo già-lam, tổ chức các khóa an cư kiết hạ...

Ni giới luôn hoàn thành tốt mọi Phật sự ích đời lợi đạo, đã góp phần không nhỏ trong dòng chảy lịch sử, cùng với chư Tôn đức Tăng viết nên những trang sử vàng của Phật giáo Việt Nam. Và ngày nay, trong mạch sống của dân tộc Ni giới đã có những đóng góp như sau:

1. Về giáo dục

Nếu như trước năm 1975, số lượng Ni giới được tham gia các trường học để nâng cao tri thức khá khiêm tốn, thì hiện nay số lượng Ni chúng của các khóa học từ Sơ đẳng đến Đại học rất đông. Ni giới đã không ngừng cố gắng học tập để nâng cao trình độ. Một phần lớn số lượng chư Ni du học Ấn Độ, Trung Quốc, Đài Loan, Miến Điện... Sau khi tốt nghiệp, trở về Việt Nam, bằng thực lực đã và đang cố gắng phát huy năng lực của chính mình trong các lĩnh vực thông tin, báo chí, giáo dục, hoằng pháp, phúc lợi xã hội... để đáp ứng phần nào nhu cầu tâm linh của các thế hệ Phật tử thời hội nhập. Tại Học viện Phật giáo Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh, Ni giới có một vị trí xứng tầm trong công tác giáo dục. Ni giới có thể giảng dạy tất cả các môn học cho cả Tăng và Ni, và được khuyến khích đăng đàn thuyết pháp, trong các hội chúng trong cũng như ngoài nước.

2. Về hoằng pháp

Dựa vào năng lực và giới đức cá nhân của chư Ni, Giáo hội Phật giáo Việt Nam có thể mời hay công cử các vị Ni đảm nhiệm các chức vụ trong các ban ngành của Giáo hội, hoặc bổ nhiệm vị





Ni ấy làm viện chủ, trụ trì trong các Thiền viện, tự viện, tịnh xá vốn là đơn vị cơ sở quan trọng của Giáo hội. Chư Ni quản lý và hướng dẫn Ni chúng, Phật tử tu học ngày càng nhân rộng, các khóa tu, các lớp giáo lý ngày một nhiều hơn, chư Ni cũng tham gia thuyết giảng tại vùng sâu vùng xa.

3. Về Xã hội

Ni giới Việt Nam ngày nay luôn dẫn thân trong mọi lĩnh vực của cuộc sống từ việc xây dựng, trùng tu chùa chiền cho đến các hoạt động từ thiện xã hội, hay công tác xóa đói, giảm nghèo do nhà nước chủ trương. Hội Chữ Thập Đỏ Việt Nam hầu như luôn xem các chùa chiền, tự viện, tịnh xá của chư Ni là điểm trọng yếu trong các hoạt động từ thiện xã hội, đây là hoạt động thường xuyên mang tính tích cực hưởng ứng các cuộc vận động cứu trợ đồng bào bị thiên tai, tặng nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết, khám chữa bệnh nhân đạo, giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn... mở các lớp dạy tình thương, các trung tâm nuôi dưỡng người già và trẻ em... thực thi lời Phật dạy: “Phục vụ chúng sanh là cúng dường chư Phật”. Kết quả, Ni giới Việt Nam thật sự đã xoa dịu phần nào nỗi khổ đau, và đem lại lợi ích thiết thực cho mọi người, tiếp nối truyền thống yêu nước theo phương châm “Đạo pháp – dân tộc – chủ nghĩa xã hội” của Giáo hội. Ni giới đã tham gia các công tác xã hội như: Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố và các tỉnh thành...và nhiều vị đã được Nhà nước và các ban ngành tuyên dương với nhiều phần thưởng cao quý. Điều đó đã thể hiện truyền thống hộ quốc an dân của Ni giới Phật giáo trong mạch sống dân tộc góp phần vào công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước quê hương ngày một tốt đẹp hơn.

Từ dẫn chứng cụ thể trên đây, rõ ràng là Ni giới Việt Nam đã chứng tỏ năng lực của mình trong đời sống tu hành và trong mọi lĩnh vực của cuộc sống hiện nay. Tuy nhiên, song hành các mặt tích



cực ấy, không phải chư Ni Việt Nam còn có nhiều điểm hạn chế.

Ngày nay, trong xu thế hội nhập, đứng trước sự phát triển của khoa học và công nghệ tiên tiến. Sự phát triển này vừa là cơ hội vừa là thử thách cho con người nói chung, cho Phật giáo và Ni giới nói riêng. Sự tiếp cận về tri thức đã nâng trí tuệ Ni giới lên một tầm cao mới nhưng nó cũng đang trải nghiệm quá trình tu hành một số Ni giới. Không ít Ni trẻ đã vô tình quên đi mục tiêu chính của người xuất gia, họ quên rằng mình là con gái của Như Lai. Trước thực trạng đó, chúng ta cần có những giải pháp khắc phục như:

- Phải định hướng rõ cho chư Ni trẻ phải ý thức được tầm quan trọng của Giới luật và tinh thần tự giác công phu tu tập phải luôn đặt lên hàng đầu, sau đó mới nói đến việc thâm nạp kiến thức, sự tuân thủ giới luật là nhằm vào ý thức đạo đức cá nhân để phát triển nhân cách và giúp Ni trẻ chúng ta có đủ nghị lực để vượt qua nhiều cạm bẫy của cuộc đời. Ngày nay sự tu tập giới của Phật giáo có phần uyển chuyển, nhưng không vì đó mà ta đánh mất mình.

- Khi chư Ni trẻ rời trú xứ vào các trường Phật học nâng cao tri thức Phật học, chúng ta nên tạo điều kiện cho chư Ni có một trú xứ ổn định để chư Ni có cơ hội thân cận các bậc Tôn túc, và nương tựa Tăng thân.

- Việc tiếp thu, trang bị tri thức thế học là một điều cần thiết đối với xã hội ngày nay, nhưng đừng xem đây là mục tiêu cứu cánh, vì rằng chúng ta là người xuất gia, người mang sứ mệnh thiêng liêng đến với cuộc đời này- Tịnh độ trong nhân gian

Thay lời kết

Trong suốt chiều dài lịch sử, Ni giới Phật giáo Việt Nam luôn đồng hành cùng dân tộc, có mặt trong mọi lĩnh vực của cuộc sống, từ việc công phu đạo hạnh đến tham gia suốt trong quá trình để thống nhất đất nước, bảo vệ hòa bình. Ni giới Phật giáo luôn gắn





liền giữa đạo và đời,. Những việc làm này không chỉ góp phần cho sự bình đẳng trong giáo lý đạo Phật mà còn xương minh Phật pháp. Để có được những sự thành tựu ấy trước hết là nhờ sự giúp đỡ, hướng dẫn của chư Tôn thiên đức Tăng lãnh đạo Giáo hội, sự ủng hộ nhiệt tình của đồng bào Phật tử. Đặc biệt, đường lối chính sách tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ mới đã góp phần tương tác thay đổi sâu sắc diện mạo Tôn giáo Việt Nam nói chung và Phật giáo nói riêng. Bên cạnh đó một ưu thế nữa là, chính bản thân của Phật giáo có rất nhiều điểm ưu việt trong thời đại mới với những tiến bộ về khoa học và công nghệ, càng khẳng định con đường chân lý trí tuệ mà đức Phật đã thuyết giảng, cách đây hơn 25 thế kỷ vẫn luôn song hành và tồn tại trên thế gian này. Một cái nhìn thật chuẩn xác về Ni giới của đức Phật một thời, đã làm chấn động dư luận không ít, khi Ngài bằng lòng cho Nữ giới xuất gia. “Này Vaccha, không phải một trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm mà còn nhiều hơn thế nữa là những Tỳ-kheo-ni đệ tử của ta đã đoạn trừ các lậu hoặc, với thượng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại, vô lậu tâm được giải thoát tuệ giải thoát”. (*Kinh Trung Bộ 2, Đại kinh Vacchagotta, trang 236, Hòa thượng Thích Minh Châu dịch*).

Và hôm nay đây những tấm gương sáng của Ni giới Phật giáo Việt Nam trong các hoạt động sẽ tạo nên vô vàn hương giải thoát, không những bay theo chiều gió mà còn lan tỏa khắp bốn phương, nó như một luồng sinh khí thấm thấu vào cuộc đời, chói sáng qua từng thời đại và sẽ mãi mãi luôn được thế hệ sau kế thừa, phát huy ngày một tươi đẹp. □



Phân ban Ni giới Phật giáo Cần Thơ vận động và tuyên truyền đến chư ni, Phật tử về tầm quan trọng biến đổi khí hậu

■ PHÂN BAN NI GIỚI TP. CẦN THƠ

Nhân ngày tưởng niệm Thánh tổ ni Đại Ái Đạo tại Phật giáo tỉnh Đồng Nai, Phân ban Ni giới Phật giáo TP. Cần Thơ kính được dâng trọn niềm tôn kính lên đức Thánh tổ ni và xin được bày tỏ vài dòng tham luận về chủ đề “Phân ban Ni giới Phật giáo Cần Thơ vận động và tuyên truyền đến chư ni, Phật tử về tầm quan trọng biến đổi khí hậu”.

Khi đức Phật còn tại thế, việc bảo vệ môi sinh là vấn đề cần yếu; với trí tuệ sáng suốt và lòng từ bi cứu khổ Ngài đã hướng dẫn nhân sinh thực thi nếp sống hài hòa với thiên nhiên, bảo vệ môi sinh là bảo vệ sự sống con người. Với trách nhiệm của bậc Đạo sư, Ngài đã chủ động tạo ra một môi trường tu học thích hợp cho những đệ tử xuất gia và tại gia, xây dựng cho mình và cho Hội chúng Tăng già một nếp sống hòa hài với thiên nhiên, một đạo tràng tu tập thích hợp hướng tới Giác ngộ và Niết-bàn.

Điều kỳ diệu mà chúng đệ tử Phật đã nhận ra Ngài là một bậc vĩ nhân độc nhất sinh ra dưới cây Vô ưu, hành trì thiền định chứng quả giác ngộ dưới gốc cây Bồ-đề, thuyết pháp lần đầu tiên cũng tại vườn Lộc Uyển và cuối cùng nhập Niết-bàn dưới hai cây Sa-la. Đời sống của Ngài luôn gần gũi thiên nhiên, thân cận núi rừng, xa chốn phồn vinh. Trong 45 năm thuyết pháp độ sanh, Ngài để lại tấm gương đạo hạnh cho hàng tứ chúng về việc quý





trọng thiên nhiên. Nếp sống của Ngài được kinh điển ghi lại, như là vấn đề cảnh thức chúng sanh cần gần gũi và gìn giữ môi trường, giảm thiểu ô nhiễm. Cuộc đời đức Phật duy chỉ:

*Nhất bát thiên gia phạn,
Cô thân vạn lý du,
Kỳ vi sanh tử sự,
Giáo hóa độ xuân thu.*

Đức Phật rất hoan hỷ khi thấy chúng Tỳ-kheo sống ở trong rừng dầu vị đó ngủ gục hay không ngồi thiền định. Trái lại, Phật không an tâm khi vị ấy ngồi thiền, hay ngủ gục ở một nơi khác, xa tịnh xá (chùa) gần làng, vì sẽ bị các cư sĩ khác gây phiền hà... Bởi vì khi ở trong rừng, khi không thiền định, hoặc ngủ gật; khi thức tỉnh tiếp tục ngồi thiền mà không bị ai quấy phá.

Kinh Tăng Chi II, trang 335 - 336 ghi rằng: “Ở đây, này Nagita, ta thấy một Tỳ-kheo ngồi thiền định tại trú xứ ở trong khu rừng. Này Nagita, ta suy nghĩ như sau ‘Nay vị Tôn giả này, sau khi đoạn trừ ngủ nghỉ và mệt nhọc, sẽ tác ý tưởng hoặc đạt được sự nhất tâm’. Do vậy ta hoan hỷ với trú xứ tại rừng của vị Tỳ-kheo ấy”. Đức Phật luôn luôn tán thán núi rừng và xem núi rừng là nơi trú ẩn lý tưởng cho những vị xuất gia hành đạo: “Làng mạc hay rừng núi, thung lũng hay đồi cao, La hán trú chỗ nào. Đất ấy thật khả ái” và Phật khẳng định: “Khả ái thay núi rừng, chỗ người phàm không ưa. Vị ly tham ưa thích, vì không tìm dục lạc” (Pháp Cú 98 - 99).

Hiện nay vấn đề biến đổi khí hậu và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu tác động đến môi trường đang diễn ra ngày càng phức tạp và ảnh hưởng đến đời sống con người; môi trường đã trở thành một vấn đề nóng đang được thế giới quan tâm. Sự thay đổi của khí hậu mang tính chất toàn cầu đã ảnh hưởng rất lớn và ngày càng nghiêm trọng đối với tài nguyên thiên nhiên của con người. Trong đó Đồng bằng sông Cửu Long vốn được xem là khu vực có nhiều



tiềm năng, cơ hội để hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới và phát triển bền vững. Thế nhưng, do tác động của hạn hán, ngập mặn, và những tác động của biến đổi khí hậu những yếu tố tiềm năng phát triển của vùng trở thành những vấn đề cấp bách không chỉ là nhiệm vụ của các Ban, ngành mà đó chính là vấn đề của tất cả mọi người cần phải quan tâm.

Từ những yếu tố trên cho thấy mọi người chúng ta cần phải chung tay góp sức bảo vệ môi trường, để môi trường ngày càng “Xanh, sạch, đẹp”. Đạo Phật có câu “Phật pháp bất ly thế gian pháp”. Do đó Phân ban Ni giới GHPGVN TP. Cần Thơ góp phần vận động tuyên truyền chư Ni và Phật tử ở các cơ sở thờ tự xây dựng mô hình “Xanh, sạch, đẹp” chung tay xây dựng môi trường trong địa bàn dân cư, để thành phố Cần Thơ xứng danh là thành phố trực thuộc Trung ương.

Chúng ta đã biết, khí hậu trái đất không bao giờ ổn định và luôn vận hành. Ngoài khí hậu ra còn có môi trường cũng tác động đến con người như: Các yếu tố vật lý, hóa sinh, sinh học, xã hội, kinh tế tác động đến con người, con người là trung tâm của môi trường, không có con người không có môi trường. Trong các vấn đề nói trên nước cũng là một phần môi sinh rất quan trọng và không thể thiếu trong sinh thái môi trường để duy trì sự sống, sự trao đổi chất và cân bằng sinh thái trên toàn cầu.

Theo sự nhận định của Tiến sĩ Crutzen “*Thực ra biến đổi khí hậu toàn cầu đã bắt đầu từ cuối thế kỷ XVIII, sự nhiễu loạn của các hệ tự nhiên của trái đất, khẳng định phần lớn là do hoạt động của con người, đã tạo nên kỷ nguyên mới, kỷ nguyên con người*”. Bên cạnh đó là hàng loạt các yếu tố khác mang tính chất kinh tế, xã hội, và chính trị cũng có thể làm tăng nhiệt độ của trái đất. Tác động của con người là yếu tố chủ quan đóng vai trò quan trọng trong biến đổi khí hậu toàn cầu.

Ngoài ra còn có một số nguyên nhân khác do con người tạo ra là





khai thác sử dụng đất, đốt phá rừng, khai thác và sử dụng tài nguyên nước, và sự phát triển về kinh tế kỹ thuật và sự gia tăng dân số...

Chính những ảnh hưởng trên dẫn đến sự biến đổi khí hậu tác động lên môi trường và con người; còn có rất nhiều nguyên nhân như những nguyên nhân chủ yếu chính là:

1/ Về tài nguyên đất: Đất vốn đã bị thoái hóa do quá lạm dụng phân vô cơ, hiện tượng khô hạn, rửa trôi do mưa tăng sẽ dẫn tới tình trạng thoái hóa đất trầm trọng hơn. Nhiệt độ tăng cũng làm ảnh hưởng tới các hệ sinh thái tự nhiên... Đặc biệt là việc xâm nhập mặn và hạn hán là vấn đề bức xúc hiện nay.

2/ Về tài nguyên nước: Do sự nóng lên của khí hậu toàn cầu nên các lớp băng tuyết sẽ bị tan nhanh trong những thập niên tới, và mực nước biển dâng lên có thể nhấn chìm nhiều vùng rộng lớn trong khu vực và làm khan hiếm nguồn nước ngọt. Trong đó đồng bằng sông Cửu Long là vùng trũng nên bị ảnh hưởng nhiều nhất khi bị ngập lụt, xâm nhập mặn, và các hiện tượng thời tiết xấu.

3/ Về tài nguyên khí: Môi trường không khí được xem là môi trường trung gian tác động trực tiếp hoạt gián tiếp đến các môi trường khác. Nó là nơi chứa các chất độc hại gây nên biến đổi khí hậu, và chính biến đổi khí hậu sẽ tác động ngược lại môi trường không khí, làm cho chất lượng không khí ngày càng xấu hơn. Bên cạnh đó núi lửa phun ra những nham thạch nóng và nhiều khói, khí CO²...

Ngoài những ảnh hưởng biến đổi khí hậu ra môi trường cũng làm ảnh hưởng đến sức khỏe đời sống con người như: Về sức khỏe theo kết quả nghiên cứu về tác động của biến đổi khí hậu đối với con người do tổ chức Global Humanitarian Forum của cựu Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc Kofi Annan công bố cho biết: *"Hiện nay biến đổi khí hậu đã cướp đi mạng sống của 300.000 người mỗi năm và ảnh hưởng đến cuộc sống của 300 triệu người trên trái đất, do tác động từ*



những đợt sóng thần, lũ lụt và cháy rừng gây ra. Bên cạnh đó nhiệt độ tăng lên khiến năng lực sản xuất lương thực giảm, do vậy giá lương thực tăng cao và nạn đói sẽ gia tăng và bệnh tật sẽ gia tăng... Ngoài những vấn đề trên còn có những ảnh hưởng khác ảnh hưởng tới nền kinh tế của các quốc gia. Do đó con người cần phải góp phần bảo vệ môi trường và xây dựng môi trường xung quanh chúng ta”.

Với tầm quan trọng đó Phân ban Ni giới Phật giáo Cần Thơ thể hiện vai trò và trách nhiệm của mình nên luôn kêu gọi các Chùa, Tịnh xá, Tịnh thất, Niệm Phật đường cùng tín đồ Phật tử nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và những biện pháp bảo vệ môi trường. Vì môi trường là tiêu chí quan trọng và phương hướng chiến lược để xây dựng một xã hội văn minh. Môi trường xanh, sạch, đẹp là niềm ước ao của cả mọi người, con người xây dựng lên từ quá trình cải tạo và biến đổi thiên nhiên. Để được như vậy thì chúng ta cần có một số giải pháp để xây dựng môi trường như sau:

1/ *Vệ sinh môi trường:* Trong cuộc sống sinh hoạt và làm việc con người chúng ta cần ý thức và tự giác của mỗi cá nhân, luôn chấp hành những quy định chung của nhà nước... Không thải những chất độc hại ra môi trường, thu gom rác thải...

2/ *Trồng cây xanh:* Tình trạng khói bụi ngày càng gia tăng, nên chúng ta cần tăng cường trồng cây xanh trở thành hoạt động thiết thực và hữu ích.

3/ *Tận dụng nguồn năng lượng mặt trời:* Chúng ta cần vận dụng năng lượng tự nhiên cho hiệu suất sử dụng cao, sử dụng năng lượng mặt trời và ứng dụng vào đời sống hoàn toàn hợp lý và giảm nguy cơ ô nhiễm môi trường.

4/ *Hạn chế sử dụng túi nilon:* Trong cuộc sống, mọi sinh hoạt đều sử dụng tới túi nilon như một vật dụng không thể thiếu. Nilon là chất rất khó phân hủy, khi ở trong môi trường đất hoặc nước sẽ cản trở quá trình phát triển của các sinh vật khác. Trong sinh





hoạt, việc sử dụng túi nilon trở thành một thói quen. Sử dụng túi nilon như vật dụng để đựng thực phẩm mà nhiều người không biết tới tính nguy hại. Hãy sử dụng túi bằng vải, túi bằng giấy thay thế túi nilon để góp phần bảo vệ môi trường.

5/ Bảo vệ môi trường nông thôn: Thông dụng nhất hiện nay mà các hộ gia đình cần làm đó là nên có thùng chứa rác và tự phân loại rác, chôn lấp hoặc bỏ đúng nơi quy định để đội vệ sinh mang đi chôn lấp hoặc xử lý tập trung để làm phân hữu cơ bón cho cây, hoặc đồng ruộng. Nước thải và phân trong chăn nuôi cần được xử lý bằng cách xây hầm biogas, phân phải được ủ trước khi sử dụng, không thải trực tiếp nước, phân và chất thừa thải thẳng ra môi trường. Trong sản xuất nông nghiệp, nên hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, hãy thu vỏ chai, lọ, vỏ bao đựng đến nơi quy định để xử lý. Nên tăng cường sử dụng phân xanh, phân hữu cơ tại chỗ kết hợp với phân hoá học, không nên dùng phân tươi bón trực tiếp cho rau xanh, hoa màu để phát tán ra môi trường.

6/ Xây dựng nhà vệ sinh đúng tiêu chuẩn: Hiện nay đa phần ở thôn quê còn nhiều gia đình sử dụng nhà vệ sinh bằng hầm cá gây ô nhiễm rất nhiều đến nguồn nước. Do vậy, tất cả mọi gia đình dù ở thành thị hay nông thôn đều cần thiết lập nhà vệ sinh có hầm tự hoại vừa hợp vệ sinh, bảo vệ sức khỏe gia đình, vừa góp phần bảo vệ môi trường. Bảo vệ Môi trường chính là bảo vệ đời sống trong lành, thanh tịnh. Thế nên, thái độ sống của người con Phật và Phật tử cần quan tâm đến thiên nhiên; chính thiên nhiên là nguồn sống bất tận trong tiến trình nuôi dưỡng thân tâm và mục đích cuối cùng là hướng tâm giải thoát. Các Thiền sư ngộ đạo từ cổ chí kim đã thiết lập cho mình môi trường tu tập trong thiên nhiên để cho mọi người cùng hướng tâm tu tập giải thoát.

Hiện nay vấn đề biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường không chỉ còn là vấn đề của riêng quốc gia nào hết mà là của toàn nhân



loại. Tu dưỡng tâm linh bảo vệ môi trường cũng chính là điều cốt yếu. Chỉ có tâm thiện của con người mới có môi trường tốt đẹp, bởi vì môi trường xung quanh ta chính là y báo, nó chuyển theo chính báo từ tâm hành thiện của chúng ta. Chư Ni và Phật tử một lòng hướng thiện, vâng giữ Giới luật, tôn trọng pháp luật khiến hành vi hướng thiện, tạo xã hội an lạc hòa bình, môi sinh cân bằng, phát triển bền vững. Tâm lực của người con Phật có thể thay đổi cả môi trường xung quanh. Bởi nhân sinh quan và thế giới quan không chỉ ảnh hưởng đến hạnh phúc của mỗi cá nhân, gia đình mà còn ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp sâu sắc tới môi trường sinh thái và sự phát triển bền vững của toàn xã hội. □





Theo dấu tiền nhân

■ PHÂN BAN NI GIỚI HUYỆN LONG THÀNH

■ TKN. HẠNH CHIẾU

Kính thưa Đại hội,

Thời đức Phật còn tại thế, Ni đoàn đã được thành lập dưới sự lãnh đạo của Trưởng lão ni Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di. Chư ni bấy giờ đa số là các vị vương phi quý tộc, nhưng một khi đã khoác chiếc nạp y vào người, các ngài buông bỏ tất cả, sống đời phạm hạnh, cung kính cúi đầu vâng theo sự chỉ giáo của đức Thế Tôn và chư Thánh tăng. Sức mạnh của các ngài là tâm nguyện tha thiết tu hành. Tinh thần mạnh mẽ, thái độ dứt khoát, dụng công miên mật... với ý chí và nguyện lực ấy, các ngài có thể làm sụp đổ cả tam giới. Lịch sử vẫn còn in đậm nét hình ảnh 500 trưởng lão Ni đã an nhiên nhập Niết-bàn trước khi đức Thế Tôn thị tịch. Rõ ràng các ngài đã đạt thiên định đến mức sanh tử tự tại.

Từ khi thành đạo dưới cội Bồ-đề, đức Phật đã gửi đến nhân loại một thông điệp “Tất cả chúng sanh đều có thể thành Phật”. Chính Phật ngôn này đã mở ra cho nữ giới nói riêng và toàn thể nhân loại nói chung một con đường thoát. Thành tâm kiên nhẫn, hành trì nghiêm cẩn, từ trong chánh định tuệ giác phát sinh, chư vị Tỳ-kheo-ni vô cùng sung sướng khi biết rõ mình có thể chấm dứt con đường sinh tử, vĩnh viễn an vui trong tịch tĩnh Niết-bàn. Nếu không phải là sức mạnh của thiên định và trí tuệ, thì làm sao chống lại nổi dòng nghiệp thức lưu chuyển từ vô lượng kiếp đến nay. Cho nên biết, một khi đã cương quyết, nữ nhân cũng có thể



hoàn thành tâm nguyện của mình bằng tất cả nỗ lực và sự dũng mãnh phi thường.

Trưởng Lão Ni Kệ đã ghi lại những giai thoại chấn động lòng người. Vì quyết tâm giữ gìn đạo nghiệp mà nữ tôn giả Subha đã chẳng ngần ngại móc mắt, nữ tôn giả Ryonen ủi mặt cắt gân và còn những tấm gương liêm liệt khác nữa... các Ngài sẵn sàng hủy hoại nhan sắc, dẹp sạch chướng duyên trên con đường tu tập. Trên đời này không còn gì quan trọng đối với các ngài hơn công phu thiền quán, nhằm dứt sạch lậu hoặc. Hình ảnh và tinh thần ấy là tấm gương sáng, soi đường chỉ lối cho chúng nhân đời sau noi theo, là nguồn động lực vô cùng lớn lao giúp cho Ni giới mạnh mẽ vượt lên chính mình, bỏ lại sau lưng mọi mặc cảm yếu đuối nữ nhi thường tình, vực dậy khả năng giác ngộ giải thoát nơi chính mình.

Trải qua quá trình tinh tấn hành đạo, với không ít thử thách gian nan, cuối cùng chư Tỳ-kheo-ni đã tự chiến thắng lấy mình, đạt được Thánh quả cao nhất. Một hôm tại tinh xá Kỳ Viên, đức Thế Tôn đã khen ngợi ngài Đại Ái Đạo là vị có kinh nghiệm nhiều nhất về sống hạnh phúc, giải thoát, Niết-bàn. Đồng thời Thế Tôn cũng tán thán công hạnh và đạo nghiệp viên mãn của chư Thánh đệ tử Ni như: Tỳ-kheo-ni Khema trí tuệ đệ nhất, Uppalavanna thần thông đệ nhất, Patacara trì luật đệ nhất... Ngoài ra còn có các vị thuyết pháp đệ nhất, nghị luận đệ nhất, thiên nhãn đệ nhất...

Đọc lại dòng sử xưa, hình ảnh người con gái của đức Như Lai thuần khiết với đức hạnh khiêm ưu, thệ nguyện kiên cố, tuy không dấn thân vào đời rộng khắp như chư Tăng nhưng công phu hành trì mãnh liệt, là những tấm gương sáng chói, làm nghi biểu cho hàng Thích nữ đời sau phấn phát vươn lên trên bước đường cầu đạo giải thoát.

Ngày nay sự có mặt của Ni giới với những thành tựu nhất định, những đóng góp thiết thực về tài lực, trí lực, tâm lực cho





Giáo hội, cho xã hội ở nhiều nước trên thế giới, có thể minh chứng được khả năng tự lợi, lợi tha của chư Ni là một sự thật không thể phủ nhận, cần được trân trọng và phát huy. Riêng tại Việt Nam, Ni giới đã xuất hiện rất sớm, khoảng thế kỷ I, thời Hai Bà Trưng. Các Ngài tu hành nghiêm mật, phẩm hạnh trong sạch, trí tuệ và đức độ tròn sáng, khiến cho trong triều ngoài nội thấy đều kính trọng như Thiền sư ni Diệu Nhân thời nhà Lý, Thiền sư ni Tuệ Thông thời nhà Trần.

Dòng mạch Ni lưu ấy tiếp nối cho đến mãi về sau, khắp ba miền đất nước, các bậc Danh ni nước Việt đã có mặt và vâng theo sự chỉ giáo của đại Tăng, cùng chung vai gánh vác sứ mệnh truyền đăng tục diệt cho thế hệ Ni lưu kế thừa. Miền Bắc có các đóa hoa đàm ngát hương như Ni trưởng Đàm Thu, Ni trưởng Đàm Soạn, Ni trưởng Đàm Hữu... Miền Trung có Ni trưởng Diệu Viên, Ni trưởng Diệu Hương, Ni trưởng Diệu Không, Ni trưởng Thế Quán... Miền Nam có Ni trưởng Diệu Tịnh, Ni trưởng Diệu Tấn, Ni trưởng Như Thanh, Ni trưởng Như Huệ, Ni trưởng Huyền Huệ, Ni trưởng Hải Triều Âm...

Chư Ni tiền bối hữu công nước Việt đã noi theo dấu chân Thánh tổ Kiều-đàm-di, xứng đáng là người con gái của đức Như Lai, kế thừa sự nghiệp hoàng dương chánh pháp, đem hết thân tâm cầu đạo Vô thượng Bồ-đề và phụng sự chúng sanh như trần sát. Cho đến ngày nay các Ni trưởng đầu tiên như Hải Ấn, Kim Sơn, Diệu Đức, Diệu Viên, Huệ Lâm, Dược Sư, Từ Nghiêm... nghiêm nhiên trở thành những chiếc nôi lịch sử của Ni giới Việt Nam. Hương đức hạnh thơm lòng, sắc thô y vẫn đẹp, chư tôn đức Ni nối tiếp nhau giáo dưỡng đàn ni giới hậu lai, báo ân đức Phật và các bậc Trưởng lão Ni tiền bối.

Có thể nói các bậc Trưởng lão Ni nước Việt đã thật bản lĩnh trong việc lãnh đạo và đào tạo thế hệ Ni lưu kế thừa. Từ xưa đến



nay, dù đối diện với bao nhiêu khó khăn trở ngại, các Ngài luôn cố gắng vượt qua, tạo đủ duyên lành để thành lập cho bằng được trường Ni, các lớp gia giáo, dạy dỗ Ni chúng thật nghiêm túc, quy củ, làm tiêu bản cho thế hệ Ni giới đời sau. Toàn bộ cuộc đời của quý Ngài là tấm gương sáng dạy chúng con vượt qua mọi thử thách cam go và nhất là vượt qua chính mình, xả bỏ tâm kiêu mạn mới có thể học đạo và tu đạo.

Đặc biệt tại Đồng Nai, Phật giáo đã có mặt từ rất sớm, tuy nhiên sử liệu chưa xác minh cụ thể thời gian và khai tổ đầu tiên của Phật giáo vùng đất hiền hòa này là ai. Mãi đến khoảng cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII chư Tổ theo các đoàn di dân từ miền Bắc vào, đến vùng đất này ẩn tích mai danh, chuyên tâm tu hành, tùy duyên giáo hóa độ sanh. Ni giới bấy giờ ắt hẳn đã có mặt, nhưng chỉ là thiểu số và dĩ nhiên chỉ được dự thính tu học dưới sự hướng dẫn của chư Tổ. Thời gian lưu chuyển mang theo dòng sinh mệnh mới. Ni giới ngày nay đã có đủ cơ hội để phát huy và thực hiện bản hoài của mình. Mọi sinh hoạt trong tất cả các lĩnh vực tu học và làm việc, chư Ni đã có mặt và đóng góp cùng Tăng đoàn, xây dựng ngôi nhà Phật pháp ngày càng vững mạnh trong lòng Giáo hội và dân tộc Việt.

Dưới sự lãnh đạo của ban Trị sự tỉnh, Ni giới Đồng Nai đã từng bước vươn lên và đạt được một số thành tựu nhất định trong các lĩnh vực: Văn hóa, giáo dục, hoằng pháp, từ thiện xã hội... Điểm son đáng trân quý nhất của Phật giáo Đồng Nai nói chung, Phân ban Ni giới nói riêng là tính đoàn kết, hòa hợp giữa tất cả các hệ phái. Đặc biệt tại huyện Long Thành, số lượng Tăng Ni có thể xem là đông nhất tỉnh, dù thuộc bất kỳ hệ phái nào đều hòa hợp, cùng nhau chuyên tâm tu học, cùng thừa hành các Phật sự do Chư tôn Giáo phẩm lãnh đạo Giáo hội Trung ương và ban Trị sự tỉnh giao phó. Lục hòa cộng trụ đã là chất keo gắn bó, kết chặt đạo tình Linh Sơn cốt nhục của những người con Phật từ nghìn xưa cho đến nghìn sau.





Ngày nay, được nép mình dưới uy đức và sự bảo hộ của Giáo hội, của Đại tăng, hàng đệ tử Ni giới chúng con nguyện đem hết thân tâm này hành trì giáo pháp của Như Lai, một đời vì đạo, đời đời vì đạo. Nguyện dốc lòng dốc sức cùng Giáo hội, vâng theo sự chỉ giáo của Đại tăng “hành Như Lai sứ, tác Như Lai sự”, ngõ hầu phần nào đền đáp thâm ân của đức Phật, của Trưởng lão ni Kiều-đàm-di, của vô lượng vô lượng thiện hữu tri thức đã vì chúng con mà tác thành đạo nghiệp.

Giá trị đời người rốt lại chỉ ở cái tâm, chứ không luận trên âm thanh sắc tướng bên ngoài. Cho nên càng ứng dụng Phật pháp bao nhiêu, càng an lạc bấy nhiêu, càng cảm kích bội phần trí tuệ và nguồn tâm của đức Phật. Ngài đã khai mở cho chúng sanh một nguồn hạnh phúc chân thật, vô biên, vượt cả không gian thời gian, bình đẳng vô phân biệt. Sức mạnh của Ni giới có được cũng từ chính bản tâm và nguồn trí lực ấy.

Sau cùng, xin nguyện sức mạnh từ nguồn tâm vô biên sẽ mãi mãi chấp cánh cho Ni giới vươn lên, cùng dìu dắt nhau vượt thoát thân phận nữ nhi thường tình, tháo tung mọi kiến chấp buộc ràng, tùy nguyện tùy duyên lợi mình lợi người, thành tựu bản nguyện sau rốt, giác ngộ giải thoát viên mãn. Nguyện Phật giáo Việt Nam sống mãi trong lòng dân tộc và đất nước Việt Nam, Ni giới Việt Nam luôn chung sống an hòa, một lòng vì đạo pháp, tuân thủ Bát kính, thừa hành Phật sự mà Giáo hội đã đề ra. Hương đạo hương đời thấm đượm nhân gian, đem nguồn vui đến cho muôn người.

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát. □



Ni giới Việt Nam trong mạch sống dân tộc

■ PHÂN BAN NI GIỚI TỈNH TRÀ VINH

Kính bạch Chư tôn Thiền đức

Kính thưa quý vị Đại biểu,

Trong khung cảnh trang nghiêm chan hòa tình đạo vị của ngày đại lễ tưởng niệm Thánh tổ Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di và chư Ni tiền bối Phật giáo Việt Nam hữu công, thay mặt Phân ban Ni giới Trà Vinh, lời đầu tiên chúng con xin chân thành kính gửi đến chư Tôn đức Giáo phẩm Chứng minh, Chủ tọa đoàn, chư Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư lãnh đạo Phân ban Ni giới Trung ương, chư Tôn đức Tăng Ni, quý Đại biểu chính quyền đoàn thể các cấp cùng quý quan khách, quý Phật tử tham dự đại lễ lời cầu chúc sức khỏe an lạc, vạn sự viên thành. Sau đây chúng con xin được phép trình bày tham luận về “Ni giới Việt Nam trong mạch sống dân tộc”.

Kính bạch Chư tôn Thiền đức

Kính thưa quý Liệt vị,

Từ khi thành đạo Vô thượng Bồ-đề và quyết định đem giáo pháp truyền bá đến chúng sanh, đức Phật Thích-ca đã lên đường hoằng dương chánh pháp. Sau thời gian du phương hoằng hóa, thu nhận môn đồ và thành lập Tăng đoàn, vào mùa an cư lần thứ năm, được tin vua cha lâm trọng bệnh, đức Phật đã trở về thành Ca-tỳ-la-vệ, gặp mặt và thuyết pháp lần sau cùng để hóa độ vua cha chứng ngộ chân lý, đắc thánh quả A-la-hán. Sau khi nhà vua băng hà, đức Phật về ngụ tại một tịnh thất gần thành Xá-vệ. Trong thời gian này, cùng với sự kiện Thánh tổ Kiều-đàm-di vì lòng tha thiết





muốn được xuất gia, đã tự xuống tóc, đắp y cùng với 500 vị thể nữ trong hoàng tộc, đi bộ từ Ca-tỳ-la-vệ trải qua nhiều gian khổ đến Xá-vệ, thỉnh cầu đức Phật cho phép xuất gia. Việc thưa hỏi của Tôn giả A-nan về khả năng chứng ngộ của nữ giới trong tu tập, đức Phật đã thừa nhận người nữ có khả năng giác ngộ và chứng quả như nam giới, đồng thời Ngài cũng chấp thuận cho đoàn nữ giới xuất gia với điều kiện phải giữ gìn giới luật, thọ trì Bát kinh pháp đến trọn đời. Thánh tổ hoan hỷ chấp nhận điều kiện. Do sự ưng thuận này, Thánh tổ được xuất gia thọ Cụ túc giới và được đức Phật cho phép lập Ni đoàn. Bấy giờ, đức Phật là vị Giáo chủ đầu tiên thành lập Ni đoàn cho nữ giới, có đủ cả giới luật. Điều này đã làm thay đổi cách nhìn của xã hội đối với người nữ, tạo điều kiện cho phụ nữ thoát khỏi những định kiến của xã hội phong kiến và làm thay đổi cuộc đời của nhiều người trong nữ giới. Từ đây Phật giáo truyền bá đến nơi nào thì Ni đoàn cũng được thành lập.

Theo lịch sử Phật giáo Việt Nam thì Phật giáo Ấn Độ đến Việt Nam rất sớm, từ thế kỷ trước công nguyên. Khi ấy, Việt Nam còn gọi là Giao Châu gồm có ba thị trấn cổ là Long Biên, Cổ Loa và Luy Lâu. Trong đó thị trấn Luy Lâu nằm bên bờ sông Dâu, cách sông Đuống 5km về phía Bắc được xem là trung tâm thương mại sầm uất đương thời, chẳng những các thương gia Ấn Độ tìm đến để giao dịch mua bán, mà các tu sĩ Phật giáo Ấn Độ cũng theo các thuyền buôn của người Ấn đến đây để truyền bá Phật giáo... Đến Luy Lâu không bao lâu, Phật giáo đã dần thâm nhập vào đời sống dân gian, tạo nên những phong tục tập quán tốt đẹp. Rồi từ Luy Lâu, Phật giáo lan truyền ra các vùng đồng bằng sông Hồng, đồng bằng Bắc bộ. Từ đó Phật giáo đã nhanh chóng phát triển góp phần xây dựng đời sống văn hóa xã hội Việt Nam bấy giờ. Đặc biệt giáo lý của đức Phật đã giúp cho nữ giới đổi mặt và vượt qua những thử thách khó khăn trong cuộc sống, được nữ giới hưởng ứng tích cực. Đây cũng là nhân duyên thù thắng cho người nữ phát tâm xuất



gia. Điều này được thể hiện vào thế kỷ thứ I, dưới thời dựng nước và giữ nước của Hai Bà Trưng (40 - 43), có nhiều vị nữ tướng đã hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của Hai Bà, chiêu mộ nữ binh cùng đứng lên dẹp giặc giành độc lập cho đất nước. Thế nhưng sau khi thắng trận trở về, nhiều vị đã rời bỏ công danh phú quý, nương thân nơi chốn thiền môn sống đời phạm hạnh như Công chúa Bát Nàn, Thiều Hoa, Phương Dung...

Lần theo chiều dài lịch sử Việt Nam qua bao thế kỷ thăng trầm, Ni giới Việt Nam vẫn đồng hành cùng dân tộc. Không những thế, vào các triều đại Lý, Trần, Lê, Nguyễn trong Ni giới Việt Nam còn xuất hiện nhiều vị Trưởng lão ni, tinh thông Phật pháp, nghiêm trì giới luật và hành thiền chánh định, được môn đồ học chúng kính ngưỡng. Nhiều vị xuất thân từ danh gia quý tộc, vì giác ngộ lẽ vô thường mà từ bỏ vinh hoa phú quý, tìm đến thiền môn thọ giới xuất gia, tu hành chứng đạo như Ni sư Diệu Nhân, Ni sư Tuệ Thông, Ni sư Diệu Đăng, Ni sư Diệu Tín...

Ngoài ra, còn nhiều bậc Ni lưu ẩn tu nơi am tranh sơn cốc, tuy có sự truyền thừa, nhưng tư liệu về các Ngài còn tản mác trong nhân gian.

Đến thời cận đại, nơi theo gương sáng xuất gia tu học, hành đạo của các Trưởng lão ni tiền bối, chư Ni thời bấy giờ cũng tinh cần tu tập, chuyên tâm hành trì giới luật, trau dồi tam vô lậu học và thực hiện hồng pháp độ sinh.

Ở miền Nam, từ đầu thế kỷ XX cũng có nhiều Ni sư tích cực đóng góp cho sự phát triển của phong trào Ni giới như: Ni sư Diệu Ngọc (1885-1952), Ni sư Diệu Tịnh (1910-1942), Ni trưởng Như Thanh (1911-1999), Ni trưởng Giác Nhấn (1919-2003)...

Trong hệ phái Khất sĩ cũng có những vị danh tiếng về hoạt động hồng dương Phật pháp, hóa độ nhân sinh như Ni trưởng Huỳnh Liên, Ni trưởng Bạch Liên... Trong công tác giáo dục có





Ni trưởng Trí Hải, trong lãnh vực từ thiện có Ni trưởng Huệ Từ... là những bậc danh Ni, luôn tích cực trong các hoạt động thuyết giảng giáo lý, hướng dẫn Phật tử tu học, hỗ trợ nạn nhân thiên tai lũ lụt, xây nhà tình thương, nuôi trẻ mồ côi... Trong quản lý Ni viện, mỗi khóa học hướng dẫn hàng trăm Ni sinh tu học đạt hiệu quả, đã có các vị như Ni trưởng Như Đức (Thiền viện Viên Chiếu - Long Thành), Ni trưởng Như Như (Ni viện Thiện Hòa - Đại Tòng Lâm - Bà Rịa Vũng Tàu).

Thời gian này, Trà Vinh cũng được xem là một trong những cái nôi của Phật giáo miền Nam, đã từng đào tạo nên các bậc Tăng Ni đạo cao đức trọng. Trải qua những thăng trầm, Phật giáo Trà Vinh vẫn vững bước đồng hành cùng dân tộc, Ni giới Trà Vinh cũng ngày một phát triển. Các chùa Ni được thành lập, trùng tu tôn tạo đến tận các vùng sâu vùng xa, là nơi sinh hoạt tín ngưỡng được người dân địa phương đặt trọn niềm tin, thường xuyên tới lui lễ Phật, hộ trì Tam bảo. Tại đây tín đồ Phật tử được chư Ni trụ trì hướng dẫn học tập giáo lý kinh điển nhà Phật, nghe thuyết giảng giáo pháp, hành trì giới luật trong các khóa tu đạo tràng... Ngoài ra, chư Ni còn hướng dẫn Phật tử hiểu biết thêm về chính sách tôn giáo, khuyến tấn Phật tử tuân thủ những quy định pháp chế của Nhà nước, đoàn kết giúp đỡ nhau trên tinh thần tương thân tương ái, sống “Tốt đời đẹp đạo”.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân đế quốc, có rất nhiều chư Ni tham gia hoạt động như các Ni trưởng Đàm Thu, Đàm Soạn, Đàm Tín, Đàm Xương... Bấy giờ Trà Vinh cũng có nhiều chư Ni, nhiều tự viện tham gia công tác, nuôi dưỡng cán bộ và là cơ sở hội họp bí mật của các tổ chức cách mạng như chùa Liên Bửu, chùa Liên Quang, chùa Phước Long, chùa Ấn Tâm, chùa Phước Hiệp, chùa Phước An, chùa Phước Mỹ, chùa Long Thành... Sau khi cách mạng thành công, có các chùa được công nhận là di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh như chùa Long Thành, chùa Phước An, chùa Phước Mỹ.



Bên cạnh việc tham gia hoạt động cách mạng, làm tròn bổn phận đối với Tổ quốc, các bậc Ni trưởng, Ni sư tiền bối còn tích cực thực hiện các công tác Phật sự như xây dựng, trùng tu tôn tạo tự viện, tạo điều kiện cho Phật tử có nơi tu học trang nghiêm, mở đạo tràng, mở các khóa tu, tổ chức an cư kiết hạ, đề xuất đệ tử tu học ở các trường Phật học để nâng cao trình độ năng lực, đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ kế thừa cho Ni giới như Ni trưởng Thích Nữ Tịnh Hoa (1915-2002), Ni trưởng Thích Nữ Nhựt Từ (1912-1999).

Khi đất nước thống nhất, chư Ni về chùa tiếp tục tu hành, hoằng pháp hóa độ chúng đệ tử xuất gia, tại gia. Nối tiếp truyền thống tu tập, hành đạo của các bậc Trưởng lão ni tiền bối, cũng chính là thầy bốn sư, chư Ni hàng truyền thừa đã chuyên tâm cần mẫn trau dồi giới đức, hành trì thiền định... Các vị vừa chăm lo Tam bảo, tu sửa trang nghiêm tự viện, vừa tổ chức đạo tràng truyền giới, thuyết giảng giáo pháp, hướng dẫn Phật tử tu học, nhiều vị còn đảm nhận giảng dạy giáo lý ở trường Phật học, các lớp gia giáo ở tự viện và tổ chức hoạt động từ thiện xã hội. Song song đó các vị còn tích cực tham gia công tác đoàn thể là thành viên HĐND, UBMTTQVN, BCH hội LHPN, hội Chữ thập đỏ các cấp trực thuộc tỉnh như Ni trưởng Thanh Quang (1922-2012), Ni sư Bửu Phát (1931-1997), Ni sư Bửu Tấn (1932-2006), Ni sư Bửu Ý (1943-2005) và bên hệ phái Khất sĩ thì có như Ni trưởng Sâm Liên, Ni sư Huy Liên. Đặc biệt nổi bật trong hoạt động từ thiện có Ni trưởng Bửu Lý (Viện chủ chùa Liên Bửu) trong suốt quá trình hành đạo, với hạnh nguyện từ bi và sự đồng hành của Phật tử, Ni trưởng đã vân du nhiều nơi, chia sẻ những khổ đau bất hạnh với những gia đình có hoàn cảnh khó khăn, hoạn nạn như giúp đỡ bệnh nhân nghèo, người khuyết tật, hỗ trợ mổ mắt từ thiện, tặng quà cho học sinh nghèo, hỗ trợ xây nhà tình thương, khoan giếng nước, xây cầu vùng nông thôn. Hàng năm Ni trưởng





tổ chức từ thiện thăm làng mù (Sóc Trăng), vùng thiên tai, lũ lụt các tỉnh miền Trung, miền Bắc... Với trọng trách là Trưởng ban Từ thiện trong BTS Phật giáo tỉnh năm 2003, Ni trưởng thành lập Trại dưỡng lão tại chùa Liên Bửu, chăm sóc nuôi dưỡng các cụ già có hoàn cảnh neo đơn nghèo khó từ đó đến nay (thường xuyên có khoảng từ 40 đến 50 cụ).

Vào đầu thế kỷ XXI, số lượng Ni giới Việt Nam phát triển lên đến hàng vạn (chiếm tỷ lệ 54% tổng số Tăng Ni). Nhiều Ni trẻ ở các tự viện đã được gửi đi học ở các trường Phật học trong nước, một số du học ở nước ngoài. Trong đó có nhiều vị tốt nghiệp cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ, tùy theo năng lực và nỗ lực cá nhân, các vị sẽ là những thành viên nòng cốt trong quá trình tham gia các hoạt động Phật sự, góp phần phát huy vai trò của Ni giới Việt Nam trong thời kỳ hội nhập và đổi mới.

Hiện nay Phật giáo Việt Nam có ba hệ phái lớn gồm: Bắc tông, Nam tông và Khất sĩ, là những hệ phái phát triển và có ảnh hưởng sâu sắc đối với Phật tử Việt Nam. Trong đó hệ phái Bắc tông có số lượng Ni giới đông nhất, thứ đến là Khất sĩ. Riêng phái Nam tông số lượng Ni rất hạn chế do những quy định riêng của hệ phái.

Để thống nhất trong quản lý chỉ đạo các hoạt động Phật sự từ Trung ương đến địa phương, năm 1981 Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập. Đây là tổ chức Phật giáo duy nhất quản lý các hệ phái trên tinh thần đoàn kết hòa hợp. Về nhân sự lãnh đạo trong tổ chức, được cơ cấu có cả chư Tăng, chư Ni. Do đó vai trò Ni giới Việt Nam đã được thể hiện đầy đủ trên nền tảng của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Đặc biệt được sự quan tâm giúp đỡ của Trung ương Giáo hội, Ni giới Việt Nam đã thành lập Phân ban Ni giới trực thuộc ban Tăng sự Trung ương. Năm 2009, Phân ban Ni giới đã chính



thức ra mắt tại thành phố Hồ Chí Minh. Trước đây Ni giới Việt Nam có thành lập Ni bộ Bắc tông và đã hoạt động một thời gian dài, thay vào đó Phân ban Ni giới trực thuộc ban Tăng sự Trung ương đã ra đời, là chỗ dựa tinh thần của chư Ni, khuyến khích chư Ni phát huy tiềm năng, hướng dẫn chư Ni các tự viện thống nhất thực hiện các hoạt động Phật sự theo giáo huấn của Phân ban để đạt được hiệu quả tốt nhất, đồng thời tạo điều kiện để chư Ni trẻ cống hiến năng lực cho Giáo hội cũng như xã hội, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển Ni giới trong thời kỳ đổi mới.

Ngược về quá khứ, từ Hội nghị tổng kết Phân ban Ni giới nhiệm kỳ I đến nay, Ni giới Việt Nam đã góp phần tích cực vào công tác Phật sự của Giáo hội như: Giáo dục, hoằng pháp, từ thiện, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường... Đây cũng là những hoạt động thiết thực trong cuộc sống thể hiện mối quan hệ gắn kết của Ni giới Việt Nam trong mạch sống của dân tộc. Có thể thấy Ni giới Việt Nam hiện nay luôn gắn thân trong mọi lĩnh vực cuộc sống, như xây dựng trùng tu tôn tạo ngôi Tam bảo, mở rộng đèn thiên xương minh Phật pháp, đến các hoạt động từ thiện xã hội, mang lợi ích đến cho mọi người.

Đi vào hoạt động cụ thể, trong công tác giáo dục Ni giới Việt Nam ngày nay đã đảm nhận nhiệm vụ giảng dạy tại các trường Phật học, được tham gia thuyết giảng trong các hội chúng hay thuyết trình tại các cuộc hội thảo.

Dựa vào năng lực và giới đức, chư Ni có thể được mời đảm nhiệm các chức vụ trong các ban ngành của Giáo hội, hoặc được bổ nhiệm làm Viện chủ, Trụ trì trong các tự viện. Hiện nay phần lớn các tự viện, tịnh xá của chư ni Việt Nam đều do các vị Ni trưởng, Ni sư phạm hạnh quản lý.

- Chư Ni được tu học tại các trường Phật học trong và ngoài nước, sau khi tốt nghiệp cũng đã cố gắng phát huy năng lực của





mình trong các lĩnh vực thông tin, báo chí, giáo dục, hoàng pháp, phúc lợi xã hội... nhằm đáp ứng được nhu cầu tâm linh của các thế hệ Phật tử trong thời hội nhập.

Không những thế, Ni giới Việt Nam rất quan tâm đến các hoạt động từ thiện xã hội cũng như công tác xóa đói giảm nghèo giúp người cơ nhỡ. Hiện nay các tự viện, tịnh xá của chư Ni, được coi là chủ lực trong các hoạt động từ thiện góp phần xoa dịu khổ đau và mang lại lợi ích cho mọi người.

Ngoài các công tác Phật sự, Ni giới Việt Nam cũng tích cực tham gia công tác đoàn thể tại địa phương góp phần xây dựng, phát triển đời sống văn hóa xã hội.

Tuy nhiên bên cạnh những thành tựu đã đạt được, Ni giới Việt Nam còn rất nhiều việc cần quan tâm phát huy hiệu quả, như nâng cao hơn nữa trình độ của chư Ni về thế học và Phật học, nhất là những vị Ni trẻ cần có kiến thức về khoa học đời sống, kiến thức Phật pháp vững chắc để không bị ngoại cảnh tác động, và có khả năng hành trì đối với những thử thách của thời đại, cũng như đáp ứng được yêu cầu phát triển Ni giới Việt Nam trong giai đoạn đổi mới.

Ngoài ra, việc bồi dưỡng năng lực hoàng pháp cũng là một trong những yếu tố quan trọng, giúp chư Ni có được hiểu biết sâu sắc về nội dung, phương pháp hoàng pháp và vận dụng sao cho phù hợp hầu đem ánh sáng Phật pháp phổ cập đến chúng sanh. Đồng thời cũng cần xây dựng hình ảnh Nhà hoàng pháp là tấm gương đẹp về nhân cách, tốt về hành động, sáng về trí tuệ, để thông qua đó tạo cho Phật tử có được một niềm tin vững chãi về Phật pháp.

Về công tác từ thiện cũng là hoạt động không kém phần quan trọng mà Ni giới Việt Nam cần tăng cường thực hiện, thông qua các việc làm cụ thể như giúp đỡ bệnh nhân nghèo, người già neo đơn, người khuyết tật, người nhiễm chất độc da cam, xây nhà tình



thương, mở phòng thuốc nam khám chữa bệnh cho người nghèo, hỗ trợ đồng bào bị thiên tai lũ lụt... Vì hiện nay hiệu quả của các hoạt động này thực sự đã góp phần làm dịu bớt nỗi khổ đau và đem lại lợi ích thiết thực cho những người gặp hoàn cảnh khó khăn bất hạnh, rất cần được phát huy nhiều hơn nữa.

Kính bạch Chư tôn Thiên đức

Kính thưa quý Đại biểu,

Nhân ngày đại lễ tưởng niệm Thánh tổ Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di và chư Tôn đức Ni tiền bối của Ni giới Việt Nam, Phân ban Ni giới Trà Vinh chúng con quy tụ về đây thấp nén tâm hương bày tỏ tấm lòng thành kính cảm niệm công đức cao dày của đức Thánh tổ, đã khơi nguồn mạch sống tâm linh của nữ giới và cùng ôn lại truyền thống tu học, hành đạo của chư Ni tiền bối Việt Nam. Công hạnh cao quý của các Ngài là gương sáng cho Ni lưu hậu học chúng con noi theo. Chúng con nguyện nghiêm trì giới luật, chuyển hóa thân tâm, khai mở tuệ giác, để có đủ năng lực phụng sự đạo pháp, phục vụ nhân sinh.

Đây là những suy nghĩ của chúng con về Ni giới Việt Nam với mong muốn các hoạt động của Ni giới luôn đạt được những thành tựu để làm nền tảng cho sự phát triển trong mạch sống dân tộc. Song, đây chỉ là những suy nghĩ thô thiển của chúng con, nếu có điều chi sơ suất, kính mong chư Tôn đức hoan hỷ. Chúng con xin kính chúc Chư tôn Thiên đức Tăng - Ni thân tâm an lạc, vạn sự kiết tường. Kính chúc quý vị Đại biểu sức khỏe, thành đạt và hạnh phúc. Chúc Đại lễ thành tựu viên mãn.

Nam Mô Đại Ái Đạo Thánh Tổ Kiều Đàm Di tác đại chúng minh. □



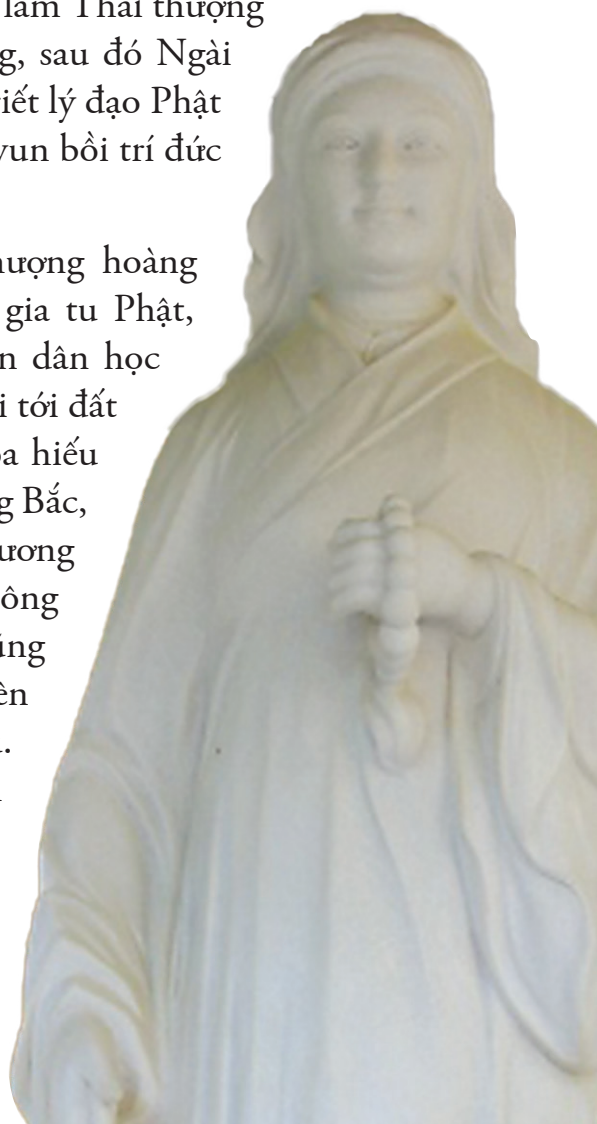


Vở cải lương Ni Sư Hương Tràng (Trần Huyền Trân Công Chúa)

■ HỮU TÂM

Công chúa *T*rần Huyền Trân sinh năm 1287, là con gái vua Trần Nhân Tông, bậc minh quân đã hai lần lãnh đạo quân dân Đại Việt đánh tan đội quân xâm lược Nguyên Mông mạnh nhất thế giới lúc bấy giờ. Hết giặc, Ngài nhường ngôi cho con là Trần Anh Tông, lên làm Thái thượng hoàng để giúp con vững chãi trên ngai vàng, sau đó Ngài xuất gia tu hành theo Phật giáo, mong qua triết lý đạo Phật để giáo hóa dân chúng, đoàn kết nhân tâm, vun bồi trí đức cùng nhau xây dựng và bảo vệ đất nước.

Năm 1301, Huyền Trân 14 tuổi, Thượng hoàng Trần Nhân Tông lúc đó đã là người xuất gia tu Phật, Ngài chống gậy trúc đi khắp nơi để khuyên dân học Phật, từ bỏ mê tín. Trên đường du hóa, Ngài tới đất Chiêm Thành, với mong muốn kết tình hòa hiếu Việt - Chăm để cùng nhau chống giặc phương Bắc, kẻ thù chung của cả hai dân tộc. Gặp quốc vương Chiêm Thành là Chế Mân, Trần Nhân Tông rất có cảm tình với vị vua trẻ thông minh, dũng cảm cũng đã từng đánh thắng quân Nguyên Mông do tướng thiện chiến Toa Đô cầm đầu. Quý trọng vị sư Đại Việt đã từng là bậc minh quân xuất chúng, nay lại mang tâm hòa hiếu đoàn kết lân bang, Chế Mân đã mời Trần





Nhân Tông ở lại Chiêm Thành trong chín tháng để chia sẻ Phật pháp và đàm đạo về phép trị quốc. Trước khi về nước Trần Nhân Tông đã đồng ý gả con gái cho Chế Mân, hôn sự sẽ được tiến hành khi Huyền Trân tròn mười tám tuổi.

Năm 1305, Chế Mân cho sứ mang sính lễ và địa đồ, sổ bộ dân số hai châu Ô, Rí sang cầu hôn Huyền Trân, hai nước định lễ rước dâu sẽ được thực hiện vào năm sau.

Năm 1306, Huyền Trân về Chiêm Thành, được Chế Mân phong là vương hậu. Mối nhân duyên của Huyền Trân với Chế Mân đã tạo nên tình giao hảo tốt đẹp giữa hai nước, nhưng đẹp hơn là hình ảnh vương hậu, người con gái nước Đại Việt, nhân từ gần gũi mọi người. Tiếc thay, chưa tròn một năm trong khi Huyền Trân còn mang thai chưa tới kỳ sinh nở, Chế Mân đột ngột băng hà. Theo phong tục nước Chiêm, vua băng hà thì các vương hậu và một số cung phi phải được hỏa táng theo vua, nhưng Huyền Trân vì còn mang thai con vua mà được hoãn tới sau khi sinh con.

Đầu năm 1307, Huyền Trân sinh con trai, vua Chiêm Thành lúc này là con trai trưởng của Chế Mân tên là Chế Chí cho sứ giả sang báo tin mừng lên Hoàng đế Đại Việt đã có cháu và đồng thời báo tang Chế Mân. Vua ta phái Thượng thư Tả bộ xạ Trần Khắc Chung cùng các vị đại sứ và đoàn tùy tùng tới Chiêm Thành viếng tang và cầu siêu cho Chế Mân theo phong tục nước Đại Việt.

Tới ngày Huyền Trân lên giàn hỏa thiêu, trong lễ cầu siêu cho Chế Mân ngoài biển, Trần Khắc Chung đã lập mưu đưa Huyền Trân lên thuyền rồi cho dong buồm về hướng Bắc. Huyền Trân được cứu sống nhưng phải để lại đứa con bé bỏng. Thuyền chở Huyền Trân đã qua vùng biển Chiêm Thành nhưng không may gặp bão, thuyền hỏng buộc phải vào bờ. Trong lúc lánh nạn, sửa thuyền, Trần Khắc Chung cho người Chăm thân tín trở lại Chiêm Thành tìm cơ hội đưa thái tử cùng về. Sau nửa năm với nhiều





nhóm được phái đi nhưng chuyện không thành, đoàn đành phải về Thăng Long.

Tháng 8 năm 1308, Huyền Trân về tới Thăng Long, sau đó không lâu lên Yên Tử gặp Thượng hoàng Trần Nhân Tông. Tại Yên Tử, Huyền Trân xin phụ hoàng xuất gia để “phát túc siêu phươg”, Quốc sư Bảo Sát là người xuống tóc quy y cho Huyền Trân tại chùa Vũ Ninh, đặt pháp danh Hương Tràng.

Năm 1311, Ni sư Hương Tràng về tu tại chùa Hổ Sơn (Nộn Sơn) thuộc Thiên Bản (xã Liên Minh, Vụ Bản, Nam Định hiện nay). Tại đây Ni sư Hương Tràng được nhân dân kính trọng vì đức hạnh trang nghiêm, thiện tâm luôn giúp đỡ dân nghèo, dạy chữ cho trẻ con.

Năm 1340, Ni sư Hương Tràng viên tịch, dù trong bối cảnh nhà Trần lúc bấy giờ đã suy vi, nhưng tri ân công hạnh của Trần Huyền Trân, ở nhiều nơi nhân dân đã lập đền thờ Huyền Trân công chúa tại Hổ Sơn và tôn bà là Thánh mẫu. Các triều đại về sau đều sắc phong công chúa Huyền Trân là thần Hộ quốc. Nhà Nguyễn ban chiếu ghi nhận “Công đức của Công chúa Huyền Trân trong việc giữ nước giúp dân có nhiều linh ứng”, nên nâng bậc tăng là “Trai Tĩnh Trung Đẳng Thần”.

Vở cải lương Công chúa Huyền Trân hay Ni sư Hương Tràng, với nhiều tình tiết về các nhân vật được khắc họa dưới góc nhìn của lịch sử và Phật giáo, để lý giải những uẩn khúc của lịch sử các dân tộc lúc bấy giờ, được Nhà hát cải lương Việt Nam dàn dựng theo tác phẩm của Tiến sĩ Bùi Hữu Dược. Cuộc đời của công chúa Huyền Trân minh chứng cho một giai đoạn lịch sử thăng trầm của nhiều đất nước trước dã tâm của nước lớn phương Bắc muốn thôn tính các nước nhỏ phương Nam. Công hạnh của Công chúa Trần Huyền Trân, một người con gái Đại Việt vì nghĩa lớn, đã góp phần viết nên những trang sử đẹp nhất về đức hy sinh, về tình yêu



tha thiết và lòng nhân ái, tính khoan dung. Hình ảnh của bà đi vào lịch sử như một điển hình của phụ nữ, của Ni giới Việt Nam. Cuộc đời và công hạnh của bà sống mãi cùng non sông đất nước.

Vở cải lương được dàn dựng với sự khích lệ và trợ duyên của ban Ni giới Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, đã được bộ Văn hóa tổng duyệt trong hai đêm 7-8 tháng 11 năm 2017 với sự đón nhận, tán thưởng của khán giả thủ đô Hà Nội. □

Đền thờ công chúa Huyền Trân ở Huế





Ni giới với tấm lòng từ bi bao la của những vị thầy

■ TKN. DIỆU CHÂU - Khánh Hòa

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Nam Mô Phật Mẫu Kiều Đàm Di Đại Ái Đạo cập Ngũ Bách La Hán Sư Ni.

Ngưỡng bái bạch quý Sư trưởng Chứng minh và chư Tôn đức Phân ban Ni giới Trung ương.

Kính bạch chư Tôn đức Phân ban Ni giới tỉnh Đồng Nai.

Kính bạch chư Tôn đức Phân ban Ni giới các tỉnh thành trong ba miền Nam - Trung - Bắc.

Kính bạch chư Tôn đức Tăng - Ni và Phật tử cùng quý khách mời trong buổi Đại lễ Tưởng niệm hôm nay.

Thật là một nhân duyên lớn, được cùng chư Tôn đức Phân ban Ni giới tỉnh Khánh Hòa vào dự Đại lễ Tưởng niệm Thánh tổ Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di và chư Ni tiền bối PGVN tại tỉnh Đồng Nai nói riêng và chư Ni tiền bối PGVN cả nước nói chung, con vô cùng phấn khởi và thành tâm cung kính thay mặt chư Tôn đức Phân ban Ni giới tỉnh Khánh Hòa, mạo muội dâng lên chư Tôn đức Ni bài tham luận với đề tài *Ni giới với tấm lòng từ bi bao la của những vị Thầy*.

Ngưỡng bái bạch chư Tôn đức Ni!

Thời gian gần đây con có đọc các bài tham luận đặc sắc tại Hội Nghị Nữ Giới Phật Giáo Thế Giới lần thứ XI được tổ chức



gần một tuần (28/12/2009 - 03/01/2010) tại hội trường nhà văn hóa truyền thống Phật giáo thành phố HCM (tập 1). Trong đó có bài của Ni trưởng thượng Huệ hạ Từ viết về đề tài *Sự dẫn thân của Ni giới Phật giáo trên lĩnh vực từ thiện xã hội*. Kế đến là bài của Ni trưởng thượng Như hạ Minh với chủ đề *Công hạnh của các Trưởng lão Ni Thừa Thiên Huế đối với đạo pháp và dân tộc trong thế kỷ XX*. Thứ nữa là bài của Ni trưởng thượng Như hạ Châu với đề tài *Ngôi sao Bắc Đẩu của Ni giới VN: Cố Ni trưởng Ni bộ Bắc tông thượng Như hạ Thanh (1991-1999)*...

Ngưỡng bái bạch chư Tôn đức Ni!

Khi đọc qua những bài tham luận đặc sắc của quý Ngài, tâm con thâm kính phục về tấm lòng từ bi, trí tuệ, vô ngã vị tha của chư Ni tiền bối quá cố, cũng như những công hạnh độ sanh của chư Tôn đức Ni trong đời hiện tại, đã để lại trong con dấu ấn chí thành tôn kính vô biên. Chư Tôn đức Ni trong ba miền đất nước chính là những bậc thầy từ bi, để cho hàng hậu học Ni giới chúng con hướng về đánh lễ noi gương. Suốt lộ trình tu đạo - hành đạo - chứng đạo của chư Tôn đức Ni đã làm theo công hạnh từ bi bao la của đấng Từ phụ, là bậc thầy của chư Thiên và khắp cả nhân loại.

Tấm lòng từ bi bao la của những người thầy đối với các hàng đệ tử trên con đường tu đạo: Chư Tôn đức Ni luôn là những bậc thầy từ bi - trí tuệ, giới đức thanh tịnh trang nghiêm, quý Ngài đã từng dạy cho chúng con và hàng Phật tử bằng những bài học thân giáo quý báu đáng nhớ. Cũng như lời của Sa-di La-hầu-la thốt lên khi vừa trông thấy đấng Từ phụ: “Bạch đức Thế Tôn! Chỉ cần nhìn thấy dung nghi của Ngài, cũng đủ làm cho con ấm áp và mát mẻ”. Cũng vậy, sự hiện thân của chư Tôn đức Ni cũng đủ cho hàng đệ tử chúng con cảm thấy an bình và hạnh phúc.

Thời nay, có những đệ tử được thầy tổ cho ăn học đến nơi đến chốn như cử nhân, tiến sĩ Phật học... Sau khi học xong, tưởng





rằng Thầy tổ được nhờ về việc tu đạo, hành đạo. Nhưng họ không giúp được gì, bản thân cũng có phẩm hạnh nhưng lại nhất thời kiến chấp ngu si, cống cao ngã mạn tưởng mình giỏi hơn thầy, không còn biết “tôn sư trọng đạo”, đứng núi này trông núi nọ, biếng nhác không còn nghe lời thầy dạy. Khi có lỗi bị thầy quả trách, la rầy thì tỏ thái độ tự ái, sân si, muốn bỏ Thầy đi nơi khác. Thế mà, tấm lòng của những vị thầy vẫn từ bi hỷ xả, tha thứ bao dung, âm thầm nhẫn nhục, lặng lẽ thương tâm dùng nhiều phương tiện dạy dỗ và cầu nguyện chư Phật Bồ tát... thị hiện xoay tâm cho đệ tử của mình sớm hồi tâm tỉnh ngộ, thấy sợ quả báo nhãn tiền, mà nỗ lực tu hành kiệm phước, để tội diệt, phước sanh, không bị ma quân dẫn dắt. Với cuộc sống hiện đại văn minh, thông tin cập nhật Internet... khiến cho các đệ tử trẻ phần nhiều phân tâm, luôn bị “tiếng nói thì thầm” (vọng tưởng điên đảo) trực tiếp, gián tiếp mời gọi, thường quên bốn phận của người đệ tử. Làm thầy cần phải có trí tuệ sáng suốt để nhắc nhở, dạy bảo đệ tử điều nào nên làm và không nên làm để chúng biết sợ tội báo, nhân quả mà tinh tấn tu hành. Tuy nhiên, cũng có nhiều đệ tử sẵn có chủng tử Phật pháp nên khi vào chùa chúng rất ngoan hiền, dễ dạy và tâm luôn hiếu kính với thầy của mình. Như trong bộ Căn Bản Tập Sự dạy: Có người (đệ tử) nương nơi thầy xuất gia trong giáo pháp của Phật, cạo bỏ râu tóc, mặc áo pháp của Phật, tâm hồn trong trắng đầy đủ lòng từ bi, gọi là xuất gia như pháp. Người ấy đối với thầy, cho đến trọn đời tứ sự cúng dường, cũng chưa có thể trả ơn (thầy) được. Thật sự ơn thầy to lớn như vậy, là người đệ tử xuất gia, không thể không biết!

Lại trong Luật Tứ Phần (T.22.804b, Q.4) đức Phật có dạy: “Nếu đệ tử không biết xấu, không biết hổ, không nghe lời dạy, làm điều phi oai nghi, không tôn kính”, Ngài cho phép Hòa thượng (Thầy) khiển trách đệ tử như sau: “Nay ta quả trách ngươi, ngươi đi đi, ngươi đừng vào phòng ta, ngươi đừng làm việc cho ta, ngươi



cũng đừng đến chỗ ta, ta không nói chuyện với người”. Đây cũng là cách thầy “mặc tăn” để cho đệ tử này sớm thức tỉnh, kịp thời ăn năn phát lồ sám hối cho tiêu tội. Nếu họ vẫn còn ngoan cố, cứng đầu thì vị Thầy vẫn khuyên dạy nhiều lần cho bỏ. Nếu cuối cùng tánh nào tật nấy không bỏ, dù có thương tâm đến mấy cũng nên cho ra khỏi chùa. Có như vậy, mới có thể làm gương cho những người đệ tử còn lại. Lúc này những vị Thầy, cũng đừng đau lòng thương tiếc dù đệ tử đó có tài giỏi đến đâu, bởi vạn pháp đều tùy duyên, nhân quả, báo ứng, nhân duyên nợ nần, oan gia trái chủ trong nhiều kiếp rất rõ ràng. Có thể chúng đệ tử này đi chùa khác sẽ được vị thầy ở nơi đó có đức độ và kinh nghiệm dạy dỗ chúng tốt hơn. Nếu thời gian sau, chúng ăn năn quay về sám hối thì những vị thầy cũng nên đem lòng từ bi, hoan hỷ chấp nhận và độ cho họ tiếp tục trên đường tu đạo giải thoát. Tiếp đó, cần phải dùng trí tuệ sáng suốt để giáo dưỡng chúng cho nên người, nếu không thì vị thầy sẽ mắc trọng tội. Như trong đại Luật có dạy “Giáo bất nghiêm, sư chi đọa”. Có làm được như vậy thì thầy trò mới hòa hợp, an lạc, thanh thoi trên đường hành đạo “Tác Như Lai sứ và hành Như Lai sự”.

Tấm lòng từ bi bao la của những vị Thầy trên con đường hành đạo: Nói đến con đường hành đạo, của chư Tôn đức Ni khắp ba miền, thật con không biết dùng bút sách nào tả cho hết những công hạnh lợi tha của quý Ngài. Quý Ngài đã nuôi dạy hàng đệ tử xuất gia tại bốn tự, hoặc dạy các trường Sơ - Trung - Cao cấp Phật học và truyền tam quy, ngũ giới cho hàng cư sĩ tại gia. Nhờ vậy mà hàng đệ tử xuất gia hiếu kính, các học trò “ba cấp” quý thương, còn cư sĩ tại gia thì mến mộ Phật pháp, sẵn sàng đóng góp tịnh tài, tịnh vật để chư Tôn đức hành thiện khắp nơi. Quý Ngài là bậc thầy cứu giúp tất cả những mảnh đời bất hạnh, những nơi khốn khổ, khó khăn. Như lời đức Phật dạy: “Phụng sự chúng sanh là cúng dường chư Phật”. Thật quý kính thay! Vào ngày 7/2 Âl năm Đinh





Dậu (2017), chư Tôn đức Phân ban Ni giới Trung ương, những bậc thầy cao cả đã gửi thư mời đại diện các phân ban Ni giới khắp ba miền, tổ chức lớp học Luật bồi dưỡng tại chùa Vĩnh Nghiêm trong vòng một tuần. Quý Ngài đã cung thỉnh HT. Tuyên Luật Sư, viện chủ Giới đài Huệ Nghiêm, bậc đại trưởng lão truyền thừa Luật tạng. Người đã thể hiện thân giáo khẩu giáo, giảng dạy phần Yết Ma Yếu Chỉ và Truyền Giới Chính Phạm để cho Ni giới biết cách tác pháp Yết-ma, truyền giới, thọ giới, an cư, tự tứ... biết cách làm thầy giáo dưỡng đệ tử trau dồi phẩm hạnh. Có rất nhiều câu hỏi sôi nổi bổ ích mà Ni giới thỉnh cầu, được Hòa thượng trả lời một cách trôi chảy.

Bên cạnh đó, Hòa thượng thượng Lệ hạ Trang, bậc thầy đức độ, khiêm cung từ ái đã dạy cho Ni giới cách dẫn thỉnh trong Đại giới đàn và phần Nghi lễ của thiền môn rất rõ ràng và sâu sắc. Và Ni trưởng thượng Như hạ Như trưởng ban tổ chức, cũng giảng dạy nhiều điều bổ ích nhằm thúc liễm cho Ni giới trong các phân ban nỗ lực tu tập trau dồi phẩm hạnh và tham gia nhiều công tác Phật sự, xã hội ngày càng vững tin trên con đường hoàng pháp lợi sanh, đúng theo câu châm ngôn “Đạo pháp - dân tộc - chủ nghĩa xã hội”. Cả hội trường chùa Vĩnh Nghiêm, Ni giới đều chăm chú học tập rất chí thành và phấn khởi.

Thiết thực hơn nữa, tỉnh Khánh Hòa bị cơn bão số 12 vừa qua, chùa chiền hư hoại trầm trọng, nhân dân bị chết chóc quá nhiều, nhiều gia đình sập nhà, bay nóc... Với tấm lòng từ bi bao la chư Tôn đức Phân ban Ni giới Trung ương là những bậc thầy không quản tuổi cao, sức yếu, cùng với sự ủng hộ của các Phật tử hảo tâm ra tận Ni viện Diệu Quang cứu giúp gần 100 ngôi chùa Ni. Ni trưởng thượng Như hạ Như dạy: “Nguyên nhân thiên tai bão tố là do tâm tham của con người khai thác tài nguyên cạn kiệt...” Ni trưởng rất có tài xuất khẩu thành thơ, những vần thơ đạo chân thật, mộc mạc, nhưng đầy ý nghĩa đạo lý khó quên. Ngoài ra, Ni



trưởng cũng đã giúp đỡ cho những chùa bị thiên tai bão tố, trong đó có những vị trụ trì khi xưa là trò học của Ni trưởng ở Đại Tông Lâm. Tấm lòng một người thầy thật đáng kính biết bao!

Tiếp đó lời đạo từ chia sẻ của Ni trưởng thượng Huệ hạ Từ, bậc thầy hiền từ, uy nghiêm khả kính, cùng với quý Ni trưởng, Sư cô thư ký, thị giả trong đoàn làm việc rất nhanh nhẹn, hoan hỷ. Cuối cùng, lời đáp từ tri ân của Ni trưởng chứng minh phân ban Ni giới thượng Huệ hạ Như tỉnh Khánh Hòa rất chân thành và xúc động. Lúc này, chúng con ai nấy đều lắng lòng nghe và thâm cảm niệm chư Tôn đức Phân ban Ni giới Trung ương với lòng biết ơn vô bờ.

Và có rất nhiều Phân ban Ni giới khắp ba miền cùng hải ngoại là những vị thầy đầy lòng từ bi đều hướng về Nha Trang, miền thù dương cát trắng bình lặng, nay bị nổi bão tố phong ba mà cứu giúp cho các chùa và muôn dân trong tỉnh Khánh Hòa qua cơn nguy kịch.

Cảm động nhất là Ni trưởng thượng Như hạ Cương, bậc thầy từ bi nhân hậu, đã nuôi dạy chúng con ở nội trú ăn học tại Học viện từ khóa I đến khóa X (1993-2016). Con được biết Ni trưởng vừa bị té chữa trị gần hai tháng, vậy mà khi nghe con báo số 12 là Người không quản đau bệnh, liền cùng quý đạo hữu tín tâm ra thị xã Ninh Hòa giúp đỡ cho các chùa học trò của mình và nhân dân nơi đó. Và thật vô cùng cảm kích cho chư Tôn đức Ni, Trưởng ban từ thiện và một số chư Ni tỉnh Khánh Hòa! Tuy chùa của quý Sư cũng bị thiệt hại nhưng vì tấm lòng từ bi, bao la mà đi cứu giúp cho nhân dân rất nhiều. Bên cạnh đó Phân ban Ni giới Khánh Hòa cũng đi thăm các chùa bị hư hại nặng bằng tấm lòng an ủi, động viên tinh thần “Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”. Quả thật, chư Tôn đức Ni khắp ba miền chính là bậc thầy từ bi vô lượng!





- *Điều kiện cho những vị thầy từ bi làm tròn bốn phận:* Trong bộ Yết Ma Yếu Chỉ trang 92 có dạy: “Tư cách lý tưởng của một vị thầy là phải lo cho đệ tử đầy đủ hai khía cạnh vật chất và tinh thần theo tiêu chuẩn “thiếu dục tri túc” của người xuất gia.

- *Về mặt vật chất:* Vị thầy tu hành giới đức được nghiêm minh, nhân hậu có uy tín nên được Phật tử hảo tâm mến mộ Phật pháp cung kính cúng dường mọi nhu cầu như: Chùa thờ Phật, phòng ốc, xe cộ, cơm áo... đầy đủ. Nhưng vị thầy phải dạy đệ tử sống một đời sống “thiếu dục tri túc” để kiếm phước. Nếu làm thầy không biết dạy đệ tử thì chính mình bị đọa trước.

- *Về mặt tinh thần:* Vị thầy ngoài đầy đủ giới đức, còn có đủ khả năng hướng dẫn đệ tử hành trì giới luật, học tập kinh điển, tu tập thiền định và có đủ kinh nghiệm để giải quyết mọi tâm tư khúc mắc của đệ tử, làm tròn bốn phận nuôi lớn “pháp thân huệ mạng” cho chúng. Nói tóm lại, vị thầy phải biết giáo dục đệ tử về các mặt giới - định - tuệ, đó là ba khoa quan trọng mà người học đạo cần phải theo đuổi suốt chặng đường tấn tu đạo nghiệp.

- *Về sự chứng đạo của những bậc thầy từ bi:* Trên con đường chứng đạo của chư Tôn đức Ni, không phải xa vời mà ngay hiện thực. Bởi vì, trên lộ trình tu đạo, hành đạo, quý Ngài đã đủ phước đức, trí tuệ, giới đức nghiêm minh, sự hành đạo của quý Ngài đã theo dấu chân của đức Thế Tôn, thực hành bốn tâm vô lượng từ - bi - hỷ - xả, vô ngã - vị tha. Chính những hạnh nguyện này mà quý Ngài đã dẫn thân vào đời cứu giúp biết bao cảnh tình khó khăn khốn khổ, một mặt giáo dục đệ tử xuất gia thành tài, đệ tử tại gia biết hướng tu tâm dưỡng tánh. Quý Ngài đã tu đạo và hành đạo đạt đến chỗ Tam luân không tịch, tức là “tu mà không thấy mình tu”, “hành mà không thấy mình hành” và “chứng cũng không thấy mình chứng”, buông xả tất cả, thông dong tự tại, không hề vướng bận gì cả. Đến cuối đời, quý Ngài sẽ mỉm cười quảy gót về Tây một cách an lạc, giải thoát.



Ngưỡng bái bạch chư Tôn đức Phân ban Ni giới Trung ương cùng chư Tôn đức Ni tỉnh Đồng Nai và chư Tôn đức Ni khắp ba miền Nam - Trung - Bắc. Với sự hiểu biết cạn cợt của bản thân, chắc chắn nội dung đề tài tham luận trên không sao tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Ngưỡng mong quý Ngài và những bạn đồng tu, từ bi hoan hỷ bỏ qua cùng góp ý cho những sai sót để con được sám hối, sửa sai, rút kinh nghiệm và nỗ lực tu tập noi theo công hạnh của quý Ngài mà làm người thầy tốt, không những cho hàng đệ tử xuất gia, tại gia, mà cho khắp tất cả các loài hữu tình.

Một lần nữa, trước khi dứt lời, con thành tâm kính chúc chư Tôn đức Ni trong các Phân ban, chư Tôn đức Tăng Ni và Phật tử cùng quý khách mời đang dự buổi Đại lễ Tưởng niệm Thánh tổ Đại Ái Đạo Kiêu-đàm-di hôm nay, thân tâm thường an lạc, sức khỏe miên trường. Quý Ngài luôn là ngọn hải đăng soi đường dẫn dắt cho chúng con và tất cả chúng sanh thoát khỏi bóng tối, mê mờ mà đến bờ giác ngộ, giải thoát.

Nam Mô Thường Hoan Hỷ Bồ Tát Ma Ha Tát. □





Phật giáo xưa và nay

■ TKN. HUỆ BẢO

Đạo Phật là tôn giáo được phổ biến rộng rãi trên thế giới, vì giáo lý của đức Phật từ xưa đến nay luôn đi vào đời sống thực tại của con người. Chân lý ấy không thay đổi dù thời gian hay con người có thay đổi, luôn bất biến giữa dòng đời vạn biến. Trải dài hơn 25 thế kỷ, bánh xe pháp của Phật đã chuyển động khắp nơi. Ngài đã độ thành tựu được bốn chúng, nhưng điều quan trọng đó là sự thành lập Ni đoàn vào mùa hạ thứ năm. Từ khi đức Phật thành đạo đến nay, Phật giáo luôn đồng hành cùng nhân loại, từ bốn biển đến năm châu, ở đâu có người đau khổ ở đó có giáo lý đức Phật. Nhất là thời điểm hiện tại, thời điểm của sự phát triển công, nông nghiệp trên toàn cầu. Chính vì vậy, mà Phật giáo đang phải đối đầu với nhiều thách thức bên trong lẫn bên ngoài, thuận lợi cũng có, nhưng khó khăn cũng rất nhiều.

Phật giáo từ khi du nhập vào Việt Nam đến nay đã hơn 2000 năm, vì thế Phật giáo được xem là đạo dân tộc, đạo đức làm người của nước Việt. Qua đó, Tăng Ni là một hình ảnh lương thiện, tượng trưng cho sự mô phạm thoát tục kế thừa gia tài pháp bảo của đức Như Lai, là những người luôn khép mình trong nền tảng của giới - định - tuệ, lấy giới làm hành trang tu tập giải thoát gột rửa thân tâm, bước lên thuyền từ giác ngộ, bởi chư Phật ba đời đều nương giới mà thành bậc chánh giác.

Hiện nay những bậc tiền bối, những bậc trưởng thượng đang phải trăn trở rất nhiều với Tăng Ni trẻ, số lượng tu sĩ đạt đến một



con số không thể kiểm soát được. Với Tăng Ni trẻ được thầy tổ đào tạo cho ra trường lớp để nâng cao kiến thức không chỉ Phật pháp mà còn ngoài xã hội, nhằm mục đích phát triển tâm linh, đưa đạo vào đời, ứng với phương châm “phục vụ chúng sanh là cúng dường chư Phật”. Cũng không ít Tăng Ni sinh ngày nay lại thiên về hướng ngoại nhiều hơn, làm mất đi phẩm chất giá trị thực tiễn của tu sĩ, chú trọng quá nhiều về kiến thức, hơn là tịnh hóa thân tâm. Cũng có một số vị xuất gia đầu tròn áo vuông, nhưng đôi lúc hành xử không khác người thế gian. Tuy biết rằng điều này chỉ có một số ít, nhưng “một con sâu làm rầu nồi canh”, đã đem đến không ít tai tiếng cho tôn giáo, đánh mất niềm tin từ những người Phật tử.

Đây là điều trăn trở nhất của quý Ngài, khi những Tăng Ni trẻ đang tu học từ thầy tổ, đến trường lớp gặp phải thử thách hay chút ít chông gai, lại mua đất cát thất rồi tự ngồi một chỗ niệm Phật cầu vãng sanh, tự do tự tại không tham gia Giáo hội. Thử hỏi Phật giáo đang cần người tinh tấn tu tập, nỗ lực nghiên cứu giáo lý để đưa đạo vào đời, làm hưng long Phật pháp, xứng đáng là con gái Thích-ca, việc làm này có phù hợp không? Chư Ni trẻ tuổi hôm nay, đi ngược lại với di nguyện của quý Ngài, có lẽ còn quá nhỏ từ suy nghĩ đến hành động, luôn nghĩ đến bản thân mình mà quên đi bản nguyện từ bỏ gia đình người thân, đi theo tiếng gọi của chân lý giác ngộ, lòng từ bi bình đẳng. Chính vì tuổi trẻ suy nghĩ nông cạn, đôi lúc còn ham ăn, ham ngủ, quên đi chư vị Ni lưu tiền bối luôn dõi mắt theo từng bước chân, mong mỗi chúng con trưởng thành để tiếp tục kế vị khai lai.

Trong lễ ra mắt Phân ban Ni giới Đồng Nai năm 2007, quý Ni trưởng tuy tuổi cao sức yếu, Phật sự đa đoan nhưng không ngừng nỗ lực mạnh mẽ trong mọi hoạt động, nâng cao tinh thần để bảo vệ sự phát triển của Ni giới. Đặc biệt là hai cội tùng bất khuất của Ni giới Đồng Nai, thứ nhất là Ni trưởng Huệ Hương,





Viện chủ Tổ đình Bửu Phong, Phó phân ban Ni giới Trung ương chuyên trách đối ngoại thuộc ban Tăng sự Trung ương GHPGVN, Trưởng phân ban Ni giới tỉnh Đồng Nai. Mỗi khi có dịp gặp, Ni trưởng luôn sách tấn Ni chúng phải tinh cần tu học, dù cho có trí thức rộng, tài cao đi chăng nữa mà không có phước đức thì muốn làm bất kỳ việc gì cũng rất khó thành tựu, muốn hoằng pháp lợi sanh cần có sự hiểu biết nhìn nhận đúng chánh kiến. Mục tiêu của người tu sĩ là sự giải thoát, nói phải đi đôi với thực hành cho nên tu với học phải song hành thì kết quả mỹ mãn, bản thân phải nỗ lực tu tập để có được an lạc trong đời sống thực tại, mới đem đến niềm vui cho người khác.

Ni trưởng có đầy đủ nghị lực, lòng từ bi luôn hy sinh cho đàn hậu học, dù bất cứ cương vị nào Ni trưởng vẫn luôn tích cực hoàn thành để làm gương sáng cho hậu thế. Từ ngày tấn phong lên hàng Giáo phẩm đến nay, Ni trưởng không những đảm nhận nhiều chức vụ từ tỉnh nhà cho đến Trung ương, mà Ngài còn làm Đoàn Đầu Hòa Thượng truyền giới cho nhiều Đại giới đàn, kể cả trong và ngoài tỉnh. Không những chỉ lo cho đàn Ni lưu hậu học, Người còn đến với những mảnh đời bất hạnh từ vùng cao nguyên núi đồi, đến u minh thượng nguồn của miền tây sông nước, với vòng tay nhân ái cao thượng trao nhà tình thương, tặng quà người nghèo, ươm mầm trí thức đối với một số em học sinh nghèo hiếu học. Tận miền Trung, miền Bắc xa xôi, mỗi khi mùa bão lũ, Ni trưởng thân hành đến đó với những phần quà gói trọn tất cả những tình cảm thiêng liêng cao quý của một người tu sĩ, luôn xả thân vì đạo pháp dân tộc. Với tinh thần ấy, Người đã góp phần trách nhiệm xây dựng nét đẹp quê hương đất nước. Chính vì vậy, Ni trưởng được Nhà nước trao tặng huy chương “Vì sự nghiệp nhân đạo”, huy hiệu “Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Đặc biệt là huân chương “Đại đoàn kết” do Chủ tịch nước Trương Tấn Sang trao tặng, và còn nhiều bằng khen cũng như huân chương



khác nữa. Đó là sự hy sinh cao cả của cội tùng thứ nhất.

Cội tùng thứ hai là Ni trưởng Viện chủ Quan Âm Tu Viện, Trưởng ban từ thiện tỉnh Đồng Nai, Ni trưởng Huệ Giác đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng trong các Đại giới đàn do tỉnh Đồng Nai tổ chức. Ni trưởng là Ủy viên hội đồng trị sự Trung ương, là tông trưởng Tông phong tịnh độ Non Bồng, với số đệ tử Tăng Ni trên 1000 vị tu học tại nhiều tu viện và tịnh viện thuộc Tông phong. Ngài còn thành lập đạo tràng Bát Quan Trai giữ vững và xuyên suốt mấy mươi năm, mỗi tháng hai lần. Đạo lực và hạnh nguyện của Ngài khiến gần hết Phật tử trong đạo tràng Bát Quan Trai đều phát nguyện trường chay và niệm Phật. Một công việc quan trọng và hiếm có ở Ni trưởng Huệ Giác là sự nghiệp trồng rừng và bảo vệ môi trường sinh thái, rất cần thiết để bảo vệ trái đất và sức khỏe đối với con người.

Nhị vị Ni trưởng Huệ Hương và Huệ Giác đã cùng tham dự nhiều đại hội Ni giới Phật giáo tổ chức ở các nước, như đại hội Phật giáo Quốc tế tại Mông Cổ. Trong đại hội này, Ni giới Phật giáo Việt Nam đã được hội nghị tán dương công đức tu học hoàn thành Phật sự, Ni giới Đồng Nai đã đóng góp phần xây dựng xiển dương chánh pháp, nỗ lực trong công tác từ thiện xã hội đạt được kết quả ở đỉnh cao.

*Con cúi đầu lạy tạ nghĩa ân sâu,
Bao tháng năm hy sinh và chịu đựng.
Bút mực này ngôn từ xin khép lại,
Bởi văn chương không nói hết ơn người.*

Lời cuối con cầu nguyện cho quý Ngài thể thọ tăng long, phước thọ miền trường, Phật sự viên thành, chúng sanh dị độ. □





NI TRƯỞNG HUỆ HƯƠNG

Người tiên phong nhận cờ luân lưu đăng cai tổ chức hội nghị Sakyadhita tại Việt Nam

■ THANH QUÝ

Cho đến thời điểm này Ni giới Việt Nam hẳn không còn ai xa lạ với Sakyadhita¹, (tiếng Phạn có nghĩa là con gái của đức Phật). Từ năm 1987, Sakyadhita đã trở thành tên của Hiệp hội Nữ giới Phật giáo Quốc tế - một tổ chức của Ni giới và nữ Phật tử trên toàn thế giới.

Hội nghị Quốc tế của nữ giới Phật giáo lần đầu tiên tổ chức tại Bodhgaya, Ấn Độ. Tại buổi lễ ra mắt sự kiện lịch sử này, 1500 đại biểu nữ giới Phật giáo và một số vị Tăng đến từ 27 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới vinh dự được cung đón đức Dalai Lama XIV đến chứng minh và ban đạo từ cho một tổ chức nữ giới Phật giáo chính thức được thành lập lần đầu tiên trong lịch sử Phật giáo thế giới.

Hiệp hội Sakyadhita được thành lập với mong ước thực hiện những sứ mệnh cao cả thông qua lời dạy của đức Phật, như xây dựng nền hòa bình thế giới, quan tâm đến những quyền lợi thể chất và tinh thần trong đời sống người phụ nữ, trong giáo dục văn hóa, phổ cập việc nghiên cứu, ấn hành các tác phẩm về lịch sử của nữ giới Phật giáo và các chủ đề liên quan, phát triển tu tập thiền

¹ Sakyadhita: Daughters of the Buddha is the name of International Association of Buddhist Women.



định và vấn đề thọ giới Tỳ-kheo-ni², khuyến khích bảo tồn các địa điểm di tích tâm linh của Phật giáo cũng như khuyến khích các hoạt động từ thiện vì phúc lợi xã hội.

Vấn đề cần yếu là thiết lập kết nối liên lạc phụ nữ Phật giáo toàn cầu qua các mạng truyền thông và các hội nghị Sakyadhita được tổ chức hai năm một lần luân phiên ở các nước tự nguyện đăng cai.

Kể từ ngày thành lập vào năm 1987 đến nay, với hơn 30 năm hoạt động, Hiệp hội đã tổ chức thành công 15 hội nghị nữ giới Phật giáo Quốc tế tại các nước (hầu hết là tổ chức ở các nước châu Á):

1. Bodh Gaya, Ấn Độ năm 1987
2. Bangkok, Thái Lan năm 1991
3. Colombo, Sri Lanka năm 1993
4. Thủ phủ Leh thuộc bang Jammu và Kashmir, Ấn Độ năm 1995
5. Thủ đô Phnom Penh, Cambodia năm 1998
6. Lumbini, Nepal năm 2000
7. Đài Bắc, Đài Loan năm 2002
8. Seoul, Hàn Quốc năm 2004
9. Kuala Lumpur, Malaysia năm 2006
10. Ulaanbaatar, Mông Cổ năm 2008

² Hiện nay Ni giới ở các nước theo truyền thống Phật giáo Nguyên thủy vẫn chưa được thọ Cụ túc giới, do vấn đề “bị đứt đoạn” bởi các yếu tố lịch sử. Tuy nhiên, Ni đoàn Nguyên thủy đã được phục hoạt tại Tích Lan (Sri Lanka), nếu một Thức xoa ma na muốn thọ giới Tỳ-kheo-ni theo truyền thống Nguyên thủy có thể thọ ở Tích Lan, chắc chắn đây là cơ hội để việc thọ đại giới Tỳ-kheo-ni được truyền bá rộng rãi ở Tây phương.





11. TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam năm 2009-2010
12. Bangkok, Thái Lan năm 2011
13. Vaishali - Bihar, Ấn Độ năm 2013
14. Yogyakarta, Indonesia, năm 2015
15. Hong Kong, năm 2017

Ngoài việc tổ chức các hội nghị quốc tế, Hiệp hội Nữ giới Phật giáo Quốc tế Sakyadhita còn tổ chức các khóa tu thiền, các nhóm nghiên cứu và hội nghị tại nhiều quốc gia trên thế giới như Hoa Kỳ, Anh, Đức, Ấn Độ, Thái Lan, Sri Lanka... Các diễn đàn Phật giáo cũng được tổ chức tại Đại học Claremont Graduate, Đại học Smith và nhiều trung tâm nghiên cứu khác.

Những bài tham luận xuất sắc trong các hội nghị Nữ giới Phật giáo Quốc tế đã được Hiệp hội xuất bản thành các tập kỷ yếu hội nghị theo từng chủ đề. Rất nhiều tác phẩm và dự án nghiên cứu được trước tác từ các hoạt động của hiệp hội Sakyadhita, tạo nên một nền văn học mới của nữ giới Phật giáo, đã được xuất bản. Dịch phẩm của các tác phẩm này cũng đã xuất hiện tại các quốc gia: Mỹ, Đức, Miến Điện, Ấn Độ, Tây Tạng, Việt Nam và còn được dịch sang tiếng Trung Quốc, Mông Cổ và các ngôn ngữ khác.

Ni giới Việt Nam đã có mặt trong các hội nghị này từ năm đầu tiên khi Hiệp hội mới thành lập. Bắt đầu là những Tỳ-kheo-ni nghiên cứu sinh Việt Nam học tập tại Delhi - Ấn Độ đã đến Bodhgaya để dự lễ ra mắt ban Tổ chức Hiệp hội những người con gái của đức Phật.

Suốt 30 năm qua, hầu hết các kỳ hội nghị Sakyadhita luôn có sự hiện diện của nữ giới Phật giáo Việt Nam với những bài tham luận có giá trị đóng góp cho sự giới thiệu nền văn hóa lịch sử nước nhà cũng như gương sáng Ni giới Việt Nam. Người viết chưa quên



một lần hội nghị được tổ chức vào năm 2008 tại Ulaanbaatar - Mông Cổ. Đây là một trong những lần có ít đại biểu Việt Nam tham dự. Có lẽ đất nước Mông Cổ xa xôi cách trở quá chăng? Vào mùa hè năm 2008, Phân ban Ni giới TW cũng chưa thành lập. Đi dự hội nghị Sakyadhita tại Mông Cổ năm đó gồm có Ni trưởng Huệ Hương (phó BTS Phật giáo tỉnh Đồng Nai), Ni sư Diệu Ngộ (BTS Phật giáo Cần Thơ), Sư cô Diệu Minh (chùa Quan Âm - Cần Thơ), và Sư cô Hương Nhũ (Học viện Phật giáo Việt Nam) và tôi, người viết bài tham luận này.

Chuyến đi Mông Cổ cũng là một chuyến đi nhiều kỷ niệm, bởi Mông Cổ - đặc thù của một đất nước toàn là đồng cỏ mênh mông. Phật giáo xứ Mông Cổ và Tây Tạng như hai anh em ruột vậy. Mông Cổ là một quốc gia Trung Á có diện tích lớn trên thế giới đồng thời là quốc gia không hề giáp biển, nhưng dân số chỉ khoảng 3 triệu người nên Mông Cổ trở thành nước có mật độ dân cư thấp nhất thế giới. Phần lớn đất đai Mông Cổ không thể trồng trọt được, chủ yếu là thảo nguyên, đồi núi và sa mạc. Thủ đô và thành phố lớn nhất của Mông Cổ là Ulan Bator. Hội nghị năm 2008 tổ chức ở một khu nghỉ dưỡng mà phòng ở được thiết kế theo dáng lều bạt tròn của đồng cỏ Mông Cổ thời xưa vậy.

Với xứ Mông Cổ, thực phẩm chay vô cùng đắt đỏ vì rau củ quả đều phải nhập về từ Nga, chỉ có thịt động vật nghe nói rất rẻ và phổ biến vì Mông Cổ là xứ đồng cỏ với những thảo nguyên rộng bao la và sự ưu thế của những động vật ăn cỏ. Gia súc ở Mông Cổ cũng chiếm số lượng rất lớn và đông đúc như ngựa, dê, cừu, bò, lạc đà...

Chúng tôi dự hội nghị từ năm 2008, nghĩa là ngót nghét MUỖI năm rồi, mà hồi đó tất cả đại biểu đến dự hội nghị muốn ăn chay đều phải đóng thêm tiền ăn là 500 USD cho một tuần lễ hội nghị, ngoại trừ những tham luận viên thì mới được miễn.





Chương trình hội nghị diễn ra mấy ngày tại Mông Cổ rất sinh động trong các diễn đàn hay tại workshop. Sư cô Hương Nhũ đại diện đoàn Việt Nam trình bày tham luận “Ni giới Việt Nam ngày nay” giới thiệu cả ba truyền thống Bắc tông, Nam tông và Khất sĩ với những truyền thống tu học tiêu biểu và những hoạt động tích cực làm tốt đời đẹp đạo, đã gây sự chú ý và quan tâm lớn đối với nữ giới các nước trên diễn đàn quốc tế, thể hiện qua phần đặt các câu hỏi trong buổi thảo luận.

Nhưng ấn tượng khó quên nhất vẫn là tiếng nói và khả năng diễn đạt của Ni trưởng Huệ Hương trong chương trình hội nghị Sakyadhita, đã thể hiện khả năng và kinh nghiệm của người làm công tác ngoại giao. Đặc biệt hơn nữa, trong chương trình bế mạc hội nghị, Ni trưởng Huệ Hương đã quyết định thay mặt Ni giới Việt Nam nhận cờ luân lưu đăng cai tổ chức hội nghị Sakyadhita lần thứ XI tại Việt Nam. Lời phát biểu của Ni trưởng giữa hội nghị thật rõ ràng, mạch lạc kêu gọi sự đoàn kết của nữ giới Phật giáo toàn cầu và cả sự quyết tâm của Ni giới Việt Nam sẽ tổ chức thành công hội nghị Sakyadhita lần thứ XI.

Có thể nói, lá cờ luân lưu của Hiệp hội nữ giới Phật giáo Quốc tế mà Ni trưởng Huệ Hương đã đem về Việt Nam sau hội nghị tại Mông Cổ đã góp phần thúc đẩy cho các hoạt động tổ chức hội nghị, các bài nghiên cứu, hoạt động văn hóa, nghi lễ... của nữ giới Phật giáo cả nước khởi sắc tỏa hương và đưa đến thành công viên mãn của hội nghị.

Phân ban Đặc trách Ni giới Việt Nam tuy mới hình thành chưa tới nửa năm, nhưng do nhu cầu hội nghị quốc tế nên Ni giới cả nước siết chặt tay nhau đồng tâm hiệp lực cùng thể hiện bằng những khả năng kiệt xuất tiềm tàng trong mật hạnh của các vị Trưởng lão ni và tinh thần trách nhiệm, chịu khó của chư Ni trẻ Việt Nam.



Việc chuẩn bị Hội nghị gồm nhân sự, thành phần đại biểu, các khâu triển lãm, họp báo, bài vở, công tác phiên dịch đều được triển khai nghiêm túc sau nhiều lần họp với BTC Sakyadhita và Ni giới Việt Nam...

Nhìn lại quá trình tổ chức Sakyadhita lần thứ XI tại Việt Nam, chúng ta cũng khó mà quên những ngày cuối năm 2009 và đầu năm 2010, hội nghị đã được tổ chức hoành tráng và thu hút đông đảo nữ giới Việt Nam và thế giới tại thành phố HCM (gần 400 đại biểu quốc tế đến từ 41 quốc gia, vùng lãnh thổ cùng 1500 đại biểu trong cả nước và 587 khách mời). Như vậy, vào thời điểm đó, khu vực Nhà truyền thống Văn hóa Phật giáo TP.HCM đã chào đón trên 2000 đại biểu tham dự hội nghị.

Lo lắng cho ni giới Việt Nam lần đầu tiên đứng trước trách nhiệm đăng cai một sự kiện mang tầm vóc quốc tế, một nhà báo đã viết: “Ni giới Việt Nam lần đầu tiên ra biển lớn”. Nhưng cuối cùng kết quả của Hội nghị đã thể hiện trí tuệ, nhiệt tâm, lòng hiếu khách, sự hào phóng của Ni giới Việt Nam và để lại dấu ấn khó quên trong lòng Ni giới và những người phụ nữ quốc tế cho đến tận bây giờ.

Sau lần tổ chức hội nghị quốc tế thành công, Ni giới Việt Nam đã tạo uy tín lớn trên trường quốc tế. Bà Lekshe Tsomo - Chủ tịch hội Sakyadhita đã có lần nói với chúng tôi: “Ni giới Việt Nam đã có một dấu ấn tốt đối với thế giới. Các bạn nói và làm đi đôi, đến với Ni giới Việt nam sẽ thấy rõ đây là những Ni tu hành có giới hạnh đầy đủ, sáng tỏ trong pháp học và pháp hành”.

Nhắc lại, chúng ta cũng sẽ không thể quên người đã mang lá cờ luân lưu về Việt Nam với niềm tin tưởng lớn - đó chính là Ni trưởng Huệ Hương, một vị Trưởng lão ni – Phó phân ban ni giới TW, phụ trách tiểu ban Phật giáo Quốc tế của phân ban ni giới TW đã cùng với nữ giới Phật giáo Việt Nam hoàn thành tốt





công tác tổ chức và điều hành hội nghị. Và năm nay 2018, Ni trưởng Huệ Hương cũng là Trưởng ban tổ chức lễ tưởng niệm Thánh tổ Kiều-đàm-di năm 2018 tại tỉnh Đồng Nai.

Kể từ khi hội nghị Sakyadhita tại thành phố HCM đến nay đã gần mười năm trôi qua, nhưng những hình ảnh của hàng ngàn vị ni với màu cờ sắc áo và dư âm của hội nghị vẫn vang vọng đâu đây, tựa như giọng nói hào hùng rất đặc biệt của Ni trưởng Huệ Hương, người như hoa rạng ngời giữa rừng công đức sau hơn 36 năm cống hiến cho sự nghiệp đạo pháp dân tộc và CNXH. Rừng công đức của Ni trưởng Huệ Hương vẫn đang thấp sáng cả trời đêm, xóa đi màn đêm u tối của vô minh, đau khổ. Hương của hoa trí tuệ vẫn lan tỏa như hương ưu đàm vẫn thơm ngát ngàn năm. □





Vài nét hình thành Ni giới xưa và nay

■ TKN. ĐỒNG NGHĨA

Dhạt giáo là một tôn giáo trải dài 2561 năm lịch sử, là một trong những tôn giáo phủ nhận đáng sáng tạo hay linh hồn tự ngã. Chân lý từ ngàn xưa cho đến bây giờ vẫn bất biến không thay đổi. Đức Phật là bậc giác ngộ có thật trong chiều dài lịch sử. Sau khi thành đạo, Ngài đi khắp nơi thuyết pháp độ sanh, Ngài độ thành tựu bốn chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Cận sự nam, Cận sự nữ. Trong đó đáng chú ý nhất là chấp nhận cho nữ giới xuất gia, thành lập Ni đoàn.

Trong khoảng ba năm sau ngày thành đạo Ngài về thăm cố hương, thuyết pháp hóa độ hoàng tộc. Trong lúc nghe pháp, Di mẫu đã chứng đắc được sơ quả Tu-đà-hoàn, nhưng vẫn ở lại hoàng cung để bầu bạn cùng vua Tịnh Phạn. Hai năm sau đó vua hấp hối, đức Phật trở lại quê nhà độ vua cha. Khi phụ vương băng hà, Ngài làm lễ an táng xong, nán lại một thời gian rồi quyết định lên đường du hóa bốn phương. Trong thời gian ở lại hoàng tộc, tại vườn Câu-ni-luật, Kiều-đàm-di mẫu đã ba lần thỉnh cầu đức Phật xin được xuất gia, nhưng đức Phật vẫn từ chối. Di mẫu lúc này cũng từ bỏ cung vàng điện ngọc, cùng năm trăm nữ nhân dòng họ Thích tự mình xuống tóc, khoác áo cà sa, đầu trần chân đất, bộ hành theo Phật đến Tỳ-xá-ly. Ở đây ngài A-nan thấy được sự cần cầu giáo pháp của Di mẫu cùng năm trăm quyến thuộc, nên khởi đại bi tâm, ba lần thưa thỉnh gợi ý. Cuối cùng, đức Phật chấp nhận cho Di mẫu xuất gia với điều kiện tuân thủ hành trì Bát kính pháp suốt đời. Nghe xong Di mẫu thành khẩn vui mừng phát nguyện:





“Chúng con nguyện vâng giữ Bát kinh pháp như người đẹp mặc y phục mỹ lệ vậy” (Trung A Hàm II Kinh Cù Di).

Từ đó đức Phật thành lập Ni đoàn và Di mẫu là người lãnh đạo. Đức Phật là vị giáo chủ đầu tiên của lịch sử nhân loại thành lập một Giáo hội có nhị bộ Tăng Ni. Ni giới cũng từ đó phát triển vững mạnh đến ngày hôm nay, trải qua bao thời kỳ thịnh suy cùng chông gai thử thách, nhưng mỗi thời đại đều có những bậc Ni tài kế thừa khai lai, để mạng mạch Phật pháp ngày một phát triển. Ngay đầu thế kỷ XI có Ngọc Kiều, con gái nuôi vua Lý Thánh Tông đã từ bỏ cuộc sống nhung lụa vàng son, phát tâm đồng mãnh xuất gia, hiểu được “Các pháp trong thế gian như giấc mộng huyền ảo huống là các thứ phù vinh mà đáng trông cậy sao”. Ni sư thọ giới cùng thiền sư Chân Không, được ban pháp danh Diệu Nhân, viên tịch năm 72 tuổi, Ni sư để lại cho hậu thế bài kệ Thị Tịch, nhắc nhở mọi người luôn tinh tấn tu hành, không bị ràng buộc trong danh lợi thế gian. Đến triều đại Trần, Lê, Chúa Trịnh có những bậc Ni tài như Sư bà Tuệ Thông, Sư bà Diệu Đăng, Sư bà Diệu Tín, Sư bà Huệ Cơ, Sư bà Đàm Thái. Các vị đều xuất thân trong dòng dõi quý tộc, hiểu được bản chất vô thường, từ bỏ sự chấp đắm bản thân, xuất gia tu học để trở về chơn tâm bản tánh. Quý Ngài đã để lại cho dân tộc cũng như hậu thế Ni chúng ngày nay, sự tôn kính nhớ ơn các bậc Ni thực tu thực chứng ấy.

Tiếp nối các bậc tiền bối, thời cận đại chúng ta có những bậc Ni tài uy nghiêm đồng mãnh, nghiêm trì giới luật, học hạnh kiêm ưu, sống một đời an nhiên, luôn hy sinh, dẫn thân trên con đường hoàng pháp lợi sanh, đem niềm vui đến cho nhân loại. Quan trọng là sự hình thành phát triển của Ni giới giai đoạn 1945-1975 với tên gọi Ni bộ Nam Việt, trụ sở đặt tại chùa Từ Nghiêm dưới sự chứng minh của Chư tôn đức Tăng già, Ni bộ chính thức thành lập với ý nghĩa cao quý và thiêng liêng, gắn kết Ni giới trên mọi miền đất nước về chung một hệ thống hòa hợp. Ni trưởng Như Thanh



được suy cử làm Trưởng ban, tiếp nối các chức vụ quan trọng gồm có Ni trưởng Diệu Kim, Ni trưởng Chí Kiên, Ni trưởng Huyền Huệ, Ni trưởng Viên Huy, Ni trưởng Như Đức, Ni trưởng Như Minh... đều trong ban quản lý Ni bộ Nam Việt. Quý Ngài đã soạn thảo nội quy tu tập, hầu sách tấn Ni chúng khép mình trong quy củ Thiền môn. Trải qua thời gian bao nhiêu nhiệm kỳ thay đổi, những bậc Ni trưởng cao niên thạc đức ra đi thì những bậc Ni tài lại kế tục dần thân đưa Phật Pháp vào đời.

Trong sự phát triển thăng hoa của Phật giáo, Đồng Nai cũng là một trong những tỉnh hội đưa Ni giới đến sự phát triển hòa cùng thời đại. Tại trụ sở Giáo hội tỉnh nhà, trải bao niên kỷ từ nơi này đã truyền trao giới pháp cho Tăng Ni. Đặc biệt năm 2017, Ban Trị sự Giáo hội tổ chức Đại giới đàn Pháp Loa tại Thiền viện Trúc Lâm Trí Đức.

Lộ trình tu tập giải thoát của chư Tăng Ni, là nhờ sự hy sinh sách tấn lớn lao của Chư tôn đức lãnh đạo, ban Trị sự Phật giáo và các ban ngành liên quan. Sự tu tập có kết quả an lạc của chư Ni, trong đời sống hằng ngày sẽ không bao giờ thiếu sự chăm sóc quan tâm của các bậc tôn đức. Như Ni trưởng thượng Huệ hạ Giác trụ trì Tu viện Quan Âm, người đã dẫn thân từ Nam ra Bắc. Trong các chuyến từ thiện, tận tụy với những mảnh đời bất hạnh, dù tuổi cao sức yếu, Phật sự đa đoan nhưng quý Ni trưởng lãnh đạo Ni giới Đồng Nai vẫn thân hành đến trường hạ sách tấn chư Ni tu học. Ni trưởng thượng Huệ hạ Hương trụ trì Tổ đình Bửu Phong, hiện là Phó phân ban Ni giới Trung ương, Trưởng phân ban Ni giới tỉnh Đồng Nai. Là một vị Ni lưu chân yếu tay mềm, nhưng gánh trên vai là trách nhiệm đạo đời thiêng liêng cao quý, với môn phong đã gánh vác bao khó khăn nhọc nhằn để giữ gìn ngôi Tổ đức mà trước đó thầy Tổ đã giao phó với chí nguyện hồng pháp lợi sanh, Ni trưởng đã dẫn thân hơn 50 năm trên con đường đạo pháp, hy sinh bản thân mình để sách tấn chư Ni luôn tinh tấn tu





học. Làm tốt nhiệm vụ đối với đạo pháp dân tộc, người đã đóng góp rất lớn trong từ thiện xã hội, quan tâm rất nhiều đến những mảnh đời bất hạnh, vùng dân tộc thiểu số tận Gia Lai hay ở U Minh tịch vắng. Ngài vẫn đến để tiếp thêm nghị lực vừa tinh thần vừa vật chất để mọi người có cuộc sống an vui. Trải qua bao thế sự thăng trầm, sức khỏe bị chi phối bởi định luật vô thường, nhưng với công tác Phật sự Ni trưởng vẫn không chùn bước trước những chông gai thử thách. Người luôn cho chúng con thấy được sự uy nghiêm đồng mãnh, dẫn thân trong mọi hoàn cảnh. Ở đâu cần thì ở đó có bóng dáng Người, như Hội nghị phụ nữ Bắc Kinh 1995, hội nghị Phụ nữ Phật giáo thế giới lần thứ IX tại Mã Lai, Hội nghị Phụ nữ Phật giáo thế giới lần thứ X tại Mông Cổ, Hội nghị Người Con Gái Đức Phật lần thứ XI tại Việt Nam, 22-30/6/2017, Hội nghị Người Con Gái Đức Phật tổ chức tại Hồng Kông. Còn với chư Ni trong tỉnh, mỗi khi hạ trường khai mở, Người luôn đến để sách tấn chư Ni tinh tấn tu học. Biết nói sao để diễn tả hết được sự hy sinh thầm lặng Ni trưởng đã dành cho hàng hậu tấn của chúng con.

Chúng con nguyện khắc cốt ghi tâm những lời giáo huấn của Ngài và xin nguyện suốt đời tinh tấn tu học, cố gắng xứng đáng hơn nữa để trở thành những người con gái đức Phật Thích-ca, như lời mà Ni trưởng thường dạy bảo trong những lần kiết hạ an cư. Chúng con cúi đầu đánh lễ cầu nguyện Người tứ đại điều hòa, cửu trụ Ta-bà, truyền thừa mạng mạch Phật pháp khiến ngày càng hưng thịnh... □



Giáo dục của Ni giới Phật giáo

■ TKN. HUỆ HẠNH ĐỨC

Khi nhắc đến giáo dục chắc chắn mỗi con người chúng ta sẽ thấy rất cần thiết, ở đâu có con người ở đó giáo dục sẽ luôn tồn tại. Giáo dục, không thể thiếu trong sự hình thành và phát triển đạo đức của một con người. Từ bốn biển năm châu cho đến địa cầu thế giới đều lấy giáo dục làm nền tảng của đất nước. Giáo dục không chỉ ở trường học mà gia đình chính là một nền giáo dục cho con cái, ba mẹ là tấm gương phản chiếu để con trưởng thành, nhà trường là nơi đào tạo cho con trẻ những kiến thức cơ bản để đưa con đến đỉnh cao của sự hiểu biết.

Xã hội nào cũng phải coi trọng giáo dục và xem đó là điều kiện cần và đủ để phát triển nhân cách con người và xã hội, chính vì vậy tôn giáo cũng không ngoại lệ và Phật giáo hiện nay còn được xem là không thể thiếu vì đào tạo con người về nhân văn trí tuệ trên nền tảng Giới – Định – Tuệ.

Giáo dục nhà trường và xã hội hướng dẫn con người phát triển theo sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, tạo ra nhiều phương tiện để nâng cao đời sống của con người thì giáo dục Phật Giáo hướng con người về đời sống nội tâm thông qua sự hành trì của mình để giải tỏa những vướng mắc phiền não mỗi khi gặp những biến cố khổ đau trong đời sống hàng ngày.

Ngày nay, Phật giáo còn được xem là Quốc giáo bởi với đà





phát triển khoa học kỹ thuật, giáo lý của đức Từ phụ Bốn sư Thích-ca Mâu-ni gần hai mươi sáu thế kỷ qua đã được chứng minh rất chính xác qua những lời Phật thuyết. Tuy rằng qua nhiều thời đại thời kỳ, Phật giáo cũng gặp rất nhiều biến cố nặng nề làm ảnh hưởng và hao hụt về người và vật chất thuộc Phật giáo thế nhưng tiến trình đi lên của Phật giáo vẫn một ngày vững mạnh và phát triển cả về lượng lẫn về chất.

Con xin trích dẫn lời dạy của đức Từ phụ Thích-ca “Ta vẫn vui khi thấy đạo ta hủy diệt nhưng trong sự hủy diệt đó vẫn còn có một người hiểu được lời dạy của ta. Ta không vui khi thấy đạo ta hưng thịnh nhưng trong sự hưng thịnh ấy chẳng có người nào hiểu đúng lời dạy của ta”. Thế nên qua bao nhiêu thế kỷ, Phật giáo ngày càng được thế giới tôn kính ngưỡng mộ tồn tại trong sự phát triển đi lên ngày càng vững mạnh, niềm tin của con người đối với Phật giáo bằng trí tuệ nhận thức chứ không phải mê tín dị đoan, tin tưởng bằng sự mù quáng nào cả. Giáo đoàn của đức Phật không chỉ riêng với thành phần nào mà ngài đã hóa độ bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tất cả đều trợ lực cho nhau để hoàn thành sứ mạng cao cả là truyền bá chánh pháp của Phật, xứng đáng với sự ra đời của ngài để chúng sanh hiểu được tri kiến Phật... Ni giới chúng ta là đệ tử Phật, là ni đoàn của Phật giáo được tôn danh là con gái của đức Phật, bốn phận người nữ trong xã hội vô cùng quan trọng, trong gia đình cũng như ngoài xã hội với tính cách của người nữ là nhẫn nại, chịu đựng, chia sẻ, lắng nghe và nhiều nhiều hơn nữa. Những đức tính tốt của người nữ đã góp phần cho sự đi lên của xã hội. Phần ni giới chúng ta thì sao?

Qua từng thời kỳ của Phật giáo, những bậc trưởng lão ra đi thì những bậc Ni lưu tiếp nối sứ mệnh truyền trao chánh pháp là những tấm gương sáng để lại cho đời sau. Chúng ta không quên được hình ảnh Ni đoàn do Kiều-đàm-di Mẫu cùng 500 vị trong hoàng cung, sau khi hiểu được giáo lý của Phật qua lần Ngài về



hoàng cung để độ vua cha và hoàng tộc, chỉ một lần trở lại hoàng cung với những buổi thuyết pháp, Di mẫu Kiều-đàm đã chứng quả Tu-đà-hoàn. Vì vậy khi vua Tịnh Phạn băng hà, tại vườn Câu-ni-luật, Di mẫu đã ba lần thỉnh cầu đức Phật xin được xuất gia, nhưng đều bị khước từ nên đã tự mình xuống tóc đầu trần chân đất vượt đoạn đường dài theo chân Đức Phật với một hoài bão là được xuất gia, gia nhập vào tăng đoàn của đức Phật. Vì ngoài những đức tính tốt của người nữ vẫn có những khuyết điểm như, tự cao ngã mạn ích kỷ mà đức Phật không đồng ý cho người nữ xuất gia, thế nhưng với ba lần thưa thỉnh tha thiết của ngài A-nan, Phật đã chấp nhận nhưng phải thực hành Bát kính pháp, chỉ có tầm nhìn sâu sắc tinh tế của đức Phật mới cho ta thấy rằng Bát kính pháp là bức tường thành vững chắc giúp cho người ni diệt tâm ngạo mạn, diệt bản ngã của mình để đường tu được thẳng hoa và cũng chính đức hạnh này của người nữ giúp cho chư tăng tu hành xứng đáng với sự lễ kính của người ni dù cao tuổi đạo. Nói chung về vị trí của ni giới trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam những đóng góp tích cực của những vị tôn túc qua từng thời kỳ lịch sử.

Nói riêng về ni giới của Giáo hội Phật giáo tỉnh Đồng Nai, nhắc đến Ni trưởng Huệ Hương, một vị Ni trưởng hiền lành mẫu mực, sẵn sàng đương đầu với khó khăn gian khổ trong hơn bốn mươi năm hành đạo, ngoài vị trí là trụ trì của tổ đình Bửu Phong, ngài còn phải đa đoan Phật sự không chỉ Phật giáo tỉnh nhà mà còn Phật sự của Ni giới Trung ương. Dù tuổi đã cao sức khỏe yếu nhưng nơi đâu cần đến thì Ni trưởng cũng bằng mọi cách để sách tấn đàn hậu học bằng những pháp từ đầy tình yêu thương và động viên tu tập, giảng dạy nhắc nhở chúng con trên bước đường tu nhơn học Phật, nhất là trong thời kỳ xã hội thực dụng bên ngoài có thể làm lung lay ý chí xuất gia ban đầu của hàng ni trẻ.

Những lời giáo giới tuy đơn sơ ngắn gọn bằng giọng nói đầy lòng từ bi lo lắng chăm sóc và sự hy sinh trong mỗi mùa an cư kiết





hạ đến.

*Ơn này con nhớ mãi không quên,
Người đã vì con đắp móng nền.
Niệm niệm suốt đời ghi tạc dạ,
Tấn tu đạo nghiệp để mong đền.*

Ni trưởng chính là tấm gương sáng cho chúng con soi rọi học tập, người là nguồn sáng phá tan màn đêm tăm tối còn sót lại trong chúng con, ban cho chúng con đạo lực tiến tu trên bước đường tìm về bảo sở.

Chúng con xin thành kính kết đóa hoa tâm dâng lên người một niệm tri ân sâu sắc nhất. □





Ni giới Phật giáo Việt nam trong mạch sống của dân tộc

■ TKN. HẠNH GIẢI

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Chư tôn Giáo phẩm chứng minh

Kính bạch Chư tôn Giáo phẩm chủ tọa đoàn

Kính bạch Chư Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư,
Đại đức, Tăng ni

Kính thưa Quý quan khách và toàn thể đại biểu

Kính thưa Hội nghị,

Hôm nay trong không khí ấm áp của những ngày đầu xuân, vạn vật như bừng lên sự sống mới. Trong hội trường trang nghiêm thanh tịnh của buổi tọa đàm nhân ngày kỷ niệm húy nhật của Thánh mẫu Kiêu-đàm-di này, chúng con xin tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với Ban tổ chức đã cho chúng con chia sẻ ý tưởng về chủ đề: “Ni giới Phật giáo Việt nam trong mạch sống của dân tộc”.

Tham luận chính:

1. Phật giáo Việt Nam nói chung và ni giới nói riêng trong lòng dân tộc Việt Nam

Việt Nam, là một đất nước có nền văn hiến hơn bốn ngàn năm lịch sử. Mặc dù trải qua không biết bao nhiêu thăng trầm, đất nước phải hứng chịu rất nhiều cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, nội loạn nhưng vẫn quật cường, bất khuất. Trong suốt chiều dài lịch sử đó Phật giáo luôn gắn liền cùng dân tộc. Vì vậy, nói đến





lịch sử dân tộc Việt Nam không thể không nói đến sự đóng góp đáng kể của Phật giáo Việt Nam.

Lật lại từng trang sử chúng ta thấy rằng: Trải qua các triều đại phong kiến, từ thời Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Phật giáo luôn có vai trò rất quan trọng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Thời đại nào cũng có những nhà sư đồng thời là những nhà văn hóa, chính trị, quân sự, ngoại giao xuất sắc có vai trò trong công cuộc hộ quốc, an dân. Trong đó có thiền sư Ngô Chân Lưu đã được vua Đinh Tiên Hoàng phong là Khuông Việt Đại Sư, những vị thiền sư như Vạn Hạnh, Đỗ Pháp Thuận, cũng được mời tham gia triều chính. Thời nhà Trần các thiền sư Đa Bảo, thiền sư Viên Thông,... cũng được các vua trọng dụng, tham vấn ý kiến trong lĩnh vực quyết định quốc sự. Đặc biệt, các thiền sư đã cùng với các vị hoàng đế lập nên Thiền phái Trúc Lâm – một phái Thiền đầu tiên mang sắc thái Việt Nam – tiêu biểu là vua Trần Nhân Tông sau khi truyền ngôi cho con, đã tiếp tục cuộc sống tu hành được phong hiệu là Phật Hoàng Trần Nhân Tông.

Như vậy, Phật giáo đã góp phần xây dựng triều đại nhà Lý-triều đại thuần từ, thịnh trị nhất trong các triều đại phong kiến Việt Nam, đã góp phần quan trọng trong việc củng cố nhân tâm, đoàn kết cộng đồng, góp phần làm nên hào khí sáng chói thời Trần.

Thời đại Lý - Trần là thời đại vàng son của lịch sử dân tộc, đánh dấu đỉnh cao của sự hội nhập Phật giáo vào dòng sống của đất nước và xã hội Việt Nam. Một sự hội nhập được trải dài trên mọi bình diện của đời sống. Phật giáo thời này đã hình thành một nước Việt Nam thật sự độc lập, tự chủ, có đủ sức mạnh tự thân để đánh đuổi mọi cuộc xâm lăng của ngoại bang.

Lịch sử Phật giáo xưa nay luôn đồng hành cùng dân tộc. Ni giới Phật giáo Việt Nam luôn nỗ lực không ngừng, đồng lòng chung sức xây dựng Giáo hội.



Từ thời bà Trung, bà Triệu đã đứng lên đánh đuổi giặc ngoại xâm, hình ảnh những vị nữ tướng đã hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng mà chiêu mộ nữ binh cùng dẹp giặc, sau khi tham gia vào công cuộc đấu tranh giành độc lập cho nước nhà, họ đã “xem công danh như đôi dép rách” và trở về chùa tiếp tục nếp sống tu hành cao quý như: công chúa Bát Nàn, Thiều Hoa, nữ tướng Phương Dung, Hương Thảo, Xuân Nương,...

Đến các triều đại như: Lý, Trần, Lê, Nguyễn cũng đã xuất hiện rất nhiều những vị Trưởng lão Ni nghiên cứu Phật pháp uyên thâm, nghiêm trì giới luật, hành thiền đắc định được môn đồ học chúng rất kính mộ. Đặc biệt vào thời Lý Thánh Tông có Ni sư Diệu Nhân là một vị thiền sư, tinh nghiêm giới luật, hành thiền đắc định. Thời Trần, khoảng giữa thế kỷ XIV, có Ni sư Tuệ Thông, ngài tu trên núi Thanh Lương, hành khổ hạnh, trì giới chuyên cần, tuệ giải thông suốt. Thời vua Lê chúa Trịnh, thế kỷ XVII, có Ni sư Diệu Đăng, Ni sư Diệu Tín xuất thân danh gia quý tộc, các ngài giác ngộ lẽ vô thường nên từ bỏ phú quý, tìm về Yên Tử xuất gia tu tập.

Nói chung, Ni giới Phật giáo Việt Nam luôn đồng hành cùng dân tộc. Có rất nhiều tấm gương sáng đạo hạnh của quý Sư trưởng, quý Ni trưởng, Ni sư trải qua từ thế hệ này sang thế hệ khác, lần lượt nối tiếp mạng mạch Phật pháp, tạo lập công đức góp phần phát triển đất nước, trang nghiêm ngôi nhà Phật giáo.

Nối tiếp truyền thống của chư Trưởng lão Ni tiền bối, chư Ni thời cận hiện đại như trong thế kỷ XX luôn có mặt trong cộng đồng Tăng già, sống trong lòng Giáo hội và không ngừng phát huy vai trò của Ni giới nhằm tiếp nối mạng mạch truyền thống tốt đẹp, phát triển.

Tiêu biểu có Ni trưởng Đàm Xương (1914-2001), Ni trưởng Đàm Lựu (1933-1999), Ni trưởng Đàm Viên (1921-2006), Ni





sư Diệu Ngọc (1885-1952), Ni sư Diệu Tịnh (1910-1942), Ni trưởng Như Thanh (1911-1999); Ni trưởng Giác Nhẫn (1919-2003), Ni trưởng Trí Hải (1938 - 2003)... Trong hệ phái Khất sĩ cũng có những vị ni nổi danh như Ni trưởng Huỳnh Liên, Ni trưởng Bạch Liên...

Quý vị là những người đóng góp nhiều trong công tác độ sinh, giáo dục cũng như trong lĩnh vực từ thiện... Ở miền Trung và nhất là ở Huế cũng có những vị Ni trưởng, Ni sư có công lớn trong sự nghiệp chấn hưng Phật giáo như Ni trưởng Diệu Hương, Ni trưởng Thể Yến, Ni trưởng Diệu Trí, Ni trưởng Cát Tường, Ni trưởng Thể Quán, Ni trưởng Thể Thanh... trong số đó có Ni trưởng Diệu Không là vị Ni trưởng tiêu biểu.

Ni trưởng là một nhân vật có nhiều đóng góp cho Phật giáo Việt Nam vào khoảng nửa cuối thế kỷ XX. Ở Huế nói riêng và cả miền Nam nói chung, Ni trưởng nổi tiếng là vị danh ni thông tuệ, nhiệt tâm vì đạo pháp, dân tộc.

Sau khi thọ giới Sa-di-ni vào năm 1932 với Hòa thượng Giác Tiên chùa Trúc Lâm, Ni trưởng đã tích cực chung vai cùng Hòa thượng Bốn sư tổ chức Hội An Nam Phật học tại Huế để chấn hưng và truyền bá Phật giáo. Ni trưởng còn có công trong việc xây dựng nhiều Ni viện ở Huế cũng như các tỉnh thành miền Nam như: chùa Diệu Đức, Hồng Ân, Kiều Đàm, Liên Trì, Đông Thuyền (Huế); ni viện Bảo Quang (Đà Nẵng), Bảo Thắng (Hội An), Tịnh Nghiêm (Quảng Ngãi), Diệu Quang (Nha Trang), Diệu Giác, Từ Nghiêm, Dược Sư, Diệu Tràng, Diệu Pháp (ở miền Nam).

2. Ni giới Việt Nam trong xã hội hiện đại

Ni giới Việt Nam hiện nay luôn cùng với Giáo hội thực hiện đúng hiến chương Giáo hội và Pháp luật nhà nước. Họ luôn tích cực tham gia trong mọi lĩnh vực của cuộc sống từ việc giáo dục, hoằng pháp, từ thiện xã hội,... đến việc xây dựng, trùng tu chùa



tháp, tịnh xá, tịnh thất. Quả là, Ni giới Việt Nam đem lại lợi ích thiết thực cho mọi người.

Hiện nay, để theo kịp thời đại một lượng lớn Ni trẻ tham gia các chương trình học trong nước cũng như nước. Sau khi tốt nghiệp, bằng thực lực họ đã đóng góp một phần không nhỏ vào các công tác Phật sự của Giáo hội như giáo dục, hoằng pháp, từ thiện, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường... Đặc biệt, họ đã tham gia giảng dạy ở ba học viện Phật giáo như TP. Hồ Chí Minh, Huế và Sóc Sơn. Rõ ràng không thể phủ nhận năng lực Ni giới Việt Nam. Họ có thể hòa nhập nhanh và nhịp nhàng với cuộc sống hiện đại. Tuy nhiên, nếu không cẩn thận chúng ta sẽ bị ‘hòa tan’ chứ không phải ‘hòa nhập’. Phật giáo luôn nhắc nhở chúng ta: “Tùy duyên bất biến”. Vì vậy, Ni giới trẻ chúng ta cần phải cân nhắc khi phát triển trong xã hội hiện đại này. Ni giới trẻ chúng ta phải luôn thể hiện đúng tinh thần là người con gái của dòng họ Thích, luôn nêu cao tinh thần: Giới luật tinh nghiêm, đạo phong khả kính, nhiệt tình, tinh tấn trong tu tập cũng như trong công tác Phật sự và xã hội. Có như thế chúng ta mới không phụ lòng của quý vị tiền bối đã dày công tạo dựng và giữ gìn bản sắc Ni giới Việt Nam.

Kính chúc Hội nghị thành công tốt đẹp! □





Nữ giới qua lăng kính người xưa

■ TKN. NHƯ NHƯ

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Nam Mô Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Như Lai tác đại chứng minh.

Ngưỡng bạch chư tôn Hòa thượng chứng minh,

Kính bạch chư tôn đức Tăng Già Nhị bộ,

Kính thưa chư vị khách quý, quý nhân hào trí thức, nam nữ Phật tử gần xa,

Kính thưa quý liệt vị,

Nhận lời mời của ban Tổ chức tham dự lễ giỗ Tổ ni Kiều-đàm, lời đầu tiên chúng con kính nguyện chư tôn Hòa thượng chứng minh, chư Tôn đức Tăng già nhị bộ pháp lạc vô biên, hóa duyên vô ngại.

Kính chúc chư vị khách quý cùng nam nữ Phật tử gần xa an lạc trong cuộc sống, thành đạt trong sự nghiệp, chúc buổi tọa đàm thành công tốt đẹp.

Kính bạch chư Tôn đức! Thưa chư liệt quý vị!

Thời hùng đông của nhân loại kể từ khi:

*Âu Cơ dịu nắng theo chồng
Bể trăm tiếng khóc qua sông sóng cồn
Bánh chưng vuông, bánh dày tròn
Tay nâng, tay bọc nước non bao đời.*



Là ý thức hệ của giới phụ nữ đầy đà cho dốc sinh tồn của họ ngày càng đạt đỉnh cao về mọi mặt trong cuộc sống đời thường. Xa xưa, biết bao nữ tướng cân (cứu) quốc anh hùng đã phơi giọt máu đào cho lịch sử mãi lưu danh.

Ngược dòng thời gian, chúng ta đã và đang lắng nghe lại âm thanh của dòng sông Hát, một ngày u buồn đã cuốn trôi thân xác nhị vị Trưng vương. Chiến công kia, hình ảnh này mãi đậm tô khí phách liệt nữ, cho giới nữ lưu soi gương tiến bước.

Đến với Đồng Nai mừng lễ tưởng nhớ đức Tổ ni Kiều-đàm của hơn hai ngàn năm về trước, chúng ta xin gọi lại chút hương lòng kính trọng đức tổ Nguyên Thiều và công chúa Ngọc Vạn mở cờ ba trăm năm khai quật mảnh đất Đồng Nai vươn mình theo nắng ấm.

*Vội tay khơi nhẹ hương ngày cũ
Mường tượng như mình gặp cố nhân.*

Từ vương triều quý tộc đến mệnh phụ phu nhân và lan tỏa chốn thị thành dân quê chất phác, tất cả tuy có khác nhau về dáng vẻ bên ngoài, nhưng trong sâu thẳm của tâm linh, qua ý niệm “nước mắt cùng mặn và máu cùng đỏ” là mẫu số chung âm vang lời Phật dạy: “Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh, nhất thiết chúng sanh giai kham tác Phật”. Thế nên, hậu học Ni lưu và Nữ giới Việt Nam cần thẩm suy để tiến bước.

1. Giáo điển

Phật thuyết Long Thí Nữ Kinh, Đạo Hành Bát Nhã Kinh, Duy Ma Kinh, Bảo Nữ Sở Vấn Kinh... đều chung chủ đích cho rằng làm người Nữ là vinh hạnh, tín tâm đầy đủ. Thế nên việc chuyển Nữ thành Nam cần có nhiều nghiên cứu và suy nghĩ, để mỗi người mỗi giới trong tu chúng đều đạt đến hạnh phúc tối thượng.





2. Quả vị tu chứng

Tinh thần bình đẳng thời Phật là cơ bản cho nữ giới niềm tin son sắt. Xét rằng quả vị A-la-hán không phân biệt nam nữ và đồng tu học Phật pháp, miên mật giới luật, người nam có thể làm Phật được đương nhiên người nữ cũng không ngoại lệ.

Song từ tâm lý và sinh lý của người nữ quán sát, chúng ta không thể phủ nhận Nữ giới nói chung là có nhiều yếu đuối, do dự và có tính ỷ lại nặng hơn Nam giới. Cho nên, vì để bảo hộ cuộc sống của người nữ an toàn, khích lệ người nữ trở thành “long chủng” trong Phật môn, nên người nữ khi gia nhập Tăng đoàn, Bát kính pháp luôn vâng giữ để giữ chừng mực khoảng cách và niềm tôn kính đối với chư Tăng.

3. Thời phong kiến

Một số thành kiến xã hội căn cứ theo những thần thoại, con trai được coi như là con của Thượng đế, ngược lại nữ giới chưa bao giờ được ban cho địa vị là con gái của Ngài. Từ đó, họ không có quyền lợi cơ bản trong sinh hoạt đời thường, người nữ gần như trở thành một nhân vật bị động trong gia đình, thậm chí họ không được đến những nơi lễ bái, thừa hưởng gia tài của cha mẹ và trong hôn nhân tiên quyết là phải sanh được một nam nhi, nếu không, địa vị làm vợ của họ sẽ bị thay đổi một cách thẳng thừng, không thương tiếc.

Đức Phật qua nét nhìn cơ bản “Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh, nhất thiết chúng sanh giai kham tác Phật”, Ngài là người đầu tiên giải phóng sự kỳ thị cho Nữ giới và đưa họ lên đỉnh cao của văn hóa.

d) Thời cận đại

Susan B. Anthony, người Hoa Kỳ, đã tiên phong tranh đấu cho nữ giới từ năm 1848. Sau đó, Hội Quốc Liên nhỏ bé rồi đến



Liên Hiệp Quốc lớn mạnh đã xác lập và khẳng định người nữ có một vai trò khả thi trong tinh thần đoàn kết cùng phái nam góp phần xây dựng xã hội, tôn giáo tốt đẹp, quốc gia văn minh, dân tộc hào cường lịch lãm.

Đến với tỉnh Đồng Nai, qua ba trăm năm khai quật đời sống cho dân tộc, chúng ta không thể quên được công chúa Ngọc Vạn là người tiêu biểu cho nữ giới luôn ưu thời mẫn thế. công chúa là con của chúa sai Nguyễn Phước Nguyên cai trị Đàng Trong (1613-1620), Chúa đã hợp hôn Ngọc Vạn cho vua Chân Lạp Chey Chetta II. Sau đó, vương phi Ngọc Vạn xin vua cho người Việt được phép khai quật và làm ăn sinh sống ở vùng đất thuộc lưu vực sông Đồng Nai.

Nhờ công chúa Ngọc Vạn mà người Việt đến sống ở vùng đất lưu vực sông Đồng Nai ngày càng đông đảo, phát triển và thịnh vượng. Đến năm 1698, chúa Nguyễn Phước Châu (1691-1728) mới chính thức xác nhập vùng đất này vào lãnh thổ Đàng Trong, khi Chúa sai Chưởng cơ Nguyễn Hữu Cảnh kinh lược vùng đất Đồng Nai, lập thành phủ Gia Định.

Trong giai đoạn này, Đồng Nai còn quá nhiều hoang sơ, rừng thiêng nước độc, rất khó khăn cho người dân sinh sống, qua câu ca dao của người xưa: “Dưới sông đũa lội, trên bờ cạp um”, đã ghi dấu lớn mạnh sự gian khổ, vượt khó để xây dựng Đồng Nai tỉnh lớn mạnh hôm nay. Chắc chắn, qua tinh thần mái chùa che chở hồn dân tộc, tiếng chuông đồng vọng, lời kinh ngân nga đã làm ấm lòng bao người dân nghèo khó. Nhiều chư Ni nổi danh được sử sách xưa kể lại như: Ni sư Lượng trụ trì ở núi Châu Thới, Ni cô Lê Thị Nữ ở núi Thị Vải, Ni cô Tống Thị Liên ở Hà Tiên, Ni cô Vân Dương ở Huế... Còn rất nhiều nữ tu sĩ Phật giáo vừa tu hành vừa an ủi giúp dân vững tin cuộc sống ruộng lúa nương khoai. Đặc biệt mảnh đất Đồng Nai mãi tri ân đến Ni sư Lượng, người đã lập





Am “Vân Tĩnh” bên cạnh núi Châu Thới, thuộc thành phố Biên Hòa tỉnh Đồng Nai.

Giữa góc độ xưa và nay, chúng ta chưa thể nắm bắt được trọn vẹn những nét đẹp tuyệt vời, những gương hy sinh đầy gian khổ. Tuy không sánh bằng những bước chân hóa đạo của Tổ ni Kiều-đàm và các Thánh chúng ni ngày xưa trên đất Ấn, nhưng qua Ni sư Lượng, công chúa Ngọc Vạn... cho nữ giới nói chung niềm kiêu hãnh tuyệt vời, một sự dẫn thân âm thầm, dù bàn tay bé bỏng, phận gái tơ đào, vẫn góp phần không nhỏ cho việc dựng nước và giữ nước từ ngàn xưa đến ngàn sau.

Bằng niềm tin và lòng trân trọng tri ân đến các bậc Tổ sư, xin toàn thể chư Ni tỉnh Đồng Nai và những người con gái của đức Phật luôn vững tiến, nâng tầm trí tuệ và từ bi trong mọi lĩnh vực để phá vỡ thành kiến xưa nay đối với người nữ. Chỉ ngần ấy thời Kiều-đàm tổ ni ngày xưa và chư Ni ngày nay có thể cảm thông được với nhau.

*Di mẫu Ca Tỳ từng vang tiếng
Xuất gia tu học vẹn đời Ni
Bát kính hằng tôn vương ánh đạo
Lưu nghìn thế kỷ vạn người soi.*

Nam Mô Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Như Lai tác đại chứng minh. □



HOÀNG PHÁP LỢI SANH Là bốn phận của hàng con Phật xuất gia

■ PHÂN BAN NI GIỚI TÍNH ĐỒNG THÁP

Kính bạch chư Tôn đức Tăng, Ni và chư vị đại biểu

Hôm nay trong niềm phấn khởi hoan hỷ của toàn thể đại biểu, chúng con xin trân trọng cung kính gửi đến chư tôn Giáo phẩm Lãnh đạo, các cấp Giáo hội, đồng thời chúng tôi cũng kính gửi đến chư vị đại biểu lời chúc sức khỏe và an lạc trong bầu trời cẩm thạch của đức Như Lai.

Kính thưa quý liệt vị,

Đức Phật xuất hiện nơi đời là để hoàng pháp lợi sanh, cho nên trong suốt 49 năm kể từ khi thành đạo cho đến Niết-bàn, Ngài chỉ làm một việc là đem giáo lý của Ngài đi vào cuộc đời, làm lợi lạc cho chúng sanh. Khi còn tại thế, đức Phật ân cần nhắc nhở các thầy Tỳ-kheo: “Này các Tỳ-kheo, các thầy hãy đi khắp nơi để truyền bá chánh pháp của Như Lai, các thầy không nên đi chung nhiều người cùng một đường, một nơi, một ngã mà hãy phân chia ra mỗi người đi mỗi hướng khác nhau”. Điều này cho chúng ta thấy, đức Phật muốn gửi thông điệp đến những đệ tử của Ngài, hãy đem giáo pháp mà Ngài đã chứng ngộ bằng tự lực, bằng sự trải nghiệm tự thân để truyền bá khắp nơi. Không đơn thuần, hoàng pháp là do giảng sư thuyết giảng tại các giảng đường với thính chúng đông đảo, mà người làm công tác hoàng pháp phải biết vận dụng linh hoạt, tức là “đa phương hóa, đa dụng hóa”. Ở đây có nghĩa, bằng nhiều phương cách khác nhau, như truyền bá Phật pháp qua băng đĩa, sách báo, hay chương trình học giáo lý





hàm thụ trên nguyệt san Giác Ngộ, báo Hoa Đàm, trên mạng... và mỗi trụ trì của các tự viện cũng là đạo tràng, là cơ quan truyền bá chánh pháp.

Pháp Kinh có ghi: “Dầu có ai đội Phật trên đầu, trải qua hàng sa kiếp, hay đem thân mạng này làm giường ghế khắp cõi Ta-bà để đức Phật nằm ngồi, nhưng nếu người ấy không hoằng truyền chánh pháp để độ thoát chúng sanh thì rốt cuộc vẫn chưa trả được ân ra đời giáo hóa của đức Phật”.

Qua đó ta thấy rằng hoằng pháp rất là quan trọng, nhất là hàng xuất gia, bởi vì người xuất gia là người học đạo, hành đạo, phải có bổn phận và trách nhiệm truyền đạo, làm cho ngọn đèn chánh pháp được tiếp nối miên viễn, pháp thân Phật thường trú nơi thế gian. Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật nói lý do mà Ngài xuất hiện trên thế gian này là để khai thị cho chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến, tức là đức Phật mở bày tri kiến Phật nơi mỗi chúng sanh chỉ cho chúng sanh thấy biết tri kiến Phật của chính mình, giúp cho chúng sanh hiểu rõ tri kiến Phật nơi tự thân và làm cho chúng sanh sống bằng tri kiến Phật.

Đức Phật ra đời vì lợi ích, nên Ngài đã tùy cơ duyên hoằng hóa. Đức Thế Tôn đã dạy bổn phận đối xử giữa cha con, chồng vợ, chủ tớ... Phật pháp bao hàm thế pháp, nhận thức sâu hơn, chúng ta có thể xóa tan quan niệm giữa đạo và đời. Thử nhìn khi ban mai bừng dậy ở đô thành, chúng ta thấy trên các nẻo đường, khu chợ, hè phố là cuộc sống muôn màu muôn vẻ. Trong đó có già trẻ nam nữ, có sang hèn nghèo giàu, có kẻ xinh đẹp người thô xấu, kẻ khỏe mạnh vẹn toàn, người yếu gầy tàn tật. Đồng đảo người với nhiều sai biệt ấy, họ đang làm gì? Trong cuộc sống hỗn độn, tất cả đều chỉ vì một mục đích mưu sinh, lo ăn, lo mặc, lo ở, mà loài người tranh đua, giành giật, lường gạt, cướp bóc, cho đến giết hại lẫn nhau từ thế kỷ này qua thế kỷ khác, hết đời trị đến đời loạn, giữa



cái vui bào ảnh sự khổ triền miên, qua bao nhiêu lớp tang thương, loài người vẫn sống trong cảnh ấy.

Dòng đời cứ liên tục như thế, con người sẽ đi về đâu? Và ai là người để thức tỉnh họ? Đức Phật thương thay phận con người, đã thị hiện để giáo hóa. Con người còn là Phật pháp còn, cho nên vấn đề đào tạo Tăng Ni tài là điều thiết yếu. Bởi vậy Tăng đoàn rất quan trọng, hoàng pháp là giáo hóa nhân sinh phát triển trí giác, đưa đến giác ngộ giải thoát khỏi sanh tử luân hồi, ưu bi khổ não, đồng thời cũng cấu tạo Tăng đoàn, thành tựu Tăng đoàn, phát huy Tăng đoàn. Tăng đoàn là những người đệ tử Phật, phải cố gắng học thành tài, tu thành đức, đắc thành đạo quả để hoàng pháp lợi sanh, báo ân đức Phật. Hoàng pháp không chỉ dạy bằng lời mà còn có ý giáo và thân giáo. Một vị tu hành có oai nghi tế hạnh, giới luật tinh nghiêm, đây cũng là một bài pháp thâm thúy để cho người hậu học noi theo và giáo hóa chúng sanh một cách thiết thực đạt đến chân, thiện, mỹ.

Thế nào là bốn phận và trách nhiệm của người con Phật xuất gia? Bốn phận và trách nhiệm của người con Phật là: Nơi nào cần thì đến, nơi nào mời thì đi, chẳng quản khó khăn gian khổ. Bằng chứng mỗi năm đến mùa an cư kiết hạ, quý Ni trưởng Phân ban Ni giới Trung ương đến các đạo tràng chư Ni hỏi thăm sức khỏe, hộ trì tịnh tài tịnh vật để hành giả yên tâm tu học nói riêng, Phân ban Ni giới các tỉnh, thành phố, chư Tôn đức Tăng Ni nói chung, đều hướng dẫn Phật tử thăm viếng cúng dường.

Chẳng những đối với xã hội làm việc từ thiện, mà hàng xuất gia đệ tử Phật ngày nào còn hiện hữu trên thế gian, ngày ấy chúng ta ít nhiều còn chịu ảnh hưởng trực tiếp của thế gian. Tuy nhiên, những lời chỉ dạy của đức Phật luôn cảnh tỉnh chúng ta, giúp chúng ta chớ quên phòng hộ tự thân, tinh tấn tu tập, vượt qua mọi chướng duyên phiền não. Ngài còn dạy, người con Phật xuất





gia phải có nghị lực kiên cường, phạm hạnh đầy đủ, vững niềm tin và mạnh tiến trên lộ trình giải thoát, thẳng đến Bảo sở không còn mắc ở hóa thành. Dù đã hơn hai ngàn năm dài xa vắng, nhưng những ấn tượng cao quý về đức Từ phụ Thích-ca Mâu-ni vẫn in sâu trong tâm trí chúng ta. Để rồi mỗi năm khi những đóa sen hồng nở rộ, hàng cây bên đường trở nên rục rờ, những cánh hoa phượng vĩ đỏ thắm, trong ánh nắng chói chang của mùa hè, hàng con Phật xuất gia chúng ta nhớ lời Phật dạy, cùng nhau trở về một trú xứ an cư kiết hạ, ôn lại lời giáo huấn của Ngài, để đối chiếu với thực tại đời mình, hầu tiến tu đạo nghiệp lợi ích quần sanh.

Kính thưa quý liệt vị,

Là hàng hậu học, hôm nay chúng ta nguyện cùng nhau đoàn kết, hòa hợp, tăng trưởng giới - định - tuệ, thực hiện nếp sống Lục hòa trong cộng đồng Giáo hội Phật giáo Việt Nam, để vun bồi chánh pháp, đền ân Phật Tổ. Như vậy, nhớ ơn và tưởng niệm đức Từ phụ Thích-ca Mâu-ni, ngoài hình thức đã được thực hiện. Chúng ta nhất là chư Tăng Ni trẻ, phải tự mình sống đời đạo hạnh, tinh nghiêm giới luật, tự giác giác tha, tùy duyên hóa độ. Mỗi người xuất gia chúng ta hãy tự nguyện ly khai danh vọng và những tâm niệm tiêu cực để có thể hy sinh trọn vẹn cuộc đời mình cho lý tưởng giải thoát.

Giờ này tất cả Tăng Ni chúng ta nhất tâm dâng lên đức Từ phụ lòng thành kính vô biên, với vòng hoa giới thân huệ mạng cúng dường tưởng niệm và chúng ta hãy cùng nhau thệ nguyện: Dù vạn vật có đổi dời, dù cuộc đời có thế nào chẳng nữa, chúng ta cũng nguyện theo dấu chân Ngài trên bước đường giải thoát, phụng sự chúng sanh, đem đạo vào đời không bị lạc hướng, mới chân thật ý nghĩa “Phục vụ chúng sanh là tối thượng cúng dường chư Phật”.

Trước khi dứt lời, chúng con kính chúc chư Tôn đức Tăng Ni, cùng toàn thể hội chúng luôn sống an lành trong ánh hào quang của chư Phật.



Phân ban Ni giới tỉnh Đồng Tháp chúng con

*Nguyện noi gương sáng quý Ngài
Làm viên gạch nhỏ xây đài thế gian
Trang nghiêm cuộc sống Ni đoàn
Làm nơi nương tựa cho hàng chúng sanh.*

Nam Mô Thường Tinh Tấn Bồ Tát Ma Ha Tát. □





Ni giới trẻ với mô hình hoàng pháp năng động

■ TKN. VIÊN GIÁC - Phó Thư ký Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo Việt Nam

Bài viết này giới thiệu mô hình hoàng pháp năng động của Ni giới trẻ dựa trên nhu cầu thực tiễn xã hội và tính hội nhập Phật giáo. Thông qua đó, bài viết hy vọng có thể thỏa mãn được hai vấn đề: Tạo sức hấp dẫn mới cho giới trẻ đến với đạo, đồng thời xây dựng đội ngũ nhân sự trẻ chuyên nghiệp cho công cuộc hoàng pháp lâu dài.

1. Đặt vấn đề: Một sân chơi đậm tính nhân văn cho giới trẻ là nhu cầu cấp thiết của xã hội

Trong xã hội hiện nay, đời sống vật chất ngày một nâng cao, nền khoa học kỹ thuật phát triển vượt bậc, bên cạnh ưu điểm cũng mang đến nhiều hệ lụy: Đa phần giới trẻ có xu hướng sống ảo, tẻ nhạt với người xung quanh, ít giao lưu tiếp xúc. Đây là nguy hại rất lớn đối với xã hội, bởi tỷ lệ thanh thiếu niên trầm cảm, cô đơn và tự ti ngày một gia tăng. Theo thống kê của Vietnamnet, năm 2015, Việt Nam hiện có khoảng 200.000 trẻ mắc bệnh tự kỷ. Bà Nguyễn Tuyết Hạnh, Phó chủ tịch mạng lưới người tự kỷ Việt Nam (VAN) chia sẻ tại buổi Hội thảo khoa học *Truyền thông về chứng tự kỷ* cho biết: *Hiện nay trong 166 trẻ em thì có một trẻ mắc chứng tự kỷ. Đây là số lượng lớn và đang rất cần được quan tâm, can thiệp sớm.*¹ Trên báo Người Lao Động, bác sĩ Lê Quốc Nam - Trưởng phòng Chỉ đạo tuyến bệnh viện Sức khỏe & Tâm thần thành phố Hồ Chí Minh cũng thể hiện sự lo ngại về vấn đề *Rối loạn tâm lý có thể dẫn*

¹ <http://vietnamnet.vn/vn/doi-song/con-so-gay-soc-166-tre-em-co-1-tre-mac-chung-tu-ky-230063.html>



đến trăm cảm của học sinh Trung học tại thành phố Hồ Chí Minh đã lên đến trên 20%, một tỷ lệ rất đáng suy gẫm.²

Trước thực trạng tiêu cực này, tu sĩ cần góp sức gây dựng lại nền tảng đạo đức thông qua các khóa tu để giới trẻ cảm nhận được giá trị cuộc sống, nâng cao ý thức trách nhiệm, biết yêu thương giúp đỡ mọi người, sống hiếu thảo với ông bà cha mẹ, có định hướng vươn lên trong xã hội, mang tinh thần hội nhập với văn hóa hiện đại mà không lãng quên truyền thống cha ông.

Bởi vậy, xây dựng mô hình khóa tu năng động và đào tạo đội ngũ Ni giới trẻ với vai trò người hướng dẫn là cần thiết cho sự hoàng pháp lâu dài của Phật giáo, đồng thời cũng đóng góp thiết thực vào sự nghiệp giáo dục nguồn nhân lực tương lai cho đất nước.

2. Giải quyết vấn đề: Phương thức hoàng pháp năng động trên tinh thần nhập thế của Phật giáo

2.1. Điều kiện cần và đủ của người hướng dẫn khóa tu

Giá trị cuộc sống không đặt đơn thuần ở vật chất mà trên hết là tinh thần; ngoài truyền thống đạo đức gia đình, ý thức hệ xã hội, đời sống tâm linh ảnh hưởng rất lớn trong việc trưởng thành nhân cách đạo đức của giới trẻ. Cho nên, Ni giới trẻ có vai trò rất quan trọng trong việc hướng dẫn thanh thiếu niên tại các khóa tu, phát huy được tính năng động theo tinh thần hoàng dương chánh pháp:

Này Ananda, vị Đạo sư với lòng từ mẫn thuyết pháp cho các đệ tử, tìm cầu hạnh phúc cho họ, vì lòng từ mẫn nói rằng: “Đây là hạnh phúc cho các ông, đây là an lạc cho các ông”. Các đệ tử của vị ấy chịu nghe theo, chịu lắng tai, không chú tâm vào hướng khác, và không ngược lại đi xa lời dạy của bậc Đạo sư. Như vậy, này Ananda, là các đệ tử đối xử với bậc Đạo sư, với tâm thân hữu, không phải với tâm thù nghịch. Do vậy, này Ananda,

² <http://nld.com.vn/suc-khoe/dung-xem-thuong-roi-loan-tam-ly-tre-em-52818.htm>





hãy đối xử với ta, với tâm thân hữu, chớ với tâm thù nghịch và như vậy sẽ là hạnh phúc, là an lạc lâu dài cho các ông. [Kinh Trung Bộ 3: 314]

Người hướng dẫn với “tâm thân hữu” luôn chan hòa yêu thương của người mẹ, nghiêm túc kỷ cương của người cha, tận tâm chỉ dạy của người thầy, hòa đồng gần gũi của người bạn để vận dụng đúng người, đúng việc sẽ đem đến những kết quả khả quan trong và sau khóa tu.

Khóa tu thành công hay thất bại phần lớn phụ thuộc vào năng lực, đạo lực và tâm lực của đội ngũ nhân sự. Theo TS. Thích Viên Trí: *Hoằng pháp phải hội đủ hai yếu tố quan trọng: Nội dung hoằng pháp và con người hoằng pháp.* Về giảng sư: *Bởi lẽ, phẩm chất của các vị giảng sư trong lãnh vực hoằng pháp đóng một vai trò vô cùng quan trọng, vì ảnh hưởng của Phật giáo tích cực hay tiêu cực, mạnh mẽ hay yếu ớt, rộng lớn hay hạn chế luôn phụ thuộc vào đạo đức, trình độ kiến thức, đặc biệt là sức mạnh nội tâm của đội ngũ giảng sư.*³ Vì thế, giảng sư cần phải có tầm nhìn giáo dục, khả năng vận dụng và nội tâm tu tập.

Hòa thượng Thích Giác Toàn đã khái quát Phẩm chất của vị giảng sư, ngoài yếu tố sức khỏe tốt, thái độ hiền hòa, dáng vẻ uy nghi thì những phẩm chất cơ bản cần có là: Niềm tin Tam bảo; từ bi, nhẫn nhục và vô úy; kiến thức sư phạm, kỹ năng diễn giảng; trình độ văn hóa và biết ứng dụng một số phương tiện hiện đại phục vụ cho việc giảng pháp như sách vở, báo chí, truyền thanh, truyền hình, băng đĩa, phim ảnh... Như vậy, đối với vị giảng sư hoằng dương giáo nghĩa cần có đạo hạnh, được đào tạo chuyên môn và thực hành nhuần nhuyễn các kỹ năng trên.

Với vai trò hướng dẫn khóa tu, vừa là giảng sư, vừa là người điều hành sinh hoạt, chúng tôi tái sắp xếp các tiêu chí trên, đồng thời bổ sung thêm một số kỹ năng gồm:

³ TS. Thích Viên Trí, *Phẩm chất cần thiết của giảng sư trong thời hội nhập*, Hội thảo Hoằng pháp toàn quốc - Kiên Giang 2010. http://vinhnghiemvn.com/thuvien/tulieu/535612_cac_dieu_kien_can_va_du_cua_mot_giang_su.aspx



Điều kiện người hướng dẫn khóa tu:

1. Tác phong và tư cách chuẩn mực
2. Sức khỏe tốt
3. Ngôn ngữ linh hoạt, giọng nói biểu cảm và tự tin
4. Từ bi, nhẫn nhục
5. Am hiểu kiến thức cơ bản về Phật pháp lẫn thế pháp
6. Nắm chắc kiến thức về tâm lý của lứa tuổi thanh thiếu niên

Kỹ năng người hướng dẫn khóa tu cần có:

1. Ứng biến tình thế
2. Sinh hoạt cá nhân và nhóm
3. Quản lý điều hành hội chúng
4. Sử dụng các phương tiện kỹ thuật số
5. Quan sát, lắng nghe
6. Tổ chức, thiết kế, dẫn chương trình

Một vị Ni trẻ hướng dẫn khóa tu hội đủ những điều kiện, kỹ năng trên có thể cuốn hút thanh thiếu niên, đồng thời dùng thân giáo để các bạn trẻ học tập thông qua sự giản dị, nhiệt tình, gần gũi, *Vì hoằng pháp chắc chắn không phải là áp đặt một số giáo lý cho người nghe, mà nên cho họ những gì họ cần.*⁴ Chỉ có như vậy, giảng sư mới có thể hiểu được giới trẻ nghĩ gì, thích gì, cần gì, muốn gì, làm gì... để hướng dẫn đạt hiệu quả.

2.2. Xây dựng mô hình “Khóa tu” thích ứng với độ tuổi

Xây dựng khóa tu năng động không chỉ là sự hỗ trợ tích cực xã hội mà còn phát huy được lợi thế hoằng pháp quy nạp giới trẻ về

⁴ Hòa thượng Thích Trí Quảng, *Mô hình hoằng pháp tại nước nhà trong thời đại ngày nay*, Hội thảo Hoằng pháp toàn quốc - Bình Dương 11/03/2011. <http://giacngo.vn/phathoc/2011/03/30/576641/>





với đạo đức. Đức Phật gọi điều này là tùy theo căn cơ mà nói pháp: *Thế Tôn trong khi với Phật nhân nhìn quanh thế giới, thấy có hạng chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nhiều nhiễm bụi đời; có hạng lợi căn, độn căn; có hạng tánh thuận, tánh nghịch; có hạng dễ dạy, khó dạy; một số thấy sự nguy hiểm phải tái sanh thế giới khác, và sự nguy hiểm của các hành động lỗi lầm* [Kinh Tương Ưng 1: 304]. Vì thế, Phật giáo vào đời theo nhiều phương cách khác nhau, dùng phương tiện quyền xảo, tùy căn cơ chúng sanh mà hóa độ, tùy duyên hành đạo để hòa đạo với đời.

2.2.1. Phương diện tổ chức

Thông qua thực tiễn tổ chức khóa tu trên mười năm tại nhiều địa phương, chúng tôi thiết nghĩ mô hình khóa tu cần phải hội đủ các yếu tố sau:

- Về mặt hành chánh: Khóa tu sẽ được diễn ra từ 4-7 ngày. Trước hết, Trụ trì cần đề đạt về việc tổ chức khóa tu và được sự đồng ý của ban Trị sự Phật giáo trực thuộc và chính quyền sở tại. Đồng thời, thông tin đến các ban ngành liên quan về: Địa điểm, thời gian, số lượng, độ tuổi tham dự, nội dung khóa tu... nhằm có biện pháp và hình thức hỗ trợ an ninh, trật tự.

- Về mặt nhân sự: Ban Tổ chức chịu trách nhiệm về mặt tổng thể của khóa tu, điều hành và quan sát một cách bao quát. Các tiểu ban bao gồm những thành viên năng động, có trách nhiệm trong công việc, chịu trách nhiệm trực tiếp từng bộ phận của khóa tu.

2.2.2. Phương diện nội dung

Nội dung chương trình giảng dạy và sinh hoạt do tự viện đề ra, được sự nhất trí của ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp huyện tại địa phương. Vì ngành hoằng pháp chưa định hình được “giáo trình” hoằng pháp rõ ràng cho từng đối tượng, từng lứa tuổi. Hoạt động của Ban Hoằng pháp tại các tỉnh thành Phật giáo hiện nay có vẻ mang tính phong trào, đơn lẻ, mà chưa có tính chiến lược lâu dài, đặc biệt



là chưa có chương trình giảng dạy và hướng dẫn cụ thể dành cho đối tượng thanh thiếu niên.⁵

- **Về mặt chương trình:** Mỗi tự viện tổ chức phải soạn thảo chương trình sinh hoạt riêng cho khóa tu. Hiện nay, vẫn chưa có giáo trình cụ thể, nên chúng tôi dựa trên một số chương trình đã được tổ chức thành công ở một số tự viện, để đề ra mô hình khóa tu năng động với ba tiêu chí tu học - nghe pháp - vui chơi để thích ứng với độ tuổi.

Tu học: Các khóa lễ chính trong ngày nên sử dụng những bài kinh ngắn, dễ đọc, dễ nhớ, dễ hiểu, lời văn nhẹ nhàng như: Lời Cầu Nguyện Buổi Sáng, kinh Phước Đức, kinh Hạnh Phúc, kinh Vu Lan, kinh Báo Hiếu... Nghi lễ đơn giản nhưng tôn kính trang nghiêm, thời lượng mỗi khóa lễ khoảng 30-45 phút. Bên cạnh đó, tập cho giới trẻ ngồi theo dõi hơi thở (thiền), thiền hành, kinh hành để tĩnh tâm; hướng dẫn các oai nghi khóa tu cho thanh thiếu niên như: Chắp tay xá chào, cách lạy - quỳ - đi - đứng - nằm - ngồi, cung cách ăn uống chánh niệm, sinh hoạt cá nhân, tập thể, các hiệu lệnh tập trung, thức dậy, ngủ nghỉ... để tu sinh làm quen với nếp sống thiền môn quy củ. Mục đích tu học là hướng cho giới trẻ có tinh thần tự giác, nghe, học, thực hành để cảm nhận được giá trị an lạc trong nếp sống tri túc nơi cửa đạo.

Nghe pháp: Song song việc tu học là những buổi nghe pháp do các vị giảng sư đảm trách, việc chọn lựa giảng sư thích hợp với độ tuổi của khóa tu là vô cùng cần thiết. Các thời thuyết pháp phải đảm bảo hai điều kiện: Đúng thời lượng quy định (60 phút) và nội dung gần gũi, dễ hiểu sinh động nhưng phải chuyển tải được ý nghĩa của chủ đề khóa tu. Có thể pháp thoại qua hình thức giao lưu với các tu sinh, hoặc hiện đại hóa các bài giảng bằng cách trình

⁵ TS. Thích Viên Trí, *Phẩm chất cần thiết của giảng sư trong thời hội nhập*, Hội thảo Hoàng pháp toàn quốc - Kiên Giang 2010. http://vinhnghiemvn.com/thuvien/tulieu/535612_cac_dieu_kien_can_va_du_cua_mot_giang_su.aspx





chiếu trên màn ảnh. Giảng sư nên tìm hiểu thông tin về hội chúng, để có ứng xử thích hợp, kiến thức phổ thông, phù hợp độ tuổi, không nói quá dài, kể những câu chuyện thí dụ bằng ngôn ngữ thời đại với nội dung sâu sắc. Giảng sư nên có tầm nhìn bao quát, tạo điều kiện cho hội chúng tham gia vào nội dung thuyết giảng với tinh thần sôi nổi và không khí vui tươi, nhẹ nhàng. Mục đích là tạo hứng thú, cởi mở, để giới trẻ lắng nghe những điều bổ ích, gọi lại những đức tính tốt, trao đổi nhằm khơi mở những vấn đề còn vướng mắc trong lòng để định hướng cho cuộc sống mới.

Sinh hoạt tập thể: Trong các khóa tu, phần sinh hoạt tập thể rất quan trọng, sự đồng bộ của tập thể sẽ nói lên được cách thức tổ chức có phương pháp hay không. Người hướng dẫn vận dụng kỹ năng hoạt động nhóm để dẫn dắt những thành viên cùng nhau sinh hoạt chung, phát huy được tính cộng đồng, tôn trọng lẫn nhau, nhạy bén, tự tin, lắng nghe, được thể hiện mình... Thông qua hoạt động tập thể, tu sinh có thể xóa bỏ khoảng cách cá nhân để đồng tu, đồng học, đồng chơi, đồng sinh hoạt một cách nhất quán, trên tinh thần hòa hợp đoàn kết.

Sinh hoạt cá nhân: Mang theo những thói quen sinh hoạt thường nhật nơi gia đình, tu sinh bước vào môi trường mới, cách sinh hoạt cá nhân cũng trở nên khác biệt từ việc ngủ nghỉ, thức dậy cho đến giặt giũ quần áo, vật dụng cá nhân... đều phải kỷ cương, nề nếp, ngăn nắp, tuân thủ theo thời gian biểu. Ban Tổ chức cần quan tâm hướng dẫn cho khóa sinh quen dần với nếp sống tự lập tích cực.

Vui chơi: Khóa tu mùa hè được xem là một trong những hoạt động tích cực trong xu hướng nhập thế của Phật giáo, bởi hiệu quả thu hút giới trẻ cao vào tính năng động của mô hình. Nếu chúng ta có những sinh hoạt Phật giáo thích hợp với giới thanh niên trẻ trong xã hội, họ có thể đến với chúng ta, vì thấy những gì chúng ta dạy không khác lạ với cuộc đời, nhưng có phần vượt trội là giúp họ thêm bình tĩnh, thêm



sáng suốt, thêm nghị lực để phấn đấu, tồn tại tốt đẹp trong vòng quay tất bật, căng thẳng của nếp sống đô thị.⁶ Trên tinh thần hoằng pháp năng động, các khóa tu nên xây dựng sân chơi bổ ích, giúp cho giới trẻ khai triển khả năng bản thân, phát huy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình để các bạn trẻ có thể tự tin hơn trong cuộc sống.

Thiết kế các nhóm trò chơi cần có tính năng phong phú, đa dạng, phù hợp với giáo lý không những tăng tính thu hút mà còn mang ý nghĩa giáo dục:

- **Nhóm trò chơi mang tính trí tuệ, kiến thức:** Giúp cho người tham gia ôn lại những kiến thức căn bản; hình thành cách ứng biến nhạy bén thông minh, khả năng suy luận, phán đoán... Trò chơi nên thiết kế như các game show thực tế để tạo nên sự hấp dẫn, khơi dậy tính tìm tòi học hỏi. Ví dụ như: *Game show Hồi trống pháp, S-Buddhists, Rung chuông chùa...*

- **Nhóm trò chơi mang tính nghệ thuật, năng khiếu:** Thông qua trò chơi, chúng ta có thể khai thác những năng khiếu đang tiềm ẩn ở nhiều phương diện thiết kế, hội họa, lắp ráp, văn nghệ, thời trang... Với nội dung tích cực, mang tính nghệ thuật, thể hiện được nét đẹp hồn nhiên của tuổi trẻ, đồng thời giúp các bạn tự tin trước công chúng.

- **Nhóm trò chơi vận động:** Giúp cho các khóa sinh vận động tinh thần lẫn thể lực, rèn luyện tính kiên nhẫn, sự linh hoạt trong công việc. Bao gồm “vận động nhẹ” đòi hỏi người tham gia phải có sự nhạy bén, kiên nhẫn... Ví dụ: Trò chơi *Lựa đậu* đổi tên thành *Cô Tấm thiện môn*, trò chơi *Thối ly* đổi tên thành *Thối bay nghiệp chướng*. Và “vận động mạnh” cần dùng nhiều sức lực, tốc độ, kỹ

⁶ Hòa thượng Thích Trí Quảng, *Vài suy nghĩ về Hoằng pháp trong thời hiện đại*.
<http://www.chuahuenghiem.net/thu-vien/sach/nhung-bai-giang-ve-hoang-phap-va-tru-tri/vai-suy-nghi-ve-hoang-phap-trong-thoi-hien-dai/#title>





thuật như kéo co thành *cân tài cân sức* hay nhảy bao bố thành *tiến về bờ giác...*

- **Nhóm rèn luyện kỹ năng:** Gồm bảo vệ môi trường (nhóm được chia từng khu vực để thu gom rác thải làm sạch môi trường xung quanh), tự bảo vệ (học một số động tác võ thuật cơ bản để tự vệ, học cách sơ cứu, phòng cháy chữa cháy...), tư duy và thể hiện (viết nhật ký, lưu bút khóa tu), thiết kế chương trình (lễ Thắp nến tri ân, lễ hội Cổ Phật khát thực, lễ hội Phiên chợ quê hương)... Mỗi năm, ban Tổ chức phải luôn khuyến tấn. Khóa tu phải cập nhật đổi mới, đáp ứng tiêu chí đặc sắc về nội dung, ấn tượng về hình thức, đa dạng về thể loại nhằm mang lại hiệu quả thiết thực và cảm giác hỷ lạc cho khóa sinh, để họ cảm nhận trọn vẹn ý nghĩa của chương trình.

3. Nhận xét và kiến nghị: Mô hình và nhân sự năng động - ưu thế của ngành Hoàng pháp

Trong những năm qua, có cơ hội hướng dẫn một số khóa tu do Tự viện tổ chức hoặc do Ban Trị sự Phật giáo huyện tổ chức, chúng tôi nhận thấy, giới trẻ rất cần sự quan tâm, gần gũi và tấm lòng của Ban Tổ chức thể hiện đúng nơi, đúng lúc để nối kết giữa các khóa sinh với nhau, khóa sinh với nhóm, với các tình nguyện viên, với Ban Tổ chức. Những nối kết đó tùy thuộc vào người hướng dẫn khóa tu, ưu thế là Ni giới trẻ. Vì thế, tổ chức khóa tu đã khó, duy trì được càng khó hơn; người tổ chức phải cân nhắc, nỗ lực để khóa tu dành cho giới trẻ lưu lại những ấn tượng khó phai, và một lần tham dự sẽ là tiền đề cho những lần kế tiếp.

Thực tế, tham gia khóa tu, không phải bạn trẻ nào cũng tự nguyện, một số bạn do gia đình thuyết phục ham vui, có bạn đã tham gia khóa tu nhiều nơi, cũng có người lần đầu tiên được vào chùa. Mỗi bạn trẻ quen sống với bản năng đời thường, bước vào môi trường hoàn toàn mới, những “phản ứng phụ” như khép kín, tẻ nhạt, buồn, lẻ loi, nhớ nhà, chưa quen tham gia sinh hoạt tập thể.



Đây chính là thời điểm quan trọng nhất đối với các bạn trẻ, Ban Tổ chức nói chung, các tiểu ban trực tiếp quản lý gồm tình nguyện viên, tiểu ban quản tu sinh, tiểu ban kiểm soát, tiểu ban sinh hoạt - hoạt náo... phải kịp thời nắm bắt “tín hiệu” tạo nhịp cầu tương tác để các bạn trẻ trải lòng bước vào môi trường mới. Ranh giới ngại ngùng giữa các khóa sinh dần được xóa nhòa, sẻ chia thông qua các hoạt động tập thể, gắn kết với nhau trong những phút giây chia tay đầy nước mắt. Có như vậy, khi khóa tu khép lại, các bạn trẻ mới hiểu ra đã được và nhận rất nhiều từ khóa tu.

Hiện nay, có thể nói, Ni giới cả ba hệ phái: Bắc tông, Nam tông và Khất sĩ đều đang sở hữu nguồn nhân lực trẻ, năng động, sáng tạo và đầy nhiệt huyết. Đó gọi là “tiềm năng Ni giới”, chúng tôi muốn ám chỉ nguồn năng lực, phương pháp, tính hiệu quả và các giá trị đóng góp của Ni giới có thể đạt đến mức cao nhất mà một hành giả Tăng có thể đạt được, đang còn nằm trong dạng thức “chờ nhân duyên” khi điều kiện xã hội và cộng nghiệp của Tăng đoàn chưa cho phép thiết lập các phương pháp hay kế hoạch cụ thể nào có thể mở cửa cơ hội cho những người đồng hành khác phái của mình đóng góp vào công cuộc hoằng hóa Phật giáo [TS. Thích Nữ Huệ Liên: 551].

Trong thời đại hội nhập, Ni giới trẻ năng động cần tự khai thác tiềm năng sẵn có như lời Phật dạy: *Này các Tỷ-kheo, hãy sống tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa mình, không nương tựa một ai khác, lấy chánh pháp làm ngọn đèn, lấy chánh pháp làm nơi nương tựa, không nương tựa một gì khác* [Kinh Trường Bộ 2: 353]. Trên tinh thần “tự mình nương tựa mình”, một số chùa ni trong cả nước đã và đang tổ chức khóa tu mùa hè hàng năm cho giới trẻ. Khu vực miền Bắc có chùa Vẽ - Hoa Linh với trên 700 tu sinh cho mỗi khóa; miền Nam số lượng các cơ sở tổ chức khá lớn như Quan Âm tu viện - TP. HCM, ni viện Long Hoa - Long An, chùa Long Quang - TP. Cần Thơ, chùa Tam Bảo - Tiền Giang, tịnh xá Ngọc Lâm - thị trấn Long Hải, tịnh xá Ngọc Trước - Bến Tre, tịnh xá Viên Quang - Lâm Đồng, chùa Vạn Phước - Bà Rịa Vũng Tàu... Đặc biệt, ni viện





Viên Không do Sư cô Liễu Pháp trụ trì - Ni viện đầu tiên của hệ phái Nam tông tổ chức khóa tu mùa hè lần thứ 3 (năm 2017) cho giới trẻ trong bảy ngày, với khuôn viên rộng thoáng, các khóa sinh có không gian thực tập thiền, sống hòa với thiên nhiên, nghe pháp, học tiếng Anh và tham gia các trò chơi rèn luyện kỹ năng... Đây là bước tiến thời đại của Ni giới Phật giáo Nam tông, đã và đang từng bước song hành cùng Ni giới hệ phái Bắc tông, Khất sĩ góp phần phát triển Phật sự của Ni giới Việt Nam.

Sau những khóa tu, Ban Tổ chức nhận thấy có hiệu quả: Các bạn trẻ đã thay đổi bản thân mình, biết làm chủ những hành động của thân khẩu, mở rộng tình thương đến với các loài xung quanh. Đối với tập thể, họ biết hòa kính, tương trợ lẫn nhau; đối với gia đình, hứa hẹn họ sẽ là những người con hiếu thảo; đối với nhà trường, đó sẽ là những học trò chăm ngoan. Tuy còn khiêm tốn, nhưng đây vẫn là tín hiệu rất khả quan về một phương thức giáo dục giữa chủ thể (khóa sinh) với điều kiện của môi trường sống (chương trình khóa tu), và ngược lại.

Để duy trì và phát huy mạnh mẽ cho mô hình hoàng pháp năng động, Ni giới trẻ rất cần sự hỗ trợ từ quý Ngài trong Phân ban Ni giới Trung ương, các Phân ban Ni giới trực thuộc tỉnh, thành, huyện, thị bằng cách tổ chức các lớp đào tạo về những kỹ năng cho Ni giới trẻ nhằm học hỏi, trau dồi, phát huy với mô hình này. Ngày nay với sự phát triển của xã hội, tinh thần nhập thế của Phật giáo mở ra những nẻo đường hoàng pháp lợi sanh giúp Ni giới trẻ có cơ hội được cống hiến. Ngoài việc tu tập tự thân, Ni giới trẻ nếu như được đào tạo một cách chuyên nghiệp, rèn luyện thêm những tố chất bản lĩnh, tự tin, kỹ năng linh hoạt sẽ là những cánh tay nối dài, kế tục các bậc Danh ni trong vai trò hoàng pháp thời hiện đại. □



DIỄN VĂN BẾ MẠC LỄ TUỞNG NIỆM THÁNH TỔ KIỀU ĐÀM DI

Kính bạch Chư tôn Giáo phẩm

Kính bạch quý Ni trưởng

Kính thưa quý vị quan khách,

Lễ Tuởng niệm Thánh tổ Đại Ái Đạo và chư Ni trưởng tiền bối Phật giáo Việt Nam đã diễn ra trong hai ngày mừng 5-6 tháng Hai năm Mậu Tuất. Không khí trang nghiêm chân tình ấm cúng giữa chư Ni các tỉnh thành trên cả nước và chư Ni tỉnh Đồng Nai, đã tạo luồng sinh khí khích lệ những tâm hồn Ni giới vững vàng trên con đường đã chọn, tiến về khung trời cao rộng mà Di mẫu ngày xưa mở lối.

Lịch sử cuộc đời hơn 2.000 năm của vị Đại thánh Ni đã được ôn lại, trở về với đại chúng Ni trong hội trường này chỉ trong vài giờ hạn hẹp, nhưng âm hưởng sâu đậm, nét từ bi hoan hỷ của chư Tôn đức Ni chứng minh, niềm vinh dự được tổ chức cúng dường đại lễ, rộn rã cờ phướn trên những con đường dẫn đến Trụ sở tỉnh và chùa Bửu Phong, sẽ là niềm vui còn mãi trong lòng Ni giới tỉnh Đồng Nai.

Thành tựu này trước tiên nhờ uy lực Tam bảo, sự hướng dẫn chỉ đạo sâu sát của Chư tôn Giáo phẩm Hội đồng Trị sự Trung ương cùng Chư tôn Giáo phẩm Ban Trị sự tỉnh Đồng Nai, các Ngài quan tâm đến đại lễ quan trọng của chư Ni, như đức Phật luôn quan tâm đến sinh hoạt của các Tỳ-kheo-ni. Ni trưởng Trưởng Phân ban Ni giới Trung ương cũng khuyến tấn, tham dự





buổi họp phân công tác và động viên ni chúng với lời khoan từ nhẹ nhàng khiến bao nỗi lo âu dường như không còn.

Từ những nhân duyên này, chư Ni tỉnh Đồng Nai, trên hết là Ni trưởng Trưởng Phân ban, cùng toàn thể chư Ni trong tỉnh hết sức vui mừng nỗ lực thực hiện công tác, mỗi người mỗi việc, chị em bên nhau tạo sức mạnh đoàn kết, một luồng không khí mới, một tinh thần lạc hòa khơi dậy trong mỗi mỗi cá nhân, mỗi mỗi tự viện Ni trên toàn tỉnh.

Đại lễ thành tựu, nhờ sự hỗ trợ đồng thuận của chánh quyền và ban ngành các cấp, các vị lãnh đạo quan tâm đến sự an ninh hài hòa của cộng đồng, nét mỹ quan thành phố, cách thức đóng góp xây dựng xã hội của chư Ni tỉnh nhà. Các Phật tử hằng tâm hằng sản cũng chung tay làm phận sự hộ trì đắc lực. Rất nhiều lời động viên thăm hỏi của chư Ni các Phân ban tỉnh bạn khiến toàn thể ni chúng Đồng Nai nao nức từng nhiều tháng ngày để thực hiện lễ Tưởng niệm đi đến thành công.

Giờ này buổi lễ khép lại theo đúng tiến trình. Thay lời Ban Tổ chức, chúng con kính dâng lòng chí thành cảm trọng ân sâu đức Thánh tổ Đại Ái Đạo, nhờ cơ hội này Ni giới Việt Nam hội tụ đông đủ nói lên tiếng nói của mình. Chúng con kính nguyện Chư tôn Giáo phẩm Hội đồng Trị sự Trung ương, Chư tôn Giáo phẩm Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo tỉnh Đồng Nai tuế tăng tuổi thọ, mãi mãi trường tồn cùng lịch sử đất nước dân tộc. Chúng con kính chúc chư Tôn đức ni Phân ban Ni giới Trung ương và Phân ban Ni giới Đồng Nai đạo hạnh rạng ngời tuế nguyệt. Chúng tôi kính chúc chư vị khách quý các cấp lãnh đạo chánh quyền một năm nhiều thuận lợi, sự nghiệp viên mãn. Kính chúc quý Phật tử gần xa đạo tâm kiên cố, thường hộ trì Tam bảo, xây dựng nhân sinh xã hội ngày càng giàu đẹp.

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát.



MỤC LỤC

* THÁNH TỔ KIỀU ĐÀM

Lược sử Đức Tổ Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di	ĐD.QNT PBNG ĐN	14
Nhớ Thánh tổ Kiều-đàm	TKN. Hạnh Nguyên	20
Di mẫu	TKN. Hạnh Đoan	26
Tràng hoa của Di mẫu Đại Ái Đạo	TKN. Hạnh Huệ	33
Những người con gái của Kiều-đàm-di mẫu	TKN. Linh Viên	37

* TƯỚNG NIỆM CHƯ NI TRƯỞNG TIỀN BỐI

Bảo Thắng - Chiếc nôi của Ni giới Quảng Đà	Như Tịnh	46
Cúng dường cao thượng	TKN. Xuân Liên	50
Công hạnh và đạo nghiệp Ni trưởng Siêu Liên	TX. Ngọc Long	58
Tưởng niệm cố Ni trưởng Long Nhiễu	TKN. Hạnh Chiếu	61

* NI GIỚI ĐỒNG NAI

Đồng Nai và Ni giới	TKN. Như Đức	66
Giới thiệu sơ lược các ngôi chùa ở Đồng Nai	Trí Đức Ni	81
Ni giới - Sự gắn liền với cơ sở ni trường		
TCPH Đồng Nai xưa và nay	TKN. Trung Mẫn	102
Gương sáng ni giới Đồng Nai	TKN. Hằng Liên	115
Đôi nét về Linh Chiếu	Cựu ni chúng Linh Chiếu	122
Ni giới Đồng Nai tiếp nối và phát triển	TKN. Như Dung	124
Văn thơ và người nữ tu sĩ	Phan Gia	134
Tuệ Tĩnh Đường Linh Chiếu	TKN. Như Tịnh	139
Gương sáng hoàng y	TKN. Nhu Liên	146
Nữ giới tiên phong bảo vệ môi trường,		
câu chuyện trồng cây gây rừng	TKN. Như Nguyệt	156
Tỏa ngát hương sen	TKN. Kim Sơn	165





*** THAM LUẬN**

Phật giáo trong dòng chảy dân tộc	<i>TS. Bùi Hữu Dược</i>	172
Ni giới Bạc Liêu ổn định, phát triển và đồng hành cùng dân tộc qua các thời kỳ Giáo hội	<i>TKN. Diệu Nghĩa</i>	180
Sự đóng góp của Ni giới PGVN trong mạch sống dân tộc	<i>TKN. Pháp Như</i>	188
PBNGPG Cần Thơ vận động và tuyên truyền đến chư ni, Phật tử về tầm quan trọng biến đổi khí hậu	<i>PBNG Cần Thơ</i>	194
Theo dấu tiền nhân	<i>TKN. Hạnh Chiếu</i>	201
Ni giới Việt Nam trong mạch sống dân tộc	<i>PBNG Trà Vinh</i>	206
Vở cải lương NS Hương Tràng	<i>Hữu Tâm</i>	215
Ni giới với tấm lòng từ bi bao la của những vị thầy	<i>TKN. Diệu Châu</i>	219
Phật giáo xưa và nay	<i>TKN. Huệ Bảo</i>	227
Ni trưởng Huệ Hương - Người tiên phong nhận cờ luân lưu đăng cai tổ chức hội nghị Sakyadhita tại Việt Nam	<i>Thanh Quý</i>	231
Vài nét hình thành Ni giới xưa và nay	<i>TKN. Đồng Nghĩa</i>	238
Giáo dục của Ni giới Phật giáo	<i>TKN. Huệ Hạnh Đức</i>	242
Ni giới Phật giáo Việt nam trong mạch sống của dân tộc	<i>TKN. Hạnh Giải</i>	246
Nữ giới qua lăng kính người xưa	<i>TKN. Như Như</i>	251
Hoằng pháp lợi sanh là bốn phận của hàng con Phật...	<i>PBNG Đồng Tháp</i>	256
Ni giới trẻ với mô hình hoằng pháp năng động	<i>TKN. Viên Giác</i>	261

trang Lưu chiều

